

Giải Nghĩa Sách

TIN-LÀNH GIẢNG

Nguyên-tác của
CHARLES R. ERDMAN

AN EXPOSITION

THE GOSPEL OF JOHN

Giải Nghĩa Sách

TIN-LÀNH GIẢNG

Nguyên-tác của
CHARLES R. ERDMAN

AN EXPOSITION
THE GOSPEL OF JOHN

THE WESTMINSTER PRESS
PHILADELPHIA

An Exposition The Gospel of John

Vietnamese Edition

Copyright 2015 Voice Media

info@VM1.global

Web home: www.VM1.global

All rights reserved. No part of the publication may be reproduced, distributed or transmitted in any form or by any means, including photocopying, recording, or other electronic, or mechanical methods, without the prior written permission of the publisher, except in the case of brief quotations embodied in critical reviews and certain other noncommercial uses permitted by copyright law. For permission requests, email the publisher, addressed “Attention: Permission Coordinator,” at the address above.

This publication **may not be sold, and is for free distribution** only.

Lời giới-thiệu

SÁCH Tin-lành thứ tư là một quyển sách quen-thuộc và khả-ái nhất trong Kinh-thánh. Có lẽ đó là tài-liệu quan-trọng nhất trong sách-sử thơ-giới. Nó đã dẫn-dắt nhiều người đến cùng Đấng Christ, đã thúc-dẩy nhiều kẻ tin đến chỗ phục-vụ trung-thành, đủ để lại cho các học-giả nhiều nan-đề hơn bất-cứ quyển sách nào mà ta có thể kể tên.

Đặc-tính của quyển sách này có thể nêu lên bằng tinh-từ «hùng-vĩ», vì hùng-vĩ gồm có hai yếu-tố: đơn-giản và cao-sâu. Đại-dương hùng-vĩ vì bề mặt bao-la và bề sâu không lường được, trời xanh hùng-vĩ vì các tầng cao không giới-hạn. Quyển sách nhỏ này cũng vậy, chuyện tích của nó đơn-giản đến nỗi trẻ con cũng ưa-thích, nhưng nội-dung của nó lại sâu-nhiệm đến không nhà triết-học nào có thể hiểu-thấu hết.

Tác-giả là Giăng, điều này không có gì để nghi-vấn. Giăng là một trong những môn-đồ đầu-tiên của Đấng Christ, thuộc giới thân-cận hơn với Chúa trong các sứ-đồ, là người đứng tại Thập-tự-giá, lãnh mẹ Chúa chúng ta về nhà phụng-dưỡng, là người đầu-tiên tin Chúa sống lại, là người còn lại sau cùng, trông-đợi Thầy trở lại. Ông không hề nhắc tên ông trong câu chuyện, nhưng dùng danh-hiệu «môn-đồ được Chúa yêu», cho thấy tình

yêu của Đấng Christ đã cảm-kích và biến-hóa ông là đường nào. Một người như vậy hẳn đã được chuẩn-bị đầy-dủ để viết về bản-tính và đời sống của Đấng Christ. Trải qua nhiều thế-kỷ, biểu-hiệu của Phước-âm này là « phượng-hoàng », loài chim mà theo người ta nói, có thể bay vút lên cao hơn hết và nhìn vào ánh sáng chói-chang của mặt trời mà không hề chớp mắt.

Chủ-đích của tác-giả được trình-bày trong mười tám câu mở đầu, thường được gọi là Tự-ngôn, và xác-định trong câu kết của đoạn hai mươi « để cho các người tin rằng Đức Chúa Jê-sus là Đấng Christ tức là Con Đức Chúa Trời, và để khi các người tin thì nhờ Danh Ngài mà được sự sống. » Như vậy, ông muốn minh-chứng rằng Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si đến để làm ứng-nghiệm các lời tiên-tri và tiêu-biểu trong Cựu-trước, lại cũng minh-chứng rằng Ngài là một Linh-Vị, và trong ý-nghĩa đặc-biệt ấy, Ngài là Con Đức Chúa Trời. Tuy-nhiên mục-đích tối-hậu là khơi dậy trong độc-giả của ông niềm tin trong Đấng Christ để đem lại sự sống đời đời mà chỉ Đấng Christ mới có thể ban. Để đạt được mục-đích ấy, Giăng đã dự-bị một số nhân-chứng, gồm những thành-phần khác nhau, trong đó có lời chứng của Đức Chúa Cha, Đức Thánh-Linh, của Kinh-thánh, của Giăng Báp-tít, các môn-đồ, và của nhiều cá-nhân đủ hạng như Ni-cô-đem, người đàn-bà Sa-ma-ri, Phi-lát, Cai-phe, nhưng trên hết, Giăng dựa vào lời chứng của ngôn-ngữ và hành-động của Chúa Jê-sus. Nếu Ngài chẳng phải là « Đấng Christ, Con của Đức Chúa Trời, » thì những lời tuyên-bố của Ngài chỉ là tuyên-bố của một tên lừa-đạo; nếu Ngài không thật sự làm phép lạ mà chỉ giả-dò, thì Ngài chỉ là gã bịp-bợm. Giăng cần-thận lựa-chọn chỉ bày hay tám phép lạ trong số ấy, và xem chúng như những « dấu » mà Giăng bảo là « đã chép ra để cho

các người tin.»

Cách Giảng trình-bày bằng-chứng của mình không phải lời suy-diễn luận-lý hay biện-luận triết-học; đúng hơn là ông trình-bày một tấn-kịch. Cuộc đời của Chúa Jê-sus, nội-dung của Phước-âm của ông, được viết ra với tính-cách gay-cấn say-sưa của một vở kịch, nhưng mỗi lần có một diễn-viên bước vào sân-khấu, là có thêm một lời chứng nhìn-nhận rằng Chúa Jê-sus là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời; mỗi lần viển ra một chứng-tá và mỗi lần Đấng Christ tuyên-bố lời nào hay làm thêm phép lạ nào, chúng ta thấy đức-tin của những kẻ theo Ngài lại tăng-trưởng và lòng ghen-ghét của kẻ thù lại càng thêm sâu-dậm.

Vở kịch này có hai hồi. Hồi thứ nhất kết-thực ở đoạn mười hai. Chúa đã làm xong phép lạ lớn cuối-cùng, đã gọi La-xa-rô sống dậy từ trong kẻ chết, bây giờ những kẻ cầm quyền âm-muru giết Chúa Jê-sus. Nhưng Ma-ri vẫn còn đỡ trên chân Chúa tặng-phẩm vô-giá của nàng, đoàn dân vẫn còn hoan-hô Ngài bằng tiếng Hô-sa-na, cả đến người Hi-Lạp cũng đương muốn tin gặp Ngài. Trong phần thứ hai, Đấng Christ lui khỏi thế-gian, mặc-khải chính mình cho các môn-đồ trước hết bằng một cử-chỉ tự-hạ, tiếp theo là những lời an-ủi, khuyến-khích, rồi đến một lời cầu-nguyện mà phó Con Đức Chúa Trời, không một ai có thể cầu-nguyện được như vậy; trên hết là sự chiến-thắng đau-dớn, sự đau-khổ và sự chết Ngài. Đến cuối-cùng khi ông Thô-ma hồ-nghi đứng trước Christ phục-sinh kêu lên: «Lạy Chúa tôi và Đức Chúa Trời tôi,» thì cuộc chứng-minh đã đầy-dủ; các độc-giả không còn lý-do gì để không tin rằng Jê-sus là Đấng Christ Con Đức Chúa Trời.

Dẫu vậy, chủ-đích của Giảng thực-tế vô-cùng; chẳng

những ông muốn truyền-dẫn đức-tin mà còn muốn chứng-tỏ sự sống do đức-tin đem lại. Đó là ý-nghĩa của những phép lạ ông kể; đó quả thật là những « dấu lạ » của quyền-năng thiên-thượng, nhưng cũng là biểu-hiệu của quyền-năng sự sống do Đấng Christ truyền phát. Phép lạ thứ nhất làm giữa một tiệc cưới tại nhà, cho ta thấy sự vui-vẻ trong cuộc sống Co-dốc-nhân và quyền-năng biến-hóa của Đấng Christ. Phép lạ thứ hai chứng-tỏ Đấng Christ có thể giải-thoát chúng ta khỏi sự sợ-hãi, lo-âu, trong khi Ngài phục-hồi hy-vọng và bình-an cho tấm lòng của người làm cha mẹ. Rồi Ngài chữa lành kẻ què, chỉ tỏ rằng Ngài có thể ban quyền-năng cho kẻ yếu-đuối, Ngài hóa bánh cho năm ngàn người ăn để tự tỏ mình là Đấng ăn thật của linh-hồn. Ngài dẹp yên bão-tổ, để cho con người biết Ngài có thể ở với họ trong phút khải-trương, trong những nơi nguy-hiêm. Ngài mở mắt cho kẻ mù từ thuở sơ-sinh để dạy ta rằng chỉ một mình Ngài có thể cất đi « sự mù-tối của linh-hồn ta. » Ngài gọi La-xa-ro sống dậy để chúng ta hiểu lời Ngài tuyên-bố « ta là sự sống lại và sự sống. » Ngài đã sống lại cách khải-hoàn thoát khỏi sự chết và mộ phần, và chúng ta không còn nghi-ngờ gì về thực-sự rằng Ngài là Đấng đến từ trời, nhưng là lên với niềm sùng-thượng « Lạy Chúa tôi và Đức Chúa Trời tôi. »

Đến đây, Giảng chỉ còn việc viết một thiên kết-luận tức là đoạn cuối-cùng của Phước-âm người. Trong đoạn này ta thấy Chúa thiên-thượng cũng là Chúa vô-hình, luôn hiện-diện, dẫn-dắt, bảo-bọc, và ta càng thấy rằng đức-tin sẽ kết-quả trong cuộc sống phục-vụ, yêu-thương và nhẫn-nhục chịu-đựng trong khi ta chờ-đợi Chúa lại hiện ra trong vinh-hiền.

B. 060

I

TỰ-TRUYỆN. Giảng 1:1-18

II

CUỘC MẶC-KHẢI CHO THẾ-GIỚI, SỰ NÀY-NỜ CỦA ĐỨC-TIN VÀ VÔ-TÍN. 1:19 đến 12:10

A. Công-cuộc chuẩn-bị

1:19 đến 2:11

1. Nhà tiên-phong làm chứng. 1:19-34
2. Những tín-đồ đầu tiên làm chứng. 1:35-51
3. Phép lạ đầu-tiên làm chứng. 2:1-11

B. Chức-vụ công-khai

2:12 đến 12:50

1. Chức-vụ mở màn. 2:12 đến 4:54
 - a. Làm chứng tại Giê-ru-sa-lê-m. 2:12-3:21
 - b. Làm chứng tại Giu-đê. 3:22-36
 - c. Làm chứng tại Sa-ma-ri. 4:1-42
 - d. Làm chứng tại Ga-li-lê. 4:43-54
2. Sự phát-huy đầy-đủ hơn. 5-11
 - a. «Dấu lạ» trong ngày Sa-bát; và

khởi-dầu sự xung-đột. 5-8

b. «Dấu lạ» thứ sáu; chính-thức xung-
khắc với các lãnh-tụ tôn-giáo. 9, 10

c. «Dấu lạ» tối-cao, âm-mưu của
những kẻ cầm quyền. 11

3. Chức-vụ kết-thúc. 12

a. Cách biểu-lộ đức-tin. 12:1-36.

b. Lên án sự vô-tín. 12:37-50

III

CUỘC MẶC-KHẢI CHO CÁC MÔN-ĐỒ, CỤC-ĐIỂM CỦA ĐỨC-TIN VÀ VÔ-TÍN. 13-20

A. Giáo-huấn riêng

13-17

1. Chức-vụ của tình yêu. 13:

2. Những lời phân-khích. 14: — 16:

3. Lời cầu thay của Chúa Jêsus. 17: 1-26

B. Chứng-cớ tối-cao

18: - 20:

1. Phán-bội và xét-xử. 18:1 đến 19:16

2. Thập-hình. 19: 17-42

3. Phục-sinh. 20: 1-31

IV

KẾT-LUẬN. HIỆN-DIỆN VÀ «DẤU LẠ» TIÊU-BIỂU 21:

I. TỰ TRUYỆN

Giăng 1:1-18

Chúng ta sẽ xem Đức Chúa Jê-sus-Christ là ai? Nền ngưỡng-mộ Ngài như một người toàn-thiện nhất, hay cũng phải tin-cậy thờ-phượng Ngài như là Đức Chúa Trời? Ngài có phải là Vị Tiên-tri lớn nhất hay cũng là Đấng Mê-si, Đấng giải-cứu thế-gian nữa?

Như vậy cách ta quan-niệm Chúa thế nào là cả một vấn-đề trọng-đại. Phải chăng thái-độ chúng ta đối với Ngài trực-nghiệm cá-tính chúng ta và lòng tin nơi Ngài ảnh-hưởng đến sự sống và quyết-định vận-mệnh của ta?

Lại nữa, ta đã có đủ bằng-cớ để làm căn-cứ cho lòng tin của ta và đủ chứng-ly để bảo-đảm cho sự nhờ-cậy của ta chưa?

Phước-âm của Giăng lúc nào cũng quan-tâm đến các vấn-đề lớn đó, và tìm thấy giải-đáp của chúng trong mười tám câu đầu. Mười tám câu này hiệp thành một lời tựa, hay lời giới-thiệu mà người ta thường gọi là tự-truyện.

Ở đây xác nhận rằng Chúa Jê-sus-Christ là Đức Chúa Trời tự-hữu, là Đấng Tạo-hóa dựng nên muôn vật. Đoạn này cũng cho biết rằng đức-tin trong Ngài đem lại một sự biến-đổi tâm-tánh, điều này được mô-tả bằng từ-ngữ «sinh bởi Đức Chúa Trời.» Lại cũng tỏ rằng đức-tin ấy căn-cứ trên lời chứng của những người thân-thiết với Ngài bởi Ngài còn ở trong nhục-thể, họ nói những lời chứng ấy bằng kinh-nghiệm bản-thân.

Như vậy phần tự-truyện trình-bày tất cả những tư-tưởng thiết-yếu trong Phước-âm, vì nó đề-cập đến lời chứng về phẩm-vị Đấng Christ, về cách biểu-lộ đức-tin và vô-tin, sự sống, xuất-phát từ đức-tín. Giăng 20:30, 31.

Người ta phân-tích những câu trên này theo nhiều phương-thức khác nhau. Đề được tiện-lợi, ta chia chúng ra làm ba phần ngắn, và nên đề ý rằng đầu tất cả đã chứa-đựng những tư-tưởng trong Phước-âm, mỗi phần vẫn có nhấn mạnh một lẽ thật riêng-biệt. Ta có thể phân-bố như sau :

Câu 1-5, Christ, Đấng mặc-khải Đức Chúa Trời.

Câu 6-13, đáp-ứng của vô-tin và đức-tin.

Câu 14-18, Kinh-nghiệm của kẻ tin.

Trong cả ba khúc trên, diễn-biến tư-tưởng vẫn nằm nguyên trên một địa-hạt, nhưng nó tiến từ một thời-gian xa-xôi đến lúc gần-gũi, từ chỗ bao-quát đến chỗ độc-đáo, từ chỗ trừu-tượng đến chỗ cụ-thể và cá-biệt ; nhưng lúc nào cũng nói về Đấng Christ và nó tiến đến tuyệt-điểm ở câu cuối-cùng liên-quan đến vị-phàm và chức-vụ thiên-thượng của Ngài.

« 1 Ban đầu có Ngôi-Lời, Ngôi-Lời ở cùng Đức Chúa Trời, và Ngôi-Lời là Đức Chúa Trời. 2 Ban đầu Ngài ở cùng Đức Chúa Trời. 3 Muốn-vật bởi Ngài làm nên, chẳng vật chi đã làm nên mà không bởi Ngài. 4 Trong Ngài có sự sống, sự sống là sự sáng của loài người. 5 Sự sáng soi trong tối-tăm, tối-tăm chẳng hề nhận lấy sự sáng. »

Câu 1 - 5. Khó có thể tưởng-tượng được một câu sâu-nhiệm hơn về Vị-phàm của Đấng Christ. Câu này nêu ra tương-quan giữa Ngài với Đức Chúa Trời và với thế-gian, đặc biệt một điều, nó tỏ Ngài hiện-thân của Đức Chúa Trời. Những câu này không có giới-hạn thời-gian và không-gian, không hạn-chế trong sinh-hoạt của Đấng Christ thời tiền-hóa-thân. Ngài luôn khải-thị Đức Chúa Trời cả trong cõi thọ-tạo và trong lương-trí con người, nhưng loài người lúc nào cũng chậm hiểu Ngài, không muốn tiếp-nhận Ngài.

Ở đây Ngài được giới-thiệu là « Ngôi-Lời », một từ-ngữ có thể hiểu là « lý » tức là lý-trí trong đầu óc

hay lý-lẽ trong lời nói. Cả hai nghĩa ấy đều đúng với Đấng Christ «Ngôi-Lời» của Đức Chúa Trời. Ngài là một với thực-tại và tâm-thức của Đức Chúa Trời, Ngài cũng là biểu-hiệu của thông-tuệ, ý-chí và quyền-năng của Đức Chúa Trời. Phạm-vị của Ngài là phạm-vị của Đức Chúa Trời, phận-sự của Ngài là mặc-khải của Đức Chúa Trời. Như vậy, hai câu đầu đã tuyên-bố rằng Ngài đã hiện-hữu từ «ban đầu», đã có một tương-quan cá-nhân với Đức Chúa Trời, rằng bản-thể Ngài là một với bản-thể Đức Chúa Trời. Thế là chỉ trong một câu mà tính-cách vĩnh-cửu của Ngài, vị-cách và thần-tính của Ngài đã được minh-xác.

Câu thứ ba và thứ tư mô-tả Ngài mặc-khải Đức Chúa Trời bằng cuộc tạo-hóa thế-gian và làm nguồn sống cho mọi loài. Đối với loài người là loài có cuộc sống lý-trí và đạo-đức, Ngài cũng là «sự sống», hay là nguồn của mọi chân-lý.

Câu thứ năm tuyên-bố rằng mặc dầu Ánh sáng thiên-thượng của chân-lý vẫn luôn luôn chiếu sáng trong lý-trí lương-tâm và phạm-vị của Đấng Christ, nó đã từng bị che mờ vì trong bóng tối đạo-đức tâm-linh thế-gian. Loài người không bao giờ hiểu biết Đấng Christ, cũng không muốn đầu-phục Ngài. Như vậy đoạn mở đầu này đã giới-thiệu ngay tấn bi-kịch của Phước-âm. Nhưng khi ghi-chép lại sự chối-bỏ Đấng Christ, Phước-âm cũng không quên những người đã tiếp-nhận Ngài và tìm thấy Ngài sự sống và sự sống thật. Nội-dung của khúc sau là trình-bày cả hai phương-diện đức-tin và vô-tin đó.

«⁶ Có một người Đức Chúa Trời sai đến, tên là Giăng. ⁷ Người đến để làm chứng, là làm chứng về sự sáng, hầu cho bởi người ai nấy đều tin. ⁸ Chính người chẳng phải là sự sáng, song người phải làm chứng về sự sáng. ⁹ Sự sáng này là sự sáng thật, khi đến thế-gian soi-sáng mọi người. ¹⁰ Ngôi-Lời ở thế-gian, và thế-gian đã làm nên bởi Ngài; nhưng thế-gian chẳng từng nhìn biết Ngài. ¹¹ Ngài đã đến trong xứ mình, song dân mình chẳng hề nhận lấy. ¹² Nhưng hề ai đã

nhận Ngài, thì Ngài ban cho quyền-phép trở nên con cái Đức Chúa Trời, là ban cho những kẻ tin danh Ngài, ¹³ là kẻ chẳng phải sanh bởi khí-huyết, hoặc bởi tình-dục, hoặc bởi ý người, nhưng sanh bởi Đức Chúa Trời vậy.»

Câu 6-13. Khi tác-giả tiếp-tục nói về sự-kiện lịch-sử thế-gian không chịu tiếp-nhận Đấng Christ, trước hết ông nhắc đến chức-vụ của Giảng Báp-tít. Sự-diệp của Giảng Báp-tít thật là mạnh-mẽ đến nỗi ta không thể nào nghĩ là người ta lại có thể từ-chối không đến với Đấng Christ; lời chứng của ông chân-thật và khéo-léo đến nỗi nếu loài người không đến cùng Đấng Christ thì quả họ hư-hỏng và khốn-nạn biết bao...

Giảng được gọi là « một người. » Những câu nói về thần-linh của Đấng Christ trên kia bằng nỗi bật lên vì hình-ảnh tương-phản. Dầu người cũng được « Đức Chúa Trời sai đến », người không phải là Đức Chúa Trời. Người cũng chẳng phải là « sự sáng », nhưng người là một « nhân-chứng » vĩ-đại, và với một dáng-diệu hùng-hồn, câu bày và tám đã giới-thiệu một đặc-điểm của Phước-âm mà ta phải luôn ghi nhớ. Phước-âm này ghi lại những lời chứng đề tỏ rằng đức-tin là sự tin-tưởng căn-cứ trên bằng-cớ xác-thực.

Ấy là lời chứng về Đấng Christ, là Đấng mà câu 9 nói khi Ngài « đến thế-gian » Ngài trở thành « sự sáng thật » cho mọi người nhận Ngài.

Câu ấy không có ý đồng-hóa Đấng Christ với lương-tâm phổ-thông, cũng không có nghĩa rằng trong mọi người đều có ánh sáng đạo-đức, dầu điều đó có thể rất đúng. Câu « đến thế-gian » chỉ về Đấng Christ chứ không phải « mọi người », Ngài là « sự sáng thật » cho mọi kẻ nhận Ngài, nhưng thế-gian nói chung: Vì mù-quáng xấu-xa quá không thể đến tiếp Ngài, như câu 10 xác-nhận. Câu tiếp theo cho ta biết rằng khi Ngài đến trong xứ và dân-tộc đặc-biệt sửa - soạn cho Ngài thì Ngài không được tiếp-nhận.

Câu « Ngài đến trong xứ mình » nói về tương-quan

giữa Đấng Christ và dân Do-thái, có mang sắc-thái của Phước-âm Giảng. Ở đây ông minh-xác rằng Đấng Christ là Đấng Mê-si của dân Do-thái và một trong những mục-dịch lớn của Phước-âm ông củng-cố sự-kiện ấy.

«Ngài đã đến trong xứ mình, song dân mình chẳng hề nhận lấy.» Tuy vậy, vẫn có những kẻ sẵn - sàng nhận Ngài. Phước-âm này không phải chỉ là tấn bi-kịch của vô-tin, nó cũng là tấn hoạt-kịch của sự phò-bày đức-tin. Bây giờ tác-giả cho ta thấy đặc-điểm khác của Phước-âm ông là chứng-tố đức-tin sẽ đem lại sự sống. Đây là sự sống thật của «con-cái Đức Chúa Trời.» «Hễ ai đã nhận Ngài thì Ngài ban cho quyền-phép (hoặc đặc-quyền) để trở nên con-cái Đức Chúa Trời.» Từ-ngữ «con-cái» Giảng dùng ở đây khác với từ-ngữ «con-cái» mà Phao-lô thường dùng. Cả hai đều chỉ về tất cả Cơ-đốc-đồ, nhưng chữ sau chỉ về địa-vị, quyền-lợi về phương-diện luật-pháp của người con nuôi; chữ trước chỉ sự giống nhau, bản-tính sự sống do sự sinh-để đem lại. Cuộc «tâm-sinh» của kẻ tin «chẳng phải là bởi khí-huyết» nghĩa là bởi di-truyền hay thừa-kế, «hoặc bởi tình-dục» nghĩa là bởi bản-năng tự-nhiên, «hoặc bởi ý người» nghĩa là bởi ý-chí thường-nhân «nhưng bởi Đức Chúa Trời», nghĩa là bởi quyền-phép Đức Chúa Trời thực-thi trực-tiếp và siêu-nhiên. Như vậy, ta không thể căn-cứ vào di-truyền, vào hoàn-cảnh chung-quanh, vào nghị-lực cá-nhân mà giải-thích cuộc sống của một tin-đồ thật; cuộc sống ấy do thần-linh của Đức Chúa Trời ban cho.

«¹⁴Ngôi-Lời đã trở nên xác-thịt, ở giữa chúng ta, đầy ơn và lễ thật; chúng ta đã ngắm xem sự vinh-hiến của Ngài, thật như vinh-hiến của Con một đến từ nơi Cha. ¹⁵Giảng làm chứng về Ngài khi kêu lên rằng: Ấy là về Ngài mà ta đã nói; Đấng đến sau ta trỗi hơn ta, vì Ngài vốn trước ta. ¹⁶Vả, bởi sự đầy-dẫy của Ngài mà chúng ta đều có nhận được, và ơn càng thêm ơn. ¹⁷Vì luật-pháp đã ban cho bởi Mòi-se, còn ơn và lễ thật bởi Đức Chúa Jê-sus-Christ mà đến, ¹⁸Chẳng hề ai thấy Đức Chúa Trời; chỉ Con

một ở trong lòng Cha, là Đấng đã giải-bày Cha cho chúng ta biết.»

Câu 14-18. Bây giờ Giăng cho biết rằng «Ngôi-Lời» xuất-hiện, «sự sáng thật» chiếu rọi ra, Đấng Christ «đến thế-gian» bằng phương-pháp hóa-thân: «Ngôi-Lời đã trở nên xác-thịt.» Từ-ngữ «xác-thịt» dùng để chỉ bản-chất nhân-loại, nhưng không có nghĩa là bản-chất tội-lỗi như Phao-lô thường viết. Khi «Ngôi-Lời trở nên xác-thịt», Ngài không rời bỏ bản-thể cố-hữu của Ngài, nhưng Ngài thêm một kinh-nghiệm mới là mang bản-chất nhân-loại. Ngài trở thành Người-Trời, «vừa là Đức Chúa Trời hoàn-toàn, vừa là người hoàn-toàn.» một thực-hữu tuyệt-đối độc-nhất. Từ đời xưa, Đức Chúa Trời ngự trong đền-tạm giữa vòng dân Y-so-ra-ên, bởi vậy chúng ta thấy Ngài «ở (đóng trại) giữa chúng ta» trong phạm-vị Đấng Christ. «Chúng ta đã ngắm xem sự vinh-hiền của Ngài thật như vinh-hiền của Con Một đến từ nơi Cha, đầy ơn và lẽ-thật» nghĩa là vinh-hiền Ngài là sự tỏa chiếu của hào-quang thuộc-linh, của tình yêu và sự thánh-khiết thiên-thượng; nhưng Ngài là «Con Một», hoàn-toàn khác với những kẻ nhờ đư-ơ-tin trong Ngài mà được gọi là «con-cái của Đức Chúa Trời.» Trong mệnh-đề cuối-cùng của phần tự-truyện, từ-ngữ «Con Một» được lặp lại lần nữa và theo bản-văn Hy-lạp tốt nhất, chữ ấy dường như có nghĩa là «Đức Chúa Trời độc-sinh.»

Đó là quan-niệm của tác-giả về Phạm-vị của Đấng Christ, trong đoạn cuối của lời giới-thiệu, ông đưa ra mấy nhân-cảnh họ chân-lý ấy; thứ nhất là Giăng Báp-tít, rồi đến Giăng Nhà Phước-âm lên tiếng, nhân danh các bạn môn-đồ và tất cả những kẻ tin Đấng Christ. Câu 15, 16.

Rồi theo tôn-chỉ tối cao của Phước-âm minh, Giăng chứng-tỏ đư-ơ-tin đã ban phát sự sống cách nào. Những kẻ tin được cung-ứng mọi nhu-cầu thuộc-linh và nhận hết ơn này đến ơn khác từ «sự đầy-dẫy» không hề hao-hụt của Đấng Christ, sự đầy-dẫy này càng nổi bật nếu đối-chiếu với công-cuộc khải-thị của Môi-se. Ông nầy ban luật-pháp, nhưng không ban quyền-năng để vâng-giữ, ông đưa ra

cái bóng còn hình thi ở trong Đấng Christ.

Phần tự-truyện lên đến tột điểm khi ghi lại danh-hiệu « Jésus-Christ » lần đầu-tiến, rồi xác-định vị-cách của Ngài là « Con Một từ nơi Cha », Đấng công-bố, mặc-khải, diễn-giải Đức Chúa Trời vô-hình.

Đó là lời giới-thiệu Giăng viết cho câu chuyện Phục-âm của ông. Trong mười tám câu ông trình-bày khái-quát tất cả sứ-điệp của ông. Những chân-lý thiết-yếu trình-bày trong những đoạn sau đã được lồng trong một đoạn văn ngắn-ngủi. Những câu ấy tuyên-bố rằng Đức Chúa Trời đã hiển-hiện giữa loài người; chúng chứng-tỏ thế nào có một số người nhận Ngài trong khi bao-nhiều kẻ khác chối-bỏ Ngài; trên hết mọi sự, chúng chỉ rằng sự sống, sự sáng, tình-yêu và phúc-hạnh vĩnh-cửu là đến từ đức-tin trong Đấng mà Giăng chứng-minh là Đấng Christ đến từ trời, là Con Đức Chúa Trời.

II. CUỘC MẠC-KHẢI CHO THẾ-GIỚI, SỰ TIẾN-TRIỂN CỦA ĐỨC-TIN VÀ VÔ-TÍN. Đoạn 1: 19-12 : 50

A. Công-cuộc chuẩn-bị

1: 19-2: 11

1. Nhà tiên-phong làm chứng. 1: 19-34
2. Những tín-đồ đầu-tiên làm chứng. 1: 35-51
3. Phép lạ đầu-tiên làm chứng. 2: 1-11

1. Nhà tiên-phong làm chứng

1: 19 - 34

Khi Giảng Báp-tít bước vào sân-khẩu thi võ bị-kịch của Phược-âm bắt đầu, rồi đây công-cuộc truyền-giáo của ông cùng với hai biển-cổ tiếp theo sẽ thực-sự chuẩn-bị cho chức-vụ công-khai của Đấng Christ. Mỗi biển-cổ đều có phát-lộ những tư-tưởng lớn của Tin-Lành, tuy-nhiên mỗi biển-cổ lại nhấn mạnh vào một tư-tưởng riêng. Chức-vụ của Giảng chuyên về mặt làm chứng; sự kêu-gọi các môn-đồ đầu-tiên minh-hiến sự phát-triển của đức-tin; phép lạ tại Ca-na là biểu-hiệu của sự sống do đức-tin ban-phát.

*¹⁹ Đây là lời chứng của Giảng, khi dân Giu-đa sai mấy thầy lẽ-lẽ, mấy người Lê-vi từ thành Giê-ru-sa-lem đến hỏi người rằng: Ông là ai? ²⁰ Người xưng ra, chẳng chối chi hết, xưng rằng mình không phải là Đấng Christ. ²¹ Họ lại hỏi: Vậy thì ông là ai? Phải là Ê-li chăng? Người trả lời: Không phải. Ông phải là đấng tiên-tri chăng? Người trả lời: Không phải. ²² Họ bèn nói: Vậy thì ông là ai? hầu cho chúng tôi trả lời cùng những người đã sai chúng tôi đến. Ông tự xưng mình là ai? ²³ Người trả lời:

Ta là tiếng của người kêu trong đồng vắng rằng : Hãy ban đường của Chúa cho bằng, như đấng tiên-tri Ê-sai đã nói. ²⁴ Những kẻ chịu sai đến cùng Giăng đều là người Pha-ri-si. ²⁵ Họ lại hỏi rằng : Nếu ông chẳng phải Đấng Christ, chẳng phải Ê-li, chẳng phải đấng tiên-tri, thì có sao ông làm phép báp-têm ? ²⁶ Giăng trả lời : Về phần ta, ta làm phép báp-têm bằng nước ; nhưng có một Đấng ở giữa các người mà các người không nhận biết. ²⁷ Ấy là Đấng đến sau ta, ta chẳng đáng mở dây giày Ngài. ²⁸ Những việc đó đã xảy ra tại thành Bê-tha-ni, bên kia sông Giô-danh, là nơi Giăng làm phép báp-têm. »

Có lần Chúa đã tuyên-bố rằng : « Trong những người bởi đàn-bà sanh ra, không có ai lớn hơn Giăng Báp-tít. » Ngài không nói về đức-tính cao-cả mà là về chức-vụ trọng-đại của ông. Giăng là Nhà tiên-phong, là người dọn đường của Đấng Mê-si. Quan-điểm ấy của Phước-âm này được nêu ra trong những chữ giới-thiệu chức-vụ của Giăng Báp-tít : « Đây là lời chứng của Giăng. » Tác-giả không quan-tâm đến y-phục, thói quen, tài hùng-biện, đạo cao đức trọng của vị đại tiên-tri, nhưng chỉ quan-tâm đến lời chứng của ông về Đấng Christ. Lời chứng này ghi thành hai khúc.

Câu 19-28 làm chứng rằng Đấng Mê-si đã đến nhưng không được đồng bào tiếp-nhận ; câu 29-34 làm chứng rằng Chúa Jêsus là Đấng Mê-si.

Danh-tiếng của Giăng đã lan-truyền khắp xứ ; đến nỗi có người cho rằng nhà đại truyền-giáo đó là Đấng Christ đã được Kinh-Thánh dự-ngón. Các quan-quyền không còn xem thường ảnh-hưởng và thực-lực của vị tiên-tri tiếng-tâm ấy nữa. Họ cử một phái-đoàn đến yêu-cầu Giăng cho biết ông là ai. Ông lập tức tuyên-bố rằng ông không phải là Đấng Christ, không phải là Ê-li trở lại thế-gian dọn đường cho Đấng Mê-si ; ông cũng chẳng phải là « đấng tiên-tri » liên-quan mật-thiết với Đấng Mê-si mà Môi-se nói.

Sau lời chứng tiêu-cực nói về chính mình, Giăng

nói thêm phần tích-cực về công-việc của ông, là đến kêu-gọi người ta ăn-năn hầu dọn đường cho Đấng Mê-si. Ông diễn-tả điều ấy bằng câu trích của Ê-sai : « Tiếng của người kêu trong đồng-vắng rằng : Hãy dọn đường của Chúa cho bằng. » Giăng nhún-nhường tự gọi mình là « tiếng », nghĩa là để phát-biểu một « lời » hay chứng-nhân cho « Ngôi-Lời » ; nhưng cũng để chứng-tỏ lời tiên-tri của Ê-sai đã được ứng-nghiệm cách kỳ-diệu, và chứng-minh thẩm-quyền của mình là truyền lệnh-sứ của Đấng Mê-si.

Phái-đoàn còn hỏi ông một câu nữa : Nếu Giăng không phải là Đấng Christ, không phải là Ê-li, cũng chẳng phải là « đấng tiên-tri » thì tại sao ông lại làm báp-têm ? Câu trả lời có một ý-nghĩa nghiêm-trọng. Ông làm báp-têm vì cớ Đấng Christ đã đến giữa vòng họ rồi. Giăng chuẩn-bị người ta tiếp-rước Ngài. Tự-ông, ông không xứng làm một đấng-tớ hèn-mọn của Cứu-Chúa cao-cả mà ông dương làm chứng.

Ta không thể cưỡng lại ý-nghĩ so-sánh với thời nay. Đấng Christ vẫn ở gần, nhưng người đời không nhận biết, chỉ những sứ-giả Ngài và những kẻ ăn-năn tội mới tìm thấy Ngài.

« ²⁹ Qua ngày sau, Giăng thấy Đức Chúa Jésus đến cùng mình, thì nói rằng : Kia, Chiên con của Đức Chúa Trời, là Đấng cất tội-lỗi thế-gian đi. ³⁰ Ấy về Đấng đó mà ta đã nói : Có một người đến sau ta, trời hơn ta, vì người vốn trước ta. ³¹ Về phần ta, ta vốn chẳng biết Ngài ; nhưng ta đã đến làm phép báp-têm bằng nước, để Ngài được tỏ ra cho dân Y-sơ-ra-ên. ³² Giăng lại còn làm chứng này nữa : Ta đã thấy Thánh-Linh từ trời giáng xuống như chim bồ-câu, đậu trên mình Ngài. ³³ Về phần ta, ta vốn không biết Ngài ; nhưng Đấng sai ta làm phép báp-têm bằng nước có phán cùng ta rằng : Đấng mà người sẽ thấy Thánh-Linh ngự xuống đậu lên trên, ấy là Đấng làm phép báp-têm bằng Đức Thánh-Linh. ³⁴ Ta đã thấy, nên ta làm chứng rằng : Ấy chính Ngài là Con Đức Chúa Trời. »

Lời chứng ghi ở đoạn trước rất có ý-nghĩa vì tính-cách chính-thức của nó, đó là lời đáp cho phái-đoàn của nhà cầm-quyền Do-thái sai đến. Nhưng ngày sau, Giảng Báp-tít làm chứng công-khai về một nhân-vật lạ-lùng. Ông chỉ Chúa Jê-sus mà nói về Ngài-rằng. «Kia Chiên con của Đức Chúa Trời là Đấng cất tội-lỗi thế-gian đi.» Nếu chỉ giải-thích từ-ngữ «Chiên con của Đức Chúa Trời» là «sự nhu-mi và trong trắng của Đấng Christ» thì quá hơi-hợt. Vì Chiên Con mang tội-lỗi, nên Chiên Con ở đây phải ám-chỉ một sinh-tế, nếu không thì không thể nào cất tội-lỗi đi được. Câu này đem ngay chúng ta trở lại Ê-sai đoạn 53, nơi đây ta thấy hình-ảnh của Đấng chịu khổ thay cho tội-nhân; câu này chỉ chúng ta về trong thế-giới biểu-hiệu của Cựu-Uớc Kinh. Ta không thể nào hiểu được câu ấy nếu không nhờ ánh sáng của những tế-vật, của những công-cuộc đền tội, chuộc tội. Nó chỉ chúng ta về hướng thập-tự-giá, về công-tác của Đấng Mê-si là Đấng «mang tội-lỗi chúng ta trong thân-thể Ngài trên cây gổ.»

Giảng Báp-tít lại còn chỉ tỏ thêm dấu-hiệu khiến ông nhận-biết Ngài là Đấng Mê-si. Chính ông đã thấy «Thánh-Linh từ trời giáng xuống đậu trên mình Ngài.» Trước kia, Giảng đã biết Chúa Jê-sus, nhưng mãi đến khi dấu-hiệu thiên-thượng này được ứng-nghiệm, ông mới biết Ngài là Đấng Christ. Giảng đã nói một lời chứng thứ hai về cuộc xức dầu thiên-thượng này: «Ấy chính Ngài là Con Đức Chúa Trời.» Nói câu này ông ám-chỉ Vị-cách thiên-thượng độc-nhất mà tác-giả Phước-âm đã nói trong phần tự-truyện. Giảng nói «Người vốn trước ta» mặc dầu Giảng sinh trước. Ông làm chứng về một Đấng Christ hiện-hữu từ trước khi ông sinh, Ngài đã có từ «ban đầu . . . cùng Đức Chúa Trời;» Ngài «là Đức Chúa Trời.»

Giảng lại nhận rằng, vì là «Con Đức Chúa Trời nên Chúa Jê-sus có quyền làm báp-têm «bằng Thánh-Linh.» Ở đây Giảng đối-chiếu công-việc ông với công-việc của Đấng Christ. Giảng có thể làm báp-têm bằng nước, ông có thể làm một lễ-nghi hoàn-toàn bên ngoài, nhưng đối với những kẻ ăn-năn thật, tin-cậy Ngài, Đấng Christ

có thể ban cho họ một cuộc đời mới thật sự, siêu-nhiên, thiêng-liêng ở bên trong. Lễ báp-têm bằng nước của vị truyền lệnh-sứ chẳng qua chỉ là biểu-hiệu cho quyền-năng thanh-tây và biến-hóa của Đấng Christ.

Đó lời chứng của Giảng Báp-tít, Nếu đem so-sánh chức-vụ của ông được chép trong sách này với câu truyện ở các sách Phục-câm khác, ta mới thấy tác-giả thành-công đến chừng nào trong mục-dịch đầu-tiên đặc-biệt của ông là chứng-minh « Chúa Jê-sus là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời. »

Phải chăng lời chứng của ta về Đấng Christ ngày nay càng phải chú-trọng đến vị-phẩm thiên-thượng và công-tác cứu-rỗi của Ngài ?

2. Những môn-đồ đầu-tiên làm chứng

1 : 35 - 51

« ³⁵ Ngày mai, Giảng lại ở đó với hai môn-đồ mình, ³⁶ nhìn Đức Chúa Jê-sus đi ngang qua, bèn nói rằng: Kia, Chiên con của Đức Chúa Trời! ³⁷ Hai môn-đồ nghe lời đó, bèn đi theo Đức Chúa Jê-sus. ³⁸ Đức Chúa Jê-sus vừa xây lại, thấy hai người đi theo mình, thì phán rằng: Các người tìm chi? Thừa rằng: Ra-bi (nghĩa là Thầy), Thầy ở đâu? ³⁹ Ngài phán rằng: Hãy đến xem. Vậy, hai người đi, thấy nơi Ngài ở, và ở lại cùng Ngài trong ngày đó; lúc bấy giờ độ chừng giờ thứ mười.

⁴⁰ Trong hai người đã nghe đều Giảng nói và đi theo Đức Chúa Jê-sus đó, một là Anh-rê, em của Si-môn Phi-e-rơ. ⁴¹ Trước hết người gặp anh mình là Si-môn, thì nói rằng: Chúng ta đã gặp Đấng Mê-si (nghĩa là Đấng Christ). ⁴² Người bèn dẫn Si-môn đến cùng Đức Chúa Jê-sus. Ngài vừa ngó thấy Si-môn, liền phán rằng: Người là Si-môn, con của Giô-na; người sẽ được gọi là Sê-pha (nghĩa là Phi-e-rơ).

⁴³ Qua ngày sau, Đức Chúa Jê-sus muốn qua xứ Ga-li-lê, tìm Phi-líp, mà phán rằng: Hãy theo ta. ⁴⁴ Và, Phi-líp là người Bết-sai-đa, đồng-thành với Anh-rê và Phi-e-rơ. ⁴⁵ Phi-líp gặp Na-tha-na-ên, nói

với người rằng : Chúng ta đã gặp Đấng mà Mò-i-se có chép trong luật-pháp, và các đấng tiên-tri cũng có nói đến ; ấy là Đức Chúa Jê-sus ở Na-xa-rét, con của Giô-sép. ⁴⁶ Na-tha-na-ên nói rằng : Há có vật gì tốt ra từ Na-xa-rét được sao ? Phi-líp nói : Hãy đến xem. ⁴⁷ Đức Chúa Jê-sus thấy Na-tha-na-ên đến cùng mình, bèn phán về người rằng : Nay, một người Y-sơ-ra-ên thật, trong người không có điều dối-trá chi hết. ⁴⁸ Na-tha-na-ên thưa rằng : Bời đâu thầy biết tôi ? Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Trước khi Phi-líp gọi người, ta đã thấy người lúc ở dưới cây vả. ⁴⁹ Na-tha-na-ên lại nói : Lạy thầy, thầy là Con Đức Chúa Trời, thầy là Vua dân Y-sơ-ra-ên ! ⁵⁰ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Vì ta đã phán cùng người, rằng ta thấy người dưới cây vả, thì người tin ; người sẽ thấy việc lớn hơn đều đó ! ⁵¹ Ngài lại phán : Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, các người sẽ thấy trời mở ra, và thiên-sứ của Đức Chúa Trời lên xuống trên Con người. »

Ta đã biết ba tư-tưởng lớn trong Phước-âm này là chứng-cớ, đức-tin và sự sống. Nếu tư-tưởng thứ nhất đã được lời chứng của Giảng Báp-tít giới-thiệu, thì tư-tưởng thứ hai chắc đã được nhấn mạnh trong việc kêu-gọi các môn-đồ đầu-tiên. Ở đây ta thấy cả hai tư-tưởng kia đều có xuất-hiện, nhưng chúng ta chỉ đặc-biệt chú-trọng tới vấn-đề nầy-sinh đức-tin thôi. Ta thấy yếu-tính của vấn-đề này là việc tiếp-nhận lời chứng. Khúc này liên-lạc với khúc trên nhờ một sự-kiện là lời làm chứng của Giảng Báp-tít đã đem cho Đấng Christ những môn-đồ đầu-tiên của Ngài. Đức-tin trở thành linh-hoạt và tích-cực khi nó đem người đến tiếp-xúc trực-tiếp với Đấng Christ và câu chuyện này chứng-tỏ rằng những người tin sẵn-sàng làm chứng, và đức-tin kết-quả trong đời sống ra sao.

Trong câu truyện về lời chứng của Giảng, tuy không có lời đặc-biệt nào đề-cập đến kết-quả của lời chứng ấy, nhưng dường như tự-nhiên chúng ta cũng cảm-biết sự vô-tin bực-dọc và yên-lặng của những giới

cai-trị Do-thái. Lòng vô-tín ấy trái-ngược lại với lòng tin sẵn-sàng của những linh-hồn chân-chất, đơn-sơ và tâm-đạo.

Những người trở thành môn - đồ đầu - tiên của Đấng Christ là Anh-rê và Phi-e-rơ, Phi-líp và Na-tha-na-ên, có lẽ có cả Gia - cơ và tác-giả của Phuróc - âm này là Giăng.

Về số bốn người được đặc-biệt kể tên trên đây, ta nên đề ý một điểm khá hay là trong mỗi trường-hợp, đức-tin đã do lời chứng của một nhân-vật hơi khác nhau dành thức. Có lẽ tất cả bốn người đều là môn-đồ của Giăng Báp-tít. Theo thứ-tự luân-lý, câu chuyện về những môn-đồ đầu-tiên đã được kể tiếp theo câu chuyện Giăng làm chứng về Chúa. Nhưng về Anh-rê ta thấy rằng ông là một trong hai môn - đồ của Giăng đã nghe Giăng tuyên-bố Chúa Jê-sus là « Chiên Con của Đức Chúa Trời » và sau đó đã theo Ngài. Cũng vậy, trải qua mọi thời-đại, hình-thức làm chứng đầu tiên từng lời-cuốn được nhiều kẻ theo Đấng Christ là các diễn-giả công-khai, chính vì đáp-ứng lời kêu-gọi của họ mà đức-tin đã thức dậy trong lòng các thánh-giả. Chức-vụ tiên-tri không hề chấm-dứt. Ngày nay vẫn đương cần những con người như Giăng Báp-tít, với tấm lòng can-đảm và hy-sinh, có thể đứng trước đám đông tuyên-bố về Đấng Christ rằng : « Đây là Con Đức Chúa Trời... Kia, Chiên Con của Đức Chúa Trời. »

Trái hẳn lại, Phi-e-rơ trở thành môn-đồ nhờ lời chứng của « con người ». Công-cuộc chứng-đạo cá-nhân cho những người bà con lân-cận là một hình-thức làm chứng khó-khăn nhất, nhưng càng là một hình-thức tác-động mạnh-mẽ và hiệu-quả nhất. Điều cần-thiết thường-xuyên ngày nay là phải trung - tín hơn trong việc làm chứng giữa vòng gia-đình và giữa những bí-mật của cuộc sống riêng tư.

Đáp lời kêu-gọi trực-tiếp của Đấng Christ, Phi-líp đã trở thành môn-đồ của Ngài. Theo kỹ-thuật, lời kêu-gọi ấy là một câu ngán-ngủi và giản-dị nhất. Ngày nay sự kêu-gọi có màu-nhiệm hơn nhưng cũng không kém thật chút

nào. Biết bao Co-đốc-đô dâng mình theo Đấng Christ vì một tiếng gọi mà Thánh-Linh của Ngài đã phán trực-tiếp trong lòng của họ. Tâm-trí của Phi-líp đã sưa-soạn sẵn nhờ những điều ông đã nghe về Đấng Christ. Ngày nay cũng vậy, các Co-đốc-đô đã từng biết về phẩm-cách và những lời phán của Đấng Christ ; nhưng chỉ khi họ ở một mình với Đức Chúa Trời, họ mới được kêu-gọi rồi tiến đến quyết-định cuối-cùng.

Trong trường-hợp của Na-tha-na-ên, nhờ lời của một người bạn mà khơi ra việc hỏi đạo. Bạn của ông đã chứng-tỏ một niềm xác-tin sâu-xa, đã hướng Na-tha-na-ên vào con đường đức-tin bằng một câu đáng ghi-nhớ « Hãy đến xem. » Quả-quyết hướng về Đấng Christ với tâm-trí cởi mở, tìm xem Ngài là ai và Ngài tuyên-bố về mình thế nào, rồi bước vào lối đi kinh-nghiệm bản-thân : đó là con đường đức-tin của hầu hết mọi người.

Na-tha-na-ên là con người rất thành-thật. Khi ông nghe rằng Jê-sus ở Na-xa-rét là Đấng Mê-si thì ông thật-thà tỏ ý khó tin. Ông không căn-cứ vào bề ngoài tối-tầm của nơi Chúa cư-ngụ như người ta thường tưởng, nhưng ông biết Na-xa-rét không phải là nơi sinh-trưởng của Đấng Mê-si, ông chỉ ngạc-nhiên hỏi tại sao một điều trọng-đại như vậy có thể đến từ Na-xa-rét được. Nhưng sự khó-khăn ấy không làm cho ông thành tiêu-cực : ông đến cùng Đấng Christ để được xem Ngài tận mắt. Lời của Thầy tỏ cho Na-tha-na-ên thấy ngay rằng tri-tuệ thiên-thượng của Ngài đã thông-suốt những ý nghĩ thâm-kín trong lòng ông, nên ông đã kêu lên với nhiều thành-kính : « Lạy Thầy, Thầy là Con Đức Chúa Trời, Thầy là Vua dân Y-sơ-ra-ên. »

Đó là những hình-thức làm chứng khác nhau đã khơi dậy đức-tin trong lòng người. Về phần chúng ta, chúng ta phải dạn-dĩ, chân-thật, khiêm-cung mà vâng theo tiếng gọi ấy đến với ta bằng cách nào, và tiến đến tin-cậy chặt-chẽ hơn vào lời tuyên-bố và quyền-năng của Đấng Christ.

Cũng nên đề ý một điều không kém thú-vị về bốn người này, ấy là mặc dầu được kêu-gọi bằng những cách khác nhau, tất cả đều đã trở thành chứng-nhân của Đấng Christ. Lúc nào Giảng cũng đem các điển-viên lên sân-khấu

đề họ có thể làm chứng. Những lời của các môn-đồ này sắp theo thứ-tự đề lên lần đến tuyệt-đỉnh. Trước hết họ gọi Ngài là « Ra-bi » nghĩa là Chủ hay Thầy, tỏ ý ít nhất họ cũng muốn làm môn-đồ Ngài. Rồi họ tuyên-bố Ngài là « Đấng Mê-si », hơn thế nữa, những biểu-hiệu của « luật-pháp », những lời chép của « các đấng tiên-tri » đều chỉ về Ngài. Cuối-cùng, Na-tha-na-ên tuyên-bố Ngài là « Con Đức Chúa Trời » và là Đấng Mê-si, « Vua dân Y-sơ-ra-ên. »

Nhân-chứng trọng-đại nhất trong tất cả các nhân-chứng chính là Đấng Christ. Công-cuộc làm chứng lên đến tuyệt-đỉnh khi Ngài tự gọi mình là « Con người » (con nhân-loại). Người ta thường xem từ-liệu này tương-phản với từ-liệu « Con Đức Chúa Trời », và nó giải-thích nhân-tính của Đấng Christ. Từ-liệu ấy quả có nghĩa là một người thật, một người lý-tưởng, nhưng đó cũng là danh-hiệu Đa-ni-ên dùng để chỉ Đấng Mê-si xuất-hiện trong vinh-quang cho những kẻ sẽ nhận được Nước Phổ-thông và vĩnh-cửu.

Việc những người tin đều trở thành những nhân-chứng của Đấng Christ, cho ta thấy lẽ-thật thứ ba trong Phước-âm này. Đức-tin ban-phát sự sống. Đó là điều Giảng luôn luôn chứng-minh. Đó là điều ông muốn đạt được. Ông viết ra đề chúng ta có thể tin « đề khi các người tin, các người có thể được sự sống. » Bởi vậy khi Si-môn đến cùng Đấng Christ, một Si-môn yếu-đuối, nóng-nảy, nhẹ dạ, nóng-nổi, ông được ban cho một lời hứa « Người sẽ được gọi là Sê-pha », nghĩa là một viên-đá. Nếu ta thật lòng tin Đấng Christ, kết-quả sẽ là một biến-đổi tâm-tính hoàn-toàn; thay vì yếu-đuối, sẽ có sức-lực, nhân-nại, một nhân-tính thật.

Khi Na-tha-na-ên xưng nhận đức-tin thì Chúa phán cùng ông: Người sẽ thấy trời mở ra và thiên-sứ của Đức Chúa Trời sẽ lên xuống trên Con Người. »

Đối với những kẻ tìm-kiếm chân-lý, có một lời hứa mở rộng nhân-giới thuộc-linh. Đối với kẻ tin, có một lời bảo-đảm rằng trong Đấng Christ họ sẽ tìm thấy sự liên-hiệp giữa người với Trời, sự thông-cảm giữa thiên-đàng với thế-hạ. Có lẽ Na-tha-na-ên đã nghĩ về khả-

tượng của Gia-cốp ở Bê-tên, ông tự hỏi làm thế nào và đến bao giờ ông nhận được khải-tượng ông hằng ao-ước ấy, nhờ đó mới giải-quyết được mọi vấn-đề của ông. Ông đã được hứa rằng mọi điều ông tìm-kiếm đều có trong Đấng Christ. Đó là sử-diệp mà Browning công-bố : « Tôi nói rằng sự nhận-biết Đức Chúa Trời trong Đấng Christ nếu được lý-trí thừa-nhận, sẽ giải-quyết cho bạn tất cả mọi vấn-đề trong và ngoài thế-giới. »

3. Phép lạ đầu-tiên làm chứng

2 : 1 - 11

« ¹ Cách ba ngày sau, có đám cưới tại thành Ca-na, trong xứ Ga-li-lê, và mẹ Đức Chúa Jê-sus có tại đó. ² Đức Chúa Jê-sus cũng được mời đến dự đám với môn-đồ Ngài. ³ Vừa khi thiếu rượu, mẹ Đức Chúa Jê-sus nói với Ngài rằng : Người ta không có rượu nữa. ⁴ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Hỡi đờn-bà kia, ta với người có sự gì chẳng ? Giờ ta chưa đến. ⁵ Mẹ Ngài nói với những kẻ hầu bàn rằng : Người biểu chi, hãy vâng theo cả. ⁶ Và, tại đó có sáu cái ché đá, định dùng về sự rửa sạch cho người Giu-đa, mỗi cái chứa hai ba lường nước. ⁷ Đức Chúa Jê-sus biểu họ rằng : Hãy đổ nước đầy những ché này ; thì họ đổ đầy tới miệng. ⁸ Ngài bèn phán rằng : Bây giờ hãy múc đi, đem cho kẻ coi tiệc. Họ bèn đem cho. ⁹ Lúc kẻ coi tiệc ném nước đã biến thành rượu (và, người không biết rượu này đến bởi đâu, còn những kẻ hầu bàn có múc nước thì biết rõ), bèn gọi chàng rể, ¹⁰ mà nói rằng : Mọi người đều đã uống ngon trước, sau khi người ta uống nhiều rồi, thì kẻ đến rượu vừa vừa. Còn người, người lại giữ rượu ngon đến bây giờ.

¹¹ Ấy là tại Ca-na, trong xứ Ga-li-lê, mà Đức Chúa Jê-sus làm phép lạ thứ nhứt, và tỏ-bày sự vinh-hiến của mình như vậy ; môn-đồ bèn tin Ngài. »

Chức-vụ của Giảng Báp-tít, sự kêu-gọi các môn-đồ đầu-tiên, phép lạ tại Ca-na, cả ba hiệp lại để chuẩn-bị cho chức-vụ công-khai của Chúa trong Phước-âm. Theo lời kể của Phước - âm thì thời-gian này vừa

đúng một tuần-lẽ. Điều ý-nghĩa hơn là chúng thay nhau minh-hiến ba chủ-đề chính-yếu trong Phước-âm, đó là sự làm chứng về Đấng Christ, sự tiến-triển của đức-tin, sự biến-hóa của đời sống. Chủ-đề cuối-cùng dĩ-nhiên là ý-nghĩa của câu chuyện ý-vị này, tuy vậy vẫn có những tư-tưởng khác xuất-hiện theo. Câu chuyện về phép lạ đầu-tiên hay «đầu lạ» đầu-tiên này, cho ta thấy cả ba chân-lý trên đều không thể tách rời khỏi những phép lạ của Cứu-Chúa. Mỗi phép lạ đều chứng-tỏ đức-tinh của Ngài, đánh thức hay xác-nhận đức-tin, đều cho ta thấy sự sống là do đức-tin đem lại.

(1) Trong câu 11 có nói rằng phép lạ này làm chứng cho Phẩm-vị của Đấng Christ: «Đức Chúa Jêsus làm phép lạ thứ nhất, và bày-tỏ sự vinh-hiến của mình.» Mỗi phép lạ do Giảng kể lại đều để chứng-minh rằng Jêsus là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời. Ở đây Chúa biến nước thành rượu để tự tỏ Ngài là Đấng cầm quyền vạn-vật.» Đó là một hành-vi sáng-tạo. Nó tuyên-bố rằng Đức Chúa Trời hiện-diện trong Ngài.

Tuy-nhiên, không có phép lạ nào của Đấng Christ làm ra chỉ với mục-đích biểu-diễn, lôi-cuốn sự chú-ý của khán-giả, các phép lạ ấy luôn luôn là do tình yêu và lòng từ-bi thúc-đẩy. Ở đây Đấng Christ gỡ rối hoàn-cảnh, ban niềm vui, Ngài ban cho chàng-rẻ một tặng-phẩm vô-giá. Ngài muốn cho người ta thấy rằng bản-tính Ngài là bản-tính thần-linh, từ-ái; «vinh-hiến của Ngài» là vinh-hiến của Đức Chúa Trời tức là sự yêu-thương là Con của Đức Chúa Trời.

Chính trong cuộc đối-thoại với mẹ Ngài, cuộc đối-thoại mà ta khó có thể giải nghĩa đầy-đủ, có một bằng-chứng nữa về Phẩm-vị Ngài. Khi gọi mẹ là «người đàn-bà» thì Ngài không tỏ ý kém tôn-kính hoặc tình-ngĩa; danh-hiệu ấy thường dùng để gọi những người có địa-vị. Cũng chẳng có ý lỗ-măng trong những chữ tiếp theo: «Ta với người có sự gì chẳng? Giờ ta chưa đến,» nhưng ở đây có một điều chứng-tỏ rõ-ràng Ngài là Đấng Christ.

Dường như điều Ma-ri mong-muốn là con bà nên nắm lấy cơ-hội này để tỏ mình công-khai là Đấng Mê-si, bởi vậy bà nhắc việc thiếu rượu để lấy cơ-đề-nghị Ngài hành-động. Chúa biết đây không phải là lúc và chỗ để làm như vậy, đó phải là vào lễ vượt-qua tại Giê-ru-sa-lem. « Giờ » của Ngài « chưa đến. » Ngài thỏa đáp nhu-cầu của khách tiệc; đã làm theo lời yêu-cầu của mẹ Ngài, đồng-thời từ-chối và ôn-tồn, âu-yếm, quở-trách niềm ao-ước sâu-thăm rộng lớn trong lòng bà. Nhưng trong lời khước-từ ấy, Ngài nhìn-nhận một sự-thực là Ngài là Đấng Mê-si, và chẳng bao lâu Ngài sẽ xuất-hiện trong tư-cách ấy.

Chúng ta có thể kể thêm tính-cách tượng-trưng của tiệc cưới, của niềm vui Chúa Jê-sus đem lại cho lễ hôn-phối. Việc này gọi lên những hình-ảnh tượng-trưng về Đấng Mê-si trong Kinh Cựu-ước, và sự hiện-diện của Đấng mà Giảng Báp-tít gọi là Chàng-Rể giữa vòng loài người. Như vậy trong lần « làm phép lạ thứ nhất » này, nhà Phước-âm đã cung-cấp một bằng-cớ để chứng-minh rằng Jê-sus là « Đấng Christ », « Con Đức Chúa Trời. »

(2) Bằng-chứng này, cũng như những « dấu chứng » tiếp theo đều có liên-quan đến lòng tin. Ta đọc thấy rằng kết-quả của phép lạ này là « môn-đồ bèn tin Ngài. » Trước kia họ tin Ngài rồi, nhờ phép lạ này đức-tin họ được củng-cố và xác-nhận. Bây giờ họ tin-cậy nơi Ngài, sự hoài-nghi của họ tiêu-tán, họ dâng mình cho Ngài không chút thắc-mắc dè-dặt.

Ta nên để ý thấy kết-quả đó trong tất cả những phép lạ có chép lại. Mục-dịch và kết-quả của phép lạ ấy không phải kích-thích sự chú-ý hay đức-tin của những tâm-hồn lãnh-đạm hoài-nghi; những phép lạ ấy đồng-thời cũng kêu-gọi các môn-đồ phát-triển và vững-lập lòng tin-tưởng của họ.

Kinh-nghiệm của những môn-đồ đầu-tiên cũng là kinh-nghiệm của chúng ta. Trước hết có đức-tin mạnh-nha nhờ lời chứng của kẻ khác, rồi đến lòng tin-cậy mật-thiết hơn nhờ tiếp-xúc trực-tiếp với Đấng Christ; tiếp theo là đức-tin trọn-vẹn nhờ kinh-nghiệm cá-nhân

và được chiêm-ngưỡng quyền-năng và công-việc của Chúa.

(3) Tuy-nhiên ý-nghĩa sâu-xa hơn hết của phép lạ liên-hệ đến sự sống của những người tin. Tất cả những « dấu lạ » Chúa thi-thố đều tượng-trung những kinh-nghiệm do đức-tin nơi Ngài đem lại. Nhưng điều ý-nghĩa hơn hết là phép lạ đầu-tiên, một bằng chỉ chức-vụ suốt đời của Ngài, lại liên-quan mật-thiết đến niềm vui của tiệc cưới. Nó đánh tan mối lo-ngại khờ-dại cho rằng tôn-giáo tước-đoạt hết niềm vui của sự sống, hoặc cho rằng trung-thành với Đấng Christ thì không thể nào có tâm-hồn hoan-lạc hoặc thú vui trong-lành: Nó đĩnh-chính cảm-trởng sai-lầm rằng tình-thần chun-chát, khô-khan là dấu-hiệu thánh-thiện, và sự tru-sầu là điều-kiện của lòng sùng-kính. Nó cho ta thấy quyền-năng biến-dổi, cải-tiến, thông-hóa của Đấng Christ, và chứng-tỏ rằng Ngài đến « hầu cho ta được sự sống, và được sự sống dư-dật. »

Có thể đúng như lời mấy học-giả xưa cho rằng phép lạ vẽ ra bức tranh của sự chuyển-hóa từ những hình-thức lễ-nghi Do-thái-giáo. Nhưng điều chắc-chắn là Chúa hiện-diện và góp phần vào tiệc cưới để chứng-tỏ rằng Ngài ưng-thuận sự hoan-lạc vui-mừng. Ngài thánh-hóa hôn-nhân và tất cả những mối tương-quan xã-hội. Trên hết Ngài chỉ-tỏ rằng cuộc sống thế-nhân nhờ Ngài mà được vinh-hiền, đức-tinh và khả-năng của những kẻ theo Ngài nhờ Ngài mà được phát-triển và sử-dụng tới mức tối-đa. Phần chúng ta là phải tỏ lòng vâng-phục tin-cậy, rồi công-việc của Ngài tự-nhiên sẽ thành-tự. Chúng ta hãy để-ý lời Ma-ri nói với các người hầu bàn « Người biểu chỉ, hãy vâng theo cả. »

B. Chức-vụ công-khai

2 : 12 đến 12 : 50

I. CHỨC-VỤ MỞ-MÀN

2 : 12 đến 4 : 54

a. Làm chứng tại Giê-ru-sa-lem

2 : 12 đến 3 : 21

1. Làm chứng trong Đền-thờ 2 : 12 - 22.

« 12 Sau việc đó, Ngài với mẹ, anh em, và môn-đồ

Ngài đều xuống thành Ca-bê-na-um ; và chỉ ở tại đó ít ngày thôi.

¹³ Lễ Vượt-qua của dân Glu-da hầu đến ; Đức Chúa Jê-sus lên thành Giê-ru-sa-lem. ¹⁴ Trong đền-thờ, Ngài thấy có người buôn-bán bò, chiên, bồ-câu, và có người đổi bạc dọn hàng ở đó. ¹⁵ Ngài bện một cái roi bằng dây, bèn đuổi hết thầy khời đền-thờ, chiên và bò nữa, vãi tiền người đổi bạc và đổ bàn của họ. ¹⁶ Ngài phán cùng kẻ bán bồ-câu rằng : HÃY cất-bỏ đồ đó khời đây, đừng làm cho nhà Cha ta thành ra nhà buôn-bán. ¹⁷ Môn-đồ Ngài bèn nhớ lại lời đã chép rằng : Sự sốt - sáng về nhà Chúa tiêu-nuốt tội.

¹⁸ Các người Glu-da cất tiếng thưa cùng Ngài rằng : Thấy làm như vậy thì cho chúng tôi xem thấy phép lạ chi ? ¹⁹ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Hãy phá đền-thờ này đi, trong ba ngày ta sẽ dựng lại ! ²⁰ Người Glu-da lại nói : Người ta xây đền-thờ này mất bốn mươi sáu năm, mà thầy thì sẽ dựng lại trong ba ngày ! ²¹ Nhưng Ngài nói về đền-thờ của thân-thể mình. ²² Vậy, sau khi Ngài được từ kẻ chết sống lại rồi, môn-đồ gấm Ngài có nói lời đó, thì tin Kinh-thánh là lời Đức Chúa Jê-sus đã phán. »

Chỉ một chỗ xứng-hợp nhứt để Chúa khai-mạc chức-vụ của Ngài : ấy là Đền-thờ ở Kinh-đô, trung-tâm mọi sinh - hoạt và sự thờ - phượng ; và lúc xứng-hợp nhứt là vào lễ Vượt-qua, khoảng thời-gian long-trọng nhứt trong năm. Vào mùa này, đô-thành đầy những khách hành-hương từ các nơi trên thế-giới kéo về. Ấy là nơi và lúc Ngài có thể tỏ mình cho dân-chúng biết Ngài là Đấng Mê-si, Đấng thực-hiện mọi tiêu-biểu và hy-vọng hàm-chứa trong ngày quốc-lễ này.

Câu chuyện này mở đầu bằng một câu ngắn-ngủi nhưng không kém phần ý-nghĩa : « Sau việc đó, Ngài với mẹ, anh em và môn-đồ Ngài xuống thành Ca-bê-na-um và chỉ ở tại đó ít ngày thôi » câu 12. Chúa Jê-sus đương đợi lễ Vượt-qua ; Ngài luôn luôn biết

lúc nào «thì giờ» của Ngài sẽ đến. Ngài cũng lựa-chọn trung-tâm thuận-tiện hơn Na-xa-rét cho chức-vụ công-khai của Ngài. Câu này đánh dấu một chuyển-biến từ cuộc sống riêng tư sang công-khai.

Ngay trước lễ Vượt-qua, Chúa Jêsus xuất-hiện tại Giê-ru-sa-lem và tự giới-thiệu mình là Đấng Mê-si bằng một hành-dộng có ý-nghĩa tượng-trưng sâu-sắc. Ngài đuổi bọn con buôn ra khỏi Đền-thờ, vì chúng làm ô-uế nơi thờ-phượng thiêng-liêng. Ngài đến với tư-cách là Con của Đức Chúa Trời, tràn-trề lòng sốt-sắng về nhà Cha. Ngài đến với tư-cách Đấng Mê-si của Y-sơ-ra-ên, đem lại công-cuộc thanh-tây mở đường cho Nước và phước-hạnh của Đấng Mê-si.

Điều lạm-dụng mà Chúa quở-trách phát-khởi từ chỗ muốn tiện-lợi cho những người muốn thờ-phượng. Việc buôn bán sinh-tế tại một nơi gần đền-thờ và việc đòi ngoại-tệ lấy tiền thánh để dâng vào Đền-thờ là những việc không có gì đáng trách. Nhưng lần lần đám đông dấn vào sân Đền-thờ, lại thêm cảnh hỗn-loạn, tham-tàn, bất-lương, nhùng-nhiều, đến nỗi nơi thờ-phượng trở thành «nhà buôn bán» như lời Đấng Christ.

Chúa bện một cái roi bằng dây, không phải để làm một dụng-cụ đánh-đập mà làm một huy-hiệu của quyền hành, đuổi những kẻ buôn-bán ra và tuyên-bố rằng Đền-thờ là nhà của Cha Ngài. Không còn có cách nào quở-quyết hơn, đẹp-đẽ hơn đã xác-nhận lời Ngài tuyên-bố mình là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời.

Các môn-đồ nhận-biết ngay ý-nghĩa của hành-dộng ấy, ít ra họ cũng thấy rằng việc này ứng-nghiem lời tiên-tri về Đấng Mê-si «Sự sốt-sắng về nhà Chúa tiêu-nuốt tôi.»

Mặt khác, những kẻ cầm quyền nhìn hành-dộng đó với cặp mắt vô-tin cau-có hoặc với một cảm-giác danh-dự bị tổn-thương. Họ yêu-cầu Đấng Christ cho họ một «dấu lạ» để biện-minh cho hành-dộng của Ngài và để làm bằng-chứng cho thẩm-quyền thiên-thượng của Ngài như Ngài tuyên-bố. Lời yêu-cầu của họ là một điều vô-lý ngu-ngốc.

Đòi như vậy cũng như đòi bằng-chứng cho một bằng-chứng. Hành-động của Ngài đã là một dấu chứng mà họ cần phải giải-thích.

Nhưng Chúa Jêsus cũng có hứa ban một dấu chứng rất ý-nghĩa đến nỗi trong ánh sáng của nó từ đây không có người nào có thể thoái-thác nghi-ngờ rằng Ngài không phải là « Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời. » Ngài tuyên-bố rằng sự chết và sự sống lại của Ngài sẽ là những biện-chứng hùng-hồn về Phẩm-vị và công-tác của Ngài.

Ngài đã trả lời bằng lối nói đặc-biệt đến nỗi lúc ấy cả môn-đồ Ngài cũng không hiểu Ngài nói gì : « Hãy phá đèn-thờ này đi, trong ba ngày, ta sẽ dựng lại. » « Ngài nói về đèn-thờ của thân-thể mình » tác-giả giải-thích. Người Do-thái tưởng Ngài nói về đèn-thờ thật, nên tỏ ý khinh-bĩ không tin lời Ngài. Sau khi Ngài sống lại « môn-đồ găm Ngài có nói lời đó thì tin Kinh-thánh và lời Đức Chúa Jêsus đã phán. » Nhờ ánh sáng của sự phục-sinh ta mới có thể hiểu Kinh-Thánh, và mới có thể giải-thích, tin-tưởng lời của Đấng Christ nói về Ngài.

Điều đáng để ý là Chúa Jêsus đã khởi-sự chức-vụ bằng một hành-động thánh-khiết hơn là quyền-năng. Ngài muốn dạy dân-tộc này biết nhu-cầu tối-yếu của họ là được tẩy sạch tâm-linh để làm kẻ thờ-phượng, được nâng cao đạo-đức để làm dân của Đức Chúa Trời, và Ngài muốn cho họ thấy rằng Ngài có thể ban những ơn-phước ấy nếu họ nhận và theo Ngài.

Cũng nên để-ý một điều nữa là trong sự vô-tín biểu-lộ vào giờ phút đầu-tiên của chức-vụ Ngài, Chúa Jêsus đã thấy rõ cây thập-tự và sự chối-bỏ Ngài sau này. Những kẻ không chịu nhận sẽ ra tay tàn-phá « đèn-thờ của thân-thể Ngài. » Tuy-nhiên Ngài đã thấy rõ sự phục-sinh của Ngài và tất cả những gì hàm-chứa trong sự phục-sinh ấy và do sự phục-sinh ấy đem lại. Điều ấy sẽ vĩnh-viễn là biện-chứng tối cao cho lời tuyên-bố của Ngài. Nhưng nói rộng hơn, vì sự chết của Ngài bao-hàm sự hủy-hoại Đèn-thờ và cuộc thờ-phượng, thì sự sống lại của Ngài cũng xây-dựng lại đèn-thờ thật của tâm-linh, và cả Hội-thánh Đấng Christ nữa. Thay vào những hình-thức

nghi, những hình-bóng, những biểu-hiệu, sẽ có một tôn-giáo của sự thờ-phượng thật và giao-thông thật với Đức Chúa Trời.

Vậy ta thấy trong phần truyện - ký này những tư-tưởng quen-thuộc trong Phước-âm : lời làm chứng cho lẽ-thật rằng Chúa Jê-sus là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời, đáp-ứng của vô-tin và đức-tin, kết-quả của đức-tin trong đời sống, tất cả đều được minh-họa như là sự hưởng-thụ tất cả những thực-tại đã được Đền-thờ ngày xưa tượng-trung và tiên-báo.

2. Làm chứng bằng các phép lạ

Câu 2 : 23-25

«²³ Đương lúc Ngài ở thành Giê-ru-sa-lem để giữ lễ Vượt-qua, có nhiều người thấy phép lạ Ngài làm, thì tin danh Ngài. ²⁴ Nhưng Đức Chúa Jê-sus chẳng phó-thác mình cho họ, vì Ngài nhận-biết mọi người, ²⁵ và không cần ai làm chứng về người nào, bởi Ngài tự hiểu thấu mọi điều trong lòng người ta. »

Trong thời-gian bảy ngày hành-lễ, Chúa Jê-sus ở lại Giê-ru-sa-lem, làm mấy phép lạ khiến người hiểu-ký chú-ý ngạc-nhiên, và khiến cả đức-tin phát-sinh trong họ nữa. « Nhiều người tin Danh Ngài » ; họ sẵn-sàng nhìn-nhận Ngài là Đấng làm phép lạ « thấy phép lạ Ngài làm, nhưng họ chưa tin-cậy Ngài hoàn-toàn hay nhận Ngài là Chủ và Chúa mình ; họ chưa tin Ngài là « Đấng Christ Con Đức Chúa Trời. » Rồi chúng ta thấy rằng « Chúa Jê-sus chẳng phó-thác mình cho họ, vì Ngài biết mọi người. » Đấng đọc được lòng dạ người ta không thể bị lừa-gạt vì dáng vẻ hay cách biểu-lộ bề ngoài. Ngài có thể phân-biệt đức-tin thật và sự a-tòng. Đối với những kẻ không muốn dâng mình cho và tin-cậy Ngài thì Ngài chẳng hề mặc-khải đầy-đủ chính mình cho họ.

Cả đến khúc sách nhỏ bé này cũng được đúc-kết bằng một tư-tưởng chính-yếu của Phước-âm. Trong

ấy có chứng-cớ bằng « phép lạ », đức-tin được đánh thức, lại có hàm-ý rằng Đức-tin thành-thật đến chỗ tin-cậy, sẽ đem lại sự sống, kết-quả sẽ là hiểu-biết sâu-nhiệm hơn về Đấng Christ.

Những câu này cũng làm thành gạch nối giữa hai câu chuyện linh-hoạt. Câu chuyện trước trình-bày lòng vô-tin tuyệt-đối của những kẻ cầm quyền và đức-tin thật của các môn-đồ ; câu chuyện sau vẽ lại bức tranh của một kẻ cầm quyền, đức-tin ông mới chớm nở, một thứ đức-tin chưa trọn-vẹn của những kẻ chỉ nhận Đấng Christ là Đấng làm phép lạ ; nhưng vì ông thành-thật nên đức-tin ông càng sâu-nhiệm hơn, Đấng Christ đã mặc-khải chính mình cho ông, và nhà cai-trị đã trở thành một môn-đồ.

3. Làm chứng cho Ni-cô-đem

3 : 1 - 21

« ¹ Trong vòng người Pha-ri-si, có người tên là Ni-cô-đem, là một người trong những kẻ cai-trị dân Giu-đa. ² Ban đêm, người này đến cùng Đức Chúa Jêsus mà nói rằng : Thưa thầy, chúng tôi biết thầy là giáo-sư từ Đức Chúa Trời đến ; vì những phép lạ thầy đã làm đó, nếu Đức Chúa Trời chẳng ở cùng, thì không ai làm được. ³ Đức Chúa Jêsus cất tiếng đáp rằng : Quả thật, quả thật, ta nói cùng người, nếu một người chẳng sanh lại, thì không thể thấy được nước Đức Chúa Trời. ⁴ Ni-cô-đem thưa rằng : Người đã già thì sanh lại làm sao được ? Có thể nào trở vào lòng mẹ và sanh lần thứ hai sao ? ⁵ Đức Chúa Jêsus đáp rằng : Quả thật, quả thật, ta nói cùng người, nếu một người chẳng nhờ nước và Thánh-Linh mà sanh, thì không được vào nước Đức Chúa Trời. ⁶ Hễ chi sanh bởi xác-thịt là xác-thịt ; hễ chi sanh bởi Thánh-Linh là thần. ⁷ Chớ lấy làm lạ về điều ta đã nói với người ; Các người phải sanh lại. ⁸ Gió muốn thổi đâu thì thổi, người nghe tiếng động ; nhưng chẳng biết gió đến từ đâu và cũng

không biết đi đâu. Hễ người nào sanh bởi Thánh-Linh thì cũng như vậy.

⁹ Ni-cô-dem lại nói : Đều đó làm thế nào được ?
¹⁰ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Người là giáo-sư của dân Y-sơ-ra-ên, mà không hiểu biết những điều đó sao !
¹¹ Quả thật, quả thật. ta nói cùng người, chúng ta nói đều mình biết, làm chứng đều mình đã thấy, còn các người chẳng hề nhận lấy lời chứng của chúng ta.
¹² Vì bằng ta nói với các người những việc thuộc về đất, các người còn chẳng tin thay ; huống chi ta nói những việc thuộc về trời, thì các người tin sao được ?
¹³ Chưa hề có ai lên trời, trừ ra Đấng từ trời xuống, ấy là Con người vốn ở trên trời.
¹⁴ Xưa Môi-se treo con rắn lên nơi đồng vắng thế nào, thì Con người cũng phải bị treo lên đường ấy.
¹⁵ Hầu cho hễ ai tin đến Ngài đều được sự sống đời đời.
¹⁶ Vì Đức Chúa Trời yêu-thương thế-gian, đến nỗi đã ban Con một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư - mất mà được sự sống đời đời.

¹⁷ Và, Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài xuống thế-gian, chẳng phải để đoán-xét thế-gian đâu, nhưng hầu cho thế-gian nhờ Con ấy mà được cứu.
¹⁸ Ai tin Ngài thì chẳng bị đoán-xét đâu ; ai không tin thì đã bị đoán-xét rồi, vì không tin đến danh Con một Đức Chúa Trời.
¹⁹ Và, sự đoán-xét đó là như vậy : sự sáng đã đến thế-gian, mà người ta ưa sự tối-tăm hơn sự sáng, vì việc làm của họ là xấu-xa.
²⁰ Bởi vì phạm ai làm ác thì ghét sự sáng và không đến cùng sự sáng, e rằng công-việc của mình phải trách-móc chẳng.
²¹ Nhưng kẻ nào làm theo lẽ thật thì đến cùng sự sáng, hầu cho các việc của mình được bày-tỏ ra, vì đã làm trong Đức Chúa Trời. »

Câu chuyện về Ni-cô-dem có một vẽ khá-ái rõ-rệt, nhưng trong sâu-thẳm nó cũng có chút cảm-động, buồn-bã. Tánh-tình của ông được vẽ lại trong ba khung-cảnh : trong cảnh thứ nhất, ông xuất-hiện với tư-cách một kẻ hồi đạo thận-trọng, trong cảnh

thứ hai làm nhà biện-hộ rụt-rè, trong cảnh thứ ba ông làm môn-dồ bí-mật của Đấng Christ. Ông là người Pha-ri-si, nhưng không phải vì đó mà ông là kẻ giả-hình. Mặc dầu người Pha-ri-si-giữ đạo hình-thức, họ là một đảng danh tiếng và ái-quốc nhất ở Giê-ru-sa-lem, trong vòng họ có nhiều kẻ sốt-sắng đạo-đức. Ông là một « nhà cai-trị » nghĩa là ủy-viên của công-hội, một nhân-vật danh-tiếng, có học, có ảnh-hưởng, thế-lực. Câu chuyện này cho thấy rằng nếu ông không quá thiếu can-đảm như vậy, chắc ông đã có thể phục-vụ Chúa rất đắc-lực.

Ông đến cùng Chúa Jêsus vào « ban đêm », dầu sao thì ông cũng đã đến, đó là điểm then-chốt. Thời-giờ ông đến có thể tỏ rằng ông rụt-rè nhút-nhát, nhưng sự việc đi đến và hậu-quả của việc ấy chứng-tỏ rằng ông thành-thật. Vì « giáo-sư của dân Y-sơ-ra-ên » đã đến cùng Đấng tiên-tri bị khinh-bĩ xuất-thân từ Ga-li-lê, để tìm ánh sáng. Bởi vì ông thành-thật nên Chúa Jêsus đã mặc - khải cho ông những chân-lý lạ-lùng tương-quan đến Phạm-vị và công-tác cứu-chuộc của Ngài.

Trong những lời ông mở đường cho cuộc đàm-thoại có thể có một chút gì tự-phụ, tự-mãn, bảo-thủ « thưa thầy, chúng tôi biết thầy là giáo-sư từ trời đến, vì những phép lạ thầy đã làm đó, nếu Đức Chúa Trời chẳng ở cùng thì không ai làm được. » Nhưng vẫn có chút gì nghiêm-trọng, cần sửa-chữa trong tâm-hồn tri-óc của người hỏi đạo, như Chúa đã chứng-tỏ trong câu trả lời lạ-lùng của Ngài. « Quả thật, quả thật, ta nói cùng ngươi, nếu một người chẳng sanh lại thì không thấy được nước Đức Chúa Trời. »

Ni-cô-đem thành-thật mong Nước ấy hiện đến, nhưng ông tưởng nước ấy sẽ do một cuộc cách-mạng chánh-trị lập lên, hay do những hành-động quyền-năng mà dường như những phép lạ của Chúa Jêsus là dấu-hiệu báo trước ; ông cũng tin rằng hễ người nào sanh ra trong chủng-tộc Do-thái đều có quyền ở trong Nước ấy.

Đôi vậy ông lấy làm ngạc-nhiên khi Chúa bảo rằng cả đến ông cũng cần phải sinh lại mới được vào hưởng phước của nước ấy. Ông hỏi lại, tỏ vẻ sửng-sốt « Người đã già thì sinh lại làm sao được? » Có lẽ ông chỉ hiểu những lời ấy theo nghĩa đen thiên-cận, tưởng Ngài nói về sự sinh-đẻ của thể-xác; nhưng càng có thể là ông đã hiểu Ngài nói về sự đổi mới của tâm-linh, và ông mượn ngay những hình-ảnh ấy để diễn-tả một ý-kiến bài-bác rất quen-thuộc trong thời-đại này: « Tâm-tánh là chung đúc của vô-số kinh-nghiệm và ấn-tượng trong quá-khứ, nó không thể nào đổi mới được. » Dầu cảm-tưởng sai-lầm của Ni-cô-đem là thế nào đi nữa, tư-tưởng của ông cũng chỉ quanh-quẩn trong địa-hạt vật-chất hay thiên-nhiên thôi, vì thế Đấng Christ tiếp-tục nhấn mạnh chân-lý ở phương-diện thuộc-linh và thần-linh. Ngài giải-thích cho ông thật đầy-đủ về ý Ngài muốn nói về sự sinh lại. Loài người thật khó có thể có một quan-niệm thuộc-linh về sự sống, khó có thể hiểu rằng « Nước Đức Chúa Trời không phải do những mưu-lược chánh-trị, những cải-cách xã-hội hoặc những trình-tự thiên-nhiên đem lại. Nhưng điều cần-thiết trước hết là tấm lòng phải được đổi mới, và mỗi cá-nhân phải được biến-cải. » Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Quả thật, quả thật, ta nói cùng người, nếu một người chẳng nhờ nước và Thánh-Linh mà sanh thì không được vào « nước » Đức Chúa Trời. »

Dùng chữ « nước » Chúa Jêsus muốn nói về lễ báp-têm của Giảng và những lễ-nghi tương-tự từng quen-thuộc đối với Ni-cô-đem. Phải ăn-năn, xưng tội, tha-thứ, tẩy sạch tội, rồi mới có thể được chuẩn-bị để vào Nước Trời; nhưng còn phải có một cái gì hơn thế nữa. Đó là phải được đổi mới, biến-cải nhờ quyền-năng của Thánh-Linh Đức Chúa Trời. Bản-tính thiên-nhiên của con người, dầu đẹp-đẽ, dầu được uốn nắn, dầu chân-thật đến đâu cũng không thể nào vượt lên khỏi chính nó hoặc sản-xuất ra một cái gì cao quí hơn nó được. Tuy-nhiên nó có những khả-năng để sống một cuộc sống cao hơn, những khả-năng này chỉ

có thể nhờ Thánh-Linh của Đức Chúa Trời đánh thừ và kêu-gọi hành-động. « liễ chi sanh bởi xác-thịt là xác-thịt, hễ chi sanh bởi Thánh-Linh là thần » chân-lý ấy rất minh-bạch, ta không nên ngạc-nhiên : « Chớ lấy làm lạ về điều ta đã nói với người : Các người phải sanh lại. »

Tuy-nhiên, cũng như đối với mọi hành-động khác của Đức Chúa Trời, có một sự màu-nhiệm trong sự tái-sanh. Người sanh bởi Thánh-Linh cũng giống như gió. Ta không thể chỉ được hưởng và nơi xuất-phát của gió, nhưng ta có thể thấy hiệu-quả của nó. Đó là cách biểu-lộ một quyền-lực vô-hình. Cũng vậy, cuộc sống của linh-hồn được biến-cải luôn luôn là một bài toán, một câu đố bí-hiêm cho mọi người trên thế-gian : tuy-nhiên họ phải có thể kiểm-nghiêm tính-cách chân-chính của sự tái-sanh bằng những hành-động khiêm-nhường, yêu-thương và thánh-sạch của nó.

Khi Ni-cô-đem tỏ vẻ ngạc-nhiên phân-vân thì Chúa bảo rằng lẽ ra ông phải biết những chân-lý ấy rồi ; đó chỉ là « những việc thuộc về đất » mà Cựu-Uớc Kinh đã dạy, và Giảng cũng đã rao-giảng ; nhưng có « những việc thuộc về trời » liên-quan đến Phàm-vị và công-tác của Chúa Jêsus mà chỉ mình Ngài mới có thể mạc-khải. Những « việc thuộc về trời » này không liên-quan gì đến nhu-cầu và bản-chất của sự tái-sanh mà Ni-cô-đem đáng lẽ đã biết, nhưng chúng tuyên-bố điều-kiện, phương-pháp của sự tái-sanh và đưc-tin đến Cứu-Chúa Thiên-thượng chịu thập-hình, chúng giải-đáp câu hỏi của Ni-cô-đem « điều đó làm thế nào được ? Những chữ ấy chắc diễn-tả một cái gì hơn là sự vô-tin mù-quáng hay ngạc-nhiên lạ-lùng. Ni-cô-đem chắc đã sẵn lòng tin, vì Đấng Christ lại tiếp-tục mạc-khải cho ông đầy-đủ về kế-hoạch cứu-rỗi thiên-thượng. Ngài quả-quyết với Ni-cô-đem rằng Ngài đáng được tin-cậy với sự khải-thị Ngài đem đến, vì Ngài chẳng những là sư-giả thương-nhân « do Trời sai đến », nhưng cũng là Đấng thiên-thượng ; đồng nhất với Đức Chúa Trời, đến từ trời, đầu trở thành người, Ngài cũng có một mối tương-giao đầy-đủ, tự-do, toàn-vẹn với Đức Chúa Trời.

Nội-dung của lời khải-thị như thế này : « Xưa Mòi-

se treo con rắn lên nơi đồng vắng thê nào thì con người cũng phải bị treo lên đường ấy, hầu cho hễ ai tin đến danh Ngài đều được sự sống đời đời.»

Thật là Đấng Christ đã sử-dụng cách kích-động một câu chuyện lịch-sử trong Kinh Cựu-Uớc ; và Ngài đã thấy trước cách thần-diệu sự chết của Ngài trên cây gỗ ! Không nên gán ép cho hình bóng này tất cả những chi-tiết của câu chuyện, nhưng ta nên chú-trọng đến những ý này : (1) Nhân-loại cũng như người Y-sơ-ra-ên xưa đã bị rắn cắn, nhưng nọc độc làm cho họ chết là cái nọc của tội-lỗi. (2) Đức Chúa Trời đã dự-bị một phương thuốc trong thân-vị của Con Ngài ta thấy tội-lỗi bị triệt-hạ nhờ thập-hình của Ngài, cũng như con rắn treo lên là hình-ảnh sự chết của vật hủy-diệt ; lại nữa, con rắn treo lên không phải là rắn thật nhưng là bằng đồng, cũng vậy, Đấng Christ không thật sự dự phần tội - lỗi mà Ngài chỉ làm nên « giống như xác-thịt tội-lỗi. » (3) Người Y-sơ-ra-ên cần phải tiếp-nhận sự dự-bị của Đức Chúa Trời bằng sự thuận-phục tin-cậy, nhìn lên con rắn bằng đồng thê nào thì chúng ta cũng phải nhìn Cứu-Chúa bị đóng đinh với lòng ăn-năn và đức-tin, và dâng mình cho Đức Chúa Trời vì Ngài đã được minh-khải bằng ân-diễn trong Đấng Christ. Nếu chúng ta khước-từ không nhận Đấng Christ, chúng ta sẽ bị « hư mất », nhưng « đức-tin sẽ đem lại sự sống đời đời. » (4) Sự dự-bị này hoàn-thành do tình-yêu của Đức Chúa Trời, và cống-hiến miễn-phí cho mọi kẻ tin. « Vì Đức Chúa Trời yêu-thương thế-gian, đến nỗi đã ban Con một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất mà được sự sống đời đời. »

Tới đây thường có một thắc-mắc là không biết từ câu 16-21 là lời của Chúa Jêsus hay của Giảng. Đó không phải là một vấn-đề trọng-đại, vì dầu là lời của Chúa phán cho Ni-cô-đem hay là chân-lý Ngài dạy cho Giảng vào dịp khác, những lời ấy cũng vẫn là một lời kết-luận thích-hợp cho câu chuyện hấp-dẫn này. Những câu trước đã ghi lại lời chứng về Phẩm-vị của Đấng Christ là « Giáo-sư từ Đức Chúa Trời đến », là « Con người » từ trời xuống để rồi trở về trời, Ngài là Cứu-Chúa của mọi kẻ tin Ngài. Những kẻ ấy đã chứng-tố rằng đức-tin đem lại sự sống, sự « tái-sanh », sự cứu-rỗi, và sự sống đời đời.

Phần kết-luận này có chứa đựng toát-yếu của Tin-lành, trong câu 16, chứng-nhận Phạm-vị của Đấng Christ là « Con một của Đức Chúa Trời. » Câu này và những câu tiếp theo đặc-biệt luận về chủ-đề thứ ba của nhà Phước-âm, ấy là đức-tin. Ở đây tác-giả nhấn mạnh yếu-tố đạo-đức của đức-tin và vô-tin. Ông tuyên-bố rằng mục-đích lớn của Đức Chúa Trời trong việc sai Đấng Christ đến thế-gian là để cứu nhân-loại, những kẻ chối-bỏ Ngài là tự-định tội cho mình. Vì Ngài là Đấng thần-linh thanh-sạch, thuần khiết, nên lia-bỏ Ngài tức là tự định tội vì chứng-tố mình yêu tội-lỗi. Họ không muốn sống trước mặt Ngài là « sự sáng thật », là Đấng sẽ quở-trách công-việc tối-tâm của họ. Đấng Christ là viên đá thử-nghiệm tâm-tinh.

Mặt khác luôn luôn có những kẻ thành-khôn, chân-thật muốn đến cùng sự sáng. Đức Chúa Trời sẽ chuẩn-bị họ, sẽ có thêm ánh sáng đến với họ. Tiều-sứ đời Ni-cô-đem về sau đã chứng-tố ông thuộc hạng người thứ hai. Cuộc hội-kiến với Thầy lần đầu đã kết-thúc với những lời chấp-nhận, khuyến-lệ và hy-vọng.

b. Làm chứng tại Giu-đê

3 : 22 - 36

« ²² Kê đó, Đức Chúa Jêsus đi với môn-đồ đến đất Giu-đê ; Ngài ở với môn-đồ tại đó, và làm phép báp-têm. ²³ Giảng cũng làm phép báp-têm tại Ê-nôn, gần Sa-ilm, vì ở đó có nhiều nước, và người ta đến đặng chịu phép báp-têm. ²⁴ Bấy giờ Giảng chưa bị bỏ vào ngục.

²⁵ Và, môn-đồ của Giảng có cãi-lấy với một người Giu-đa về lẽ tinh-sạch. ²⁶ Họ đến cùng Giảng và nói rằng : Thưa thầy, kia, người ở cùng thầy bên kia sông Giô-danh, mà thầy đã làm chứng cho, bây giờ đương làm phép báp-têm, và ai nấy đều đến cùng người. ²⁷ Giảng trả lời rằng : Vì chẳng từ trên trời ban cho, thì không một người nào có thể lãnh chi được. ²⁸ Chính các người làm chứng cho ta rằng ta đã nói : Ấy không phải ta là Đấng Christ, nhưng

ta đã được sai đến trước Ngài. ²⁹ Ai mới cưới vợ, này là chàng rể, nhưng bạn của chàng rể đứng gần và nghe người, khi nghe tiếng của chàng rể thì rất đổi vui-mừng; ấy là sự vui-mừng trọn- vẹn của ta đó. ³⁰ Ngài phải dấy lên, ta phải hạ xuống.

³¹ Đấng từ trên cao đến là trên hết mọi loài. Kẻ từ đất đến là thuộc về đất, và nói ra cũng như là thuộc về đất; còn Đấng từ trời đến thì trên hết mọi loài. ³² Ngài làm chứng về đấng Ngài đã thấy và nghe; song không có ai nhận lấy lời chứng của Ngài. ³³ Ai đã nhận lấy lời chứng của Ngài thì làm chứng chắc Đức Chúa Trời là thật. ³⁴ Vì Đấng mà Đức Chúa Trời đã sai đến thì rao-truyền lời của Đức Chúa Trời, bởi Đức Chúa Trời ban Thánh-Linh cho Ngài không chừng-mực. ³⁵ Cha yêu Con, và đã giao hết mọi vật trong tay Con. ³⁶ Ai tin Con, thì được sự sống đời đời; ai không chịu tin Con, thì chẳng thấy sự sống đâu, nhưng cơn thịnh-nộ của Đức Chúa Trời vẫn ở trên người đó.»

Bây giờ Chúa Jê-sus rút-lui khỏi Giê-ru-sa-lem. Ở đây người ta tiếp Ngài bằng vẻ lạnh-nhạt và vô-tin. Ngài vẫn tiếp-tục chức-vụ tại Giu-đê, nhưng ở ngoài kinh-thành. Công-việc của Ngài lúc này là dạy-dỗ các môn-đồ, dùng họ làm lễ báp-têm cho kẻ mới tin. Giảng Báp-tít cũng đang hoạt-động ở vùng kế-cận, và tự-nhiên người ta phải đánh một dấu hỏi về sự tương-quan giữa công-việc của Chúa Jê-sus và Giảng. Đây lại là một cơ-hội cho Giảng công-bố lời chứng cao-cả cuối-cùng về Đấng Christ. Có người cho rằng lời của Giảng nói chấm dứt ở câu 30, còn kẻ khác lại cho rằng lời ấy tiếp-tục đến cuối đoạn. Nhưng dầu cho Giảng Báp-tít hay do tác-giả Phước-âm nói, phần sau này vẫn chứa-đựng một lời chứng hùng-hồn về Phạm-vị và công-tác của Chúa, và một lời cảnh-cáo long-trọng về kết-quả của đức-tin và lòng vô-tin.

Cơ-hội làm chứng đến với Giảng Báp-tít khi có một môn-đồ của ông đến báo cho ông một việc và

tỏ vẻ ganh-tị: «Thưa thầy, kia, người ở cùng thầy bên kia sông Giô-đanh, mà thầy đã làm chứng cho, bây giờ đương làm phép báp-têm, và ai nấy đều đến cùng người», trái lại, Giăng trả lời với vẻ khiêm-nhu đặc-biệt rằng trong đời sống có nhiều nhiệm-vụ khác nhau, và do ý muốn của Đức Chúa Trời mà có những bậc cao-trọng khác nhau, ông tỏ ý hoàn-toàn thỏa lòng, hơn thế nữa, ông vui - mừng vì được giao một phần việc có liên-quan đến công-tác và chức-vụ của Đấng Christ. Giăng tự gọi mình là: «Bạn của chàng rề», nghĩa là người sắp - đặt việc hôn-nhân và đứng chủ-tọa tiệc cưới; ông rất vui-mừng vì nghe tiếng chào mừng của chàng rề. Ông tuyên-bố ông rất vui-mừng được đặc-ân làm nhà tiên-phong của Đấng Christ, sửa-soạn một dân-tộc cho Chàng Rề thiên-thượng. Cuối-cùng ông đã nói một lời có thể dùng làm châm-ngôn cho mọi kẻ phục-vụ Chúa: «Ngài phải dấy lên, ta phải hạ xuống.»

Lời chứng trong đoạn này từ trước đến đây có phần tiêu-cực. Nó chứng-tỏ Giăng thua kém Chúa Jêsus và nói lên sự tương-quan giữa hai chức-vụ của hai người. Phần kết-thúc chứng-tỏ ưu-thế tuyệt-đối của Chúa Jêsus đối với mọi người, và mối tương-quan độc-nhất giữa Ngài và Đức Chúa Trời.

Lời ông làm chứng về: (1) Nguồn-gốc thần-tinh của Chúa Jêsus: «Đấng từ trên cao đến là trên hết mọi loài», câu ấy không phải nói về nguồn-gốc của chức-vụ Ngài, nhưng nói về chính Bản-thể Ngài. Vì cơ nguồn-gốc của Ngài là như vậy, khác với loài người bị hạn-chế trong những sinh-hoạt trần-thế, cho nên (2) giáo-huấn của Ngài có tầm-quyền tuyệt-đối bởi vì Ngài là nhân-chứng của những chân-lý từ trời do Ngài rao-giảng; thế mà loài người không chịu tiếp-nhận lời chứng của Ngài. Tuy-nhiên, có những trường-hợp ngoại-lệ, và những kẻ tin sẽ được ân-huệ mang ấn-chứng chân-thật của Đức Chúa Trời. Tin Đấng Christ là tin Đức Chúa Trời vì Đấng Christ phán chính lời của Đức Chúa Trời; Đức Chúa Cha đã ban cho Ngài Thánh-Linh dư-dật, chớ không phải

trong mực-độ hữu-hạn như các giáo-sư trần-gian. Đấng Christ cũng không phải chỉ là một giáo-sư; vì yêu Ngài, Đức Chúa Cha đã ban cho Đức Chúa Con mọi quyền-hành vũ-trụ. Ngài có «mọi quyền... trên trời và dưới đất.» Vì cơ giáo-huấn và thăm-quyền đó, khúc sách này đã kết-thúc bằng một lời cảnh-cáo long-trọng về những vấn-đề vĩnh-cửu của đức-tin và vô-tin. Câu này nói rằng tin Con Đức Chúa Trời thì chắc sẽ được hưởng «sự sống đời đời» ngay bây giờ và mãi mãi, nhưng chối-bỏ Con thì phải hứng chịu «cơn thanh-nộ của Đức Chúa Trời.»

c. Làm chứng tại Sa-ma-ri

4 : 1 - 42

«1 Khi Chúa đã hay rằng người Pha-ri-si có nghe đồn Ngài gọi và làm phép báp-têm được nhiều môn-đồ hơn Giảng, 2 (kỳ thiết không phải chính Đức Chúa Jê-sus làm phép báp-têm, nhưng là môn-đồ Ngài). 3 thì Ngài lìa xứ Giu-đê trở về xứ Ga-li-lê. 4 Và, Ngài phải đi ngang qua xứ Sa-ma-ri. 5 Vậy Ngài đến một thành thuộc về xứ Sa-ma-ri, gọi là Si-kha, gần đồng - ruộng mà Gia - cốp cho Giô - sếp là con mình. 6 Tại đó có cái giếng Gia-cốp. Như đi ngang mỗi-một, Đức Chúa Jê-sus ngồi gần bên giếng; bấy giờ độ chừng giờ thứ sáu.

7 Một người đồn-đá Sa-ma-ri đến múc nước. Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hãy cho ta uống. 8 Vì môn-đồ Ngài đã đi ra phố vắng mua đồ-ăn. 9 Người đồn-đá Sa-ma-ri thưa rằng: Úa kia! ông là người Giu-đa, mà lại xin uống nước cùng tôi, là một người đồn-đá Sa-ma-ri sao? (Số là, dân Giu-đa chẳng hề giao-thiệp với dân Sa - ma - ri). 10 Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Vì bằng người biết sự ban-cho của Đức Chúa Trời, và biết người nói: «Hãy cho ta uống» là ai, thì chắc người sẽ xin người cho uống, và người sẽ cho người nước sống. 11 Người đồn-đá thưa: Hỡi Chúa, Chúa không có gì mà múc, và giếng thì sâu, vậy bõl đâu có nước sống ấy? 12 Tỏ-phụ chúng

tôi là Gia-cốp để giếng này lại cho chúng tôi, chính người uống giếng này, cả đến con cháu cùng các bầy vật người nữa, vậy Chúa há lớn hơn Gia-cốp sao? ¹³ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Phàm ai uống nước này vẫn còn khát mãi; ¹⁴ nhưng uống nước ta sẽ cho, thì chẳng hề khát nữa. Nước ta cho sẽ thành một mạch nước trong người đó, văng ra cho đến sự sống đời đời. ¹⁵ Người đôn-bà thưa: Lạy Chúa, xin cho tôi nước ấy, để cho tôi không khát và không đến đây mức nước nữa.

¹⁶ Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hãy đi, gọi chồng người, rồi trở lại đây. ¹⁷ Người đôn-bà thưa rằng: Tôi không có chồng. Đức Chúa Jê-sus lại phán: Người nói rằng: Tôi không có chồng, là phải lắm; ¹⁸ vì người đã có năm đời chồng, còn người mà người hiện có, chẳng phải là chồng người; đều đó người đã nói thật vậy. ¹⁹ Người đôn-bà thưa rằng: Lạy Chúa, tôi nhìn thấy Chúa là một đấng tiên-trí. ²⁰ Tô-phu chúng tôi đã thờ-lạy trên hòn núi này; còn dân Glu-da lại nói rằng nơi đáng thờ-lạy là tại thành Giê-ru-sa-lem. ²¹ Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hỡi người đôn-bà, hãy tin ta, giờ đến, khi các người thờ-lạy Cha, chẳng tại trên hòn núi này, cũng chẳng tại thành Giê-ru-sa-lem. ²² Các người thờ-lạy sự các người không biết, chúng ta thờ-lạy sự chúng ta biết, vì sự cứu-rỗi bởi người Glu-da mà đến. ²³ Nhưng giờ hầu đến, và đã đến rồi, khi những kẻ thờ-phượng thật lấy tâm-thần và lễ thật mà thờ-phượng Cha: ấy đó là những kẻ thờ-phượng mà Cha ưa-thích vậy. ²⁴ Đức Chúa Trời là Thần, nên ai thờ-lạy Ngài thì phải lấy tâm-thần và lễ thật mà thờ-lạy. ²⁵ Người đôn-bà thưa: Tôi biết rằng Đấng Mê-si (nghĩa là Đấng Christ) phải đến; khi Ngài đã đến, sẽ rao-truyền mọi việc cho chúng ta. ²⁶ Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Ta, người đang nói với người đây, chính là Đấng đó.

²⁷ Khi đó, môn-đồ tới, đều sững-sờ về Ngài nói với một người đôn-bà; nhưng chẳng ai hỏi rằng: Thầy hỏi người ấy đều chi? hay là; Sao thầy nói

với người ? ²⁸ Người đồn-bà bèn bỏ cái vò của mình lại và vào thành, nói với người tại đó rằng : ²⁹ Hãy đến xem một người đã bảo tôi mọi điều tôi đã làm ; ấy chẳng phải là Đấng Christ sao ? ³⁰ Chúng bèn từ trong thành ra và đến cùng Đức Chúa Jêsus.

³¹ Song-le, môn-đồ nài-nỉ một bèn Ngài mà rằng : Thưa thầy, xin hãy ăn. ³² Ngài đáp rằng : Ta có một thứ lương-thực để nuôi mình mà các người không biết. ³³ Vậy môn-đồ nói với nhau rằng : Có ai đã đem chi cho thầy ăn chẳng ? ³⁴ Đức Chúa Jêsus phán rằng : Đồ-ăn của ta tức là làm theo Ý-muốn của Đấng sai ta đến, và làm trọn công-việc Ngài. ³⁵ Các người há chẳng nói rằng còn bốn tháng nữa thì tới mùa gặt sao ? Song ta nói với các người : Hãy nhướng mắt lên và xem đồng-ruộng, đã vàng sẵn cho mùa gặt. ³⁶ Con gặt đã lãnh tiền công mình và thâu-chứa hoa-lợi cho sự sống đời đời, hầu cho người gieo giống và con gặt được cùng nhau vui-vẻ. ³⁷ Vì vậy người ta có thể nói rằng : Người này thì gieo, người kia thì gặt, rất là phải. ³⁸ Ta đã sai các người gặt nơi mình không làm ; kẻ khác đã làm, còn các người thì đã vào tiếp lấy công-lao của họ.

³⁹ Có nhiều người Sa-ma-ri ở thành đó tin Ngài, vì có lời đồn-bà đã làm chứng về Ngài mà rằng : Ngài đã bảo tôi mọi điều tôi đã làm. ⁴⁰ Vậy, các người Sa-ma-ri đã đến cùng Ngài, xin Ngài vào trọ nơi mình ; Ngài bèn ở lại đó hai ngày. ⁴¹ Khi đã nghe lời Ngài rồi, người tin Ngài càng đông hơn nữa. ⁴² Họ nói với người đồn-bà rằng : Ấy không còn phải vì điều người đã nói với chúng ta mà chúng ta tin đâu ; vì chính chúng ta đã nghe Ngài, và biết rằng chính Ngài thật là Cứu-Chúa của thế-gian. »

Trái hẳn với thái-độ thờ-ơ lạnh-lùng của dân Giê-ru-sa-lem và Giu-đê đối với Chúa, tại Sa-ma-ri, Chúa đã được cả thành-phố nhận Ngài là Đấng Mê-si.

Càng lạ hơn nữa là Ngài ghé lại đó chỉ có hai ngày

trong khi đi từ Giu-đê lên Ga-li-lê. Ngài chẳng làm một phép lạ nào, và những kẻ tiếp-nhận Ngài đã từng xem cả chứng-tộc của Ngài là thú-nghịch tự-nhiên của họ.

Khó có thể tìm được một màn kịch nào hay hơn phần đối-thoại của Chúa Jê-sus với người đàn-bà tại giếng Gia-cốp và phần kể lại lời làm chứng của bà với những người đồng-hương. Nếu cho rằng đây là tiểu-thuyết thì Giảng phải là người có tài văn-chương trác-tuyệt. Chắc ông đã thấy và nghe câu chuyện ghi lại ở đây. Như vậy, đây là phần kỹ-thuật sự việc, nó khiến ta chú-ý để biết Đấng Christ đòi hỏi cho Ngài những gì, Ngài phát-triển đức-tin ra sao trong những người sẵn lòng tiếp-nhận lời Ngài, và hứa những gì cho những kẻ đặt lòng tin-cậy nơi Ngài.

Câu chuyện này rất khích-lệ cho những kẻ thật lòng tìm-kiếm ánh-sáng để giải-quyết những vấn-đề tôn-giáo, vì nó chứng-tỏ rằng đức-tin có thể toàn-tự được phát-huy và tăng-cường. Người đàn-bà này nhìn Chúa Jê-sus trước hết như một khách qua đường mệt-nhọc, một người Do-thái, rồi như là « một tiên-tri », rồi người đồng-hương của bà gọi Ngài là « Cứu-Chúa của thế-gian. »

Ở đây cũng có một khích-lệ lớn-lao cho những kẻ đương chuyên-cần làm chứng cho Đấng Christ. Họ được đoán chúc về « đồng ruộng đã vàng sẵn cho mùa gặt, » nếu họ chỉ ngược mắt lên sẵn-sàng làm chứng cho những khách lạ qua đường mỗi khi có cơ-hội đến với họ.

Nhất là, câu chuyện này rất hữu-ích cho những kẻ muốn học phương-pháp tiếp-xúc với các linh-hồn đương cần Đấng Christ. Dĩ-nhiên chúng ta không thể nào theo đúng gương của Đấng Christ trong mọi trường-hợp mà vận-dụng nhiều động-cơ trong cùng một mệnh-lệnh rõ-ràng của Ngài, nhưng ta có thể tìm thấy ở đây hình-ảnh của những thái-độ, tâm-hồn và tri-óc mà ta phải vận-dụng, nếu ta muốn đem đồng-bào nam-nữ vào trong sự tương-giao linh-động với Đấng Christ và vào trong cuộc sống đã hứa cho những kẻ tin Ngài.

(1) Chúng ta thấy trước hết Chúa xin một điều gọi

đến lòng thương người, câu 7-9. « Hãy cho ta uống. » Chẳng những cảnh khát nước khô-sỏ khiến người đờn-bà động-tâm, nhưng việc một người Do-thái đến xin bà cho uống chứng-tỏ rằng người có thiện-cảm đối với bà. Khi đến xin một ân-huệ, người xin đã tạm tự đặt mình ngang hàng với người mình xin. Ngài là một Ra-bi, nhưng bằng lòng nói chuyện với một người đờn-bà, một người đờn-bà nghèo phải làm công-việc của một đầy-tớ, một người đờn-bà đã bị xã-hội ruồng-bỏ, một người đờn-bà thuộc một chủng-tộc bị khinh-rẻ. Nội việc Ngài đến xin bà đã đủ khiến cho bà muốn nghe thêm những điều Ngài cần phải nói. Từ lời đầu-tiên Ngài đã bắt được con đường đi vào tâm-hồn bà. Ngài làm cho bà hiểu rằng vì một cái gì ngoài việc khát nước mà Ngài đã đến nói chuyện với bà. Có nhiều người cho rằng bà này chanh-chua, hỗn-hào, kém lịch-sự. Nhưng tốt hơn ta nên xem đó là điển-hình của tấm lòng thành-thật cởi mở, một điều-kiện cần-thiết cho những kẻ muốn biết hơn về Đấng Christ. Chỉ khi nào chúng ta tin rằng Ngài muốn giúp chúng ta, chỉ khi nào ta cảm thấy có cảm-tình với Ngài, thì Ngài tự mình-khải mình cho chúng ta. Cũng vậy, khi chúng ta đi làm chứng Cơ-đốc-giáo cho những linh-hồn đói-khát, ta phải cần-thận « chinh-phục ngay từ đầu », để lập một căn-cứ sơ-khởi, ta phải chứng-tỏ rằng ta muốn bàn-luận về một vấn-đề phước-hạnh mà ta cảm-thấy có sự ham-thích thật sự

(2) Đấng Christ cũng phán một điều gọi đến lòng hiếu - kỳ. Câu 10 - 12. Nếu lời xin của Ngài đã gọi được lòng hiếu-kỳ thì đến câu này Ngài đã khiến cho nó bùng lên thành ngọn: « Vì bằng người biết sự ban cho của Đức Chúa Trời, và biết người nói: « Hãy cho ta uống » là ai, thì chắc người sẽ xin Người cho uống. » Đó là cách kêu-gọi tri tò-mò: « Nếu người biết; nhưng dĩ-nhiên là người không biết. » Người đờn-bà lập-tức hỏi Ngài là ai. Ngài muốn cho mình là lớn hơn Gia-cốp, đào giếng này sao? Ngài nói gì về mình? Phải chăng Ngài muốn xưng mình hơn người thường, là Con Đức Chúa Trời? Những kẻ muốn được cứu, cần phải nghiêm-trang

tra-xét cho thật đúng những vấn-đề ấy. Sự thờ-ơ tai-hại vô-cùng. Khi người nào đã bắt-đầu chú-ý xem xét lời của Đấng Christ trong Phước-Âm, người ấy sẽ thấy thêm ánh sáng.

(3) Sau đó Đấng Christ đưa ra một lời hứa gọi đến cái nhu-cần có ý-thức «Phàm ai uống nước ta cho thì chẳng hề khát nữa!» Câu 13-15. Dầu người đờn-bà nghèo-khổ này đương ao-trước chính là muốn được thỏa-mãn. Nàng đã tìm kiếm suốt đời nàng, công-cuộc tìm-kiếm ấy không bị hạn-chế trong luật-pháp của Đức Chúa Trời hay của người; nhưng nàng vẫn còn khát, và sự khao-khát không thể nào thỏa-mãn cho đến chừng nàng tìm được Đấng Christ làm Cứu-Chúa của mình. Loài người cần phải biết những điều đòi hỏi của Đấng Christ, nhưng họ cũng phải nghe những lời hứa của Ngài nữa. Trong mọi tấm lòng đều có mọi sự khao-khát, một cảm-giác thiếu-thốn mà Chúa hứa sẽ làm cho thỏa-mãn. Biết Ngài, tin-cậy Ngài thật lòng, tức là có ở trong tâm-hồn «một mạch nước văng ra cho đến sự sống đời đời.»

Người đờn-bà không thể nào hiểu biết hết những điều Chúa Jêsus đã nói và hứa. Nhưng trong lời đáp khao-khát của nàng, ta nghe vang âm tiếng kêu mô-hô của mọi cõi lòng nhân-loại: «Lạy Chúa, xin cho tôi được thấy, để cho tôi khỏi khát và không đến đây nữa.»

(4) Bây giờ Chúa Jêsus ban một mệnh-lệnh gọi đến lương-tâm: «Hãy đi, gọi chồng ngươi, rồi trở lại đây.» Tại sao Chúa ban lệnh này? Bởi vì dầu chúng ta có tiếp-nhận những lời đòi-hỏi của Ngài hoàn-toàn đến đâu, và thật sự hiểu hết những lời hứa của Ngài đến đâu nữa, chúng ta cũng không thể nào được thỏa lòng, bình-an cho đến khi đã sửa-chữa những lỗi-lầm của đời sống. Chúa Jêsus đã ấn ngón tay của Ngài trên chỗ đau của cuộc đời này. Lập tức nàng thu mình lại. Câu trả lời của nàng chỉ thật có một nửa. Nàng nói câu đó với vẻ lúng-

túng hơn là giận-dữ. Người khác lại đã truyền một lệnh đặng đến niềm bí-mật tâm-tử của tâm-hồn bà. Không lạ gì khi ta nghe bà trả lời: «Tôi không có chồng.»

(5) Lập-tức Chúa tiết-lộ một điều gọi đến bản-năng tôn-giáo. Câu 17-20. Ngài phơi trần câu chuyện về cuộc đời nàng, làm vậy Chúa cũng chứng-tỏ khả-năng thần-trí của Ngài. Nàng bết gọi Ngài là «một Đấng tiên-tri», và hỏi Ngài một câu liên-quan đến nơi thờ-phượng thật. Có người cho rằng nàng đã khéo-léo chuyên-hưong câu chuyện vì cảm thấy nó làm cho mình khó chịu. Nhưng sự liên-tưởng của nàng chắc là sâu-sắc hơn. Sự phát-giác cuộc sống kín-giấu của nàng, sự hiện-diện của một sứ-giả thiên-thượng, đã gọi đến bản-năng tôn-giáo đầu đã ngủ nhưng không hề chết. Nhưng người đờn-bà đã suy-nghĩ về tôn-giáo như một việc hình-thức và lễ-nghi. Nàng chưa hề cảm thấy thỏa-mãn khi vâng giữ tôn-giáo ấy. Như vậy, với phần nào thành-thật nàng đã hỏi ý-kiến của Đấng tiên-tri về nơi thích-hợp cho những lễ-nghi tôn-giáo. Có thể nàng đã suy-nghĩ rằng chắc có một lối-làm nào đây; người ta nên thờ-phượng tại núi Ga-ri-xim như người Sa-ma-ri tin, hay tại Giê-ru-sa-lem như người Do-thái dạy?

(6) Bây giờ Chúa lại phát-lộ một điều gọi lên niềm hy-vọng. Câu 21-25. Ngài bảo người đờn-bà rằng điều nàng cần lo không phải là nơi thờ-phượng mà là sự thờ-phượng, vì nàng chưa hề thờ-phượng bao giờ. «Đức Chúa Trời là Thần» nên ai thờ-phượng thật không phải là một vấn-đề nơi chốn mà là đức-tin và thương-yêu, không phải là một công-việc hình-thức lễ-nghi, mà là của thực-sự thiêng-liêng. Tinh-túy của nó ở trong sự hiểu-biết Đức Chúa Trời và tương-giao với Ngài như một Cha từ-ái. Đức Chúa Trời thật đã chỉ-dịnh Giê-ru-sa-lem làm nơi thờ-phượng đề dùng người Do-thái mặc-khải sự cứu-rỗi, nhưng đã đến lúc không còn giới-hạn địa-phương cho sự thờ-phượng nữa. Những kẻ thờ-phượng thật không cần chú-trọng đến nơi đến chốn và biểu-hiệu nhưng

họ sẽ thờ-phượng bằng « tâm-thần và lễ thật. » Câu trả lời của người đôn-bà ngụ ý cần một Đấng Trung-bảo đến giúp người ta hiểu biết về Đức Chúa Trời và đem những linh-hồn tội-lỗi trở về tương-giao với Ngài. « Tôi biết rằng Đấng Mê-si sẽ đến... Ngài sẽ rao-truyền mọi sự cho chúng ta. » Mặc dầu đốt-nát và tội-lỗi, nàng vẫn nuôi-dưỡng trong lòng niềm hy-vọng về Cứu-Chúa.

(7) Bây giờ người đôn-bà đã sẵn-sàng tiếp-nhận lời phán tối-trọng: « Ta, người đang nói với người đây, chính là Đấng đó. » Người đôn-bà tin chẳng? Hành-động của nàng còn hùng-biện gấp mấy lời nói. Sáu lần Chúa Jê-sus phán, nàng đều đáp lời lại. Lần thứ bảy khi Ngài tuyên-bố Ngài là Đấng Mê-si, nàng không nói một câu trả lời, nhưng ta thấy « nàng bỏ cái vò của mình lại và vào thành, nói với người tại đó rằng: Hãy đến xem một người đã bảo tôi tại điều tôi đã làm; ấy chẳng phải là Đấng Christ sao? » Chúng ta không biết đức-tin của nàng đạt đến mức nào, nhưng ngày nay nếu có người nào chú-ý đến Đấng Christ đến nỗi quên công-việc hằng ngày của mình một thời-gian, mong-mỏi muốn nói cho kẻ khác biết về Đấng Christ, chúng ta có thể đoán không sai rằng đức-tin ấy là đức-tin thật và sống động. Thích-thú và cảm-hứng của câu chuyện lên đến tột-độ khi chuyển truyền-giáo bất-ngờ của người môn-đồ mới này thành-công, khiến những người Sa-ma-ri chạy ra hoan-ngình Đấng Mê-si.

Khi các môn-đồ đến mời Ngài ăn, Chúa Jê-sus tuyên-bố rằng Ngài cảm-thấy no đủ thỏa-mãn khi tỏ mình ra cho những linh-hồn đói-khát, như Ngài vừa tỏ ra cho người đôn-bà bên cạnh giếng. Những kẻ tìm-kiếm Ngài chắc sẽ ngạc-nhiên thấy Ngài sung-sướng mà khải-thị cho họ biết chính mình Ngài cách rõ-ràng. Câu 31-34.

Khi Chúa Jê-sus thấy những người Sa-ma-ri kéo đến để gặp Ngài vì cơ lời chứng họ đã nghe, Chúa Jê-sus chỉ cho họ thấy rằng lúc nào những kẻ theo Ngài cũng có cơ-hội để làm chứng kết-quả. Không có lý-do nào để

tri-hoãn. Đồng ruộng « đã vàng. » Tuy thế mùa-màng chúng ta gặt-hái là do những kẻ khác gieo ra, và phần thưởng của chúng ta là cứu được những linh-hồn bất-diệt. Câu 35-38.

Cảnh người Sa-ma-ri hàn-hoan đón-tiếp Chúa Jê-sus vào thành-phố và lòng mình, không đòi hỏi một phép lạ nào, cho ta thấy viễn-trọng tiên-tri về những đoàn người từ các quốc-giá đến hoan-nghinh Đấng Mê-si mà người Do-thái chối-hở, và tìm được sự sống trong Đấng mà họ nhận là « Cứu-Chúa của thế-giá. » Câu 38-42.

d. Lãm chứng tại Ga-li-lê

4 : 43 - 54

« ⁴³Khỏi hai ngày ấy. Đức Chúa Jê-sus từ đó đi qua xứ Ga-li-lê ⁴⁴(vì chính Ngài đã phán rằng một người tiên-tri chẳng bao giờ được tôn-kính trong quê-hương mình). ⁴⁵Khi đã đến xứ Ga-li-lê, Ngài được dân xứ ấy tiếp-rước tử-tế, bởi dân đó đã thấy mọi điều Ngài làm tại thành Giê-ru-sa-lem trong ngày lễ ; vì họ cũng có đi dự lễ.

⁴⁶VẬY, Ngài lại đến thành Ca-na, trong xứ Ga-li-lê, là nơi Ngài đã hóa nước thành rượu. Nguyên ở tại thành Ca-bê-na-um, có một quan thị-vệ kia, con trai người mắc bịnh. ⁴⁷Quan đó nghe Đức Chúa Jê-sus đã từ xứ Giu-đê đến xứ Ga-li-lê, bèn tìm đến và xin Ngài xuống dạng chữa cho con mình gần chết. ⁴⁸Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Nếu các người không thấy phép lạ và điềm lạ, thì các người chẳng tin ! ⁴⁹Quan thị-vệ trả lời rằng : Lạy Chúa, xin Chúa xuống trước khi con tôi chưa chết ! ⁵⁰Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Hãy đi, con của người sống. Người đó tin lời Đức Chúa Jê-sus đã phán cho mình, bèn đi. ⁵¹Người đang đi dọc đường, các đầy-tớ người đến đón mà rằng : Con trai chủ sống. ⁵²Người bèn hỏi họ con trai mình đã thấy khá lắm giờ nào. Họ trả lời rằng : Bữa qua, hồi giờ thứ bảy, cơn rét lui khỏi. ⁵³Người cha nhận-biết rằng ấy là chính giờ

đó Đức Chúa Jêsus đã phán cùng mình rằng : Con của người sống ; thì người với cả nhà đều tin. ⁵⁴ Ấy là phép lạ thứ hai mà Đức Chúa Jêsus đã làm, khi Ngài từ xứ Glu-dê trở về xứ Ga-li-lê. »

Nhưng điều Chúa Jêsus gặp khi Ngài quay về Ga-li-lê được tóm-tắt bằng câu phương-ngôn mà Ngài đã lặp lại trong hai cơ-hội sau này : « Một người tiên-tri chẳng bao giờ được tôn-kính trong quê-hương mình. » Chúa Jêsus đã sống với người Ga-li-lê trong ba mươi năm, nhưng họ không nhìn biết Ngài là Đấng tiên-tri, họ không hề trông-tượng Ngài có một thần-chức giữa họ. Ngài chẳng được một thanh-dự nào trong quê-hương của mình, nhưng Ngài đã đến Giê-ru-sa-lem và đã được mọi người chú-ý : nhiều người tuyên-bố rằng họ sẵn-sàng nhận Ngài là Đấng Mê-si mà họ đang trông-đợi, một linh-tụ chánh-trị, một Đấng làm phép lạ. Khi Ngài quay về Ga-li-lê, danh-tiếng về Ngài chạy trước Ngài : « dân xứ ấy tiếp-rước từ-tế bởi dân-sự đã thấy mọi điều Ngài làm tại Giê-ru-sa-lem. » Họ tin Ngài vì nghe danh-tiếng và thấy công-việc của Ngài ; nhưng đức-tin của họ chỉ mới phát-khởi, còn bất-toàn cũng như đoàn dân tại Giê-ru-sa-lem, hạng người mà « Chúa Jêsus chẳng phó-thác mình cho họ. » Một mặt, đức-tin sơ-khởi sẽ nảy-nở thành lòng tin-cậy trọn- vẹn. Mặt khác, nó có thể nhường chỗ cho hoài-nghi và ghen-ghét. Ta sẽ thấy gương này trong đoạn thư sáu của Phước-âm. Nhưng ở đây ta có một gương khủ-ái về trường-hợp trước.

Bức tranh của nhà qui-tộc ở thành Ca-hê-na-um diễn-tả sự tiệm-tiến của lòng tin. Đây là bức di-ảnh, nhưng mọi đường nét đều rõ-rệt, và các giai-đoạn tiến-triển của đức-tin được vẽ lại rõ-ràng như trong trường-hợp người đàn-bà Sa-ma-ri hay người mù từ thuở sinh ra. Đoạn 9.

Trước hết đức-tin của nhà qui-tộc chỉ đến độ xem Chúa Jêsus như là Đấng làm phép lạ. Ông đến cùng Ngài vì một việc cần cấp-bách. Ông tin rằng Ngài có thể chữa lành cho con trai mình đang « gần chết. » Ông xin Chúa Jêsus đi với ông xuống Ca-hê-na-um để chữa. Chúa đã phán cùng ông một lời có vẻ quở-trách nghiêm-khắc. « Nếu các người không thấy phép lạ và điềm lạ thì các người chẳng tin ! » Tuy-nhiên, trong câu ấy Chúa diễn-tả thái-

độ chung của người Ga-li-lê đối với Ngài. Người qui-tộc là một gương về đức-tin bất-toàn này. Những lời của Chúa phán cùng nhà qui-tộc là để tỏ cho ông biết rằng : Ông đương cần một đức-tin cao hơn. Câu ấy chứng-tỏ Đấng Christ không phải chỉ là Đấng làm phép lạ, Ngài còn cao-qui hơn muôn phần. Ngài muốn loài người biết Ngài, tin-cậy Ngài và dâng mình cho Ngài. Chắc rằng giọng điệu và dáng-vẻ của Đấng Christ đã làm giảm mất vẻ gay-gắt trong câu trả lời của Ngài. Người cầu-xin không thất-vọng. Ông lại càng tỏ ra tin-cậy hơn và thúc-giục hơn khi lặp lại lời xin của mình «Lạy Chúa, xin Chúa xuống, trước khi con tôi chưa chết.»

Bây giờ Chúa Jêsus dùng một lối trắc-nghiệm nghiêm-khắc để rèn-luyện người cầu-xin và phát-triển đức-tin của người : «Hãy đi, con người sống.» Thật khó cho người qui tộc phải lia Đấng tiên-tôi, vì ông đã hy-vọng mới được Ngài về nhà. Cũng không dễ gì con ông được chữa lành ngay tức-khắc. Lệnh của Chúa phán chứng-tỏ Ngài có nhiều quyền-năng hơn ông tưởng, Ngài có thể chữa lành từ nơi xa, và không cần phải trông thấy. Đức-tin của người qui-tộc lại vươn lên cho kịp đòi-hỏi mới-mẻ này. Ông liền lia Chúa để về nhà không chút chậm-trễ. Bây giờ không phải ông chỉ tin vào những lời đồn về quyền của Đấng Christ ; ông tin-cậy yên-nghỉ trên lời của Đấng Christ. Ông tiến đến giai-đoạn thứ ba khi ông gặp các thầy-tớ vui-mừng thuật lại rằng đứa bé không phải chỉ bắt đầu bớt, nhưng đã lành-mạnh ngay từ giờ Đấng ban cho lời hứa hi-vọng. Bây giờ ông sẵn-sàng phó-thuộc mình cho Đấng Christ, xưng-nhận đấng-tôi, và đem cả gia-đình vào địa-vị tin-cậy và dâng-hiến tuyệt-đối.

Kết-luận câu chuyện, sử-gia nhắc-nhở chúng ta rằng đây là phép lạ thứ hai của Chúa đã làm tại Ca-na xứ Ga-li-lê, và cũng đánh dấu một thời-kỳ quan-trọng trong chức-vụ Ngài.

Hai « dấu lạ » này đã làm ra trong hai hoàn-cảnh tương-phản lạ-lùng : một gia-đình vui-vẻ trong tiệc cười, một gia-đình âm-đạm, đau-đớn trong bóng của sự chết ! Tuy nhiên, cả hai đều làm chứng về Phạm-vị của Đấng Christ,

cả hai đều diễn-tả niềm vui và phước-hạnh nhờ tin-cậy nơi Ngài.

Như phép lạ đầu-tiên đã bố-mạc quãng đời tư của Chúa cách vui-vẻ trước khi Ngài xuất-hiện trước quần-chúng Do-thái với tư-cách của Đấng Mê si họ đang mong-đợi ; cũng vậy, phép lạ thứ hai chấm dứt màn đầu cuộc sống công-khai của Ngài, và nhắc-nhở ta rằng trong những ngày đến, giữa những nghi-ngờ, ghen-ghét, chống-đối, có những kẻ như nhà qui-tộc ở thành Ca-bê-an-uu tin-cậy yêu-thương Ngài, tại một thành-phố mà Ngài đã chọn làm nơi cư-trú trong một thời-gian.

II SỰ PHÁT-HUY ĐẦY-ĐỦ HƠN

Đoạn 5 - 11

Đoạn 5 của sách Giảng mở đầu một phần đặc-biệt trong câu chuyện kể về chức-vụ công-khai của Chúa. Ở đây ta thấy đức-tin đã nầy-nở trong vài trường-hợp cá-nhân, nhưng vô-tin lại phổ-thông hơn và thành giận-dữ thù-hận. Cuộc xung-đột giữa Đấng Christ và những lãnh-tụ dân Do-thái bắt đầu, để cuối-cùng bọn này quyết-định tiêu-diệt Ngài. Bảy đoạn này có thể chia ra như sau :

a. « Dấu lạ » trong ngày Sa-bát ; cuộc xung-đột bắt đầu. Đoạn 5 - 8.

b. « Dấu lạ » thứ sáu ; chính - thức xung - khắc với các lãnh-tụ tôn-giáo. Đoạn 9 - 10.

c. « Dấu lạ » tối-cao ; âm - mưu của những kẻ căm quyền. Đoạn 11.

Ta thấy rằng mỗi phân-đoạn ấy bắt đầu bằng một phép lạ, một cơ-hội cho cuộc chống-đối thù-ghét tăng thêm, cho đến cuối-cùng kẻ thù của Chúa chính-thức hiệp ý giết Ngài.

Phân đoạn thứ nhất gồm có ba đoạn nhỏ :

(1) « Dấu lạ » trong ngày Sa-bát ; sự thù-ghét bùng lên tại Giê-ru-sa-lem. Đoạn 5 :

(2) Cuộc khủng-hoảng về lòng tin tại Ga-li-lê. Đoạn 6.

(3) Cuộc xung-đột tiếp-diễn tại Giê-ru-sa-lem. Đoạn 7 - 8.

(1) « Dấu lạ » trong ngày Sa-bát.

Đoạn 5

Chúa Jêsus nguồn của sự sống

Dấu lạ và Hậu-quả

Câu 1 - 16

« 1 Kể đó, có một ngày lễ của dân Giu-đa, Đức Chúa Jê-sus lên thành Giê-ru-sa-lem. 2 Số là, tại thành Giê-ru-sa-lem, gần cửa Chiên, có một cái ao, tiếng Hê-bơ-rơ gọi là Bê-tết-da, xung-quanh ao có năm cái vòm cửa. 3 Những kẻ đau-ốm, mù-quáng, tàn-tật, bại-xuội nằm tại đó rất đông, chờ khi nước động ; 4 vì một thiên-sứ thỉnh-thoảng giáng xuống trong ao, làm cho nước động ; lúc nước đã động rồi, ai xuống ao trước hết, bất kỳ mắc bệnh gì, cũng được lành. 5 Nơi đó, có một người bị bệnh đã được ba mươi tám năm. 6 Đức Chúa Jê-sus thấy người nằm, biết rằng đau đã lâu ngày, thì phán : Người có muốn lành chăng ? 7 Người bệnh thưa rằng : Lạ Chúa, tôi chẳng có ai để quăng tôi xuống ao trong khi nước động ; lúc tôi đi đến thì kẻ khác đã xuống ao trước tôi rồi. 8 Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Hãy đứng dậy, vác giường người và đi. 9 Tức thì người ấy được lành, vác giường mình và đi. Và, bấy giờ là ngày Sa-bát.

10 Các người Giu-đa bèn nói với kẻ được chữa lành rằng : Nay là ngày Sa-bát, người không phép mang giường mình đi. 11 Người trả lời rằng : Chính người đã chữa tôi được lành, biểu tôi rằng : Hãy vác giường người và đi. 12 Họ hỏi rằng : Người đã bảo người : Hãy vác giường và đi, là ai ? 13 Nhưng người đã được chữa lành không biết là ai ; vì Đức Chúa Jê-sus đã lẩn trong đám đông tại chỗ đó. 14 Sau lại, Đức Chúa Jê-sus gặp người đó trong đền-thờ, bèn phán rằng : Kia, người đã lành rồi, đừng phạm tội nữa, e có sự gì càng xấu-xa xảy đến cho người chăng. 15 Người đó đi nói với các người Giu-đa rằng ấy là Đức Chúa Jê-sus đã chữa lành cho mình. 16 Nhưn đó dân Giu-đa bắt-bớ Đức Chúa Jê-sus, vì có Ngài làm những sự ấy trong ngày Sa-bát. »

Người ta nói rằng Chúa làm phép lạ này tại Giê-ru-sa-lê-m vào một « ngày lễ », nhưng không thể quả- quyết là lễ Phu-rim, hoặc Ngũ-tuần hay một lễ nào đó.

Ngài làm phép lạ ấy tại ao Bê-tết-đa, ở gần chợ buôn cừu, hay « cửa chiên. » Không biết nơi này nằm ở đâu. Nhưng ta không cần biết đích-xác thời-gian hay nơi chốn, điều quan-trọng là ý-nghĩa của dấu lạ, tương-quan của nó với chức-vụ của Đấng Christ. Phép lạ này làm chứng cho Phẩm-vị Trời của Đức Chúa Jê-sus, là Đấng ban sự sống. Nó là cơ-hội của những lời tuyên-bố đã gây nên sự thù-ghét của dân Do-thái. Nó cho ta thấy kết-quả của đức-tin trong Ngài.

Quang-cảnh ở Bê-tết-đa là bức tranh linh-hoạt của sự đau-khổ, của vị-kỷ, của tội-lỗi trong thế-gian, ngược lại với cảnh ấy là công-tác chữa bệnh và cứu-rỗi của Chúa. Chỉ mình Ngài có thể sửa-chữa những tàn-phá nhân-loại và cứu những kẻ hư-mất. Chức-vụ của Ngài là chức-vụ cứu-chuộc. Toàn đoạn làm chứng về Phẩm-vị của Đấng Christ, và sự ban-phát đức-tin, nhưng có một đặc-điểm nổi bật trong phần ghi lại phép lạ này, ấy là nó kể lại sự tiến-triển của đức-tin.

Theo những lời phán của Đấng Christ, ta thấy có ba giai-đoạn : (1) Câu hỏi : « Người có muốn lành chăng ? » bao-hàm ý quở-trách. Người này đã hết hi-vọng. Ông ta không mong được lành nữa. Nếu bảo rằng ông ta không muốn được chữa lành thì có thể là không đúng. Nhưng trong địa-hạt tật-nguyên thuộc-linh, có nhiều kẻ không mong được chữa lành. Họ đau-dớn cảm-biết những yếu-đuối và tội-lỗi của mình, nhưng họ không bao giờ mong được bình-phục. Có kẻ không hề ao-ước. Họ trách tội-lỗi. Đối với họ, một cuộc sống thánh-sạch thuần-khiết không có gì hấp-dẫn. Họ có thể ở tại Bê-tết-đa, họ có thể rất quen-thuộc vào nhà thờ và các thánh-lễ : nhưng họ không có gì hơn ngoài một hy-vọng mơ-hồ sẽ được lành-mạnh.

Tuy-nhiên, câu hỏi ấy hiển-nhiên là dấu-hiệu của hy-vọng. Trong câu hỏi bất-ngờ của Chúa chắc có một giọng-điệu và cử-chỉ chứng-tỏ Ngài có thể chữa lành và

sẵn lòng để chữa. Đức-tin đã được đánh-thức, dầu chỉ là đức-tin rất yếu-ớt. Linh-hồn nào thành-khản tìm-hiểu sức mạnh thuộc-linh, trước hết cũng phải nhờ lời hứa của Đức Thánh-Linh khích-động.

(2) Mệnh-lệnh, « Hãy đứng dậy vác giường ngươi và đi. » Chữ đầu « hãy đứng dậy » gợi ra ý cần phải cương-quyết và hành-động mau-lẹ. « Vác giường ngươi » nhắc cho kẻ được chữa lành không được suy-nghĩ rằng bệnh sẽ tái-phát, không còn chỗ để ngã vào con đường của cuộc sống cũ, không sợ tương-lai, nhưng cứ tin-cậy Đấng Christ « Bước đi » tuyên-bố điều cần-thiết là bước ngay vào cuộc sống mới trong Đấng Christ. Cần phải xưng-nhận đức-tin và thực-hành bổn-phận Cơ-đốc-nhân. Mệnh-lệnh của Đấng Christ luôn luôn là một lời hứa : bất-cứ Ngài khuyên ta làm điều gì cũng đều có ban cho ta quyền-phép để thi-hành. Như Augustin nói : « Xin hãy ban điều gì Ngài truyền và hãy truyền điều gì Ngài muốn. »

(3) Lời cảnh-cáo, « Đừng phạm tội nữa, e có sự gì càng xấu-xa xảy đến cho ngươi chẳng. » Lời ngăn-ngừa ấy có vẻ không cần-thiết. Ba mươi tám năm trời khốn-khổ vì tội-lỗi gây nên có thể đủ để giữ người không sa vào quyền-lực của nó nữa. Nhưng có một thực-sự đáng buồn là sự đau-đớn do tội-lỗi gây ra không thể làm cho người ta ghét tội, dầu người ta đã khổ vì nó đến đâu đi nữa. Chỉ có một phương-pháp an-toàn là đem ý-chí của mình đầu-phục ý-chí của Đức Chúa Trời.

Người được chữa lành cảm thấy mình có thể vững-vàng vâng-theo mệnh-lệnh của Đấng Christ là Đấng người ta đã tin-cậy để được chữa lành. Trong khi người vác chiếc chiếu nhỏ mà người đã nằm bao nhiêu năm để về nhà, thì người Do-thái rầy người vì đã phạm ngày Sa-bát. Người trả lời rằng người chỉ làm theo lệnh của Đấng chữa lành cho người. Nói rộng ra, Đấng Christ, Đấng ban cho ta sự sống và sức mạnh thuộc-linh là một Cứu-Chúa, vâng theo lệnh Ngài chúng ta sẽ được phước-hạnh vui-mừng. Dầu phải chống-đối với tập-quán xã-hội, phong-tục hay dư-luận, chúng ta cũng vẫn phải trung-thành với Ngài. Đã là Đấng ban sự sống, thì không lẽ gì mà Ngài

không thể là Đấng ban luật-pháp được:

Lời tuyên-bố

Câu . 17 - 29

« 17 Nhưng Ngài phán cùng họ rằng : Cha ta làm việc cho đến bây giờ, ta đây cũng làm việc như vậy. 18 Bởi có đó, dân Giu-đa càng kiếm cách nữa để giết Ngài, chẳng những vì Ngài phạm ngày Sa-bát thời, mà lại vì Ngài gọi Đức Chúa Trời là Thần-Phụ mình, làm ra mình bằng Đức Chúa Trời.

19 Vậy, Đức Đức Chúa Jêsus cất tiếng phán cùng họ rằng : Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, Con chẳng tự mình làm việc gì được ; chỉ làm đều chi mà Con thấy Cha làm ; vì mọi điều Cha làm, Con cũng làm y như vậy. 20 Cha yêu Con và tỏ cho mọi điều Cha làm ; Cha sẽ tỏ cho Con công-việc lớn-lao hơn những việc này nữa, để các người lấy làm lạ-lùng. 21 Và, Cha khiến những kẻ chết sống lại và ban sự sống cho họ thế nào, thì Con cũng ban sự sống cho kẻ Con muốn thế ấy. 22 Cha cũng chẳng xét-đoán ai hết, nhưng đã giao trọn quyền phán-xét cho Con, 23 đặng ai nấy đều tôn-kính Con. cũng như tôn-kính Cha vậy. Ai không tôn-kính Con, ấy là không tôn-kính Cha, là Đấng đã sai Con đến.

24 Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, ai nghe lời ta mà tin Đấng đã sai ta, thì được sự sống đời đời, và không đến sự phán-xét, song vượt khỏi sự chết mà đến sự sống. 25 Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, giờ đến, và đã đến rồi, khi những kẻ chết sẽ nghe tiếng của Con Đức Chúa Trời, và những kẻ nghe sẽ được sống. 26 Vì như Cha có sự sống trong mình, thì Cha cũng đã ban cho Con có sự sống trong mình vậy. 27 Cha đã ban quyền thi-hành sự phán-xét cho Con, vì là Con người. 28 Chớ lấy điều đó làm lạ ; vì giờ đến, khi mọi người ở trong mồ-mả nghe tiếng Ngài và ra khỏi : 29 ai đã làm lành thì sống lại để được sống, ai đã làm dữ thì sống lại để bị xét-đoán. »

Người đã được chữa lành lý-luận rằng nếu Chúa Jêsus có quyền chữa lành thì Ngài cũng có quyền truyền-lệnh; vâng theo Ngài chắc được an-toàn.

Người Do-thái lý-luận cách khác. Họ cho rằng một người hành-động trái với những thích-nghĩa hạn-hẹp của luật-pháp phải là một tội-nhân. Họ khởi-sự bắt-bớ Chúa Jêsus. Tuy-nhiên sự chống-đối của họ đã đem lại cho Ngài một cơ-hội để Ngài tuyên-bố những lời kích-động chưa từng thấy. Theo Kinh ghi lại, ý-nghĩa của lời ấy rất rõ-ràng : « Cha ta làm việc cho đến bây giờ, ta đây cũng làm việc như vậy. » « Bởi cơ đó, dân Giu-đa càng kiếm cách nỡ để giết Ngài, chẳng những vì Ngài phạm ngày Sa-bát thôi, mà lại vì Ngài gọi Đức Chúa Trời là Thân-Phụ mình, làm ra mình bằng Đức Chúa Trời. » Bảo rằng Chúa Jêsus chỉ tuyên-bố công-việc của Ngài giống với công-việc phước-hạnh của Đức Chúa Trời thì chưa đủ ; Ngài minh-xác rằng công-việc của Ngài với công-việc của Đức Chúa Trời là một, và Ngài với Đức Chúa Trời có một tương-quan tuyệt-đối độc-nhất, Ngài gọi Đức Chúa Trời « là Thân-Phụ mình. » Không lạ gì dân Do-thái đã mưu-toan giết Ngài. Hoặc Chúa Jêsus là tên phạm-thượng lừa-đảo, hoặc Ngài phải là Con Đức Chúa Trời.

Theo lời Chúa tuyên-bố, những linh-công mà Ngài dự phần với Đức Chúa Cha gồm hai chức-vụ, và không một chức-vụ nào loài người có thể đảm-đương được. Phép lạ Ngài làm chứng-tỏ Ngài là Đấng ban sự sống. Ngài là Đấng Thâm-phán của nhân-loại. Ở trường-hợp nào, hoạt-động đó đều nằm cả trong hiện-tại và tương-lai. Ngài lại là Nguồn của sự sống và sự đổi mới. Chỉ mình Ngài có thể chữa lành sự bất-lực về đạo-đức. Ngài có thể kéo linh-hồn ra khỏi sự chết thuộc-linh ; khi thi-giờ đến, Ngài sẽ đem những kẻ đang ở dưới quyền của sự chết thể-xác ra khỏi huyết mồi. Vậy sự phán-xét này, giống như quyền-năng phục-sinh, gồm có « sự phán-xét » hiện-tại vốn là mục-dịch của Ngài khi xuống thế-gian, sự phán-xét này do loài người tự định-đoạt bởi thái-độ của mình đối với Ngài, và với Tin-lành Ngài, cùng sự phán-xét chung-thâm trong tương-lai ; cuộc phán-xét này phát-lộ tâm-tinh và « quyết-định số-phận. » Do đó Chúa Jêsus đã nói đến hai sự sống

lại ! Sự sống lại thuộc-linh mà mọi người tin đều hưởng được ngay trong đời này, đó là sự sống dầy trong cuộc đời mới. câu 21, 25 ; và sự sống lại của thân-thể, còn ở trong tương-lai ; Ngài là Tác-giả và Đại-diện cho cả hai. Có một ai, ngoài Con Đứơc Chúa Trời có thể tuyên-bố như thế này chẳng : «Giờ đến khi mọi người ở trong mồ-mả nghe tiếng Ngài và ra khỏi : ai đã làm lành thì sống lại để được sống, ai đã làm dữ thì sống lại để bị xét-đoán.» Câu 28-29.

Lời Chứng

Câu 30 - 47

«³⁰ Ta không thể tự mình làm nổi việc gì, ta xét-đoán theo điều ta nghe và sự xét-đoán ta là công-bình, vì ta chẳng tìm ý-muốn của ta, nhưng tìm ý-muốn của Đấng đã sai ta.

³¹ Nếu ta tự mình làm chứng lấy, thì sự làm chứng ấy không đáng tin. ³² Có người khác làm chứng cho ta, và ta biết rằng chứng người đó làm cho ta là đáng tin. ³³ Các người có sai sứ đến cùng Giăng, thì người đã làm chứng cho lẽ thật. ³⁴ Còn ta, lời chứng mà ta nhận lấy chẳng phải bởi người ta ; nhưng ta nói vậy, dặng các người được cứu. ³⁵ Giăng là đước đã thấp và sáng, các người bằng lòng vui tạm nơi ánh sáng của người. ³⁶ Nhưng ta có một chứng lớn hơn chứng của Giăng ; vì các việc Cha đã giao cho ta làm trọn, tức là các việc ta làm đó, làm chứng cho ta rằng Cha đã sai ta. ³⁷ Chính Cha, là Đấng đã sai ta, cũng làm chứng về ta. Các người chưa hề nghe tiếng Ngài, chưa hề thấy mặt Ngài, ³⁸ và đạo Ngài không ở trong các người, vì các người không tin Đấng mà Ngài đã sai đến. ³⁹ Các người dò xem Kinh-thánh, vì tưởng bởi đó được sự sống đời đời ; ấy là Kinh-thánh làm chứng về ta vậy. ⁴⁰ Các người không muốn đến cùng ta để được sự sống ! ⁴¹ Ta chẳng cầu vinh-hiền bởi người ta mà đến đây ; ⁴² nhưng ta biết rằng các người chẳng có sự yêu-mến Đứơc Chúa Trời ở trong các người. ⁴³ Ta đã hơn-danh Cha ta mà đến, các người không nhận lấy ta. Nếu có kẻ khác lấy danh riêng mình mà đến,

thì các người sẽ nhận lấy. ⁴⁴ Các người vẫn chịu vinh-hiền lẫn của nhau, không tìm-kiếm vinh-hiền bởi một mình Đức Chúa Trời đến, thì thế nào các người tin được ? ⁴⁵ Chớ ngờ rằng ấy là ta sẽ tố-cáo các người trước mặt Cha, người sẽ tố-cáo các người; là Môi-se, là người mà các người đã trông-cây. ⁴⁶ Vì nếu các người tin Môi-se, cũng sẽ tin ta ; bởi ấy là về ta mà người đã chép. ⁴⁷ Nhưng nếu các người chẳng tin những lời người chép, các người há lại tin lời ta sao ? »

Bây giờ Chúa Jêsus công-bố bằng-chứng để hậu-thuần cho lời tuyên-bố vĩ-đại trên kia. Đó không phải lời chứng của loài người mà của chính Đức Chúa Trời. Dĩ-nhiên lời chứng của người đã có rồi. Giảng cũng như « đèn » đã thấp sáng, người Do-thái vui « tạm » nơi « ánh sáng của người ». Nhà đại tiên-tri này cũng đã làm chứng như Ngài đã tuyên-bố rằng Ngài đồng-nhất với Đức Chúa Trời ; « Kia Chiên Con của Đức Chúa Trời » và « Đây là Con Đức Chúa Trời. »

Tuy-nhiên, Chúa phán rằng Ngài có một chứng lớn hơn chứng của Giảng hay của bất-cứ một người nào. Đó là lời chứng của Cha Ngài, Đức Chúa Cha đã chứng-nhận tinh-cách Con Đức Chúa Trời của Chúa Jêsus bằng những phép lạ Con Ngài thi-thố. Ngoài ra Đức Chúa Cha còn có một lời chứng không kém quan-trọng. Đó là các bản Kinh Cựu-uớc. Chúng chứng-nhận về Đức Chúa Con. Loài người không lầm-lẫn khi họ mong nhờ hiểu biết những bản Kinh này để tìm sự sống, nhưng họ chỉ có thể tìm thấy sự sống khi họ nhìn thấy Đấng được mặc-khải cho họ và đầu-phục Ngài, và Ngài là Nguồn và Tác-giả của sự sống.

Kết-luận bài giảng-thuyết, Chúa lên án người Do-thái vì đã chối-bỏ Ngài. Họ tự cho mình là tin Kinh-thánh, họ tưởng chối-bỏ Chúa Jêsus là trung-thành với Môi-se. Chúa Jêsus tuyên-bố nếu họ thật trung-thành với Môi-se ắt họ phải đến nhận Ngài, vì Môi-se đã chứng-minh về Ngài trong Kinh-thánh. Ngài nhấn mạnh rằng người Do-thái vô-tin không phải vì họ thiếu bằng-chứng mà thiếu tinh yếu

đối với Đức Chúa Trời. Họ tin-kiếm vinh-hiền nơi người ta và điều này khiến họ mù đối với lẽ thật Con Đức Chúa Trời. Như vậy, theo Giảng, trong vấn-đề đức-tin và vô-tin luôn luôn có một yếu-tố đạo-đức. Khi nào tấm lòng hướng về Đức Chúa Trời trong yêu-thương dâng hiến, thì nó sẽ sẵn-sàng đáp-ứng lời chứng về Đức Chúa Con; đức-tin sẽ đến, rồi nhờ đức-tin sẽ có sự sống đời đời mà chỉ mình Con mới có thể ban cho.

Như vậy, vấn-đề then-chốt của Kinh-thánh là lời chứng về Đấng Christ, Đức-tin nơi Ngài sẽ biến chân-lý thành sự sống.

(2) Cuộc khùng-hoảng về đức-tin tại Ga-li-lê.

Đoạn 6

Chúa Jêsus bánh của sự sống

Sự chuyện đoạn ở đây có vẻ như đột-ngột. Đoạn trước chúng ta ở tại Giê-ru-sa-lem; qua đoạn sau, đoạn này chúng ta sẽ trở lại thành-phố thánh ấy; nhưng ở trong đoạn này chúng ta ở tại Ga-li-lê, bên bờ biển Ti-bê-ri-át, Tuy-nhiên tư-tưởng vẫn liên-tục. Trong cảnh vừa rồi ta thấy Chúa Jêsus bị thiên-hạ nổi lên thù-ghét vì Ngài đã chữa bệnh cho người vào ngày Sa-bát. Ngài không thể an-toàn nếu cứ ở lại Giê-ru-sa-lem, bởi vậy Ngài đã rút lui về Ga-li-lê. Bấy giờ Ngài đương nán lại đây, mặc dầu lẽ vượt-qua đương cử-hành. Nói cách khác, ở đây Giảng nói về chức-vụ lâu-dài tại Ga-li-lê mà các Phưóc-âm khác có nói rõ chi-tiết, và ám-chỉ rằng nguyên-nhân của chức-vụ này là cuộc xung-đột bùng lên giữa Chúa Jêsus và các lãnh-tụ Do-thái-giáo.

Vậy thì tại sao trong bao nhiêu phép lạ Chúa làm tại Ga-li-lê, Giảng chỉ chọn ghi lại phép lạ hóa bánh cho năm ngàn người ăn và đi bộ trên mặt biển? Ấy là bởi vì những phép lạ này liên-quan đến những lời giảng-thuyết đã dẫn đến sự nút-ran trầm-trọng giữa những kẻ theo Đấng Christ. Kết cuộc là có sự chia rẽ, và người ta công-khai biểu-lộ đức-tin hoặc lòng vô-tin.

Do đó đoạn 6 : là một phần tiếp-hậu xứng-hợp song song với đoạn 5 : Đoạn này chia làm ba phần : (a) Các phép lạ, câu 1-21 ; (b) Bài giảng-thuyết, câu 22-59 ; (c) Các khủng-hoảng về đức-tin, câu 60-71. Bài « giảng-thuyết » có thể chia làm bốn khúc đối-thoại rõ-ràng : Thứ nhất, từ câu 25-40, đáp lại một câu hỏi của người Do-thái ; thứ hai, từ câu 41-51 ; đáp lại lời lầm-bầm của người Do-thái ; thứ ba, từ câu 52-59, đáp lại cuộc tranh-biện giữa người Do-thái ; thứ tư, câu 60-65, bình-luận quyết-định của những kẻ bỏ Chúa rút lui. Tuy-nhiên, ta cũng có thể luận-giải bài này như là một bài giảng hay diễn-văn duy-nhất, vì tính-cách nhất trí của chủ-đề.

Cho đoàn đơn ăn

Câu 1 - 15

« 1 Rồi đó, Đức Chúa Jê-sus qua bờ bên kia biển Ga-li-lê, là biển Ti-bê-ri-át. 2 Một đoàn dân đông theo Ngài, vì từng thấy các phép lạ Ngài làm cho những kẻ bịnh. 3 Nhưng Đức Chúa Jê-sus lên trên núi, ngồi đó với môn-đồ. 4 Và, lễ Vượt-qua, là lễ của dân Giu-đa gần tới. 5 Đức Chúa Jê-sus ngược mắt lên, thấy một đoàn dân đông đến cùng mình, bèn phán với Phi-líp, rằng : Chúng ta sẽ mua bánh ở đâu, để cho dân này có mà ăn ? 6 Ngài phán đều đó dạng thử Phi-líp, chớ Ngài đã biết đều Ngài sẽ làm rồi. 7 Phi-líp thưa rằng : Hai trăm đơ-ni-ê bánh không đủ phát cho mỗi người một ít. 8 Một môn-đồ, là Anh-rê, em của Si-môn Phi-e-rơ, thưa rằng : 9 Đây có một đứa con trai, có năm cái bánh mạch-nha và hai con cá ; nhưng đông người dường này, thì ngần ấy có thắm vào đâu ?

10 Đức Chúa Jê-sus bèn phán rằng : Hãy truyền cho chúng ngồi xuống. Và, trong nơi đó có nhiều cỏ. Vậy, chúng ngồi xuống, số người ước được năm ngàn. 11 Đức Chúa Jê-sus lấy bánh, tạ ơn rồi, bèn phân-phát cho những kẻ đã ngồi ; Ngài cũng lấy cá phát cho chúng nữa, ai muốn bao nhiêu mặc ý. 12 Khi chúng đã ăn được no-nê, Ngài phán với môn-đồ rằng :

Hãy lượm những miếng còn thừa, hầu cho không mất chút nào. ¹³ Vậy, môn-đồ lượm những miếng thừa của năm cái bánh mạch-nha, sau khi người ta đã ăn rồi, chứa đầy mười hai giỏ.

¹⁴ Những người đó thấy phép lạ Đức Chúa Jê-sus đã làm, thì nói rằng : Người này thật là đáng thiên-trì phải đến thế-gian. ¹⁵ Bảy giờ Đức Chúa Jê-sus biết chúng có ý đến ép Ngài để tôn làm vua, bèn lui ở một mình trên núi. »

Tất cả bốn Phước-âm đều có chép lại phép lạ cho năm ngàn người ăn và phép lạ tiếp theo. Tác-giả chọn những phép lạ này vì lý-do đã kê trên và cũng vì chúng rất thích-ứng để đi sâu vào mục-dịch của tác-giả, ấy là chứng-minh rằng Chúa Jê-sus là Con Đức Chúa Trời. Phép lạ đầu là một hành-động sáng-tạo hoàn-toàn. Năm ổ bánh mạch-nha và hai con cá nhỏ đã biến ra gấp bội do quyền-năng của Đấng Christ và đã làm cho toàn dân đói xiu được no-nê. Phép lạ ấy là một bằng-chứng chẳng những về linh-quả, mà cũng là về linh-ân nữa. Đó là tinh-chất và động-lực của công-việc Chúa khi Ngài ban cho họ những « dấu lạ » của thần-quyền. Đây là một hành-động của lòng trắc-ân và tình yêu. Chúa Jê-sus đã đi qua biển để lui về nghỉ, đoàn dân đồng theo Ngài, chen lấn Ngài, chẳng những Ngài không cảm thấy phật-ý, mà còn thương-xót họ, muốn cứu-giúp họ. Ngài nói ý-định lỵ cùng các môn-đồ và họ thú nhận rằng họ không thể làm chi được. Ngài đã nhận một kho dự-trữ nhỏ bé từ một đũa bé dẻ phân-phát cho đoàn dân ăn. Bánh phát ra dư-dật đến nỗi những mẩu bánh thừa còn đủ cho các môn-đồ dùng mấy ngày nữa. Hơn thế, những mẩu bánh ấy là kỷ-niệm của một hành-động thần-quyền của Thầy.

Phép lạ đã có một hiệu-quả lớn-lao trên đoàn dân đến nỗi họ sẵn-sàng suy-tôn Ngài làm vua. Đức-tin đến Chúa Jê-sus dường như đã lên tới cao-độ ; tuy-nhiên, đó không phải là đức-tin chân thật. Đó chỉ là niềm tin-tưởng rằng Ngài là Đấng làm phép lạ như người ta đã tin tại Giu-đê. Với niềm tin ấy đoàn dân mong-đợi một loạt phép lạ sẽ giải-cứ họ khỏi những đau-khổ của thân xác và của xã-hội, và khôi-phục độc-lập cho họ. Ngay sau, đức-tin

này đã bị trắc-nghiệm và thấy là không thành-thật. Nhưng ngay lúc ấy Chúa Jê-sus cũng không bị lừa-dối. Ngài đã trấn-tĩnh và giải-tán đoàn dân khịch-động; Ngài cho môn-đồ đi qua biển lánh xa ảnh-hưởng tai-hại của họ. Rồi còn lại một mình, Ngài đã đi lên nơi vắng-vẻ trên núi đề cầu-nguyện.

ĐI BỘ TRÊN MẶT BIỂN

Đau 16 - 21

« 16 Đến chiều, môn-đồ xuống nơi bờ biển, 17 và vào trong một chiếc thuyền, sang thẳng bờ bên kia, hướng về thành Ca-bê-na-um. Trời chợt tối, mà Đức Chúa Jê-sus còn chưa đến cùng các môn-đồ. 18 Gió thổi ào-ào, đến nổi biển động dữ-dội. 19 Khi các môn-đồ đã chèo ra độ chừng hai mươi dặm hay là ba mươi êch-ta-đơ, thấy Đức Chúa Jê-sus đi trên mặt biển, gần tới chiếc thuyền, thì sợ-hãi. 20 Nhưng Ngài phán rằng: Ấy là ta đây, đừng sợ chi! 21 Bây giờ, môn-đồ muốn rước Ngài vào thuyền, tức thì chiếc thuyền đậu vào bờ, là nơi định đi.»

Sự đi bộ trên mặt nước đưa ra một hình-ảnh tương phản hẳn với quan-niệm của dân-chúng về Chúa Jê-sus. Nó chứng-tỏ rằng Ngài không phải là một lãnh-tụ chánh-trị trong địa-hạt trần-gian hạn-chế, nhưng là Đấng tạo-hóa có quyền-hành tối-cao trên vũ-trụ. Các môn-đồ đương vật-lộn với đêm tối và bão-tố thì thình-lình Chúa Jê-sus hiện ra đi bộ trên mặt biển. Ngài không đình-chỉ luật trọng-lực, Ngài chỉ chứng-tỏ Ngài có quyền trên lực-lượng thiên-nhiên và không bị lệ-thuộc trong không-gian. Ngài bước vào thuyền thì chiếc thuyền cập bến ngay.

Cũng vậy, Đấng Christ đã từng ở với những kẻ theo Ngài trong đêm tối và bão-tố. Ngài an-ủi và cứu-trợ. Có người giải-thích rằng các môn-đồ gặp việc này cũng như nếm trước cảnh đau-buồn của họ khi Ngài bị bắt giết, và niềm vui của họ khi được tái-ngộ với Chúa phục-sinh.

Khi suy-nghiệm về việc này, ta cũng học được một điều nữa, là những kẻ thật lòng tin-cậy Đấng Christ sẽ

phải gặp sự cô-đơn, chống-đối, bão-tố, nhưng cũng an-toàn và vui-vẻ trong mối linh-giao. Hình-ảnh Chúa cầu-nguyện trên núi rồi hiện ra mà cứu môn-đồ trong-tự với lời dự-ngôn về Đấng Cứu-thể đương cầu-nguyện cho ta trên trời, một ngày kia sẽ trở lại để đem phước-hạnh cho những kẻ theo Ngài và hòa-bình cho thế-giới đầy bão-tố.

Bài giảng thuyết

Câu 29 - 59

«²² Đoàn dân ở bờ biển bên kia, đã nhận rằng ở đó chỉ có một chiếc thuyền, và Đức Chúa Jê-sus không vào thuyền với môn-đồ Ngài, chỉ một mình môn-đồ đi mà thôi. ²³ Qua ngày sau, có mấy chiếc thuyền khác từ thành Ti-bê-ri-át lại gần nơi chúng đã ăn bánh khi Chúa tạ ơn rồi, ²⁴ đoàn dân thấy Đức Chúa Jê-sus không ở đó, môn-đồ cũng không, bèn vào mấy thuyền kia mà đi qua thành Ca-bê-na-um để tìm Đức Chúa Jê-sus. ²⁵ Chúng vừa tìm được Ngài tại bờ bên kia biển, bèn thưa rằng: Lạy thầy, thầy đến đây bao giờ? ²⁶ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Quả thật, quả thật, ²⁷ nói cùng các người, các người tìm ta chẳng phải vì đã thấy mấy phép lạ, nhưng vì các người đã ăn bánh và được no. ²⁸ Hãy làm việc, chớ vì đồ ăn hay hư-nát, nhưng vì đồ ăn còn lại đến sự sống đời đời, là thứ Con người sẽ ban cho các người; vì ấy là Con, mà Cha, tức là chính Đức Chúa Trời, đã ghi ấn-tín của mình. ²⁹ Chúng thưa rằng: Chúng tôi phải làm chi cho được làm công-việc Đức Chúa Trời? ³⁰ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Các người tin Đấng mà Đức Chúa Trời đã sai đến, ấy đó là công-việc Ngài.

³¹ Chúng bèn nói rằng: Thế thì thầy làm phép lạ gì, để cho chúng tôi thấy và tin? Thấy làm công-việc gì? ³² Tô-phụ chúng ta đã ăn ma-na trong đồng-vắng, theo như lời chép rằng: Ngài đã ban cho họ ăn bánh từ trên trời xuống. ³³ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, Mọi sự mà Cha sẽ ban cho các người bánh từ trên trời xuống; nhưng Cha sẽ ban cho các người bánh thật, là bánh

từ trên trời xuống. ³³ Bởi chưng bánh Đứ Chúa Trời là bánh từ trên trời giáng xuống, ban sự sống cho thế-gian. ³⁴ Chúng thưa rằng : Lạy Chúa, xin ban bánh đó cho chúng tôi luôn luôn ! ³⁵ Đứ Chúa Jêsus phán rằng : Ta là bánh của sự sống ; ai đến cùng ta chẳng hề đói, và ai tin ta chẳng hề khát. ³⁶ Nhưng ta đã nói : Các người đã thấy ta, mà chẳng tin. ³⁷ Phàm những kẻ Cha cho ta sẽ đến cùng ta, kẻ đến cùng ta thì ta không bỏ ra ngoài đâu. ³⁸ Vì ta từ trên trời xuống, chẳng phải để làm theo ý ta, nhưng làm theo ý Đấng đã sai ta đến. ³⁹ Và, ý-muốn của Đấng đã sai ta đến, là để sự gì Ngài đã ban cho ta, thì ta chớ làm mất, nhưng ta phải làm cho sống lại nơi ngày sau-rốt. ⁴⁰ Đây là ý-muốn của Cha ta, phàm ai nhìn Con và tin Con, thì được sự sống đời đời ; còn ta, ta sẽ làm cho kẻ ấy sống lại nơi ngày sau-rốt.

⁴¹ Nhưng vì Ngài đã phán : Ta là bánh từ trên trời xuống, nên các người Giu-đa lầm-bầm về Ngài, ⁴² mà rằng : Ấy chẳng phải là Jêsus, con của Giô-sép, mà chúng ta đều biết cha mẹ người chẳng ? Vậy, thế nào người nói được rằng : Ta đã từ trên trời mà xuống ? ⁴³ Đứ Chúa Jêsus đáp rằng : Các người chớ lầm-bầm với nhau. ⁴⁴ Vì bằng Cha, là Đấng sai ta, không kéo đến, thì chẳng có ai được đến cùng ta, và ta sẽ làm cho người đó sống lại nơi ngày sau-rốt. ⁴⁵ Các sách tiên-trí có chép rằng : Ai nấy đều sẽ được Đứ Chúa Trời dạy-dỗ. Hễ ai đã nghe Cha và học theo Ngài thì đến cùng ta. ⁴⁶ Ấy chẳng phải kẻ nào đã từng thấy Cha, trừ ra Đấng từ Đứ Chúa Trời mà đến ; Đấng ấy đã thấy Cha. ⁴⁷ Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, hễ ai tin thì được sự sống đời đời. ⁴⁸ Ta là bánh của sự sống. ⁴⁹ Tở-phụ các người đã ăn ma-na trong đồng vắng, rồi cũng chết. ⁵⁰ Đây là bánh từ trời xuống, hầu cho ai ăn chẳng hề chết. ⁵¹ Ta là bánh hằng sống từ trên trời xuống ; nếu ai ăn bánh ấy, thì sẽ sống vô-cùng ; và bánh mà ta sẽ ban cho vì sự sống của thế-gian tức là thịt ta.

⁵² Bỏ đó; các người Glu-đa cãi-lẽ với nhau, mà rằng: Lẽ nào người này lấy thịt mình cho chúng ta ăn sao? ⁵³ Đức Chúa Jê-sus bèn phán cùng họ rằng: Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, nếu các người không ăn thịt của Con người, cũng không uống huyết Ngài, thì chẳng có sự sống trong các người đâu. ⁵⁴ Ai ăn thịt và uống huyết ta thì được sự sống đời đời; nơi ngày sau-rốt, ta sẽ khiến người đó sống lại. ⁵⁵ Vì thịt ta thật là đồ-ăn, huyết ta thật là đồ-uống. ⁵⁶ Người nào ăn thịt ta và uống huyết ta, thì ở trong ta, và ta ở trong người. ⁵⁷ Như Cha, là Đấng hằng sống, đã sai ta đến, và ta sống bởi Cha; cũng một thể ấy; người nào ăn ta, sẽ sống bởi ta vậy. ⁵⁸ Đây là bánh từ trên trời xuống. Bánh đó chẳng phải như ma-na mà tổ-phụ các người đã ăn,... rồi cũng chết; kẻ nào ăn bánh này sẽ sống đời đời.

⁵⁹ Đức Chúa Jê-sus phán những điều đó lúc dạy dỗ trong nhà hội tại thành Ca-bê-na-um.»

Chúa Jê-sus giảng bài này tại nhà hội thành Ca-bê-na-um để giải-thích ý-nghĩa của phép lạ đã làm để cứu-trợ toàn-dân. Những bài học Chúa rút ra từ các phép lạ nhắc-nhở chúng ta rằng tất cả những phép lạ của Ngài đều được dùng làm thí-dụ. Ngoài mục-đích trực-tiếp về ân-điền và tình yêu, những phép lạ ấy còn chứa-đựng những thông-diệp thiên-thượng về lẽ thật thuộc-linh. Trung-tâm của bài giảng-thuyết này có thể nằm trong những lời sau đây: « Ta là bánh của sự sống; ai đến cùng ta chẳng hề đói, và ai tin ta chẳng hề khát » câu 35. Nên nhớ rằng dầu phép lạ kia là cơ-lợi và bối-cảnh của bài giảng, mục đích trực-tiếp của bài giảng vẫn là để đáp lại lời dân chúng xin một dấu lạ như phép lạ ma-na thời Môi-se. Câu trả lời của Chúa là: Chính Ngài mới là Bánh thật từ trời. Ngài đã đến từ Đức Chúa Trời, Ngài là Ma-na thật, ban xuống để đem sự sống cho thế-gian. Thân-thể Ngài phải tan-nát, huyết Ngài phải đổ ra; nhưng rồi Ngài sẽ ngự về trời. Đối với những kẻ tin-cậy Ngài, Ngài sẽ ban sự no-thỏa trong hiện-tại, sự sống trong tương-lai và sự sống đời đời.

Suốt cả bài giảng này cũng như đoạn trước đều làm chứng về Phạm-vị thiên-thượng của Đấng Christ, nhưng đối lại, bài giảng này nhấn mạnh vào điểm cần-thiết về đức-tin nơi Ngài, cùng những kết-quả của lòng tin-trưởng và trông-cậy thật. Tính-cách của lòng tin nơi Ngài được diễn-tả bằng một từ-liệu có sức tưởng-tượng mạnh-mẽ, ấy là ăn thịt và uống huyết của Ngài, có nghĩa là hoàn-toàn đồng-hóa với Ngài, tuyệt-đối lệ-thuộc vào Ngài, là Cứu-Chúa thiên-thượng bị thập-hình, để sống lại và vẫn sống mãi mãi.

Trong những bài học rút ra từ phần kỹ-thuật này, ta có thể ghi nhận mấy điều :

(1) Chúa xem những nhu-cầu thiêng-liêng của con người quan-trọng hơn những nhu-cầu thể xác. Ngài thật có cho đoàn dân ăn bên bờ biển, nhưng sứ-mạng của Ngài là ban sự sống của Ngài để cứu-rỗi thế-gian. Khi đề-cập đến phép lạ này, Ngài không giảng về nhơn-công, lương-bổng hay những điều-kiện kỹ-nghệ, nhưng giảng về nhu-cầu của sự sống thuộc-linh.

(2) Đức-tin trong Đấng Christ chẳng những chữa lành ta mà còn nuôi-dưỡng ta nữa. Trong phép lạ trước, Chúa ban sức mạnh cho một kẻ bất-lực ; ở đây Ngài nuôi sống những kẻ khỏe mạnh. Không phải chỉ những kẻ phung-hủ, những thành phần cặn-bã của xã-hội mới cần Đấng Christ, mà cả những kẻ thuần-khiết nhất, lương-thiện nhất cũng cần Ngài nữa.

(3) Đức-tin trong Đấng Christ không phải là một xa-xỉ phạm mà là một thứ cần-thiết. Lương-thực của Chúa ban cho dân-chúng là một thứ lương-thực đậm-bạc, nhưng không có nó thì họ đã xỉu rồi. Cuộc sống Cơ-đốc nhân không phải là một thứ phước để thêm vào các thứ phước-hạnh khác trên đời. Không có Đấng Christ là không có sự sống thật dầu là bây giờ hay mai sau.

(4) Đức-tin tập-trung trong một Phạm-vị. Không phải là vấn-đề chấp-nhận một bản tin-điều hay thi-hành một nghi-lễ, nhưng phải gồm cả sự đầu-phục bản-ngã trong hy-sinh tin-cậy cho Cứu-Chúa từ-ái ngay bây giờ.

(5) Đức-tin không thể so-sánh với ném-trái hay chiêm-ngưỡng, mà với ăn nuốt. Đó có nghĩa là đồng-hóa với Đấng Christ. Phải đem Ngài vào trong mọi địa-hạt sinh-hoạt của đời sống. Lời Ngài và ý-chí Ngài phải được tiêu-hóa, và trở thành một phần của thực-tại chúng ta.

(6) Đức-tin dẫn đến phục-vụ ; đó là chìa-xẻ chứ không phải là giữ lấy. Phải phân-phát sự hiểu-biết về Đấng Christ cho cả thế-giới. Các môn-dồ đã nhận lương-thực để đem cho đoàn dân. Tài-năng chúng ta ít-ỏi, phần đóng-góp của chúng ta chẳng xứng-dáng gì, hãy đem cho Chúa chúc-phước và nhơn lên gấp bội để phục-vụ hàng ngàn người.

(7) Đức-tin đem lại sự no-thỏa, không phải chỉ là sự tiếp-trợ nhưt thôi. Không phải chỉ cung-cấp vừa đủ một bữa ăn thôi, mà các môn-dồ còn lượm được « mười hai giỏ đầy » nữa. Đức-tin đem cho họ một cuộc sống phong-phú trường-cửu. Những linh-hồn đói khát, thiếu-thốn nếu trở lại cùng Đấng Christ sẽ không ừng công.

Cuộc khủng-hoảng về vô-tín

Câu 60 - 71

« ⁶⁰ Có nhiều môn-dồ nghe Ngài, thì nói rằng : Lời này thật khó ; ai nghe được ? ⁶¹ Nhưng Đức Chúa Jê-sus tự mình biết môn-dồ lăm-bắm về việc đó, bèn phán rằng : Đều đó xui các người vấp-phạm sao ? ⁶² VẬY, nếu các người thấy Con người lên nơi Ngài vốn ở khi trước thì thế nào ? ⁶³ ẤY là thần-linh làm cho sống, xác-thịt chẳng ích chi. Những lời ta phán cùng các người đều là thần-linh và sự sống. ⁶⁴ Song trong vòng các người có kẻ không tin. Vì Đức Chúa Jê-sus biết từ ban đầu, ai là kẻ không tin, ai là kẻ sẽ phản Ngài. ⁶⁵ Ngài lại phán rằng : Chính vì cơ đó, mà ta đã nói cùng các người rằng nếu Cha chẳng ban cho, thì chẳng ai tới cùng ta được.

⁶⁶ Từ lúc ấy, có nhiều môn-dồ Ngài trở lui, không đi với Ngài nữa. ⁶⁷ Đức Chúa Jê-sus phán

cùng mười hai sứ-dõ rằng : Còn các người, cũng muốn lui chẳng ? ⁶⁸ Si-môn Phi-e-rơ thưa rằng : Lạy Chúa, chúng tôi đi theo ai ? Chúa có những lời của sự sống đời đời ; ⁶⁹ chúng tôi đã tin, và nhận biết rằng Chúa là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời. ⁷⁰ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Ta há chẳng đã chọn các người là mười hai sứ-dõ sao ? Mà một người trong các người là qui ! ⁷¹ Và, Ngài nói về Giu-đa con Si-môn Ích-ca-ri-ốt ; vì chính hắn là một trong mười hai sứ-dõ, sau sẽ phản Ngài. »

Cuộc khủng-hoảng về vô-tin có thể suy-diễn từ chân-lý cuối-cùng vừa kể, chân-lý ấy là : đức-tin thật nơi Đấng Christ sẽ đem lại sự thỏa vui thương-trực. Biết bao nhiêu người được phép lạ kích-thích lòng hiếu-kỳ và đã có một đức-tin sơ-khởi nơi Đấng Christ, Nhưng họ không chịu tiến đến chỗ tin-cậy Ngài, nên không bao giờ được thỏa-mãn nơi Ngài. Lời Chúa nói về điều cần phải ăn thịt và uống huyết Ngài có vẻ khó hiểu đối với họ. Họ tỏ ra không thể nào hiểu được chân-lý thuộc-linh.

Chúa ám-chỉ sự hoang-mang giao-động của họ sẽ càng tăng thêm khi Ngài lui vào cõi vô-hình. Tuy-nhiên, những kẻ nhận lời Ngài thì sẽ nhận biết đường truyền-dẫn sự sống mới thuộc-linh. Chúa Jê-sus không ngạc-nhiên vì lòng vô-tin trong vòng những kẻ theo Ngài ; vì Ngài biết trong vòng những kẻ thần-thiết, nhiều nhưt, Ngài cũng có một kẻ phản Ngài.

« Từ lúc ấy, có nhiều môn-dõ Ngài trở lui, không đi với Ngài nữa. » Họ thất-vọng vì Ngài không phải là một nhà lãnh-tụ chánh trị, họ không thể nào nhận những giáo-huấn thuộc-linh của Ngài. Tuy-nhiên, có vài kẻ tin Ngài. « Đức Chúa Jê-sus phán cùng mười hai sứ-dõ rằng : Còn các người cũng muốn lui chẳng ? Si-môn Phi-e-rơ thưa rằng : Lạy Chúa, chúng tôi đi theo ai ? Chúa có những lời của sự sống đời đời ; chúng tôi đã tin, và nhận-biết rằng Chúa là Đấng thánh của Đức Chúa Trời, » Ngày nay có những kẻ khó chịu vì những chân-lý về Thần Phạm-vị, về sự chết chuộc tội của Đấng Christ, và về sự cần-thiết phải có đức-tin nơi Ngài. Khi nhấn mạnh đến chân-lý này thì họ sẵn-sàng quay đi. Tuy-nhiên,

cũng có những kẻ như Phi-e-rơ, đã tin lời của Đấng Christ và tìm được trong Ngài sự thỏa lòng đến nỗi họ cảm thấy không còn có thể đi đến cùng ai khác, không còn ước-muốn một ai khác nữa. Những lời tuyên-bố của Đấng Christ vẫn còn là trác-nghiệm của đức-tin. Chúng vẫn còn sinh ra những cuộc khủng-hoảng trong đời sống của những kẻ theo Ngài. Chúng tách biệt chân giả; chúng khiến cho nhiều tin-đồ hữu-danh vô-thực bỏ Ngài lui đi, chúng hiến cơ-hội cho những tin-đồ chân-thật vui-vẻ xưng-nhận sự thỏa-mãn và đức-tin khôi-hoàn của mình.

(3) *Cuộc xung-đột tiếp-diễn tại Giê-ru-sa-lem.*

Đoạn 7, 8 :

(a) **Lời chứng vào ngày lễ Lều-tạm.**

Đoạn 7

Chúa Jêsus tảng đá bị chẻ ra.

Trước ngày lễ 7 : 1 - 13

«¹ Kề đó, Đức Chúa Jêsus đi khắp xứ Ga-li-lê. Ngài không ưng đi trong xứ Giu-đê, bởi dân Giu-đa vẫn tìm phương giết Ngài.

² Và, ngày lễ của dân Giu-đa, gọi là lễ Lều-tạm gần đến. ³ Anh em Ngài nói rằng : Hãy đi khỏi đây, và qua xứ Giu-đê, để cho các môn-đồ cũng được xem công-việc thầy làm. ⁴ Khi nào người ta muốn tỏ mình ra, thì không ai làm kín-giấu việc gì. Vì thầy làm những sự đó, hãy tỏ mình cho thiên-hạ. ⁵ Bởi chưng chính các anh em Ngài không tin Ngài. ⁶ Đức Chúa Jêsus phán cùng anh em rằng : Thì-giờ ta chưa đến ; còn về các người, thì-giờ được tiện luôn luôn. ⁷ Thế-gian chẳng ghét các người được ; nhưng ghét ta, vì ta làm chứng này về họ rằng công-việc họ là ác. ⁸ Các người hãy lên dự lễ này, còn ta chưa lên dự lễ đó, vì thì-giờ ta chưa trọn. ⁹ Ngài nói xong, cứ ở lại xứ Ga-li-lê.

¹⁰ Lúc anh em Ngài đã lên dự lễ rồi, thì Ngài cũng lên, nhưng đi cách kín-giấu, không tỏ-lộ.

11 Vậy, các người Giu-đa tìm Ngài trong ngày lễ, và nói rằng: Nào người ở đâu? 12 Trong đám đông có tiếng xôn-xao bàn về Ngài. Người thì nói: Ấy là một người lành; kẻ thì nói: Không phải; người phỉnh-dổ dân-chúng! 13 Song chẳng ai dám nói về Ngài tỏ-tường, vì sợ dân Giu-đa.»

Khi cân-nhắc về thần-tính của Đấng Christ do Giảng trình-bày, chúng ta không thể không kể đến thần-trí của Chúa. Ngài biết trước một cách đích-xác về thi-giờ và cách chết của Ngài, và thường hay nói tới « giờ » của Ngài sắp đến. Chính điều này giải-thích cuộc đàm-thoại của Ngài với các anh em Ngài trước Lễ Lều-tạm. Sáu tháng tiếp theo lễ Vượt-qua, sau khi xảy ra cuộc khủng-hoảng về lòng vô-tín, Chúa Jê-sus tiếp-tục chức-vụ Ngài tại Ga-li-lê. Vì một ngày đại-lễ toàn-quốc nữa sắp đến, các anh em Ngài bèn thúc-giục Ngài đi đến Giê-ru-sa-lem để mạnh-dạn tuyên-bố công-khai rằng Ngài là Đấng Mê-si. Họ không có đức-tin thật nơi Ngài, họ muốn thử những lời tuyên-bố của Ngài, nếu những lời ấy là thật thì Chúa Jê-sus sẽ được quốc-dân công-nhận. « Chúa Jê-sus phán cùng anh em rằng: Thi-giờ ta chưa đến, còn các người thi-giờ được tiện luôn luôn. Thế-gian chẳng ghét các người được, nhưng họ ghét ta, vì ta làm chứng này về họ rằng công-việc của họ là ác... Nhưng khi anh em Ngài đã lên dự lễ rồi, thì Ngài cũng lên, nhưng đi cách kín-giấu, không tố-lộ.» Ở đây không có chút gì lừa-gạt, không có gì bất-nhứt, hoặc đổi ý thình-linh: Chúa Jê-sus biết chưa đến lúc cuối-cùng để tỏ mình công-khai cho Y-sơ-ra-ên. Chúa sẽ không chết vào một Lễ Lều-tạm mà vào một lễ Vượt-qua, vì Con Chiên Con sinh-tế phải cất tội-lỗi thế-gian đi. Chức-vụ trần-gian của Ngài chưa xong. Ngài không muốn mở trước cuộc khủng-hoảng. Giờ bi-thảm và khải-hoàn cuối-cùng của Ngài chưa đến. Đó là ý-nghĩa của lời Chúa khi Ngài nói giờ của Ngài « chưa đến.» Ngài không chịu lên dự lễ theo cách và mục-đích mà anh em Ngài đề-nghị. Ngài lên « cách kín-giấu, không tố-lộ.»

Có một ý-nghĩa sâu-sắc trong những chữ « thi-giờ các người được tiện luôn.» Chúa Jê-sus ám-chỉ rằng tinh-thần cũng như hành-động của họ đã hòa-hợp với thế-

gian, đến nỗi họ không còn gì để sợ thế-gian nữa, nhưng Ngài bị thế-gian ghét bỏ vì làm chứng nghịch cùng tội-lỗi của họ. Những kẻ theo Đấng Christ có nên tự-hối mình rằng mục-tiêu, tâm-tinh, hành-vi của mình đã làm buồn Đấng Christ hay đã khơi lòng thù-hằn của thế-gian vô-tin?

Tuy-nhiên, không phải chỉ có anh em Chúa Jê-sus đề ý đến việc Ngài dự lễ. Ngài đã trở thành một nhân-vật được toàn-quốc đề ý. Những lời tuyên-bố của Ngài không thể bỏ qua. Những kẻ cầm quyền đương đọi Ngài xuất-hiện và dư-luận của dân-chúng về Ngài rất khác nhau, có kẻ cho Ngài là « người lành », người cho là « kẻ phỉnh-dối dân-chúng. » Ngày nay người ta cũng buộc phải đối-diện với những lời tuyên-bố của Đấng Christ. Không thể nào bỏ qua những lời ấy được. Chúng chứa một tương-quan sống-động và trực-tiếp với mọi linh-hồn bất-diệt. Chỉ có thể có hai phán-đoán về Ngài : Chúa Jê-sus là một người lành hay một tên bịp-bợm ; nhưng Ngài không thể nào là « người lành » nếu Ngài không phải là Con của Đức Chúa Trời vì Ngài đã tự xưng như vậy.

Trong kỳ lễ

Câu 14 - 36

« 14 Giữa kỳ lễ, Đức Chúa Jê-sus lên đền-thờ dạy-dỗ. 15 Các người Giu-đa sùng-sờ mà nói rằng : Người này chưa từng học, làm sao biết được Kinh-thánh ? 16 Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Đạo-lý của ta chẳng phải bởi ta, nhưng bởi Đấng đã sai ta đến. 17 Nếu ai khứng làm theo ý - muốn của Đức Chúa Trời, thì sẽ biết đạo-lý ta có phải là bởi Đức Chúa Trời, hay là ta nói theo ý ta. 18 Kẻ nói theo ý mình, thì tìm vinh-hiền riêng mình ; nhưng kẻ tìm vinh-hiền của Đấng đã sai mình đến, mới là chơn - thật, và chắc trong mình không có điều gì không công-bình đâu. 19 Môi-se há chẳng ban luật-pháp cho các người sao ? Mà trong các người không có một ai tuân theo luật-pháp ! Cớ sao các người kiêu thế giết ta ? 20 Dân-chúng trả lời rằng : Người bị qui ám, nào ai là người tìm thế giết người ? 21 Đức Chúa Jê-sus đáp lại rằng : Ta đã

làm một việc, các người thầy đều lấy làm lạ. ²² Mỏise đã truyền phép cắt-bì cho các người (phép đó không phải bởi Mỏise, nhưng bởi tổ-tông), và các người làm phép cắt-bì cho người dờn-ông trong ngày Sa-bát! ²³ Nếu người dờn-ông chịu phép cắt-bì ngày Sa-bát, cho khỏi phạm luật-pháp Mỏise, thì sao ta chữa cho cả mình người bệnh được lành trong ngày Sa-bát, mà các người lại nổi giận? ²⁴ Đừng cứ bề ngoài mà xét-doán, nhưng phải xét-doán theo lẽ công-bình.

²⁵ Có mấy kẻ trong dân thành Giê-ru-sa-lem nói rằng; Đó có phải là người mà người ta tìm giết chăng? ²⁶ Kia, người nói tự-do, mà không ai nói chỉ người hết. Để thường các quan đã nhận thật người là Đấng Christ? ²⁷ Thế mà, chúng ta biết người này từ đâu lại; song khi Đấng Christ sẽ đến, thì không ai biết Ngài từ đâu đến.

²⁸ Bấy giờ, Đức Chúa Jêsus đang dạy trong đền-thờ, thì kêu lên rằng: Các người quen ta, các người biết ta từ đâu lại! Ta đã đến chẳng phải tự ta, nhưng Đấng đã sai ta đến là thật, mà các người không biết Ngài. ²⁹ Ta thì biết Ngài; vì ta từ Ngài đến, và Ngài là Đấng đã sai ta đến. ³⁰ Vậy, họ kiếm thế bắt Ngài; nhưng không ai tra tay trên Ngài, vì giờ Ngài chưa đến. ³¹ Song trong vòng dân-chúng nhiều kẻ tin Ngài, nói rằng: Khi Đấng-Christ đến, sẽ có làm nhiều phép lạ hơn người này đã làm chẳng? ³² Người Pha-ri-si nghe lời đoán dân nghị-luận về Ngài, thì mấy thầy tế-lễ cả đồng-tình với họ, cắt linh đi bắt Ngài.

Đức Chúa Jêsus bèn phán rằng: Ta còn ở với các người ít lâu nữa; rồi ta đi về cùng Đấng sai ta đến. ³⁴ Các người sẽ kiếm ta mà chẳng thấy, và nơi ta ở, các người không thể đến được. ³⁵ Các người Giu-da nói với nhau rằng: Thế thì người sẽ đi đâu mà ta không tìm được? Có phải người sẽ đi đến cùng những kẻ luru-lạc trong dân Gờ-réc và dạy dân Gờ-réc chẳng? ³⁶ Người đã nói rằng: Các người sẽ tìm ta, mà chẳng thấy, và nơi ta

ở, các người không thể đến được, ấy là nghĩa làm sao ? »

Trong kỳ lễ, Đức Chúa Jêsus xuất-hiện và dạy-dỗ công-khai trong đền-thờ. Tại đây Ngài chứng-tỏ sự hệ-trọng của phán-đoán của những kẻ chối-bỏ những lời Ngài tuyên-bố về chính mình.

Những kẻ cai-trị ngạc-nhiên về ý-nghĩa sâu-nhiệm mà Chúa Jêsus đã trích ra từ Kinh-thánh, Ngài lại chưa từng đi học bao giờ. Ngài trả lời : « Đạo-lý của ta chẳng phải bởi ta, nhưng bởi Đấng đã sai ta đến. Nếu ai khứng làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời, thì sẽ biết đạo-lý ta có phải là bởi Đức Chúa Trời, hay là ta nói theo ý ta », nghĩa là, vì giáo-lý và lời tuyên-bố của Ngài đến từ Đức Chúa Trời nên những kẻ thuận theo ý Đức Chúa Trời sẽ tiếp nhận. Đức-tin liên-hệ đến khả-năng đạo-đức hơn là những khả-năng tri-thức. Đó là một khuyh-hướng từ bề trong hơn là một dấu-hiệu ở bên ngoài. Kẻ nào khao-khát làm theo ý-muốn của Đức Chúa Trời không thể nào không đầu-phục Con Ngài, vì Ngài đã được bày-tỏ rõ-ràng trong thánh-khiết và ân-diễn vô-song.

Chúa Jêsus tiếp-tục biện-hộ cho hành-vi của Ngài. Chỉ có một lời tố-cáo nghịch cùng Ngài là Ngài phạm ngày Sa-bát khi Ngài chữa lành người bệnh lại Bê-tết-đa. Đáp lại, Ngài chứng-tỏ rằng luật Môi-se tự nó đã biện-minh cho việc phạm luật này, luật ấy cho phép thi-hành những lễ-nghi tương-quan đến sự khỏe và khoẻ-trung cho sự thánh-khiết trong ngày Sa-bát; vậy thì phải chăng Chúa Jêsus đã làm một điều sai-lầm khi Ngài « chữa lành cho cả mình người bệnh được lành trong ngày Sa-bát ? » Chúa Jêsus cảnh-cáo người Do-thái về phán-đoán nông-cạn và đại-dột đó. Nhưng ta có thể cho rằng ở đây Ngài tuyên-bố một lời đặc-biệt về sự vô-tội của Ngài. Có người nao khác có thể biện-hộ cho một lời tuyên-bố như vậy trước ánh sáng của những đòi-hỏi của luật-pháp Môi-se hay trước tòa-án lương-tâm ? Khi dân-chúng tự hỏi Chúa có phải thật là Đấng Mê-si chăng, thì họ rất phân-vấn. Vì họ biết rõ cha mẹ, nhà cửa, và thuở thiếu-niên của Ngài, trong khi họ cho rằng sự hiện đến của

Đấng Mê-si sẽ bao-trùm trong bí-mật. Chúa Jê-sus công-khai và long-trọng tuyên-bố rằng kiển-thức của họ rất nông-cạn ; căn-nguyên thật của Ngài là từ Đức Chúa Trời và từ trời, chẳng bao lâu Ngài sẽ trở lại đó ; Ngài sẽ đi xa và họ không tìm Ngài được nữa. Phải chăng họ đã hiểu rất ít những lời mà ngày nay đối với ta có vẻ rất rõ-ràng ; nhưng họ có đem cho ta một sự-điệp nghiêm-trọng nào chăng ?

Phải chăng loài người chối-bỏ Đấng Christ vì những lý-do nhỏ-mọn hay chỉ vì một vài suy-luận nông-cạn như vậy ? Họ biết điều này điều kia, rồi suy-diễn ra điều thứ ba ; nhưng Chúa Jê-sus thật đã nói và làm gì, đời sống Ngài thế nào, những lời tuyên-bố của Ngài là gì ? Phải chăng ta chỉ còn « một ít lâu thôi để tiếp-nhận Ngài ; phải chăng thời-gian không trôi qua ; phải chăng sẽ chỉ còn hổi-hận cán-rút, khi Ngài đã đi, thời-kỳ cũng đã hết và chúng ta không còn cơ-hội để nhận Ngài và theo Ngài nữa ?

Ngày cuối-cùng trong kỳ lễ

Câu 37 - 52

«³⁷ Ngày sau cùng, là ngày trọng-thể trong kỳ-lễ, Đức Chúa Jê-sus ở đó, đứng kêu lên rằng : Nếu người nào khát, hãy đến cùng ta mà uống. ³⁸ Kẻ nào tin ta thì sông nước hằng sống sẽ chảy từ trong lòng mình, y như Kinh-thánh đã chép vậy. ³⁹ Ngài phán đều đó chỉ về Đức Thánh-Linh mà người nào tin Ngài sẽ nhận lấy ; bởi bấy giờ Đức Thánh-Linh chưa ban xuống, vì Đức Chúa Jê-sus chưa được vinh-hiến. ⁴⁰ Trong đoàn dân có nhiều người nghe những lời đó, thì nói : Người này thật là đáng tiên-tri. Người khác thì nói : Ấy là Đấng Christ. ⁴¹ Người khác nữa lại nói : Đấng Christ há từ Ga-li-lê mà đến sao ? ⁴² Kinh-thánh há chẳng nói rằng Đấng Christ phải ra từ dòng-dõi vua Đa-vít, làng Bết-lê-hem, là làng vua Đa-vít sao ? ⁴³ Vậy, dân-chúng cãi lẽ nhau về Ngài. ⁴⁴ Có mấy kẻ trong đám dân muốn bắt Ngài, nhưng không, ai đặt tay trên mình Ngài.

⁴⁵ Vậy bọn lính trở về cùng các thầy tế-lễ cả và các người Pha-ri-si. Những người này hỏi họ rằng : Sao các người không điệu người đến ? ⁴⁶ Bọn lính thưa rằng : Chẳng lẽ có người nào đã nói như người này ! ⁴⁷ Những người Pha-ri-si nói rằng : Các người cũng đã bị phỉnh-dổ sao ? ⁴⁸ Có một người nào trong các quan hay là trong những người Pha-ri-si tin đến người đó chẳng ? ⁴⁹ Song lũ dân này không biết luật chi cả, thật là dân đáng rủa ! ⁵⁰ Ni-cô-dem (là người trước có đến cùng Đức Chúa Jêsus và là một người trong đám họ) nói rằng : ⁵¹ Luật chúng ta há bắt tội một người nào chưa tra-hỏi đến, và chưa biết điều người ấy đã làm, hay sao ? ⁵² Họ trả lời rằng : Người cũng là người Ga-li-lê sao ? Người hãy tra-xét, sẽ thấy rằng chẳng có tiên-tri nào từ xứ Ga-li-lê mà ra hết. »

Vào ngày cuối-cùng của kỳ lễ Chúa Jêsus đã tuyên-bố một lời trọng-yếu nhất trong những lời giáo-huấn liên-quan đến những cuộc sống tin-cậy nơi Ngài.

Ngài tuyên-bố rằng bằng chính thân-vị của Ngài, Ngài làm ứng-nghiệm những thực-sự vĩ-đại do ngày lễ trọng-trung, và những kẻ theo Ngài sẽ hưởng được phước-hạnh và vui-mừng do lễ ấy tiêu-biểu. Lễ Lều-tạm là lễ kỷ-niệm cuộc sống trong sa-mạc của dân Y-sơ-ra-ên ngày xưa, cũng như lễ đầu mùa để tôn-vinh lòng nhơn-lành của Đức Chúa Trời. Dân-chúng ở trong lều và trong tám ngày lễ họ cử-hành những nghi-thức nhắc-nhở lại những ơn-phước lạ-lùng đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên trong cuộc hành-trình lưu-lạc. Mỗi buổi sáng có lễ rảy nước trong đền-thờ để nhắc lại việc Môi-se đã làm cho nước phun ra từ tảng đá chẻ đôi. Nước của lễ này múc bằng một cái vò bằng vàng từ ao Si-lô-ê và đổ ra trong Đền-thờ, giữa những tiếng kèn và những tiếng la vui-mừng của dân-chúng. Có lẽ lắm vào ngày cuối-cùng của kỳ lễ tức là ngày thứ tám, « ngày lớn », người ta không cử-hành lễ này, làm thế hoặc là để nhắc lại những phước dân Y-sơ-ra-ên nhận được khi họ vào đất hứa, hay là để chỉ sự khao-khát ơn-phước giêng-liêng lớn hơn mà các tiên-tri đã ca-tụng nhưng họ chưa nhận được. Chắc-chắn Chúa Jêsus đã thấy trong

những đoàn dân ấy và trong những lớp dân mà họ là đại-diện, có vô-số linh-hồn trải qua các thời-đại trên các miền đất đã đi những chuyến lữ-hành đói-khát, mệt-nhoc và thất-vọng. Ngài đã nghĩ về họ khi Ngài đứng lên mà kêu rằng : « Nếu người nào khát hãy đến cùng ta mà uống. Kẻ nào tin ta thì sông nước hằng sống sẽ chảy từ trong lòng mình, y như Kinh-thánh đã chép vậy. »

Chúa Jêsus muốn tuyên-bố rằng Ngài đối với thế-gian mệt-mỏi, thiếu-thốn, khao-khát cũng như tảng đá chẻ đôi đối với dân Y-sơ-ra-ên ngày xưa. Không có lời tuyên-bố nào vĩ-đại hơn thế, cũng chẳng có hoàn-cảnh nào cảm-kích hơn lúc ấy. Chúa Jêsus hứa thêm rằng những kẻ theo Ngài sẽ được một phước còn lạ-lùng hơn những lời đã ra từ miệng Ngài. Những kẻ nào được thỏa-mãn trong Ngài sẽ trở thành nguồn của phước-hạnh thiêng-liêng, máng truyền sự sống. Chân-lý của Ngài, ân-diễn của Ngài, quyền cứu-rỗi của Ngài sẽ chảy qua họ đến những linh-hồn khác để cứu-rỗi và làm thỏa-mãn họ. Anh-hưởng của họ sẽ không bị hạn-chế, kém-cỏi, nhưng sẽ giống như « những sông nước hằng sống. »

Lời hứa ấy phải chờ đến khi Chúa Jêsus đã « được vinh-hiến » trong sự chết, sự sống lại và sự thăng-thiên, rồi mới được ứng-nghiệm. Khi chân-tánh của Ngài được bày-tỏ là Con Đức Chúa Trời, là Cứu-Chúa của thế-gian, thì Thánh-Linh của Ngài sẽ đến trong quyền-năng của lễ Ngũ-tuần, ngự trên những kẻ tin Ngài.

Lời tuyên-bố ấy đã được người ta tiếp-nhận bằng những thái-độ khác nhau. Lúc nào cũng vậy. Đoạn này cũng như cả sách Phước-âm Giảng, chẳng những chỉ làm chứng về phẩm-vị thiên-thượng của Đấng Christ và những lời hứa về cuộc sống mới của kẻ tin Ngài, mà cũng nói về sự tiến-triển của đức-tin nữa. Cùng một lời chứng mà gây nên những hiệu-quả trái-ngược trong những con người khác nhau.

Đoạn này mở đầu bằng một câu nói về sự vô-tin của những kẻ đã từng ở với Ngài lâu năm trong gia-đình ; rồi đến sau lời tuyên-bố vô-song của Đấng Christ và lời hứa về « nước hằng sống » của Ngài, thì đoàn dân chúa-

rõ vì có Ngài. Nhưng đến cuối đoạn mới thấy sự trung-phản nổi bật nhất. Các sĩ-quan được lệnh đi bắt Chúa Jêsus; họ quay về cùng hội-đồng các quan thủ-nhận rằng; «Chẳng hề có người nào đã nói như người này!» Những người này quở-trách họ bằng những lời chế-nhạo chua-cay và quả-quyết rằng chỉ những kẻ dốt-đặc mới nhận lời tuyên-bố của Chúa Jêsus. Nhưng có một người trong vòng họ là Ni-cô-đem, người đã đến cùng Chúa Jêsus trong ban đêm, bảo họ rằng họ khinh dân-chúng cho là không biết gì về luật-pháp, nhưng chính luật-pháp ấy nghiêm-trách hành-động kết tội Chúa Jêsus mà không xét hỏi trước. Lời biện-hộ của ông yếu-ớt và thiếu can-đảm, nhưng nó phát-xuất từ đức-tin đương lớn mạnh.

Dân-chúng luôn luôn muốn nghe Chúa. Nơi nào không có sự kiêu-căng của tri-thức thì nơi đó lời của Ngài được vui nhận. Kẻ thù của Đấng Christ thường hành-động cách vô-lý đối với Ngài, ít khi để cho Ngài trình-bày những lời tuyên-bố của Ngài; họ biết rất nhiều về luật-pháp, về sự khôn-ngoan của thế-nhân, nhưng không thành-thật đối-diện với lời và công-việc của Ngài. Ni-cô-đem đương đối-diện với ánh sáng, ông đương tìm-kiếm chân-lý, ông không có dững-khi; ông đã lỡ mất một dịp vui-mừng chân-thật hơn hết; nhưng rồi ta sẽ thấy ông là môn-dồ sau cùng đã đem trăm cân thuốc thơm đến mộ để tỏ lòng cảm-mộ đối với Chúa là Đấng mà ông thật lòng thương-mến.

(b) Chúa Jêsus và người đồn-bà tội-lỗi

7 : 53 - 8 : 11

« 53 Ai nấy đều trở về nhà mình.

1 Đức Chúa Jêsus lên trên núi Ô-li-ve.

2 Nhưng đến tảng-sáng, Ngài trở lại đền-thờ; cả dân-sự đều đến cùng Ngài, Ngài bèn ngồi dạy-dỗ họ.

3 Bấy giờ, các thầy thông-giáo và các người Pha-ri-si dẫn lại cho Ngài một người đồn-bà đã bị bắt đang khi phạm tội tà-dâm; họ để người giữa đám đông, 4 mà nói cùng Đức Chúa Jêsus rằng: Thưa

thầy, người đờn-bà này bị bắt quả-tang về tội tà-dâm. 5 Và, trong luật-pháp Môi-se có truyền cho chúng ta rằng nên ném đá những hạng người như vậy ; — còn thầy, thì nghĩ sao ? 6 Họ nói vậy để thù Ngài, hầu cho có thể kiện Ngài. Nhưng Đức Chúa Jê-sus cúi xuống, lấy ngón tay viết trên đất. 7 Vì họ cứ hỏi nữa, thì Ngài ngước lên và phán rằng : Ai trong các người là người vô-tội, hãy trước nhứt ném đá vào người. 8 Rồi Ngài lại cúi xuống cứ viết trên mặt đất. 9 Khi chúng nghe lời đó, thì kể nhau mà đi ra, những người có tuổi đi trước ; Đức Chúa Jê-sus ở lại một mình với người đờn-bà, người vẫn đương đứng chính giữa đó. 10 Đức Chúa Jê-sus bấy giờ lại ngước lên, không thấy ai hết, chỉ có người đờn-bà, bèn phán rằng : Hỡi mẹ kia, những kẻ cáo người ở đâu ? Không ai định tội người sao ? 11 Người thưa rằng : Lạy Chúa, không ai hết. Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Ta cũng không định tội người ; hãy đi, đừng phạm tội nữa. »

Người ta vẫn đương bàn-cãi về khúc sách này. Có lẽ nó là khâu-truyền chân-chính của sứ-đồ và được một học-giả đời sau đem vào Phươc-âm. Nhưng nó mang tất cả các đặc-tính « Khôn-ngoan, thánh-khiết, nhơn-từ vốn là thuộc-tính của Đấng Christ, đến nỗi không ai có thể sáng-tác được cũng như đối bất-cứ một đặc-điểm nào khác trong Cuộc Đời «sáu-việt» của Ngài. »

Động-lực của người Pha-ri-si không phải là tình yêu Đức Chúa Trời, không phải là lòng sốt-sắng về sự công-nghĩa, hay một dực-vọng muốn sống thuần-khiết thánh-sạch, hay phần-nộ vì tội-lỗi, nhưng chỉ hoàn-toàn muốn phá-khuấy Chúa Jê-sus và muốn bắt-bẻ những lời Ngài nói hầu có thể bắt Ngài và xử-tử. Điều đáng ghi là ý-muốn hình-phạt những kẻ phạm tội thường bắt nguồn từ những động-lực đê-tiện, nếu chân-tướng chúng bị phơi-bày. Tôn-giáo của một số người dường như gồm sự thù-ghét kẻ khác và muốn cho kẻ khác bị hình-phạt.

Cách người Pha-ri-si sử-dụng đề gài bẫy Chúa

Jésus khiến cho ta phải suy-nghĩ về tâm-tính của họ. Họ sẵn lòng trừ-tính một âm-mưu đáng buồn, đáng khinh đến thế, chứng-tỏ rằng họ sẵn-sàng hạ mình sử-dụng bất cứ phương-tiện nào để đạt cho được mục-dịch họ mong muốn. Ta thấy rằng tâm-tính con người thường biểu-lộ bằng những phương-tiện họ sử-dụng để đạt được mục-dịch của họ.

Thâm ý của người Pha-ri-si là đặt Chúa Jésus vào một trường hợp khó xử. Nếu Ngài tha người đờn-bà sống thì Ngài sẽ phạm luật Môi-se. Lê-vi Ký 20 : 10 ; Dân-số Ký 22 : 22-24. Nếu Ngài lên án xử-tử người đờn-bà thì Ngài động chạm đến thể-lực thăm-quyền của nhà nước La-mã, Giăng 18 : 28-31 ; vì người La-mã đã lấy mất quyền đại-hình của người Do-thái. Trường-hợp này càng tương-tự trường-hợp đặc-biệt này, âm-mưu của họ là làm cho Chúa Jésus phải hành-động nghịch với luật giáo-hội hay nghịch với luật dân-sự.

Câu trả lời của Chúa Jésus biểu-lộ sự khôn-ngoaan và ân-diễn thiên-thượng của Ngài. Trước hết Ngài lưỡng-lự không muốn nói. Ngài cúi xuống viết trên đất. Ngài đã viết những gì, không ai có thể biết được, chỉ phỏng-đoán mà thôi. Ngài lưỡng-lự có thể vì cảm thấy xấu-hổ chẳng những cho người đờn-bà mà cả cho những kẻ cáo-kiện nàng nữa. Có người cho rằng Ngài đã viết chữ « bội đạo » do một câu trong Giê-rê-mi gợi ý, để chứng-tỏ những người này đã xa cách Đức Chúa Trời biết bao, những người tự xưng hành-động trong nơi thánh của Đức Chúa Trời và phục-vụ Ngài. Nhiều người khác cho rằng Chúa Jésus viết những chữ mà Ngài nói sau đó : « Ai trong các ngươi là người vô-tội hãy trước nhứt ném đá vào người. » Nói câu đó, Chúa Jésus đã nâng vấn-đề từ địa-hạt kỹ-thuật pháp-lý xuống lên lãnh-vực của những thực tại đạo-đức. Ngài chứng-tỏ Ngài có quyền xét-xử công-bình mọi người ; Ngài khiến họ ngậm miệng, lên án kẻ thù-nghịch Ngài. Nếu những người Pha-ri-si này tự phong làm những kẻ chấp-hành sự công-bình của Đức Chúa Trời, thì cuộc sống của họ phải thánh-khiết như Đức Chúa Trời. Có thể không phạm cái tội đặc-biệt trong câu hỏi này, nhưng

thế nào họ cũng phạm một tội gì đó, tu-tướng bất-khiết cũng tội-lỗi như hành-động bất-khiết, trong vấn-đề này, Chúa Jê-sus không nói đến quyền hành-phạt kẻ phạm-pháp của chánh-phủ, nhưng Ngài dạy rằng kẻ nào muốn tự-lập mình làm quan tòa thì chính họ phải thuần-khiết. Rõ-ràng trong đám người ấy không cảm thấy có đủ khả-năng về đạo-đức, theo tiêu-chuẩn Chúa Jê-sus đưa ra. Như vậy Ngài vừa giữ luật Môi-se, vừa lên án những kẻ tiên-cáo kiêu-căng rằng chính họ cũng đáng bị định tội.

Sự thất-bại của họ đã thấy rõ ; đám người Pha-ri-si rút lui dần. Những người lớn tuổi dẫn đầu, chắc đó là những kẻ thảo kế-hoạch, tiếp theo là những người trẻ hơn, đi cho đến người chót. Họ không đem người đôn-bà đến trước các thẩm-phán tòa-án, điều này chẳng những cho ta thấy sự thất-bại của họ mà còn sự xảo-trá của âm-muru họ nữa.

Trong lời của Chúa Jê-sus phán cùng người đôn-bà tội-lỗi, Ngài xưng mình là vô-tội. Ngài ngụ ý rằng Ngài có thể công-bố các hình-phạt mà người Pha-ri-si sợ không dám công-bố ; Ngài có thể định tội. Ngài không tuyên phạt, cũng chẳng tha hồng người đôn-bà phạm tội. Ngài không phán lời tha-thứ, vì nàng không đến cùng Ngài trong ăn-năn và đức-tin, như người đôn-bà trong câu chuyện kể ở Lu-ca 7 : 37-50. Ngài chỉ cảnh-cáo người đôn-bà, cho nàng có thi-giờ để ăn-năn và tin-cậy. Tuy-nhiên, lời của Ngài thật là đáng khích-lệ, chúng ta chỉ có thể kết-luận rằng nàng đã ra đi sống một đời mới, tốt đẹp hơn.

Những kẻ theo Ngài cũng học được thêm một bài-học : « Đừng đoán-xét, hầu cho người khỏi bị đoán xét. »

(c) Cuộc khủng-hoảng về đức-tin tại Giê-ru-sa-lem

8 : 12 - 59

Lời tuyên-bố và Lời chứng

Lời chứng

Câu 12 - 20

« 12 Đức Chúa Jê-sus lại cất tiếng phán cùng chúng

rằng: Ta là sự sáng của thế-gian; người nào theo ta, chẳng đi trong nơi tối-tăm, nhưng có ánh sáng của sự sống. ¹³ Người Pha-ri-si bèn nói rằng: Thấy tự làm chứng về mình, thì lời chứng thấy không đáng tin. ¹⁴ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Dầu ta tự làm chứng về mình, nhưng lời chứng ta là đáng tin, vì ta biết mình đã từ dầu mà đến và đi dầu; song các người không biết ta từ dầu mà đến, cũng chẳng hay ta đi dầu. ¹⁵ Các người xét-đoán theo xác-thịt; ta thì không xét-đoán người nào hết. ¹⁶ Nếu ta xét-đoán ai, sự xét-đoán của ta đúng với lẽ thật; vì ta không ở một mình, nhưng Cha là Đấng đã sai ta đến vẫn ở cùng ta. ¹⁷ Và, có chép trong luật-pháp của các người rằng lời chứng hai người là đáng tin; ¹⁸ ta tự làm chứng cho ta, và Cha là Đấng đã sai ta đến cũng làm chứng cho ta. ¹⁹ Chúng thưa cùng Ngài rằng: Cha của thầy ở đâu? Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Các người chẳng biết ta, và cũng chẳng biết Cha ta. Nếu các người biết ta, thì cũng biết Cha ta nữa. ²⁰ Đức Chúa Jê-sus phán mọi lời đó tại nơi Kho, đương khi dạy-đỗ trong đền-thờ; và không ai tra tay trên Ngài, vì giờ Ngài chưa đến. »

Ở đây Chúa Jê-sus sánh mình với đám mây vinh-quang đã hướng-dẫn con-cái Y-sơ-ra-ên đi qua sa-mạc. Kỷ-niệm về đám mây này đến với tri-óc người Do-thái vào ngày Lễ. Lều-tạm khi họ thấp đèn soi-sáng đền-thờ và thành-phố. Chúa Jê-sus đã tự sánh mình với hòn đá bị chẻ ra; bây giờ Ngài tự xưng mình là trụ lửa thật. Ngài tuyên-bố rằng Ngài có thể hướng-dẫn và ban sự sống cho những kẻ theo Ngài.

Lời phản-đối diên-dại của người Pha-ri-si là, trước Tòa án cần phải có hai nhân-chứng, họ cho rằng lời chứng của Ngài không thật vì Ngài tự nói về mình. Chúa Jê-sus đáp rằng Cha Ngài đã làm chứng bằng lời đã được chép ra và nhứt là bằng những công-việc mà chính Ngài đã thi-hành.

Lời cảnh-cáo

Câu 21 - 30

* ²¹ Ngài lại phán cùng chúng rằng: Ta đi, các

người sẽ tìm ta, và các người sẽ chết trong tội-lỗi mình. Các người không thể đến được nơi ta đi. ²² Người Glu-da bèn nói rằng : Người đã nói : Các người không thể đến được nơi ta đi, vậy người sẽ tự-tử sao ? ²³ Ngài phán rằng : Các người bởi dưới mà có ; còn ta bởi trên mà có. Các người thuộc về thế-gian này ; còn ta không thuộc về thế-gian này. ²⁴ Nên ta đã bảo rằng các người sẽ chết trong tội-lỗi mình ; vì nếu các người chẳng tin ta là Đấng đó, thì chắc sẽ chết trong tội-lỗi các người. ²⁵ Chúng bèn hỏi Ngài rằng : Vậy Thầy là ai ? Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Như lời ta đã nói với các người từ ban đầu. ²⁶ Ta có nhiều sự nói và đoán-xét về các người ; nhưng Đấng đã sai ta đến là thật, và đều chỉ ta nghe bởi Ngài, ta truyền lại cho thế-gian. ²⁷ Chúng không hiểu rằng Ngài phán về Cha. ²⁸ Vậy Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Khi các người treo Con người lên, bấy giờ sẽ biết ta là ai, và biết ta không tự mình làm đều gì, nhưng nói đều Cha ta đã dạy ta. ²⁹ Đấng đã sai ta đến vẫn ở cùng ta, chẳng để ta ở một mình, vì ta hằng làm sự đẹp lòng Ngài.

³⁰ Bởi Đức Chúa Jê-sus nói như vậy, nên có nhiều kẻ tin Ngài. »

Chúa Jê-sus long-trọng tuyên-bổ rằng nếu người Do-thái không tin Ngài thì họ sẽ chết trong tội-lỗi, nghĩa là sự chết sẽ đến với họ đang khi họ ở trong tình-trạng suy-dồi của tâm-hồn, và Ngài có thể giải-cứ họ khỏi tình-trạng ấy. Thiên-đàng sẽ đóng kín trước mặt họ, chỉ còn sự diệt-vong chờ-đợi họ, Chúa Jê-sus lại chứng-tỏ rằng tội-lỗi xúc-phạm đến chính trái tim của Đức Chúa Trời.

Sự tự-do Tâm-linh và Thần-tử-hộ.

Câu 31 - 59

« ³¹ Bấy giờ Ngài phán cùng những người Glu-da đã tin Ngài, rằng : Nếu các người hằng ở trong đạo ta, thì thật là môn-dõ ta ; ³² các người sẽ biết lẽ thật, và lẽ thật sẽ buông-tha các người. Người Glu-da thưa rằng : Chúng tôi là dòng-dõi Áp-ra-ham, chưa

hề làm tội-mọi ai, vậy sao thầy nói rằng : Các người sẽ trở nên tự-do ? ³⁴ Đức Chúa Jêsus đáp rằng : Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, ai phạm tội-lỗi là tội-mọi của tội-lỗi. ³⁵ Và, tội-mọi không ở luôn trong nhà, mà con thì ở đó luôn. ³⁶ Vậy nếu Con buông-tha các người, các người sẽ thật được tự-do. ³⁷ Ta biết rằng các người là dòng-dõi Áp-ra-ham, nhưng các người tìm thể dễ giết ta, vì đạo ta không được chỗ nào ở trong lòng các người. ³⁸ Ta nói đều ta đã thấy nơi Cha ta ; còn các người cứ làm đều đã học nơi cha mình.

³⁹ Chúng trả lời rằng : Cha chúng tôi tức là Áp-ra-ham, Đức Chúa Jêsus phán rằng : Nếu các người là con Áp-ra-ham, thì chắc sẽ làm công-việc của Áp-ra-ham. ⁴⁰ Nhưng hiện nay, các người tìm mưu giết ta, là người lấy lẽ thật đã nghe nơi Đức Chúa Trời mà nói với các người ; Áp-ra-ham chưa hề làm đều đó ! ⁴¹ Các người làm công-việc của cha mình. Chúng nói rằng : Chúng tôi chẳng phải là con ngoại-tình ; chúng tôi chỉ có một Cha, là Đức Chúa Trời. ⁴² Đức Chúa Jêsus phán rằng : Ví bằng Đức Chúa Trời là Cha các người, thì các người sẽ yêu ta, vì ta bởi Đức Chúa Trời mà ra và từ Ngài mà đến ; bởi chúng ta chẳng phải đã đến tự mình đâu, nhưng ấy chính Ngài đã sai ta đến. ⁴³ Tại sao các người không hiểu lời ta ? Ấy là bởi các người chẳng có thể nghe được đạo ta. ⁴⁴ Các người bởi cha mình, là ma-quỉ, mà sanh ra ; và các người muốn làm nên sự ưa-muốn của cha mình. Vừa lúc ban đầu nó đã là kẻ giết người, chẳng bền-giữ được lẽ thật, vì không có lẽ thật trong nó đâu. Khi nó nói dối, thì nói theo tánh riêng mình, vì nó vốn là kẻ nói dối. ⁴⁵ Nhưng vì ta nói lẽ-thật, nên các người không tin ta.

⁴⁶ Trong các người có ai bắt ta thú tội được chẳng ?... Nếu ta nói lẽ thật, sao các người không tin ta ? ⁴⁷ Ai ra bởi Đức Chúa Trời, thì nghe lời Đức Chúa Trời ; cho nên các người chẳng nghe, tại các người không thuộc về Đức Chúa Trời.

48 Người Giu-đa thưa rằng : Chúng tôi nói thầy là người Sa-ma-ri, và bị quỉ ám, há không phải sao ? 49 Đức Chúa Jêsus đáp rằng : Ta chẳng phải bị quỉ ám, nhưng ta tôn - kính Cha ta, còn các người làm nhục ta. 50 Ta chẳng tìm sự vinh-hiến ta, có một Đấng tìm và đoán-xét. 51 Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, nếu kẻ nào giữ lời ta, sẽ chẳng thấy sự chết bao giờ. 52 Người Giu-đa nói rằng : Bây giờ chúng tôi thấy rõ thầy bị quỉ ám ; Áp-ra-ham đã chết, các đấng tiên-tri cũng vậy, mà thầy nói : Nếu kẻ nào giữ lời ta sẽ chẳng hề chết ! 53 Thầy lại trọng hơn cha chúng tôi. Áp-ra-ham, là người đã chết sao ? Các Đấng tiên-tri cũng đã chết ; thầy mạo-xưng mình là ai ? 54 Đức Chúa Jêsus đáp rằng : Nếu ta tự tôn-vinh, thì sự vinh-hiến ta chẳng ra gì ; ấy là Cha ta làm vinh-hiến ta, là Đấng các người xưng là Đức Chúa Trời của mình. 55 Dầu vậy, các người chưa biết Ngài đâu ; còn ta thì biết. Và nếu ta nói rằng ta không biết Ngài, ta sẽ cũng nói dối như các người vậy ; song ta biết Ngài, và ta giữ lời Ngài. 56 Cha các người là Áp-ra-ham đã nức lòng nhìn thấy ngày của ta ; người đã thấy rồi, và mừng-rỡ. 57 Người Giu-đa nói rằng : Thầy chưa đầy năm mươi tuổi, mà đã thấy Áp-ra-ham ! 58 Đức Chúa Jêsus đáp rằng : Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, trước khi chưa có Áp-ra-ham, đã có ta. 59 Bây giờ chúng tôi đã dựng quàng vào Ngài ; nhưng Đức Chúa Jêsus đi lên trong chúng, ra khỏi đền-thờ. »

Đối với những tin-đồ hữu-danh vô-thực, Chúa Jêsus dùng một trắc-nghiệm để thử cho biết đức-tin họ có thật hay không. « Bây giờ Ngài phán cùng những người Do-thái đã tin Ngài rằng : Nếu các người hằng ở trong đạo ta, thì thật là môn-đồ ta ; các người sẽ biết lẽ thật và lẽ thật sẽ buông-pha các người. » Làm môn-đồ Đấng Christ không phải là thứ cảm-xúc mau qua hay phô-trương trống-rỗng, nhưng đó là học-tập và thực-hành cách nhân-nại, liên-tục những giáo-huấn và ý muốn của Đấng Christ, Nhờ đó sẽ được tự-do tâm-linh, nếu không sẽ chẳng bao giờ nhận được.

Những kẻ nghe Ngài phạt ý vì lời Ngài ám-chỉ họ là nô-lệ. Mặc dầu họ đương bị dân La-mã đô-hộ, ý-thức về dòng-dõi Áp-ra-ham, hy-vọng về tương-lai quốc-gia khi các lời hứa ứng-nghiệm, và hiện-tại họ cũng đương hưởng quyền tự-do cá-nhân và xã-hội, bao nhiêu đó khiến họ công-phán những lời nào ám-chỉ tình-trạng nô-lệ. Chúa Jê-sus nhắc-nhở họ rằng hàng-phục tội-lỗi sẽ khiến cho tinh-thần bị nô-lệ, nhưng đức-tin đến Ngài là Con Đức Chúa Trời sẽ giải-thoát họ khỏi tội-lỗi và ban cho họ sự tự-do của con-cái Đức Chúa Trời. Chúa nhấn mạnh rằng họ xưng mình là con-cái Áp-ra-ham cũng vô-ích. Dầu họ có những tương-quan thể-xác, họ vẫn không có chút tương-quan tinh-thần gì với Áp-ra-ham, hành-động của họ, như là ý họ muốn giết Chúa Jê-sus đã chứng-tỏ điều đó.

Nếu họ là con-cái thật của Đức Chúa Trời, họ phải yêu-thương và kính-trọng Con Đức Chúa Trời. Họ ghen-ghét Ngài, cũng không chịu nhận sứ-điệp của Ngài, chứng tỏ tương-quan tinh-thần họ đương có là với ma-quí. Hành-động của ma-quí đang được biểu-lộ qua thái-độ thù-nghịch lẽ thật và ghen-ghét đến giết người của người Do-thái.

Lại một lần nữa Chúa Jê-sus tuyên-bố rằng đức-tin và vô-tin liên-quan với tấm lòng hơn là với tri-óc ; nó phát-sinh từ những trạng-thái và khuynh-hướng tâm-tinh « Vì bằng Đức Chúa Trời là Cha các người, các người sẽ yêu ta... Ai ra bởi Đức Chúa Trời thì nghe lời Ngài ».

Cuối-cùng, Chúa Jê-sus đã hứa một lời ký-diệu và tuyên-bố một điều lạ-lùng : « Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, nếu kẻ nào giữ lời ta, sẽ chẳng thấy sự chết bao giờ. » Đây chỉ là một lời tuyên-bố tiêu-cực về sự ban-tặng sự sống đời đời mà Chúa Jê-sus luôn luôn phán cùng những kẻ theo Ngài. Phước-hạnh của cuộc sống ấy sẽ hưởng ngay từ bây giờ, sự chết thình-linh của thân-thể không ảnh-hưởng gì đến bản-chất của nó ; rồi trong sự sống lại của thân-thể, sự sống đời đời sẽ đạt đến kết-quả hoàn-toàn.

- Khi người Do-thái diễn lời Ngài lại theo nghĩa đen và bác rằng sự chết là một kinh-nghiệm phổ-thông,

thì Chúa Jêsus đã khiến họ sững-sờ vì lời đáp của Ngài rằng, với Ngài sự sống đã có từ xưa, vẫn cứ còn mãi, trong một trạng-thái vĩnh-viễn; « Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, trước khi chưa có Áp-ra-ham đã có ta ». Đây là lời tự xưng Ngài đồng hóa với Đức Chúa Trời trong thực-tại bất-biến của Ngài. Không lạ gì người Do-thái đã « lấy đá đặng quăng vào Ngài » vì cho là Ngài lộng-ngôn. Vàng, hoặc Ngài là kẻ lộng-ngôn, hay là Ngài đã nói sự thật. Lời tuyên-bố của Chúa không thể nào làm-lấn được. Ngài phải là lừa-dối hoặc là Con của Đức Chúa Trời.

(b) « Dấu lạ » Thứ Sáu ; Chính-thức xưng-khắc với các lãnh-tự tôn-giáo.

Đoạn 9, 10

(1) *Chúa Jêsus và người mù từ thuở sinh ra.*

Đoạn 9

Chúa Jêsus Ánh sáng của thế-gian

« 1 Đức Chúa Jêsus vừa đi qua, thấy một người mù từ thuở sanh ra. 2 Mòn-dờ hỏi Ngài rằng: Thưa thầy, ai đã phạm tội, người hay là cha mẹ người, mà người sanh ra thì mù như vậy? 3 Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Đó chẳng phải tại người hay tại cha mẹ đã phạm tội; nhưng ấy để cho những việc Đức Chúa Trời được tỏ ra trong người. 4 Trong khi còn ban ngày, ta phải làm trọn những việc của Đấng đã sai ta đến; tối lại, thì không ai làm việc được. 5 Đương khi ta còn ở thế-gian, ta là sự sáng của thế-gian.

« 6 Nói xong, Ngài nhổ xuống đất, lấy nước miếng trộn thành bùn, và đem xức trên mắt người mù. 7 Đoạn, Ngài phán cùng người rằng: Hãy đi, rửa nơi ao Si-lô-ê (nghĩa là chịu sai đi). Vậy, người đi đến ao đó, rửa, và trở lại, thì được thấy rõ.

« 8 Xóm-giềng người mù và những kẻ trước kia từng thấy người đi ăn-mày đều nói rằng: Nay có,

phải là người vẫn ngồi ăn-xin đó chăng ? 9 Người thì nói : Ấy là hắn ; kẻ lại nói : Không phải, song một người nào giống hắn. Người mù nói rằng : Chính tôi đây.

10 Chúng bèn hỏi người rằng : Tại sao mắt người đã mở được ? 11 Người trả lời rằng : Người tên gọi là Jêsus kia đã hòa bùn, xức mắt tôi, và nói rằng : Hãy đi đến rửa nơi ao Si-lô-ê. Vậy, tôi đi đến, rửa tại đó, rồi thấy được. 12 Chúng hỏi rằng : Người ấy ở đâu ? Người trả lời rằng : Tôi không biết.

13 Chúng dẫn người trước đã mù đó đến cùng người Pha-ri-si. 14 Vả, ấy là ngày Sa-bát mà Đức Chúa Jêsus đã hòa bùn và mở mắt cho người đó. 15 Người Pha-ri-si lại hỏi người thế nào được sáng mắt lại. Người rằng : Người ấy rà bùn vào mắt tôi, tôi rửa rồi thấy được. 16 Có mấy kẻ trong những người Pha-ri-si bèn nói rằng : Người này không phải từ Đức Chúa Trời đến đâu, vì không giữ ngày Sa-bát. Nhưng kẻ khác rằng : Một kẻ có tội làm phép lạ như vậy thế nào được ? Rồi họ bèn chia phe ra. 17 Bấy giờ chúng hỏi người mù nữa rằng : Còn người, về người đã làm sáng mắt người đó, thì người nói làm sao ? Người trả lời rằng : Ấy là một đấng tiên-tri.

18 Song le, người Giu-đa không tin rằng người ấy trước đã mù mà được sáng lại, cho đến khi gọi cha mẹ người đến. 19 Họ gạn hỏi rằng : Đây có quả thật là con trai các người mà các người nói rằng nó mù từ thuở sanh ra chăng ? Thế thì, sao bây giờ nó sáng vậy ? 20 Cha mẹ người trả lời rằng : Chúng tôi nhìn biết là con trai chúng tôi đó đã mù từ thuở sanh ra ; 21 nhưng hiện nay tại làm sao thấy được, thì chúng tôi không rõ. Chúng tôi cũng không biết ai mở mắt nó nữa. Hãy hỏi nó, nó đã đủ tuổi, chính nó sẽ nói cho. 22 Cha mẹ người nói vậy, vì sợ dân Giu-đa ; bởi dân Giu-đa đã định rằng hễ ai xưng Đức Chúa Jêsus là Đấng Christ,

thì phải bị đuổi ra khỏi nhà hội. ²³ Ấy vì cơ đó nên cha mẹ người nói rằng: Nó đã đủ tuổi, hãy hỏi nó.

²⁴ Vậy, người Pha-ri-si gọi người trước đã mù một lần nữa, mà nói rằng: Hãy ngợi-khen Đức Chúa Trời, chúng ta biết người đó là kẻ có tội. ²⁵ Người trả lời rằng: Tôi chẳng biết người có phải là kẻ có tội chẳng, chỉ biết một điều, là tôi đã mù mà bây giờ lại sáng. ²⁶ Họ lại hỏi rằng: Người đã làm điều gì cho người? mở mắt người thế nào? ²⁷ Người trả lời rằng: Tôi đã nói với các ông rồi, mà các ông chẳng nghe tôi. Cơ sao các ông muốn nghe lại lần nữa? Há cũng muốn làm môn-dồ người chẳng? ²⁸ Họ bèn mắng-nhiếc người mà rằng: Ấy, chính người là môn-dồ người; còn chúng ta là môn-dồ của Môi-se. ²⁹ Chúng ta biết Đức Chúa Trời đã phán cùng Môi-se, nhưng người này, thì chúng ta chẳng biết bởi đâu đến. ³⁰ Người trả lời rằng: Người đã mở mắt tôi, mà các ông chẳng biết người bởi đâu đến, ấy là sự lạ lắm! ³¹ Chúng ta vẫn biết Đức Chúa Trời chẳng nhậm lời kẻ có tội, mà nếu ai kính-sợ Đức Chúa Trời, làm theo ý-muốn Ngài, thì Ngài nhậm lời. ³² Người ta chẳng bao giờ nghe nói có ai mở mắt kẻ mù từ thuở sanh ra. ³³ Nếu người này chẳng phải đến từ Đức Chúa Trời, thì không làm gì được hết. ³⁴ Chúng trả lời rằng: Cả mình người sanh ra trong tội-lỗi, lại muốn dạy-dỗ chúng ta sao! Đoạn, họ đuổi người ra ngoài.

³⁵ Đức Chúa Jêsus nghe họ đã đuổi người ra, và Ngài có gặp người, bèn phán hỏi rằng: Người có tin đến Con Đức Chúa Trời chẳng? ³⁶ Người thưa rằng: Thưa Chúa, người là ai, hầu cho tôi tin đến? ³⁷ Đức Chúa Jêsus phán rằng: Người đã thấy người, và ấy là chính người đương nói cùng người. ³⁸ Người thưa rằng: Lạy Chúa, tôi tin; bèn sấp mình xuống trước mặt Ngài.

³⁹ Đức Chúa Jêsus bèn phán rằng: Ta đã đến thế-gian đặng làm sự phán-xét này; hề ai chẳng

thấy, thì thấy; còn ai thấy, lại hóa mù. 40 Mấy người Pha-ri-si bên cạnh Ngài, nghe đều đó, thì nói với Ngài rằng: Còn chúng ta cũng là kẻ mù chăng? 41 Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Nếu các người là kẻ mù, thì không có tội-lỗi chi hết; nhưng vì các người nói rằng: Chúng ta thấy, nên tội-lỗi các người vẫn còn lại.»

Câu chuyện này có một vẻ khả-ái quyến-rũ đậm-dà. Cuộc đối-thoại giữa những người Pha-ri-si và người mù từ thuở mới sinh nhuốm một khí-vị hoai-kê nhẹ-nhàng; một bên là thái-độ trịch-thượng nhãn-nhỏ, vẻ trịnh-trọng của đám Pha-ri-si, một bên là lời mỉa-mai châm-chọc của chàng thanh-niên, và ngược lại với cảnh đó là sự khiêm-lĩnh uy-nghị của Chúa Jê-sus.

Bằng-chứng về thần-tinh của Chúa ở đây có tính-cách phi-thường vô-cùng. Đây là phép lạ được kiểm-chứng kỹ-càng hơn hết trong các phép lạ của Ngài. Người ta mở cuộc điều-tra công-khai chính-thức về phép lạ này của Ngài, và ta thấy chẳng những có lời chứng của người mù, của cha mẹ chàng và những người láng-giềng mà cả đến chanh người Pha-ri-si cũng phải miễn-cưỡng nhìn-nhận nữa.

Ở đây chúng ta cũng có một tấm gương ý-nghĩa về sự tiến-triển của đức-tin. Người mù trước hết xem Chúa, như một người tên là Jê-sus, rồi như « một đấng tiên-tri », rồi cuối-cùng là « Con Đức Chúa Trời. » Quan-hệ hơn hết, phép lạ này là một thí-dụ sống về cuộc đời phát-xuất từ đức-tin trong Đấng Christ một cuộc sống có sự soi sáng thuộc-linh, có khả-tượng tâm-linh, nêu ra trong lời cao-cả này của Chúa: « Ta là sự sáng của thế-gian. »

Mở đầu câu chuyện, Chúa Jê-sus và các môn-đồ dừng lại trước cảnh tả-tơi của một người ăn-mày ngồi bên đường « một người mù từ thuở sanh ra. » Về thương-hại trên nét mặt của Chúa khiến các môn-đồ nêu ra một vấn-đề chưa được giải-quyết trải qua các thời-đại, ấy là vấn-đề căn-nguyên của đau-khổ nhơn-loại: « Thưa thầy, ai đã phạm tội, người hay là cha mẹ người mà người sinh ra thì mù như vậy? » Họ không có ý ám-chỉ rằng người

này đã có tội từ tiền-kiếp, hoặc đã phạm tội trước lúc ra đời. Họ căn-cứ vào luật phổ-thông là tội-lỗi sinh ra đau-khổ, nhưng họ đã sai-lầm khi cho rằng mỗi trường-hợp đau-khổ cá-nhân đều do một tội-lỗi nào đó gây nên, và họ thấy khó áp-dụng luật đó vào trường-hợp người mù từ lúc mới sinh.

« Đức Chúa Jêsus đáp rằng : Đó chẳng phải tại người hay tại cha mẹ đã phạm tội ; nhưng ấy để cho những việc Đức Chúa Trời được tỏ ra trong người. » Ngài không có ý dạy rằng những người gặp như vậy đều vô-tội, hoặc người này bị mù từ lúc mới sinh chỉ vì mục-đích là để nhờ phép lạ mà phục-hồi thị-giác. Câu nói ấy rất cô-động. Chúa không cố giải-thích sự mâu-nhiệm của đau-khổ. Ngài muốn phán cùng các tín-đồ ở mọi thời-đại rằng sự đau-khổ của nhơn-loại không nên xem là một đề-tài để suy-nghiệm mà là một tiếng kêu-gọi phục-vụ. Chúng ta không cần nêu lên vấn-đề ai phạm tội ; đây là cơ-hội để cho Đức Chúa Trời thi-thố ẩn-diễn của Ngài ! « Trong khi còn ban ngày, ta phải làm trọn những việc của Đấng đã sai ta đến, tối lại, không ai làm việc được. » Trong câu ấy, Chúa Jêsus có một sự-điệp cho chúng ta, ấy là thi-giờ trong cuộc đời rất ít-oi và giới-hạn, có một công-tác cho mỗi giờ ; nếu chúng ta xao-lãng những cơ-hội phục-vụ thì chúng ta sẽ mất vĩnh-viễn ; tối đến, công-tác chúng ta không thể nào hoàn-thành được. Nhiệm-vụ đặc-biệt trong thi-giờ đó là mở mắt cho kẻ đau-khổ.

« Đương khi ta còn ở thế-gian, ta là sự sáng của thế-gian. » Lời tuyên-bố rõ-ràng ấy của Chúa Jêsus đồng-thời cũng là một lời hứa. Chắc lời ấy đã khiến cho người mù chú-ý và hy-vọng. Tuy-nhiên, nó vượt quá giới-hạn của nhu-cầu hiện-tại của chàng. Đối với Chúa Jêsus, người mù là hình-ảnh của « thế-gian » về sự nghèo-khó tinh-thần và sự đui-mù thuộc-linh, lời của Ngài tuyên-bố rằng Ngài sẽ ban ánh sáng cho thị-giác cho tất cả những kẻ tin-cậy Ngài. Ý Ngài cũng nói rằng không phải lời Ngài và giáo-huấn của Ngài là nguồn của ơn-phước mà chính là Thân-vị Ngài : « Ta là sự sáng. »

Ngài không phải chỉ là « Đấng tiên-tri », Ngài là Đấng Mê-si, « Đấng được Đức Chúa Trời sai đến », là Cứu-

Chúa. Tiếp theo đó hành-động của Ngài đã nhấn mạnh cho lời tuyên-bố diệu-kỳ ấy. Ngài đắp bùn vào mắt người mù và bảo chàng đi đến ao Si-lô-ê để rửa. Tại sao vậy ? Giảng cắt nghĩa « ao Si-lô-ê có nghĩa là chịu sai đi. » Chúa Jêsus luôn luôn tuyên-bố rằng Ngài là Đấng từ Đức Chúa Trời sai đến, và ở đây Ngài ám-chỉ rằng chỉ có mình Ngài mới có thể chữa lành, Ngài làm trọn những ơn-phước mà ao Si-lô-ê tiêu-biến. Trong kỳ lễ Lều-tạm, mỗi ngày người ta thường đến ao này múc nước về làm lễ rảy nước để tượng-trưng cho những ân-tử mà Đức Chúa Trời ban cho dân Ngài. Bây giờ ý Chúa nói rằng nước ở ao Si-lô-ê rửa sạch bùn trong mắt người mù thế nào, thì cũng vậy, Ngài là Đấng đến từ trời, là ao Si-lô-ê thật cất sự đui-mù của thân-thể và khôi-phục thị-giác thuộc-linh cho thế-gian.

Với đức-tin và hy-vọng, người mù vâng theo lệnh truyền ; chàng « đi đến ao đó, rửa, và trở lại, thì được thấy rõ. » Bây giờ cả thành-phố nao-động vì tiếng đồn về phép lạ vĩ-đại đó. Đó quả thật là một « dấu lạ » có thể đi đến chỗ thuyết-phục người ta thừa-nhận lời tuyên-bố của Chúa Jêsus. Đó là điều kẻ thù lo-ngại. Họ phải chứng-minh với bất-cứ giá nào rằng không có phép lạ ấy. Họ cố làm điều đó nhưng thất-bại. Người được sáng mắt bị triệu đến trước mặt người Pha-ri-si và bị thăm-vấn gắt-gao. Rồi cha mẹ chàng cũng bị gọi đến và họ cũng nhìn-nhận y như con họ ; rằng trước kia nó mù nhưng bây giờ nó đã thấy được. Rồi người mù bị gọi đến lần thứ hai và người ta yêu-cầu chàng công-nhận rằng, phép lạ kỳ chỉ là một sự lừa-dối. Đó là ý-nghĩa câu nói của họ : « hãy ngợi-khen Đức Chúa Trời, chúng ta biết người đó là kẻ có tội. » Người trả lời rằng : « Tôi chẳng biết người là kẻ có tội chẳng, chỉ biết một điều, là tôi đã mù mà bây giờ lại sáng. » Nói thế không có nghĩa rằng chàng không có ý-kiến gì về tâm-tánh của Chúa Jêsus, nhưng chàng nói rằng chàng đề những vấn-đề thần-học cho sự khôn-ngoaan siêu-quần của họ. Tuy-nhiên, chàng biết điều Chúa Jêsus đã làm cho mình và ám-chỉ rằng họ có thể suy từ công-việc chữa lành ấy mà nhận-định về Ngài.

Trường-hợp khó xử của người Pha-ri-si, lối lý-luận

buồn cười và đáng thương của họ ngày nay vẫn được nhiều kẻ thông-thái lặp lại để cố chứng-minh rằng Chúa Jêsus không phải là Con của Đức Chúa Trời. Người Pha-ri-si lập-luận rằng không thể nào có phép lạ vì hôm ấy là ngày Sa-bát, và Đức Chúa Trời không thể chữa lành người trong ngày Sa-bát vì nếu làm vậy thì Ngài đã phạm luật-pháp yên-nghi. Việc phạm ngày Sa-bát chỉ là một lời giải-thích luật-pháp của họ ; do đó họ đã dùng một lý-thuyết để phản-đối một thực-sự, căn-cứ vào lý-luận mà khước-từ thực-tế.

Ngày nay cũng vậy thay vào những công-thức tôn-giáo của người Pha-ri-si thì có định-lý khoa-học của những kẻ hoài-nghi và suy-lý. Họ bảo chúng ta rằng không thể nào có những hiện-tượng siêu-nhân, không thể nào có phép lạ, do đó những công-việc lừng-lẫy của Chúa Jêsus chẳng qua chỉ là những ngụ-ngôn ; Ngài không phải do một nữ đồng-trình sanh ra, không hề mở mắt kẻ mù, không hề sống lại từ kẻ chết. Những nhà thông-thái này đã có những lý-thuyết và họ bác-bỏ những thực-sự.

Lúc bấy giờ người Pha-ri-si đương ở trong tình-thế khó xử ; trước mặt họ là người mù đương đứng, chàng đã trông thấy rõ-ràng, thế mà chàng lại là kẻ mù từ thuở sinh ra và Chúa Jêsus đã mở mắt cho chàng. Họ chỉ có thể hoặc chối những sự-kiện ấy, hoặc thừa-nhận thần-tính của Chúa Jêsus đã được những sự-kiện ấy chứng-minh.

Ngày nay những kẻ hoài-nghi cũng bối-rối vì những thực-sự. Ví-đụ họ chối các phép lạ mà lại nhìn-nhận rằng Chúa Jêsus là một giáo-sư đạo-đức tối-thượng, và ca-tụng Ngài là một « người lành. » Nhưng Ngài đã tuyên-bố là Ngài đã mở mắt cho người mù, Ngài làm cho các môn-đồ tin rằng Ngài đã đi bộ trên mặt biển, Ngài già dò sống lại từ trong kẻ chết. Cố-nhiên tất cả những điều ấy chỉ là cả một sự phỉnh-gạt hèn-hạ, nếu không thì Ngài phải là Con Đức Chúa Trời. Người Pha-ri-si không thể biện-bác thực-sự của phép lạ ấy, nhưng họ không nhận rằng Chúa Jêsus là « lành. » Chúng ta không thể nào nhận Chúa Jêsus là « lành » nếu chúng ta chối thực-sự của phép lạ Ngài.

Người Pha-ri-si cố thoát khỏi hoàn-cảnh lúng-túng

của họ nên cho gọi người mù và yêu-cầu chàng kể lại câu chuyện một lần nữa, mong sẽ tìm thấy sự so-sát trong lời tường-thuyết của chàng. Những kẻ hoài-nghi ngày nay cũng muốn chứng-minh những mâu-thuẫn trong truyền-tích của Tin-Lành biết bao! Chàng thấy chỗ lúng-túng của họ nên với giọng-điệu châm-biếm bao-dạn, chàng hỏi họ có phải vì muốn làm môn-dồ Chúa Jê-sus nên họ đã sốt-sắng tìm biết về Ngài không. Họ mắng-nhiếc chàng và tuyên-bố rằng họ là môn-dồ của Môi-se, còn về Chúa Jê-sus thì họ « chẳng biết hỏi đâu đến. »

Họ đã bị dồn vào thế của một kẻ bất-khả-tri. Đó là một vị-tri hèn-nhát, luôn luôn là do thiếu can-đảm để đối-diện với sự thật ; nó không thế nào khiến kẻ khác kính-trọng được. Cho nên đối với thái-độ bất-khả-tri ấy người mù đã tỏ vẻ giễu-cợt và khinh-bĩ rất đích-đáng. Chàng lại lý-luận một cách đơn-giản nhưng hùng-hồn rằng một kẻ bịp-bợm, một người lường-gạt, một tội-nhân không thể nào làm được công-việc mà Chúa Jê-sus đã làm : « Nếu người nầy chẳng phải đến từ Đức Chúa Trời, thì không làm gì được hết. » Công-việc của Chúa Jê-sus chứng-minh rằng Ngài không thể tuyên-bố giả-dối được.

Người Pha-ri-si khai-trừ chàng vì họ không thể đối-đáp được. Biết bao lần người dùng sự chưởi-rủa thay thế cho biện-luận, biết bao lần người đã gạt bỏ một cách khinh-bĩ những sự-kiện và bằng-chứng mà họ không thể nào chối-cải được!

Chúa Jê-sus tìm con người bị loại bỏ cô-đơn ấy để dẫn chàng vào sự sáng-trọn- vẹn hơn. Cho đến khi hạ màn thì chúng ta thấy chàng đã thờ-phượng Chúa Jê-sus là Con Đức Chúa Trời. Người Pha-ri-si đứng ngược lại với cảnh đó. Đặc-quyền của họ, sự hiểu biết Kinh-Thánh của họ, đáng lẽ khiến họ phải tin trước nhưt. Chính sự khoe-khoang về khôn-ngoan sáng-suốt của họ lên án họ : « Nhưng vì các người nói rằng : Chúng ta thấy, nên tội-lỗi các người vẫn còn lại. » Cũng vậy, thương thường-những tri-óc tâm-thường, không có sự khôn-ngoan riêng, lại là những kẻ thừa-nhận lời của Đấng Christ trước nhưt ; nhưng đó không phải lý-cớ để bào-chữa cho những kẻ thông-thái, học-thức. Sự thông-tuệ của họ, nếu liên-kết

với tình-cảm đạo-đức và sự khiêm-nhường như trẻ em, sẽ khiến họ trở thành những kẻ mộ-đạo và hữu-ích hơn hết cho Chúa.

Làm thế nào để đức-tin có thể tiến-triển ; làm thế nào để « hễ ai chẳng thấy, thì thấy. » Hãy bắt chước người mù, nghe những lời Đấng Christ phán hứa, vâng theo lệnh Ngài đầu lệnh ấy lạ-lùng mấy đi nữa, có can-đảm để giữ vững xác-tín của mình trước những kẻ « thông-thái », sẵn-sàng chịu khổ vì có Ngài, rồi thị-giác thuộc-linh của bạn sẽ được tăng-cường, ánh sáng sẽ chiếu xuống trên những mặt - nhiệm của đời sống, và bạn sẽ thấy Chúa Jêsus thật là « sự sáng của thế-gian. »

(2) *Chúa Jêsus Người Chặn Chiên Chân-Thật*

Đoạn 10 : 1 - 21

Phần ngụ-ngôn mở đầu đoạn thứ mười của Tin-Lành liên-kết với việc xảy ra trong đoạn trước. Đó là sự-kiện tiếp-nối bài giảng trước mặt người Pha-ri-si và người mù từ thuở sinh ra. Mục-đích thứ nhất là quở-trách người Pha-ri-si về cách họ đối-xử với người được Chúa mở mắt ; thứ hai là để khuyến-khích người thêm đức-tin và tin-cậy ; thứ ba mô-tả chức-vụ từ-ái cứu-rỗi của Chúa.

Ngụ-truyện này chứa đựng ba hình-ảnh tương-quan với nhau nhưng khác - biệt nhau. Nó không phải chỉ có một thí-dụ hoàn-toàn từ câu 1-6, rồi đến hai khúc giải-thích, câu 7-10, và 11-18, nhưng thật ra là gồm ba cảnh, trong mỗi khung-cảnh phần tưởng-tượng có hơi thay-đổi và phần áp-dụng cũng khác nhau.

Theo ý của một nhà giải-kinh, phần đầu là quang-cảnh vào buổi sáng sớm, lúc đàn cừ được người chăn lùa ra khỏi chuồng ; phần thứ hai là quang-cảnh vào lúc xế trưa, đàn cừ được tự-do vào chuồng nằm bình-yên hay ra đồng cỏ để ăn cho no, phần thứ ba là quang-cảnh lúc sẩm tối, khi đàn cừ trở về rất nguy-hiểm vì muông-sói. Cảnh thứ nhất đối-chiếu lòng bạo-tàn của người Pha-ri-si với chức-vụ thiên-thượng của Đấng Christ ; cảnh thứ hai đối-chiếu ảnh-hưởng gian-ác của quyền-lực họ với sự sống thỏa - mãn dư-dật của Ngài ban ; cảnh thứ ba đối-

chiếu những động-lực độc-ác và hèn-nhát của họ với tinh-yêu hy-sinh của Ngài.

« 1 Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, kẻ nào chẳng bở-i cửa mà vào chuồng chiên, nhưng trèo vào từ nơi khác, thì người đó là trộm-cướp. 2 Nhưng kẻ bở-i cửa mà vào, là người chân-chiên. 3 Người canh cửa mở cho, chiên nghe tiếng người chân ; người chân kêu tên chiên mình mà dẫn ra ngoài. 4 Khi người đã đem chiên ra hết, thì đi trước, chiên theo sau, vì chiên quen tiếng người. 5 Nhưng chiên chẳng theo người lạ ; trái lại, nó chạy trốn, vì chẳng quen tiếng người lạ. 6 Đức Chúa Jêsus phán lời ví - dụ đó, nhưng chúng không hiểu Ngài muốn nói chi. »

Câu 1-6. Dứt phép thông-công người mù, người Pha-ri-si đã nêu lên một gương về sự sử-dụng cái quyền mà họ tự phong cho mình. Họ là những kẻ cai-trị vô thẩm-quyền ; Đấng Christ là Đấng Mê-si. Dân thật của Đức Chúa Trời không thỏa-mãn với những lãnh-tụ Do-thái, và cũng như người mù từ thuở mới sinh, họ sẵn-sàng đi theo Đấng Christ.

Chúa đã minh-giải những điều đó trong ngụ-truyện của Ngài. Người Pha-ri-si đã không nhận quyền của họ bằng cách vào « cửa » chính của chức-vụ do Đức Chúa Trời lập nên. Họ đã trèo « từ nơi khác. » Họ đã đoạt quyền-lực bạo-ngược ấy bằng những phương-tiện bất-hợp-pháp. Họ cũng như những tên trộm đổi-trá, giả-ngụy, như những tên cướp tàn-hạo, bóc-lột. Đấng Christ, trái lại, đã đến với một sứ-mạng thiên-thượng, và được bổ-nhiệm là Đấng Mê-si. Ngài là Người Chân thật. Giảng Báp-tít hay những kẻ đã làm trọn nhiệm-vụ tiên-tri, đều giống như người gác cửa đứng tại cửa chuồng để mở đường cho Ngài đến cùng bầy chiên. Như bầy chiên nhận biết tiếng người chân thế nào, thì cũng vậy, người đã được Đấng Christ chữa lành, và mọi kẻ thật lòng yêu-thương Đức Chúa Trời sẽ vui-vẻ nhận Đấng Christ như là Đấng Mê-si. Ở đây Chúa cũng ám-chỉ rằng theo Ngài tức là phải ly-khai quốc-gia, nhà hội và những kẻ cai-trị Do-thái, và phải chịu

cảnh cô-độc như người được sáng mắt đã gặp khi không chịu phục-tùng người Pha-ri-si. Ngài cũng ám-chỉ rằng một đàn chiên mới gồm những kẻ theo Ngài sắp thành hình ; họ sẽ được Ngài dẫn-dắt và săn-sóc.

« 7 Đức Chúa Jêsus lại phán cùng họ rằng : Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, ta là cửa của chiên, ⁸ Hết thấy những kẻ đã đến trước ta đều là quân trộm-cướp ; nhưng chiên không nghe chúng nó. ⁹ Ta là cái cửa ; nếu ai bỏi ta mà vào, thì sẽ được cứu-rỗi ; họ sẽ vào ra và gặp đồng cỏ. ¹⁰ Kẻ trộm chỉ đến để cướp giết và hủy-diệt ; còn ta đã đến, hầu cho chiên được sự sống, và được sự sống dư-dật. »

Câu 7-10. Trong bức tranh thứ hai này, Đấng Christ không phải là người Chấn nữa mà là « cửa của chiên. » Con đường giao-cảm và thân-hữu với Đức Chúa Trời bắt qua Ngài. Những kẻ nào khác đã xưng như vậy đều là những « quân trộm-cướp. » Ảnh-hưởng của họ đem đến là « cướp, giết, và hủy-diệt », nhưng những kẻ đến cùng Đức Chúa Trời qua Đấng Christ sẽ được sự sống dư-dật ; họ sẽ được sự tự-do, thỏa-mãn và cứu-rỗi thật.

« 11 Ta là người chăn hiền-lành ; người chăn hiền-lành vì chiên mình phó sự sống mình. ¹² Kẻ chăn thuê chẳng phải là người chăn, và chiên không phải thuộc về nó, nếu thấy muông-sói đến, thì nó bỏ chiên chạy trốn ; muông-sói cướp lấy chiên và làm cho tán-lạc. ¹³ Ấy vì nó là kẻ chăn thuê, chẳng lo-lắng chỉ đến chiên. ¹⁴ Ta là người chăn hiền-lành, ta quen chiên ta, và chiên ta quen ta, ¹⁵ cũng như Cha biết ta, và ta biết Cha vậy ; ta vì chiên ta phó sự sống mình. ¹⁶ Ta còn có chiên khác chẳng thuộc về chuồng này ; ta cũng phải dẫn nó về nữa, chiên đó sẽ nghe tiếng ta, rồi sẽ chỉ có một bầy, và một người chăn mà thôi. ¹⁷ Nay, tại sao Cha yêu ta ; ấy vì ta phó sự sống mình, để được lấy lại. ¹⁸ Chẳng có ai cất sự sống ta đi, nhưng tự ta phó

cho ; ta có quyền phó sự sống, và có quyền lấy lại ; ta đã lãnh mạng-linh này nơi Cha ta.»

Câu 11-18. Trong bức tơnh thứ ba, Chúa mô-tả Ngài là Người Chấn Hiên-lạnh và phán rằng bởi đó Ngài sẵn lòng bỏ mạng sống mình vì bầy chiên. Đối-chiếu với những kẻ khác, Chúa chứng-tỏ rằng họ không xứng-dáng danh-hiệu kẻ chăn chiên, vì động-lực của họ là mưu-lợi ích-kỷ, khi gặp hiểm-nghèo họ tỏ ra sợ-hãi và hèn-nhát. Ngài gọi họ là những kẻ chăn thuê và nói rằng họ chạy khi « thấy muông-sói đến ». Như phần trước Chúa đã dùng những chữ « trộm-cướp » để chỉ về người Pha-ri-si, thì ở đây những chữ « chăn thuê », « muông sói » chắc cũng có tương-quan với họ. Hình-ảnh sau vẽ lại lòng ghen-ghét tàn-bạo đã làm nao-động những kẻ thù Ngài ; nhưng trong hàng quan-trưởng có « nhiều » người « tin Chúa Jê-sus, nhưng... họ không xưng Ngài ra, sợ bị đuổi khỏi nhà hội chẳng. » Họ giống như những kẻ chăn thuê ; nhiệm-vụ của họ là phải săn-sóc bầy chiên, nhưng họ không muốn hy-sinh, bởi vậy họ không thể bảo-vệ Đấng Christ và những kẻ theo Ngài vì sợ thiệt-thòi cá-nhân. Tuy-nhiên, ta có thể giải-thích từ-ngữ « muông-sói » hay « chăn thuê » là những chữ đối-lập với Người Chấn Hiên-lạnh, vì mục-đích của người là vị-tha và động-lực của người là tình yêu.

Lại nữa, người biết rõ-ràng về chên của mình, và chúng cũng biết người. Liên-quan hỗ-trong này có thể sánh với liên-quan giữa Đấng Christ và Cha Ngài. Tình yêu và sự hiểu biết ấy không phải chỉ dành cho các môn-đồ mà người mù là đại-diện, nhưng cũng cho cả quần-chúng đồng-đảo trong vòng Dân Ngoại sẽ theo Ngài sau này. Đấng Christ tuyên-bố rằng tất cả những kẻ tin Ngài sẽ họp thành một bầy, dầu họ ở những chuồng khác nhau. Vì có những chiên ấy mà Ngài sắp bỏ mạng sống mình. Ngài sẽ chết vì lòng thù-ghét bạo-ngược của thù-nghịch Ngài ; nhưng mạng sống Ngài sẽ làm một sinh-tế tự-nguyện hiến vì tội-nhơn.

Tuy-nhiên, Ngài sẽ sống lại từ kẻ chết ; đây là mục-tiêu tối-hậu của Ngài, bởi vì Ngài có sống lại, hoạt-động,

hiện-diện, thì Ngài mới có thể săn-sóc bầy chiên. Ngài đã nhận quyền sống chết đó ở nơi Cha, là Đấng Ngài luôn luôn làm đẹp lòng bởi sự hy-sinh tuyệt-đối của Ngài.

«¹⁹ Nhon những lời đó, người Giu-da lại chia phe ra nữa. ²⁰ Phần nhiều trong đám họ nói rằng: Người bị quỷ ám, người là điên; sao các người nghe làm chi? ²¹ Kẻ khác nói rằng: Ấy đó chẳng phải là lời nói của một kẻ bị quỷ ám. Quỷ há có thể mở mắt kẻ mù được sao?»

Câu 19-21. Tiếp theo phần ngụ-ngôn là một chú-thích lịch-sử tả sự chia-rẽ trong những kẻ nghe Ngài. Đó luôn luôn là kết-quả của lời Đấng Christ. Phần này cũng mang đặc-tính của Tin-lành này, ấy là nói về sự tiến-triển của đức-tin và vô-tin, và chứng-tỏ rằng cách người ta đáp lời hay việc làm chứng về Đấng Christ sẽ phán-xét họ. Trong phần ngụ-ngôn, lời chứng nằm trong những lời tuyên-bố của Đấng Christ. Ngài đã tuyên-bố Ngài là Đấng Mê-si, tự giới-thiệu là người Chặn thật của Y-sơ-ra-ên, là Cứu-Chúa do Đức Chúa Trời chỉ-định. Đức-tin sẽ đáp lại lời tuyên-bố ấy; đản chiến nghe tiếng người. Đối với lời tuyên-bố ấy, những kẻ vô-tin sẽ nổi giận: « Người bị quỷ ám, người là điên, sao các người nghe người làm chi? » Tuy-nhiên, trong Giảng, ngoài bằng-chứng và đức-tin, còn một tư-tưởng vĩ-đại nữa: ấy là sự sống xuất-phát từ đức-tin. Tư-tưởng này đã được nêu ra cách đẹp-đẽ vô-cùng trong ngụ-truyện này. Trong cảnh thứ nhứt, trung-tâm hạnh-phước là ở trong sự dẫn-dắt của Đấng Chặn Chiên thật; trong cảnh thứ hai, nó bao-hàm sự an-toàn, tự-do và thỏa vui tâm-linh; trong cảnh thứ ba, nó gồm-tóm tinh yêu Đấng Christ, sự hiểu-biết về Ngài, và sự tương-giao trong cuộc sống, với tất cả mọi kẻ tin, trong tất cả các chủng, hay giáo-phái, trong một bầy vĩ-đại duy-nhứt của Đấng Christ. Thật là phước-hạnh cho những kẻ có thể nói trong lòng rằng: « Chúa là Đấng Chặn Chiên của tôi. »

(3) *Chúa Jêsus là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời.**Đoạn 10 : 22 - 42*

22 Tại thành Giê-ru-sa-lem có giữ lễ Khánh-thành đền-thờ. Bấy giờ là mùa đông ; 23 Đức Chúa Jêsus đi dạo trong đền-thờ, dưới hiên-cửa Sa-lô-môn. 24 Người Giu-đa nhóm xung-quanh Ngài mà nói rằng : Thấy dễ chúng tôi nghĩ vơ-vẩn mãi cho đến khi nào ? Nếu thấy là Đấng Christ, hãy nói rõ cho chúng tôi. 25 Đức Chúa Jêsus đáp rằng : Ta đã báo các người, mà các người không tin ; những việc ta hơn danh Cha ta mà làm đều làm chứng cho ta. 26 Nhưng các người không tin ta, vì các người chẳng phải là chiên của ta. 27 Chiên ta nghe tiếng ta, ta quen nó, và nó theo ta. 28 Ta ban cho nó sự sống đời đời ; nó chẳng chết mất bao giờ, và chẳng ai cướp nó khỏi tay ta. 29 Cha ta là Đấng lớn hơn hết đã cho ta chiên đó, và chẳng ai cướp nổi chiên đó khỏi tay Cha. 30 Ta với Cha là một.

31 Người Giu-đa lại lượm đá dặng ném Ngài. 32 Đức Chúa Jêsus phán rằng : Ta đã làm trước mắt các người làm việc lành bởi Cha đến ; vì việc chi mà các người ném đá ta ? 33 Người Giu-đa trả lời rằng : Ấy chẳng phải vì một việc lành mà chúng ta ném đá người, nhưng vì lỗi lộng-ngôn : người là người, mà tự xưng là Đức Chúa Trời. 34 Đức Chúa Jêsus đáp rằng : Trong luật-pháp của các người là những điều chép rằng : Ta đã phán : Các người là các thần, hay sao ? 35 Nếu luật-pháp gọi những kẻ được lời Đức Chúa Trời phán đến là các thần, và nếu Kinh-thánh không thể bỏ được, 36 thì ta đây, là Đấng Cha đã biệt ra thánh, và sai xuống thế-gian, nói : Ta là Con Đức Chúa Trời, có sao các người cáo ta là nói lộng-ngôn ? 37 Ví bằng ta không làm những việc của Cha ta, thì các người chớ tin ta. 38 Còn nếu ta làm, thì dầu các người chẳng tin ta, hãy tin những việc ta, để các người hiểu và biết rằng Cha ở trong ta và ta ở trong Cha.

39 Chúng còn kiếm cách để bắt Ngài nữa ; nhưng

Ngài tránh khỏi tay họ. ⁴⁰ Đoạn, Ngài lại sang bên kia sông Giô-đanh, đến nơi Giăng đã làm phép báp-têm trước hết, và trú tại đó. ⁴¹ Có nhiều kẻ đến cùng Ngài, mà nói rằng : Giăng chưa làm một phép lạ nào, nhưng mọi đấng Giăng đã nói về người này là thật. ⁴² Tại đó có nhiều người tin Ngài.»

Hai tháng đã trôi qua sau khi Chúa chữa lành người mù và giảng thuyết vào Lễ Lều-tạm. Trong thời-gian ấy Chúa ở tại Ga-li-lê, nhưng bây giờ Ngài trở lại Giê-ru-sa-lem để dự một quốc-lễ gọi là « lễ Khánh-thành » để kỷ-niệm công-cuộc tây-ước Đền thờ sau khi bị An-ti-ô-cút dày-xéo.

Chúa Jêsus đương bước đi dưới hành-lang phía đông của Đền thờ gọi là « hiên cửa Sa-lô-môn », để tránh mưa và lạnh của tháng chạp. Kẻ thù vây quanh Ngài yêu-cầu Ngài nói trắng ra là Ngài có phải là Đấng Mê-si hay không. Lời yêu-cầu của họ không thành-thật; họ đã biết rõ lời tuyên-bố của Ngài; nhưng họ muốn tìm cơ-hội hay lý-do để tiêu-diệt Ngài. Hơn nữa câu hỏi của họ là một câu hỏi khó-khăn; vì Ngài không phải là Đấng Mê-si họ mong-trước hay là Đấng Mê-si họ sẵn-sàng chấp-nhận; nhưng Ngài là Đấng Mê-si đã được các tiên-tri dự-ngôn, đến để cứu kẻ tin-cậy Ngài.

Chúa Jêsus trả lời cách khôn-ngoan vô-cùng. Ngài nói rằng những phép lạ Ngài làm ra bởi thần-quyền đấng đã ở làm phép lạ cho Israel Ngài tuyên-bố. Ngài bảo những kẻ hỏi Ngài rằng họ vô-tin không phải vì thiếu bằng-chứng mà là do khuynh-hướng tinh-thần của họ. Nếu họ có cảm-tình với Ngài và với Cha Ngài, chắc họ sẽ tin và sẽ nhận được những ơn-phước tối-cao vĩnh-viễn mà Ngài có thể ban cho họ. « Chiên ta nghe tiếng ta... Ta ban cho nó sự sống đời đời, nó sẽ chẳng chết mất bao giờ. »

Ngài nói thêm rằng những kẻ theo Ngài được an-toàn là nhờ tương-quan giữa Ngài với Cha: « Chẳng ai cướp nó khỏi tay ta... Chẳng ai cướp nổi chiên đó khỏi tay Cha. Ta với Cha là một. » Sự đồng-nhất này

có nghĩa là sự hợp-nhứt của ý-chí và quyền-năng, nhưng chắc cũng chỉ điều hơn thế, ấy là sự hợp-nhứt của con người.

Ý-nghĩa của lời ấy rõ-ràng đến nỗi người Do-thái lập tức « lượm đá đặng ném Ngài » như họ đã làm trước khi Ngài tuyên-bố Ngài đồng thể yếu với Đức Chúa Trời. Có thể họ đã nhận Ngài là Đấng Mê-si nếu Ngài không tuyên-bố thần-tính của Ngài. Họ không trông-đợi một Đấng Mê-si thiên-thượng. Bởi vì Chúa Jê-sus tuyên-bố bản-thể Ngài đồng-nhứt với Đức Chúa Trời nên Ngài bị ghét, bị chối-bỏ, và bị đóng đinh.

Với một vẻ mỉa-mai phần-nộ Chúa Jê-sus hỏi họ : « Ta đã làm trước mắt các người làm việc lành bởi Cha đến ; vì việc chi các người ném đá ta ? » Người Do-thái trả lời : « Ấy chẳng phải vì một việc lành mà chúng ta ném đá người, nhưng vì lời lộng-ngôn : người là người, mà tự xưng là Đức Chúa Trời. »

Để trả lời, trước hết Chúa Jê-sus bác-bỏ lời cáo-trang của họ rồi xác-định chân-lý của lời tuyên-bố Ngài. Câu 34-38. Trong lời biện-hộ Chúa Jê-sus không có ý khước-từ thần-tính của Ngài; nhưng Ngài lý-luận rằng, theo Kinh-thánh Hê-bơ-rơ, những thăm-phán giữ nhiệm-vụ thay mặt Đức Giê-hô-va có thể gọi là « các thần », mà không bị lỗi lộng-ngôn, thì một Đấng mặc-khải Đức Chúa Trời trọn-vẹn không thể là lộng-ngôn khi tự gọi mình là « Con Đức Chúa Trời. »

Sau đó Ngài trả lời rằng Ngài chẳng những không phạm tội lộng-ngôn, nhưng điều quan-trọng hơn, là những điều Ngài nói về Phàm-vị Ngài đều là chơn-thật. Những linh-công của Ngài về lòng bác-ái và yêu-thương là bằng-chứng Ngài đồng-nhứt với Đức Chúa Trời. Nếu họ không tin những lời Ngài, thì ít ra họ cũng phải chịu thuyết-phục vì những « dấu lạ » ấy.

Ý-định ném đá Chúa Jê-sus đã được dẹp bỏ ít lâu, trong khi kẻ thù bàn cách bắt Ngài thì Chúa thoát khỏi tay họ, và lui khỏi thành đến một nơi an-toàn ở phía sông Giô-dan. Tại đây, trong khung-cảnh của chức-vụ Giảng Báp-tít, có nhiều người chịu ảnh-hưởng của Giảng

nhớ lại lời chứng của ông và sau được thấy phép lạ của Chúa Jêsus đều trở thành môn-đồ Ngài. Đức-tin của họ làm thành một hình-ảnh tương-phản hẳn với sự vô-tin đã dâng lên đến cao-độ tại Giê-ru-sa-lem.

Cuộc xung-khắc giữa Chúa Jêsus và các quan cai-trị đến đây đã trọn-vẹn. Ta nên cần-thận ghi-chú rằng sự xung-khắc ấy phát-sinh do lời Đấng Christ tuyên-bố rằng Ngài chẳng những là Đấng Mê-si mà cũng là Con Đức Chúa Trời nữa. Lời tuyên-bố ấy phát-biểu ở đây thật là vô-cùng minh-bạch và đã được Đấng Christ biểu-lộ căn-cứ vào những phép lạ của Ngài. Mục-tiêu đầu-tiên của tác-giả sách Tin-Lành này là nêu lời chứng ấy ra. Dầu ta có nghĩ thế nào về Thân-vị của Đấng Christ, thì chắc hẳn những kẻ thù Ngài cũng đã hiểu lời Ngài quả-quyết về sự đồng-nhất tuyệt-đối của bản-thể Ngài với Đức Chúa Trời, không có chỗ nào Ngài ám-chỉ rằng họ bị làm-lấn.

Dầu ta quan-niệm thế nào về phép lạ của Đấng Christ, thì chắc-chắn Ngài cũng đã xem những phép lạ ấy là những bằng-chứng đầy-dủ về tinh-tinh của Ngài, và Giảng đã chép lại với mục-đích ấy.

Ta nên xét thêm xem thử đoạn này dạy gì về yếu-tố tinh-thần của đức-tin và vô-tin. Trí-luệ có phần trong đó bao nhiêu thì tâm-hồn và ý-chí cũng quan-trọng bấy nhiêu. Người ta không tin vì họ không muốn tin. Cũng cũng một lời chứng ấy mà khiến cho người trở thành môn-đồ thật, kẻ thì trở thành tử-thù. Đấng Christ luôn luôn là viên đá trác-nghiệm tâm-tính.

Đặc-điểm vĩ-đại thứ ba của Phúc-âm này cũng cần nên nhắc tới trong khi nghiên-cứu đoạn này: ta nên xem-xét Chúa Jêsus đã dạy gì về cuộc sống xuất-phát từ đức-tin trong Ngài. Ngài mô-tả cuộc sống đó trong sáu câu hùng-hồn nêu lên những ơn-phước trong những hình-bóng rút từ thiên ngụ-truyện này.

Hai khúc đầu tương-ứng với những câu 1-6, nêu lên đức-tin của tin-đồ, và sự quan-tâm đặc-biệt của Đấng Christ. Hai câu ấy là: « Chiên ta nghe tiếng ta, ta biết chúng. » Hai câu thứ nhì tương-ứng với những câu 7-10,

chỉ về sự trung-tín của kẻ tin và ân-huệ của Đấng Christ : « Nó theo ta ; ta ban cho nó sự sống đời đời. » Hai câu cuối-cùng tương-ứng với những câu 11-18, cho thấy sự an-toàn của kẻ tin, và quyền bảo-vệ của Đấng Christ : « Nó chẳng chết mất bao giờ và chẳng ai cướp nó khỏi tay ta. »

Ở đây cũng như suốt cả Phước-ân, « sự sống đời đời » là một sở-hữu hiện-tại của kẻ tin, đề-rời sẽ được hưởng-thụ và phát-triển mãi mãi. Đặc-điểm chính của sự sống ấy không phải là khoảng thời-gian lâu dài mà là tính-cách thiên-đàng và phước-hạnh của nó. Đó là một cuộc sống « dư-dật » mà Đấng Christ ban cho mọi kẻ đặt lòng tin-cậy nơi Ngài.

C. DẤU LẠ TỐI-CAO; ÂM-MUU CỦA NHỮNG KẸ CẦM QUYỀN.

Đoạn 11

(1) Sự sống lại của La-xa-ro

11 : 1 - 44

Câu chuyện đặc-sắc này là một câu chuyện vô-cùng quan-trọng trong truyện-tích Phức-âm do Giảng kể. Phép lạ trong câu chuyện này là một phép lạ ý-nghĩa và kỳ-diệu hơn hết trong những « dấu lạ » Chúa đã làm; nó đánh thức và tăng-cường đức-tin trong những kẻ nó làm chứng đồng-thời nó khơi-dậy niềm sợ-sệt và giận ghét của những kẻ cầm quyền, bọn này cuối-cùng đã quyết-định bắt giết Chúa Jêsus. Nhưng trên hết, đó là bằng-chứng và lời tiên-tri về sự sống hiện-tại cũng như vĩnh-viễn mà Đấng Christ ban cho những kẻ tin-cậy Ngài.

Một câu chuyện như vậy cần bình-luận ít thôi và nếu gắng phân-tích có thể làm mờ nghĩa nó đi. Tuy-nhiên, nếu phân-định tư-tưởng theo thứ-tự những đặc-điểm của nó cũng là một điều hữu-ích.

Tình bạn

Câu 1 - 8

« 1 Có một người đau, tên là La-xa-ro, ở Bê-tha-ni, là làng của Ma-ri và chị người là Ma-thê. 2 Ma-ri là người đã xức dầu thơm cho Chúa, và lấy tóc mình lau chơn Ngài; chính anh người là La-xa-ro đương đau. 3 Vậy, hai chị em sai người đến thưa cùng Đức Chúa Jêsus rằng: Lạy Chúa, này, kẻ Chúa yêu mắc bệnh. 4 Đức Chúa Jêsus vừa nghe lời đó, bèn phán rằng: Bệnh này không đến chết

đau, nhưng vì sự vinh-hiến của Đức Chúa Trời, hầu cho Con Đức Chúa Trời bởi đó được sáng danh. 5 Vả, Đức Chúa Jêsus yêu Ma-thê, em người, và La-xa-rô. « Khi Ngài nghe người này đau, bèn ở lại hai ngày nữa trong nơi Ngài đương ở. »

Những lời kê về Ma-thê, Ma-ri và La-xa-rô ở đây nhắc-nhở chúng ta về những mối tình bạn của Chúa Jêsus. Những mối tình bạn đó là điều rất thực-tế. Sự thật về cảnh cô-độc của Chúa có lẽ bị người ta nhìn mạnh quá đáng, chỉ trừ ra khi ta nghĩ đến sự cô-đơn Ngài phải chịu khi thực-hiện công-cuộc chuộc tội. Tuy-nhiên, Ngài rất có tài làm bạn, Ngài đã có những bạn chọn lọc, và có những gia-đình-vui lòng đón tiếp Chúa làm khách của nhà mình. « Vả Đức Chúa Jêsus yêu Ma-thê, em người, và La-xa-rô. » Ngày nay cũng vậy, Đấng Christ cũng có những giới bạn-hữu thân-cận của Ngài. Không phải Ngài đã lựa-chọn họ cách độc-đoán, mà đó là những người đã yêu Ngài, đáp ứng lời Ngài, và trong tâm-hồn có sẵn ơn tiếp khách.

Ta đã có một bức tranh khá-ái về Ma-thê và Ma-ri do nhà truyền-đạo Lu-ca vẽ. Trong bức tranh ấy, tình-yêu Chúa của Ma-thê đã khiến nàng xúc-vác tất cả các gánh nặng, đến nỗi nàng phải bối-rối, lo-lắng, than-trách ; trong khi đó Ma-ri ngồi dưới chơn Chúa nghe lời Ngài, vì trái tim nhạy cảm của nàng cảm biết đó là cách tiếp-đãi Chúa tốt-đẹp hơn hết.

Nhưng Ma-ri cũng có phục-vụ : hành-động hy-sinh của nàng sau đó đã danh-tiếng đến nỗi khi Giảng viết bài kỹ-thuật này, ông gọi nàng là « Ma-ri là người đã xúc dầu thơm cho Chúa. » Việc xúc dầu này có kê trong đoạn sau của sách Tin-Lành này, nhưng chuyện này không phải là một vớ chuyện người đàn-bà tội-lỗi do Lu-ca kê. Cũng không nên lầm-lẫn Ma-ri này với Ma-ri Ma-đơ-len. Ma-ri ở Bê-tha-ni là em của Ma-thê và La-xa-rô, nhà của mấy anh em này là nơi Chúa thường thích ở lại.

Bây giờ gia-đình này gặp cơn bối-rối. Được kết bạn với Chúa không phải là được thoát khỏi những

khô-cảnh của thổ-nhân, nhưng ta vững lòng vì đã có lòng ưu-ái và sự cứu-trợ của Ngài.

« Vậy hai chị em sai người đến thưa cùng Chúa Jê-sus rằng: Lạy Chúa, này, kẻ Chúa yêu mắc bệnh. » Câu trả lời của Chúa Jê-sus không có nghĩa rằng La-xa-rô không chết, hay mục-đích và ý-nghĩa của cơn bệnh này là tạo cơ-hội để Chúa làm phép lạ về sự sống lại. Chúa có ý nói kết-quả của bệnh này sẽ không phải là sự đắc-thắng liên-tục của sự chết, mà là sự vinh-hiền của Đức Chúa Trời được biểu-lộ trong sự đắc-thắng của sự sống lại và sự sống. Khi cơn đau-buồn đến với Cơ-đốc-đồ, thì có một điều nguy-hiểm là quả-quyết rằng nó có một mục-tiêu ích-lợi nào đó, hoặc có thể tìm thấy ý-nghĩa của nó trong một ơn-phước tương-lai. Các mục-đích của Đức Chúa Trời đều ở ngoài tầm hiểu-biết của chúng ta, và đau-khổ là một huyền-nhiệm không thể giải-thích được. Nhưng có một điều chắc-chắn tuyệt-đối là, đối với bạn-hữu của Chúa Jê-sus, thì hậu-quả của đau-khổ sẽ là một ích-lợi vĩnh-viễn, một sự phò-bày « vinh-hiền của Đức Chúa Trời. »

Tuy-nhiên, có những sự chậm-trễ để thử-thách đức-tin của chúng ta đối với tình bạn của Chúa. « Khi Ngài nghe người này đau, bèn ở lại hai ngày nữa trong nơi Ngài đương ở. » Không phải Chúa lần-lữa để cho La-xa-rô chết. Khi tin ấy đến với Chúa Jê-sus thì ông đã chết và chôn rồi. Chúa Jê-sus về đến Bê-tha-ni vào ngày thứ tư, câu 17, 39: Chúa đi đường một ngày, người đem tin đi đường một ngày, và Chúa ở lại hai ngày sau khi nhận được tin La-xa-rô đau. Ngài biết La-xa-rô đã chết, tại sao Ngài ở nán lại, ta không biết được, chỉ có thể phỏng- đoán thôi. Hai chị em đã không yêu-cầu Ngài đến. Họ biết khi Ngài trở về Giu-đê, thì Ngài có thể gặp sự hiềm-nghèo. Khi La-xa-rô chết, họ không sai người thứ hai đến đưa tin. Đối với họ, thầy biết họ đang ở trong hoàn-cảnh khó-khăn là đủ rồi. Họ ao-ước Ngài đến. Họ để Ngài quyết-định mọi sự. Họ tin-cậy tình-yêu của Ngài.

Lòng tin-cậy ấy đã không bị đặt sai chỗ. Biết chắc

• nếu trở về Ngài phải hy-sinh tính-mạng, thế mà vì tình bạn Ngài đã quay về ngôi nhà ở Bê-tha-ni. Trong cách Chúa đối-xử với ta, có nhiều điều bí-ẩn và chậm-trễ, song không bao giờ ta phải nghi-ngờ Đấng đã hy-sinh tính-mạng vì chúng ta, Ngài đã không nghĩ gì khác về chúng ta ngoài tình yêu.

Sự bạo-dạn

Câu 7-16

« 7 Rồi đó, Ngài phán cùng môn-đồ rằng : Chúng ta hãy trở về xứ Giu-đê. 8 Môn-đồ thưa rằng : Thưa thầy, hôm trước dân Giu-đa tìm ném đá thầy, thầy còn trở lại nơi họ sao ? 9 Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Trong ban ngày há chẳng phải có mười hai giờ sao ? Nếu ai đi ban ngày, thì không vấp, vì thấy sự sáng của thế-gian này. 10 Nhưng nếu ai đi ban đêm, thì vấp, vì không có sự sáng. 11 Ngài phán như vậy, rồi tiếp rằng : La-xa-rô, bạn ta, dương ngủ ; nhưng ta đi đánh thức người. 12 Môn-đồ thưa rằng : Thưa Chúa, nếu người ngủ, chắc sẽ được lành. 13 Vả, Đức Chúa Jê-sus phán lời đó chỉ về sự chết của La-xa-rô ; song môn-đồ tưởng nói về giấc ngủ thường. 14 Đức Chúa Jê-sus bèn nói tỏ-tường cùng môn-đồ rằng : La-xa-rô chết rồi. 15 Ta vì các người mừng không có ta tại đó, để cho các người tin ; nhưng chúng ta hãy đi đến cùng người. 16 Nhưn đó, Thô-ma, gọi là Di-đim, nói với môn-đồ khác rằng : Chúng ta cũng hãy đi tới đó dạng chết với Ngài ! »

Ta nên ghi-nhận tinh-thần không khiếp-sợ của Chúa Jê-sus ở đây. « Ngài phán cùng môn-đồ rằng : Chúng ta hãy trở về xứ Giu-đê. » Ngài không nói là về Bê-tha-ni, mà về Giu-đê, chốn hiểm-nghèo. Các môn-đồ thấy Ngài nói vậy thì hỏi Ngài : « Thưa thầy, hôm trước dân Giu-đa tìm ném đá thầy, thầy còn trở lại nơi họ sao ? » Câu trả lời của Chúa chứng-tỏ rằng sở-dĩ Ngài can-đảm là vì Ngài tin-cậy vào mục-đích bất-di-dịch và Thần-hựu

của Đức Chúa Trời. « Trong ban ngày há chẳng phải có mười hai giờ sao? Nếu ai đi ban ngày thì không vấp. » Ngài xác-nhận rằng Ngài đã được giao-phó một công-tác để thi-hành và được ban cho thi-giờ để thi-hành công-tác đó. Không có kẻ thù nào, tai-nạn rủi-ro nào có thể thu ngắn bớt một giờ trong cái ngày đã ban cho Ngài để sống trên đất. Chỉ có một điều hiềm-nghèo, ấy là đào-ngũ trước nhiệm-vụ. Điều đó sẽ đem lại tối-tăm và thiệt-hại. Trên con đường công-tác đã chỉ-định, Ngài luôn được an-toàn tuyệt-đối.

Phải chăng điều đó có thể ứng-dụng cho mỗi người theo Đấng Christ, phải chăng công-nhận lẽ-thật về công-tác và thi-giờ trong đời sống ta sẽ được can-đảm trong những giờ-phút gian-nguy, cực-nhọc và tối-tăm?

Rồi Chúa Jê-sus nói rõ cho môn-đồ biết về sự chết của La-xa-rơ, mục-đích của Ngài khi gọi người sống dậy, và sự tin-trưởng của Ngài rằng phép lạ này sẽ củng-cố đức-tin cho những kẻ theo Ngài. Họ vẫn sợ-sệt, Thô-ma tuyệt-vọng mặc dầu vẫn trung-thành, nhưng những lời Chúa ám-chỉ về việc gọi La-xa-rơ sống lại và viễn-ảnh của công-việc lạ-lùng ấy chắc giúp họ nhiều để quên mỗi sợ của họ. Cũng vậy trong khi chúng ta theo Chúa trên con đường nhiệm-vụ, chẳng những chúng ta được bảo-đảm an-toàn, vì Đấng giao công-tác cho ta cũng sẽ ban thi-giờ và sức-lực để ta thi-hành, mà chúng ta cũng được phấn-khởi vì viễn-ảnh của mọi điều đạt được nhờ sự hiện-diện, quyền-năng và ân-diễn Ngài.

Lời hứa

Câu 17-27

« 17 Khi Đức Chúa Jê-sus đến nơi, thấy đã chôn La-xa-rơ trong mộ bốn ngày rồi. 18 Và, thành Bê-tha-ni cách thành Giê-ru-sa-lem chỉ độ mười lăm ếch-ta-đơ. 19 Có nhiều người Giu-đa đã đến đó đặng yén-ủi Ma-thê và Ma-ri về sự anh chết. 20 Lúc Ma-thê nghe Đức Chúa Jê-sus đến, thì đi đón Ngài; nhưng Ma-ri thì ngồi tại nhà. 21 Ma-thê thưa cùng Đức Chúa Jê-sus rằng: Lạy Chúa, nếu Chúa có đây, thì

anh tôi không chết ; ²² mà bây giờ tôi cũng biết mọi điều Ngài sẽ xin Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời ắt ban cho. ²³ Đức Chúa Jêsus phán rằng : Anh người sẽ sống lại. ²⁴ Ma-thê thưa rằng : Tôi vẫn biết rằng đến sự sống lại ngày cuối-cùng, anh tôi sẽ sống lại. ²⁵ Đức Chúa Jêsus phán rằng : Ta là sự sống lại và sự sống, kẻ nào tin ta thì sẽ sống, mặc dầu đã chết rồi. ²⁶ Còn ai sống và tin ta thì không hề chết, Người tin điều đó chăng ? ²⁷ Người thưa rằng : Lạy Chúa, phải, tôi tin Chúa là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời, là Đấng phải đến thế-gian.»

Sứ-diệp quan-yếu của toàn câu chuyện này được thể-hiện trong lời hứa của Chúa Jêsus : « Ta là sự sống lại và sự sống ; kẻ nào tin ta thì sẽ sống, mặc dầu đã chết rồi. Còn ai sống và tin ta thì không hề chết. »

Ngài đã phán những lời kỳ-diệu ấy để đáp lại lời cầu-xin của Ma-thê. Nàng nghe rằng Chúa đương đến. Đúng như bản-tính của nàng, nàng là kẻ hành-động trước nhưt. Trong khi Ma-ri còn ngồi ở nhà thì nàng đi ra để gặp Ngài. Những lời nàng nói khi gặp Ngài không nên cho là ngụ-ý than-thở hoặc trách-móc : « Lạy Chúa, nếu có Chúa đây thì anh tôi không chết. » Câu ấy tỏ ý hối-tiếc thành-thật, không phải tiếc Chúa đến quá trễ sau khi La-xa-rô đã chết, mà là tiếc rằng nếu Ngài có ở đó đương khi La-xa-rô lâm bệnh thì Ngài đã giữ cho La-xa-rô khỏi chết. Rồi Ma-thê nói thêm ngụ-ý rằng Chúa Jêsus có thể ban sự sống lại cho anh nàng, đó là lời cầu-xin của đức-tin khái-hoàn ; câu ấy quả cũng có ám-chỉ là Đức Chúa Jêsus có quyền khiến anh nàng sống lại. Nhưng đức-tin của nàng chưa trọn- vẹn. Ý nàng nói rằng Chúa Jêsus có thể cầu-xin Đức Chúa Trời với tư-cách một người, hơn nữa nàng nghĩ Ngài chỉ hành-động trong địa-hạt thể-xác chứ không có trong địa-hạt thuộc-linh. Để phát-huy đức-tin của nàng, Đấng Christ trả lời rằng : « Anh người sẽ sống lại. » Nhưng lời hứa ấy không an-ủi được Ma-thê ; nàng hiểu lời đó theo nghĩa sống lại tổng-quát, xa-xôi về sau. Nàng trả lời : « Tôi vẫn

biết rằng đến sự sống lại ngày cuối-cùng anh tôi sẽ sống lại.» Thật nàng đã diễn-tả tâm-trạng y hệt của vô-số kẻ tang-chế ngày nay ! Họ không thỏa lòng, — dù họ không nên có tâm-trạng ấy — về sự đoan chắc những cuộc trùng-phùng trong thời tương-lai xa tắp. Tấm lòng khao-khát muốn được ngay một cái gì cho hiện-tại, và cần có sự tương-giao riêng-biệt với Đấng Christ. Đối với Ma-thê, cũng như mọi kẻ tang-chế khác, có một lời hứa vô-đổi của Chúa : « Ta là sự sống lại và sự sống. » Ngài không xin cho sự sống được vĩnh-hồi, Ngài không bảo Ma-thê phải đợi đến một ngày tương-lai ; chính Ngài là Nguồn của quyền ban sự sống. Đó là tương-quan giữa chúng ta với một Cứu-Chúa thiên-thượng luôn luôn hiện-diện an-ủi chúng ta. Mỗi thân-hữu thiêng-liêng ấy căn-cứ vào lời cam-kết sẽ ban cho ta sự sống lại của thân-thê và sự tái-ngộ vĩnh-viễn. « Còn ai sống mà tin ta thì không hề chết. » Đức-tin trong Đấng Christ là nguồn của sự phục-sinh thuộc-linh, đó là một kinh-nghiệm hiện-tại và trường-cửu của một tình-trạng phước-hạnh không thể bị ảnh-hưởng bởi một biến-đổi nào của thân-thê. Cái gọi là sự chết chỉ là một biến-cố trong quá-trình của một sự sống vô-tận. Người tin-đồ Đấng Christ chẳng bao giờ chết.

Ma-thê có thể chấp-nhận một mặc-khải kỳ-diệu như thế chẳng ? Nàng có sẵn-sàng để tin một lời hứa vinh-hiền như thế chẳng ? « Người có tin ta chẳng ? » Câu trả lời của nàng chứng-tỏ rằng có một đức-tin mạnh-mẽ và một nhãn-quan thuộc-linh trong-sáng. Hy-vọng của nàng tập-trung trong Thân-vị của Cứu-Chúa nàng. Giọng-diệu của câu trả lời của nàng mang đặc-tính của Phước-âm này : « Tôi tin Chúa là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời. » Về lại sự diễn-tiến của đức-tin là chủ-đích của tác-giả. Ông sắp ghi lại một phép lạ mà ông kể là một « dấu lạ » tối-cao, hầu cho chúng ta có thể tin.

Cảm - tình

Câu 28 - 37

« 28 Người nói xong, liền về, lên kêu em là

Ma-ri, mà rằng : Thầy ở đây kia, đương gọi em lại. ²⁹ Ma-ri vừa nghe mấy lời, vội-vàng đứng dậy đến cùng Ngài. ³⁰ Và, Đức Chúa Jê-sus chưa vào trong làng, nhưng còn đứng nơi Ma-thê đến đón Ngài. ³¹ Khi những người Giu-da đương ở trong nhà với Ma-ri, và yên-ủi người, thấy người đứng dậy đi ra vội-vả như vậy, thì theo sau, vì nghĩ rằng người đến mộ dựng khố. ³² Nhưng Ma-ri, lúc đã tới nơi Đức Chúa Jê-sus đứng, vừa thấy Ngài, thì sắp mình xuống chôn Ngài mà nói rằng : Lạy Chúa, nếu có Chúa đây, thì anh tôi không chết ! ³³ Đức Chúa Jê-sus thấy người khóc, và những người Giu-da đi với người cũng khóc, bèn đau lòng cảm-động mà phán rằng : Các người đã chôn người ở đâu ? ³⁴ Chúng thưa rằng : Lạy Chúa, xin hãy lại coi. ³⁵ Đức Chúa Jê-sus khóc. ³⁶ Người Giu-da bèn nói rằng : Kia, người yếu La-xa-rô là đường nào ! ³⁷ Có một vài người trong chúng nói : Người đã mở mắt kẻ mù được, há chẳng có thể cũng làm cho người này không chết sao ? »

Khi gặp Ma-ri Chúa Jê-sus đã đặc-biệt biểu-lộ cảm-tình nhân-loại của Ngài. Cảm-tình ấy đã được chứng-tố bằng sự đi đến Bê-tha-ni, bằng những lời Ngài phán cùng Ma-thê, nhưng bây giờ mới được diễn-tả một cách triệt-đề. Ngài nhắc cho Ma-ri biết có Ngài ở đây và Ngài muốn gặp nàng ; nàng vội-vả đi đến để gặp Ngài ; nàng phủ-phục cúi chào Ngài, tỏ đức-tin của mình bằng câu mà Ma-thê đã nói, nhưng không xin gì cả. Rồi chúng ta được thấy « Ngài... than-thở trong tâm-thần, và rung-động » (Ngài bèn đau lòng cảm-động), và khi Ngài bảo người ta chỉ chỗ chôn thì « Đức Chúa Jê-sus khóc. » Khó có thể xác-định được những « than-thở trong tâm-thần » có nghĩa gì ; có lẽ là một niềm phẫn-nộ trong tâm-hồn đối với sự chết và tất cả những tiêu-biểu của nó về đau-khổ và tội-lỗi. Ta cũng chẳng có thể hiểu đích-xác nội-dung của câu « Ngài rung-động », có lẽ là sự rung mình của cơ-thể. Tuy-nhiên, khi ta đọc đến « Chúa Jê-sus khóc » thì khó có thể hiểu làm được nữa. Dầu Chúa đã biết sự sống sẽ phục hoàn, niềm vui sẽ tràn ngập tâm-hồn của những kẻ tang-chế,

nhưng khi nghĩ về sự đau-khổ mà La-xa-rô phải chịu, sự buồn-thảm của Ma-ri, Ngài đã rơi lệ, chứng-tố cảm-tình trong tâm-hồn từ-ái của Ngài.

Khi chúng ta gặp cảnh tang-tóc, chúng ta đến phủ-phục nơi chôn Thầy. Dầu chúng ta tin rằng đến sự sống lại trong tương-lai, chúng ta sẽ được lại những người yêu-dấu, chúng ta vẫn cảm thấy mình cần đến cảm-tình dịu-dàng mà Chúa tỏ cho Ma-ri hơn là giáo-huấn Ngài ban cho Ma-thê.

Quyền-năng

Câu 38 - 44

« ³⁸ Bấy giờ, Đức Chúa Jê-sus lại đau lòng nữa, bèn đến phần-mộ ; mộ bằng một cái hang, trước cửa hang có một hòn đá chặn lại. ³⁹ Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Hãy lăn hòn đá đi. Ma-thê, là em gái kẻ chết, thưa rằng : Lạy Chúa, đã có mùi, vì người nằm đó bốn ngày rồi. ⁴⁰ Đức Chúa Jê-sus lại phán : Ta há chẳng từng nói với người rằng nếu người tin thì sẽ thấy sự vinh-hiễn của Đức Chúa Trời sao ? ⁴¹ Vậy, họ lăn hòn đá đi. Đức Chúa Jê-sus bèn nhướng mắt lên trời mà rằng : Thưa Cha, tôi tạ ơn Cha, vì đã nhậm lời tôi. ⁴² Tôi biết rõ rằng Cha nhậm lời tôi luôn, nhưng tôi nói vậy là vì có đoàn dân này đứng chung-quanh tôi, hầu cho họ tin rằng ấy chính Cha là Đấng đã sai tôi đến. ⁴³ Khi Ngài nói xong, bèn kêu lên một tiếng lớn rằng : Hỡi La-xa-rô, hãy ra ! ⁴⁴ Người chết đi ra, chơn tay buộc bằng vải liệm và mặt thì phủ khăn. Đức Chúa Jê-sus phán cùng chúng rằng : Hãy mở cho người, và để người đi. »

Tuy-nhiên, Giảng kể câu chuyện này không phải để chứng-minh cảm-tình nhân-loại mà là để chứng-minh quyền-năng thiên-thượng của Ngài ; cũng có thể là để tỏ cảm-tình thiên-thượng biểu-lộ trong quyền-năng siêu-nhiên. Trong những câu này có chứa một hình-ảnh hùng-biện sống : « Chúa Jê-sus khóc » và « Hỡi La-xa-rô, hãy ra ! »

• Ở đây tình-yêu tiếp-nối với quyền cai-trị hoàn-vũ.

Trong phần ghi lại phép lạ ta nên ghi nhận những điều này : (a) lòng vô-tin của người Do-thái, không hề trông-mong phép lạ ; (b) đức-tin của Ma-thê cần được khuyến-kích tận-tinh ; (c) lòng tin-cậy uy-nghiêm của Chúa ; sự tin-cậy ấy biểu-lộ trong lời cầu-nguyện mà những kẻ nghe đều hiểu rằng họ sắp được chứng-kiến một công-việc của Đức Chúa Trời hành-động để chứng-thực cho Phiêu-vị và sứ-mạng thiên-thượng của Con Ngài.

Còn về phần phép lạ, ta cũng có thể thấy rằng : (a) đó là một cuộc phục-sinh thật ; không thể cắt nghĩa là một trường-hợp chữa bịnh thần-kinh, cũng không thể căn-cứ vào luật thiên-nhiên mà giải-thích được : La-xa-ro chết đã bốn ngày. (b) Không thể biện-bác được, đâu những nhơn-chứng thù-nghịch đứng đó rất đông. (c) Không như những phép lạ khác, Chúa tuyên-bố rằng phép lạ này làm ra với mục-đích ban đức-tin cho người ta.

Sau khi cần-thận đọc câu chuyện cảm-động này, một tâm-trí vô-tư có thể tìm được gì hơn, ngoài niềm xác-tin. « Chúa Jê-sus là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời ! » Há chẳng phải khi đã lãnh-hội ý-nghĩa sâu-xa hơn của nó, ta cảm thấy vui-mừng trong lời hứa, về một cuộc sống khải-hoàn tước-đoạt mất nọc độc của sự chết và sự đác-thắng của mộ-phần ?

(2) Âm-mưu của những kẻ cầm quyền

Đoạn 11:45 - 57

⁴⁵ Có nhiều người Giu-đa đã đến cùng Ma-ri và thấy sự Đức Chúa Jê-sus làm, bèn tin Ngài. ⁴⁶ Nhưng một vài người trong bọn đó đi tìm người Pha-ri-si, mách cho họ sự Đức Chúa Jê-sus đã làm.

⁴⁷ Các thầy tế-lễ cả và người Pha-ri-si nhóm tòa công-luận, bàn rằng : Người này làm phép lạ nhiều lắm, chúng ta tính thế nào ? ⁴⁸ Nếu chúng ta đã cho người làm, thì thiên-hạ tin người, rồi dân Rô-ma sẽ đến diệt nơi này và cả nước chúng ta

nữa. ⁴⁹ Nhưng một người trong bọn họ, tên là Cal-phê, làm thầy cả thượng-phẩm dương-niên, nói rằng: Các người chẳng biết gì hết! ⁵⁰ Các người chẳng xét rằng thà một người vì dân chịu chết, còn hơn cả nước bị hư-mất. ⁵¹ Vả, người nói đều đó chẳng phải tự mình, nhưng bởi làm thầy cả thượng-phẩm dương-niên, người nói tiên-tri về Đức Chúa Jê-sus sẽ vì dân mà chết; ⁵² và không những vì dân thối, mà cũng dễ nhóm con-cái Đức Chúa Trời đã tấn-lạc lại làm một đoàn. ⁵³ Từ ngày đó, chúng lập mưu giết Ngài.

⁵⁴ Cho nên, Đức Chúa Jê-sus không tỏ mình rõ ràng trong vòng dân Giu-đa nữa, song Ngài đi trong miền gần đồng vắng, nơi một thành gọi là Êp-ra-lym; và ở lại đó với môn-đồ. ⁵⁵ Lễ Vượt-qua của dân Giu-đa gần đến, có lắm người trong xứ lên thành Giê-ru-sa-lem trước ngày lễ đền tẩy uế. ⁵⁶ Vậy chúng kiếm Đức Chúa Jê-sus, và đứng trong đền-thờ, nói với nhau rằng: Các người tưởng thế nào? Người không đến giữ lễ hay sao? ⁵⁷ Vả, các thầy tế-lễ cả và người Pha-ri-si đã ra lệnh, nếu ai biết Đức Chúa Jê-sus ở đâu, thì phải mách với họ, để họ bắt Ngài.»

Đoạn này kết-thúc bằng một khúc mô-tả những kết-quả trực-tiếp của sự gọi La-xa-rô sống lại. Cũng như trong mọi trường-hợp « dấu lạ » khác, hiệu-quả đầu-tiên là khiến những kẻ được chứng-kiến quyền-năng Đấng Christ tin đến Ngài. Hiệu-quả thứ hai nghiêm-trọng hơn là khiến cho lòng ghen-ghét của những quan cai-trị càng thêm thâm-độc, và khiến họ quyết-định ra tay giết Chúa Jê-sus. Sở-dĩ họ quyết-định hành-động quyết-liệt là vì họ sợ nếu cứ để các phép lạ như vậy tiếp-tục thì dân-chúng sẽ xôn-xao lên rồi chính-phủ La-mã sẽ lấy đó làm lý-do để tiêu-diệt kinh-đô và cả quốc-gia Do-thái. Lời kết-thúc buổi bàn-luận là một lời tiên-tri vô-tình của thầy cả thượng-phẩm Cal-phê: « Các người chẳng xét rằng thà một người vì dân chịu chết, còn hơn cả nước bị hư-mất. » Ông ta chỉ có ý nói rằng không cần đếm-xía gì đến công-bình hay lẽ phải, chẳng thà giết Chúa Jê-sus còn

hơn là để cho « nơi này » và « cả nước » bị nguy-ngập. Động-lực của câu nói ấy chỉ là một động-lực ích-kỷ, lời khuyên của ông ta rất hiểm-độc; những câu nói ấy chưa đưng một ý-nghĩa mà ông ta không bao giờ ngờ đến. Thật Chúa Jê-sus sẽ « vì dân chết », sẽ làm một sinh-tế chuộc tội thực-sự, làm Ngai của sự sống cho kẻ tin-cậy Ngài. « Không những vì dân thôi. » Kết-quả của sự chết Ngài là một nước mới sẽ thành-lập, để thành Hội-thánh của Ngài, trong đó tập-hợp tất cả con-cái của Ngài từ các nước trên thế-giới. Lời tiên-tri vô-tình ấy đã được ứng-nghiệm nhưng trái ngược với ý nghĩ của Cai-phe. Kết-quả của sự chết của Chúa Jê-sus là sự tiêu-diệt của quốc-gia mà Cai-phe muốn cứu, và nhờ Chúa Jê-sus mà thế-gian đã nhận được những phước mà Cai-phe không ngờ đến. Cai-phe không có gì đáng khen, không có gì để bào-chữa cho lời ông ta được; những lời ấy phát-xuất từ một âm-muru độc-ác chưa từng thấy trên trần-gian « từ ngày đó chúng lập mưu để giết Ngài. » Chúa Jê-sus bèn lui về lánh ở một nơi bí-mật, chờ đến giờ Đức Chúa Trời chỉ-định; thì mùa Vượt-qua thật sẽ đến. Đương khi dân-chúng bàn-bạc không biết Chúa sẽ xuất-hiện công-khai nữa không, thì những kẻ cầm quyền hành-động quyết-liệt hơn, ra lệnh « nếu ai biết Ngài ở đâu thì phải mách với họ, để họ bắt Ngài » xử-tử.

(3) Chức-vụ kết-thúc

Đoạn 12

Đoạn thứ mười hai của sách Giảng kể lại những ngày cuối-cùng của chức-vụ công-khai của Chúa. Trong năm đoạn tiếp theo, cho đến chỗ tường-thuật cảnh khổ-nạn, Ngài ở một mình với các môn-đồ, bí-mật minh-khải chính mình cho các môn-đồ biết.

Tư-tướng của đoạn này vẫn biến-chuyển trong khu-vực của ba chơn-lý tối-hệ của Phước-âm này, đó là làm chứng Chúa Jê-sus là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời, đức-tin và vô-tin do lời chứng ấy đem lại, và sự sống phát-xuất từ đức-tin; nhưng ở đây đặc-biệt nhấn mạnh vào

đặc-điểm thứ hai. Ba việc xảy ra trong đoạn này được phác-họa trên một bối-cảnh vô-tin, làm nổi bật nơi Đấng Christ mà chức-vụ công-khai của Ngài đã phát-huy. Đoạn sách kết-thúc với những lời phán-đoán của Giảng và Chúa Jê-sus về đức-tin và vô-tin. Ba việc đó là : (1) sự xúc dầu tại Bê-tha-ni, các môn-đồ nơi đây chứng-tỏ đã thương-yêu Ngài hết lòng ; (2) vào thành Giê-ru-sa-lem cách khải-hoàn ; nơi đây Chúa đã trở thành nhơn-vật được quần-chúng Do-thái thán-phục ; (3) chức-vụ cuối-cùng tại Đền-thờ, nơi đây Chúa đã trở thành mục-tiêu cho người Hi-lạp đến hồi đạo, những người đại-diện điển-hình của thế-giới ngoại-bang. Tuy-nhiên, sự bất-bình của Giu-đa được mô-tả trong cảnh thứ nhất, sự giận-dữ của những kẻ cầm-quyền trong cảnh thứ hai, và lời đáp của Chúa trong cảnh thứ ba, tất cả chuẩn-bị chúng ta cho tấn bi-kịch sắp đến của nạn vô-tin. Vậy, đoạn này dùng để kết-thúc câu chuyện của chức-vụ Chúa và giới-thiệu phần kỹ-thuật về sự chết của Ngài. Những lời kết-thúc này, qua môi miệng của Chúa Jê-sus và ngòi bút của Giảng, đã tóm-tắt được những kết-quả của chức-vụ Đấng Christ, và nội-dung của những giáo-lý Ngài.

a. Những biểu-hiệu của Đức-tin

Đoạn 12 : 1 - 36

(1) Sự xúc dầu tại Bê-tha-ni

12 : 1 - 11

« 1 Sáu ngày trước lễ Vượt-qua, Đức Chúa Jê-sus đến thành Bê-tha-ni, nơi La-xa-rô ở, là người Ngài đã khiến sống lại từ kẻ chết. 2 Người ta đặt tiệc Ngài tại đó, và Ma-thê hầu-hạ ; La-xa-rô là một người trong đám ngồi đồng bàn với Ngài. 3 Bấy giờ, Ma-ri lấy một cân dầu cam - tùng - hương thật, rất quý-giá, xúc chơn Đức Chúa Jê-sus, và lấy tóc mình mà lau ; cả nhà thơm nức mùi dầu đó. 4 Nhưng Giu-đa Iech-ca-ri-ốt, là một môn-đồ về sau phản Ngài, nói rằng : 5 Sao không bán dầu thơm đó lấy ba trăm đơ-ni-ê dâng bố-thi cho kẻ nghèo ? — 6 Người nói vậy, chẳng phải lo cho kẻ nghèo đâu, song vì người vốn là tay trộm-cắp, và giữ túi bạc, trộm lấy

của người ta để ở trong. — 7 Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Hãy để mặc người, người đã để dành dầu thơm này cho ngày chôn xác ta. Vì các người thường có kẻ nghèo ở với mình, còn ta, các người không có ta luôn luôn.

⁹ Một bọn người Giu-đa nghe Đức Chúa Jêsus có tại đó, bèn đến, chẳng những vì Ngài thôi, lại cũng để xem La-xa-ro, là người Ngài đã khiến từ kẻ chết sống lại. ¹⁰ Các thầy tế-lễ cả bèn định giết luôn La-xa-ro nữa, ¹¹ vì có nhiều người Giu-đa nhưn có người mà chia-ré họ và tin theo Đức Chúa Jêsus.»

Cuộc đời của Ma-ri đã được vẽ lại cho chúng ta thấy trong ba bức tranh đáng ghi nhớ, trong mỗi bức ta đều thấy nàng ở dưới chơn Chúa Jêsus. Trong bức tranh đầu, nàng ngồi dưới chơn Chúa để nghe lời Ngài; trong bức thứ hai, nàng phủ-phục dưới chơn Ngài để tìm-kiểm sự thương-xót và cứu-trợ; trong bức thứ ba, nàng xức dầu cho chơn Chúa để tỏ nàng yêu-mến Ngài hết lòng. Kể cho rằng Ma-ri ở đây có lẽ là một với Ma-ri Ma-đơ-len hay là người nữ tội-nhơn đã xức dầu cho chơn Chúa trộn lẫn với nước mắt, đó là một lỗi-lầm to-tát. Đây cũng là hình-ảnh một người đôn-bà thuần-thục, dịu-dàng dễ cảm, từ-ái mà ta thấy trong bức tranh tiếp-đãi Chúa tại nhà nàng ở Bê-tha-ni. Hình-ảnh ấy tương-phần với Ma-thê chị nàng. Dem đối-chiếu họ với nhau bằng cách so-sánh sự phục-vụ của Ma-thê lần trước với sự phục-vụ của Ma-ri lần này chắc cũng là một điều lý-thú. Hình-thức tôn-kính và yêu-mến của Ma-thê được biểu-lộ trong việc dọn chén-bát lên bàn; ở đây Ma-ri đổ chai dầu thơm trên đầu và chơn của Chúa. Việc Ma-thê ra sức làm thì Chúa cho là không cần-thiết, còn việc hoang-phi của Ma-ri lại được Ngài tán-thành. Tinh-thần của Ma-thê là tinh-thần bối-rối lo-lắng và than-phiền ganh-tị; động-lực của Ma-ri là lòng biết ơn và tình yêu nhiệt-thành, quên mình.

Tuy-nhiên, trong bức tranh này không phải Ma-ri tương-phần với Ma-thê mà là với Giu-đa. Động-lực của

nàng như đã tả trên kia, càng tăng vẻ đẹp lên trước sự đối-trá, tham-lam của tên trộm-cấp và phản-bội.

Lúc ấy chỉ cách trước khi Chúa chết có sáu ngày. Người ta đặt tiệc khoản-dãi Ngài tại Bê-tha-ni để tỏ lòng biết ơn về sự cứu sống La-xa-rô. La-xa-rô cũng là khách tiệc tại đó. Ma-thê hầu bàn, chắc là với một cân dầu, chẳng những chỉ đổ trên đầu vị khách quý theo phong-tục, mà còn đổ tung dầu thơm trên chơn Chúa Jê-sus, rồi khiêm-cung lấy tóc mình chùi chơn Ngài. Lúc ấy Giu-đa cất tiếng phản-đối cách cộc-cằn: « Sao không bán dầu thơm đó lấy ba trăm đơ-ni-ê dâng bố-thi cho kẻ nghèo? » « Người nói vậy, chẳng phải lo cho kẻ nghèo đâu, song vì người vốn là tay trộm-cấp, và giữ túi bạc (tức là thủ-quỹ cho nhóm nhỏ các môn-đồ) trộm lấy của người ta để ở trong. » Sự giả-ngụy, tham-lam của y thật tương-phản dường nào với sự hy-sinh nhiệt-thành thánh-khiết của Ma-ri ! Ta có bất-công chăng khi ngờ-vực lý-lẽ của những kẻ không chịu ủng-hộ công-cuộc truyền-giáo nại có là dùng tiền vào việc thiện thì tốt hơn? Dĩ-nhiên, ta phải làm tròn bổn-phận đối với kẻ nghèo; nhưng trong lời Chúa quở-trách Giu-đa, Ngài bình-vực cho những của dâng phung-phí như thế cho Ngài, và lên án sự từ-thiện giả-hiệu không do lòng yêu-mến Ngài thúc-dây: « Hãy để mặc người, người để dành dầu thơm này cho ngày chôn xác ta. Vì các người thường có kẻ nghèo ở với mình, còn ta, các người không có ta luôn luôn. » Những tặng-phẩm chân-chánh cho kẻ nghèo là những tặng-phẩm hơn-danh Đấng Christ, vì có Ngài, và để chinh-phục người ta về cùng Đấng Christ. Công-tác xã-hội một khi đã ly-dị với Cơ-đốc-giáo, thì có thể sử-dụng số tiền của Ma-ri theo đường-lối của Giu-đa.

Trong hành-động sùng-kinh ấy, Chúa Jê-sus thấy Ma-ri đã vô-tình làm một công-việc lớn-lao hơn nàng tưởng. Hiến-phẩm của nàng đã không phung-phí vô-ích. Thật ra đó là một cuộc rớt xác Chúa Jê-sus trước khi chôn Ngài. Lời Ngài chứng-tỏ tri tiên-kiến thiên-thượng của Ngài. Lời ấy phán cho Giu-đa ám-chỉ rằng lòng tham-lam độc-ác của tên phản-bội sắp-sửa gây nên cái chết

của Chúa Jê-sus; còn hành-động của Ma-ri chứng-tỏ Ngài sẽ được ướp lại trong lòng những kẻ theo Ngài, và là lời tiên-tri rằng sự hy-sinh vì Ngài sẽ tỏa khắp thế-gian mùi hương của lòng yêu-mến xã-kỷ.

Ma-ri bị Giu-đa trách, còn La-xa-rô anh nàng lại trở thành tấm bia của lòng ghen-ghét. Ông là một bằng-chứng sống về quyền-năng của Đấng Christ, và vì bằng-chứng ấy mà nhiều người đã tin Chúa. Tiếp theo chuyện về một bữa tiệc là một câu: «Các thầy tổ-lễ bèn định giết luôn La-xa-rô nữa.» Ngày nay những nhơn-chứng của Đấng Christ bị thù-nghịch ghét có phải là một điều lạ-lùng chẳng?

(2) *Công-khai vào thành Giê-ru-sa-lem*

Đoạn 12: 12 - 19

«¹² Qua ngày sau, có một đám dân đông đến dâng dự lễ, biết Đức Chúa Jê-sus lên thành Giê-ru-sa-lem, ¹³ bèn lấy những lá kẻ ra đón Ngài, và reo lên rằng: Hô-sa-na! Chúc phước cho Đấng nhơn-danh Chúa mà đến, là Vua của Y - sô - ra - ên! ¹⁴ Đức Chúa Jê-sus gặp một con lừa con, bèn lên cỡi, y như lời chép rằng: ¹⁵ Hỡi con gái thành Si-ôn, chớ sợ chi, này, Vua người đến, cỡi trên lừa con của lừa cái. ¹⁶ Môn-dở trước vốn không hiểu đấng đấng phước đến khi Đức Chúa Jê-sus đã được vinh-hiến, mới nhớ lại những sự đó đã chép về Ngài, và người ta đã làm thành cho Ngài. ¹⁷ Đoàn dân ở cùng Ngài, khi Ngài kêu La-xa-rô ra khỏi mộ và khiến từ kẻ chết sống lại, đều làm chứng về Ngài. ¹⁸ Ấy cũng tại đều đó mà đoàn dân đi đón Ngài, vì có nghe rằng Ngài đã làm phép lạ ấy. ¹⁹ Nhơn đó, người Pha-ri-si nói với nhau rằng: Các người thấy mình chẳng làm nổi chi hết; kia, cả thiên-hạ đều chạy theo người!»

Giảng đã cung-cấp nhiều bằng-chứng chứng-minh rằng Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si, nhưng không có việc nào đẹp-đẽ hơn việc Chúa được đoàn dân tung-hô khi Ngài vào thành

thánh sau ngày Chúa được xức dầu tại Bê-tha-ni. Ở đây bỏ qua nhiều chi-tiết có ghi lại trong các Phươc-âm khác, nhưng không có bài tường-thuật nào rõ-ràng hơn khác này về bằng-cớ đoàn dân dự lễ tin rằng Đấng Mê-si đã hiện đến trong con người của Jêsus. Họ chứng-tỏ đức-tin của họ bằng những biểu-hiệu và lời ca ; họ tung vẩy những cành lá kè, biểu-hiệu cho sự đẹp-đẽ, khải-hoan và vui-mừng. Họ la lên : « Hô-sa-na » Chúc phước cho Đấng nhơn-danh Chúa mà đến. » Họ đã dùng một câu thi-thiên được mọi người Do-thái xem là lời tiên-tri về Đấng Mê-si sắp đến. Thi-thiên 118 : 26.

Chúa Jêsus đã tiếp-nhận hành-động đức-tin của họ với một thái-độ quả-quyết như một lời tuyên-bố. Ngài làm ứng-nghiệm từng chi-tiết như trong lời tiên-tri về Đấng Mê-si sẽ đến, khi Ngài cỡi lừa mà tiến vào thành. Xa-cha-ri 9 : 9. Đây là lần cuối-cùng và công-khai nhưt Ngài tỏ mình cho đồng-bào thấy Ngài là Đấng Mê-si. « Giờ » mà mẹ và anh em Ngài mong-ước nay đã đến, « giờ » xuất-hiện cho dân Y-sơ-ra-ên với tư-cách đế-vương, nhưng Ngài biết rất rõ rằng « giờ » ấy sẽ tiếp đến một « giờ » khác, « giờ » của chối-bỏ, chết-chóc, rồi đến « giờ » của phục-sinh và thăng-thiên.

Đức-tin của đoàn dân chưa trọn- vẹn. Họ biết rất ít về chân-linh của Phàm-vị và sự-mạng Ngài. Cả đến những môn-đồ thân-cận nhưt của Ngài, những người đã giữ vai-trò quan-trọng trong cảnh này cũng không hiểu hết ý-nghĩa của nó ; « Môn-đồ trước vốn không hiểu điều đó ; nhưng đến khi Chúa Jêsus đã được vinh-hiền, mới nhớ lại những sự đó đã chép về Ngài và người ta đã làm thành cho Ngài. » Ký-ức của họ đã trọn lẫn niềm vui với nỗi buồn. Họ thấy mình đã thấy kém-cỏi quá, họ biết mình đã biết quá ít, họ « hiểu » mình đã chẳng hiểu gì ; nhưng họ nhớ lại họ đã làm ứng-nghiệm đầy-đủ lời tiên-tri thần-diệu, đã được ở gần con người của Vua. Ký-ức có thể khiến ta hối-tiếc, khi ta nhớ lại mình đã đui-mù đối với những sự vật đẹp-đẽ lộng-lẫy đối với ý-nghĩa chánh-đáng của những kinh-nghiệm qui-báu hơn hết, đối với giá-trị của những người bạn đã qua đi, nhưng nó cũng có thể đem cho ta ơn-phước, khi ta nhìn trở lại cuộc hành-trình và thấy rằng nó đã được Chúa thiên-thượng hoạch-định, hay

• khi ôn lại kinh-nghiệm trong những năm qua và thấy rằng chúng đã ưng-nghiệm những mục-phiếu vñh-cũu của tinh yếu Ngai.

Giăng đã kết-thúc câu chuyện bằng lời chủ-thích không thấy ghi trong các Phưc-âm khác, hoàn-toàn phù-hợp với tôn-chỉ của ông. Ông ám - chỉ rằng đức-tin của đoàn dân phần lớn là nhờ « dấu lạ » La-xa-rơ sống lại, và ảnh-hưởng sâu-rộng của Chúa Jêsus trong quần-chúng chỉ thúc-đẩy những kẻ thù, những kẻ cầm quyền mau thực-hiện lời khuyên độc-ác của Cai-phe, là muốn giết Ngai. Thật Giăng chẳng bao giờ quên đối-chiếu hai cách biểu-lộ trái-ngược của đức-tin và vô-tin !

(3) Chức-vụ cuối-cùng trong đền-thờ

Đoạn 12 : 20 - 36

« 20 Và, trong đám đã lên dâng thờ-lạy trong kỳ lễ, có mấy người Gờ-rêc, 21 đến tìm Phi-líp, là người ở thành Bết-sal-đa, thuộc xứ Ga-li-lê, mà xin rằng: Thưa chúa, chúng tôi muốn ra mắt Đức Chúa Jêsus. 22 Phi-líp đi nói với Anh-rê ; rồi Anh-rê với Phi-líp đến thưa cùng Đức Chúa Jêsus. 23 Đức Chúa Jêsus bèn đáp rằng: Giờ đã đến, khi Con người sẽ được vinh-hiến. 24 Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, nếu hạt giống lúa mì kia, chẳng chết sau khi gieo xuống đất, thì kết-quả được nhiều. 25 Ai yêu sự sống mình thì sẽ mất đi, ai ghét sự sống mình trong đời này thì sẽ giữ lại đến sự sống đời đời. 26 Nếu ai hầu việc ta, thì phải theo ta, và ta ở đâu, thì kẻ hầu việc ta cũng sẽ ở đó ; nếu ai hầu việc ta, thì Cha ta ắt tôn-quí người...

27 Hiện nay tâm-thần ta bối-rối ; ta sẽ nói gì ?... Lạy Cha, xin cứu Con khỏi giờ này ! Nhưng ấy cũng vì sự đó mà Con đến giờ này ! 28 Cha ơi, xin làm sáng danh Cha ! Eấy giờ có tiếng từ trên trời phán xuống rằng: Ta đã làm sáng danh rồi, ta còn làm cho sáng danh nữa !

²⁹ Đoàn dân ở tại đó nghe tiếng, thì nói rằng Ấy là tiếng thần; kẻ kẻ khác nói: Một vị thiên-sứ nào nói với Ngài. ³⁰ Đức Chúa Jêsus cất tiếng phán rằng: Ấy chẳng phải vì ta mà tiếng này vang ra, nhưng vì các người. ³¹ Hiện bây giờ, có sự phán-xét thế-gian này, và hiện nay vua-chúa của thế-gian này phải bị xua-duối. ³² Còn ta, khi ta đã được treo lên khỏi đất, ta sẽ kéo mọi người đến cùng ta. ³³ Ngài phán vậy để chỉ mình phải chết cách nào. ³⁴ Đoàn dân thưa rằng: Chúng tôi có học trong luật-pháp rằng Đấng Christ còn đời đời, vậy sao thầy nói Con người phải bị treo lên? Con người đó là ai? ³⁵ Đức Chúa Jêsus bèn đáp rằng: Sự sáng còn ở giữa các người ít lâu; hãy đi trong khi các người còn có sự sáng, e rằng sự tối-tám đến thịnh-linh cùng các người chẳng; kẻ đi trong nơi tối-tám thì chẳng biết mình đi đâu. ³⁶ Các người đương có sự sáng, hãy tin sự sáng, hầu cho trở nên con-cái của sự sáng.

Đức Chúa Jêsus phán như vậy, rồi đi, và ăn mình cách xa họ. »

Trong những biến-cổ đáng ghi của Tuần-lễ Khổ-nạn, Giảng chỉ chọn có một. Biến-cổ này không thấy các tác-giả khác chép, nhưng lại đặc-biệt phù-hợp với tôn-chỉ của Phụng-văn này. Có mấy người Hy-lạp xin yết-kiến Chúa Jêsus. Trong lời đáp, Chúa làm chứng về thần-tánh của Ngài bằng tài biết trước việc tương-lai, Ngài tỏ ra rằng đức-tin bao-hàm tinh-thần xã-hỷ, và chứng-thực sự vinh-hiền của cuộc sống do đức-tin đem lại. Những người Hy-lạp này có lẽ mời theo Do-thái giáo, có lẽ họ đến từ những thành-phố Hy-lạp trong xứ Ga-li-lê, nhưng đối với Đấng Christ cũng như Giảng, họ là đại-diện của thế-giới Dân Ngoại. Lời yêu-cầu của họ tiếp theo câu chuyện dâng-hiến của Ma-ri, những tiếng Hô-sa-na của toàn dân, là chứng-cớ tối-cao của tình yêu đức-tin và sự chú-ý mà chức-vụ công-khai của Đấng Christ đã gây ra. Đó cũng là cơ-hội để Chúa phán một lời tiên-tri về ơn-phước phổ-thông do chức-vụ Đấng

Christ đem lại, theo Giảng, chức-vụ ấy bao-gồm cả thế-gian. Tuy nhiên, sứ-mạng ấy chỉ có thể hoàn-thành nhờ sự chết và sự sống lại. Bởi vậy, khi trả lời cho những người Hy-lạp, Chúa nhấn mạnh tính-cách tối-đại của « giờ » đã đến.

Chúng ta không thấy nói người Hi-lạp có được đem đến gặp Ngài không, nhưng lời của Ngài đã đáp đúng câu hỏi của họ. Dường như Ngài có ý nói rằng: « Các người muốn gặp ta phải không, vậy thì các người đến đúng lúc, vì đã đến giờ của Người sắp được tôn-vinh. » Chân-tình của Ngài, là Cứu-Chúa của thế-gian, sẽ được mặc-khải trong sự chết và sự sống lại của Ngài. Người Hi-lạp không cần phải nghe theo lời Ngài hoặc thấy phép lạ Ngài, họ chỉ cần chứng-kiến sự chết của Ngài là đủ. Thập-tự của Ngài sẽ là một hấp-lực kéo tất cả dân ngoại-hang đến cùng Ngài. Những người này sẽ là đại-diện cho các sắc dân ấy.

Chúa Jêsus dùng một thí-dụ của thiên-nhiên để minh-giải rằng Ngài cần phải chết, câu 24; một hạt lúa mì trước hết phải được đem chôn, vô bọc của nó phải mọc-nát đi, hạt giống đó phải bị hư-hoại rồi mới có thể sản-xuất hàng trăm hạt khác như nó. Ngài đã áp-dụng luật cao-cả ấy cho chính Ngài, câu 25, đó là luật sự sống ra từ sự chết, phục-vụ và ảnh-hưởng ra từ tinh-thần xã-kỷ. Ngài tuyên-bố rằng nếu Ngài ích-kỷ và trốn-tránh thập-tự, thì Ngài đã mất tất cả những gì xứng-đáng với danh-hiệu « sự-sống », nhưng vì Ngài đã phó dâng mạng sống Ngài, nên Ngài sẽ được những ơn-phước vĩnh-cửu để ban chúng ra. Ngài cũng áp-dụng luật đó cho các môn-đồ. Câu 26. Trái với lý-tưởng hưởng-lạc của người Hi-lạp, những tội-tớ Ngài phải theo Ngài trên con đường tuyền-gã, không phải chỉ vì đã ý-thức được chính mình, không phải hành-động vì cơ kẻ khác mà là vì cơ Đấng Christ trước nhất. Kết-quả đem lại sẽ là một cuộc đời khuếch-đại, một ảnh-hưởng lan rộng, và một mối tương-giao hân-hữu thường-trực với Đấng Christ, và được sự chuần-bị của Cha Ngài. « Còn ta, khi ta đã được treo lên... ta sẽ kéo mọi người đến cùng ta ». Câu này không có nghĩa là ai cũng được cứu-rỗi cả, cũng không phải nói trực-tiếp về cuộc khải-hoàn sau cùng của Đấng Christ. « Mọi

người» chỉ về người Hi-lạp và những người trong mọi quốc-gia mà họ đại-diện. Không phải chỉ người Do - thái được kéo đến cùng Đấng Christ, mà cả Dân Ngoại nữa. Đó là « mọi người » không phân-biệt ai, chớ không phải không ngoại-trừ ai.

Sức thu-hút là ở trong thập-tự Ngài. Sự giảng-dạy không thể nào nâng cao Đấng Christ được. Ngài sẽ « được nâng cao » (treo lên) không phải vì lời làm chứng hay vì bất chừa đời sống Ngài, nhưng vì sự chết Ngài! « Ngài phán vậy để chỉ minh phải chết cách nào.» Thập-tự vẫn là viên nam-châm tinh-thần của thế-giới. Không phải giáo-ly của Đấng Christ, hay những gì không liên-quan đến sự chết của Ngài, hay gương-mẫu của Ngài, nhưng chính là thập-tự đương lôi-kéo muốn dần, khiến họ hết lòng tin Ngài, sẵn-sàng vác thập-tự bước theo Ngài.

Dân-chúng rất hoang-mang vì những lời tiên-tri rõ-ràng về sự chết của Ngài. Họ tưởng Đấng Mê-si sẽ nhận lấy quyền-chính-trị và sẽ có quyền-lực vô-tận, họ không biết rằng Ngài cần phải chết trước. Sự vấp-phạm về thập-tự vẫn chưa chấm-dứt. Người ta vẫn thấy khó hiểu cái lẽ-thật tương-quan đến một Cứu-Chúa bị đóng-định. Tuy-nhiên, thối-lui trước những điều khổ-số phải chịu trong một cuộc hàng-phục bản-ngã, chỉ là một việc tự-nhiên. Sự đau-dớn không thể làm cho vui-thích được ; sự chết chẳng phải là một khoái-lạc. Mặc dầu sẽ đạt được những kết-quả vĩ-đại, Chúa Jê-sus vẫn cảm thấy rung-dộng trước hình-ảnh của thập-tự-giá. Ngài biết đó là điều cần-thiết, nhưng Ngài không thể không thấy cơn thống-khổ của nó. « Hiện nay tâm-thần ta bối-rối ; ta sẽ nói gì ?... Lạy Cha, xin cứu Con khỏi giờ này. » Trong tiếng kêu cay-đắng này có tất cả sự thống-khổ ở Ghết-sê-ma-nê, nhưng trong những lời tiếp theo cũng có tất cả hình-ảnh khải-hoan : « Nhưng ấy cũng vì sự đó mà Con đến giờ này! Cha ơi, xin làm sáng Danh Cha! »

« Bấy giờ có tiếng từ trên trời phán xuống rằng : «Ta đã làm sáng danh rồi» tức là trong chức-vụ của Chúa Jê-sus, « ta còn làm cho sáng danh nữa. » tức là trong sự chết, sự sống lại của Ngài với những kết-quả của chúng. Câu 28. Dân - chúng không thể hiểu tiếng

phán này, Chúa Jêsus tuyên-bố rằng tiếng ấy phán ra là vì cơ họ. Tiếng ấy có mục-đích giúp cho họ nhận-thức tinh-cách tối-trọng của sự chết Ngài. Câu 29, 30. Sự chết này sẽ là « sự phán-xét thế-gian »; bởi sự chết ấy mà địa-vị đạo-đức của thế-gian sẽ được phát-lộ và tội-lỗi của nó bị lên án. Vua chúa của thế-gian sẽ bị « xua-đuổi » vì Sa-tan sẽ bị bại trận và bị lật đổ bởi sự chết ấy.

Bây giờ Chúa không còn dài giọng cất nghĩa nữa. Ngài ban cho thế-gian một lời cảnh-cáo và lời hứa tối-hậu : « Các người đương có sự sáng, hãy tin sự sáng, hầu cho trở nên con-cái của sự sáng. » Chính Ngài « là sự sáng của thế-gian. » Dầu chung-quanh Phàm-vị và công-tác của Chúa, có bao nhiêu nan-đề và mầu-nhiệm đi nữa, ta cũng phải tin Ngài, theo Ngài, dâng mình cho Ngài; nếu không, chúng ta sẽ giống như những người sờ-soạng tìm đường trong bóng đêm; nhưng đức-tin trong Ngài sẽ biến-hóa chúng ta càng ngày càng giống như Ngài. « Đức Chúa Jêsus phán như vậy, rồi đi, và ẩn mình cách xa họ. » Chức-vụ công-khai của Ngài đã kết-thúc.

b. Lên án lòng vô-tin

Đoạn 12 : 37 - 50

« 37 Và, dầu Ngài đã làm bấy nhiêu phép lạ trước mặt chúng, họ cũng không tin Ngài, 38 đờ, được ứng-nghiệm lời này của đấng tiên-tri Ê-sai.

Lạy Chúa, ai đã tin lời giảng chúng tôi,

Và cánh tay Chúa đã tỏ ra cho ai ? 39 Và lại, chúng không thể tin, vì Ê-sai lại có nói rằng :
40 Ngài đã khiến mắt họ mù, lòng họ cứng,

Hầu cho mắt chẳng thấy, lòng chẳng hiểu,

Không tự hồi-cải,

Và ta chẳng chữa lành cho.

41 Ê-sai nói đều đó, khi thấy sự vinh-hiến của Ngài và nói về Ngài. 42 Nhưng, trong hàng quan-trưởng cũng có nhiều người tin Đức Chúa Jêsus ; song vì

có người Pha-ri-si, nên không xưng Ngài ra, sợ bị đuổi khỏi hội chúng. ⁴³ Vì họ chuộng danh-vọng bởi người ta đến hơn là danh-vọng bởi Đức Chúa Trời đến.

⁴⁴ Tuy vậy, Đức Chúa Jê-sus cất tiếng phán rằng : Ai tin ta, chẳng phải tin ta, nhưng tin Đấng đã sai ta đến. ⁴⁵ Còn ai thấy ta, là thấy Đấng đã sai ta đến. ⁴⁶ Ta là sự sáng đã đến thế-gian, để ai tin ta, chẳng ở nơi tối-tăm nữa. ⁴⁷ Lại nếu kẻ nào nghe lời ta mà không vâng-giữ, ấy chẳng phải ta xét-đoán kẻ đó; vì ta đến chẳng để xét-đoán thế-gian, nhưng để cứu-chuộc. ⁴⁸ Người nào bỏ ta ra và không nhận-lãnh lời ta, đã có kẻ xét-đoán rồi; lời ta đã rao-giảng, chính lời đó sẽ xét-đoán họ nơi ngày sau-cùng. ⁴⁹ Bởi ta chẳng nói theo ý riêng ta; nhưng Cha sai ta đến, đã truyền lệnh cho ta phải nói điều chi và phải nói thế nào. ⁵⁰ Ta biết mạng-lệnh Cha, ấy là sự sống đời đời. Vậy, những điều ta nói, thì nói theo như Cha ta đã dặn. »

Trong khi dừng lại để kiểm-điểm sơ qua chức-vụ của Chúa Jê-sus, tác-giả nhấn mạnh những nguyên-nhơn và hậu-quả của lòng vô-tín của người Do-thái. Trong hai đoạn ngắn, phần lớn nội-dung trong hai đoạn này là lời tiên-tri của Ê-sai, và của Chúa Jê-sus. Tuy-nhiên, cũng như các phần khác trong Phước-âm ở đây ông trình-bày lời chứng về Phẩm-vị của Cứu-Chúa. Trích lời của Ê-sai, ông đã xem Chúa Jê-sus là một với Đấng thiên-thượng mà Ê-sai thấy trong khải-tượng, là « Đức Giê-hô-va » của Cựu-ước. Câu 41. Chính Chúa Jê-sus cũng tuyên-bố Ngài đồng-nhất với Đức Chúa Trời. Lại nữa, Ngài cũng cho ta thấy đức-tin dẫn đến cuộc sống có nhân-quan thuộc-linh, ơn-phước vô-tận. Câu 46, 50. Nhưng trọng-tâm của hai khúc này vẫn là lên án lòng vô-tín.

Trong khúc đầu, từ câu 37-43, Giảng cho rằng những phép lạ của Chúa Jê-sus đã đủ để cho ta tin Ngài. Trước những dấu lạ đó mà còn vô-tín tức là tội-lỗi; nhưng làm thế nào để giải-thích việc đó? Ta có thể giải-thích luôn luôn rằng sự mù-quáng là lý-do của sự vô-tín. Người ta mù-quáng thường là vì thành-kiến, người Do-thái không

chịu tin, nên khi đến lúc phải tin thì họ không thể nào tin được. Điều đó đã xảy ra vào thời Ê-sai thể nào thì vào thời Đấng Christ cũng vậy.

Lại nữa, lòng họ cũng không ngay-thẳng: « Họ chuông danh-vọng bởi người ta đến hơn là danh-vọng bởi Đức Chúa Trời đến. » Dầu đức-tin sơ-khởi đã được khơi dậy trong họ nó cũng không thể nào phát-triển được vì họ sợ người ta chống-đối và mất uy-tin trong xã-hội. Những người nào không chịu nhận những hậu-quả do sự thừa-nhận chân-lý đem lại sẽ không mong thấy được chân-lý, còn nếu cứ tiếp-tục không chịu tin thì kết-quả là những khả-năng đức-tin sẽ bị tiêu-mòn.

Những hậu-quả khốc-hại của vô-tin được mô-tả trong khúc thứ hai. Câu 44-50. Đây không phải là một bài giảng-thuyết của Chúa, nhưng cũng như trên kia tác-giả đã nhấn mạnh vào công-việc của Chúa thì ở đây, ông nhấn mạnh vào lời của Ngài. Ông tóm-tắt những giáo-huấn của Chúa, nhấn mạnh vào hậu-quả nghiêm-trọng của vô-tin. Chúa Jê-sus tuyên-bố Ngài là hiện-thân của Đức Chúa Trời và Ngài đến để công-bố ý muốn của Đức Chúa Trời. Như vậy, khước-từ Đấng Christ là khước-từ Đức Chúa Trời. Trong lúc còn thi-hành chức-vụ trên đất, Chúa Jê-sus không đưa ra một phán-quyết nào về loài người, nhưng nếu họ không chịu tin Ngài tức là họ đương phán-xử chính mình, thì đến « ngày cuối-cùng » họ sẽ bị xử bằng chính những lời họ nói. Làm sao một người tự ý khước-từ Chúa Jê-sus có thể được Đức Chúa Trời nhận? Sao những lời Giảng và Chúa Jê-sus phán-đoán về vô-tin, nửa phần đầu của Phước-âm đã khép lại, độc-giả được hân-hạnh bước qua vùng tương-phản mới-mẻ, ấy là đức-tin khải-hoàn. Hầu hết phần còn lại của quyển sách tương-quan đến vấn-đề này.

III. CUỘC MẶC-KHẢI CHO CÁC MÔN-ĐỒ ; CỤC-ĐIỀM CỦA ĐỨC-TIN VÀ VÔ-TÍN

Đoạn 13 : — 20 :

A. GIÁO-HUẤN RIÊNG Đoạn 13 - 17

Bắt đầu đoạn 13 của sách Giăng, ta bước vào « nơi thánh » trong cái cơ-sở thiêng-liêng của Phước-âm này : Trong năm đoạn tiếp, ta sẽ ở một mình với Chúa và các môn-đồ Ngài. Đó là đêm Chúa Jê-sus bị phản. Chức-vụ công-khai của Ngài đã chấm-dứt. Ngày mai sẽ là ngày chứng-kiến cảnh thống-khổ và sự chết của Ngài. Ngài đã cùng với « mười hai người » lui về « phòng cao » để ăn lễ Vượt-qua với họ, để thiết-lập lễ kỷ-niệm Tiệc-thánh, để mặc-khải cho các môn-đồ thấy tình yêu vô-dối của Ngài, để chuẩn-bị họ cho cuộc chia-ly mà Ngài biết là đã gần đến. Phần chính của khúc ký-thuật này gồm những lời yên-ủi và từ-giã. Nhưng trước những lời này có hai hành-động ý-nghĩa và theo sau có một lời cầu-thay. Những hành-động này rất cần-thiết để mở đường cho những bài thuyết-giảng Chúa sắp nói. Những hành-động ấy gồm có sự chuẩn-bị tinh-thần bằng cách Chúa Jê-sus đã rửa chơn cho các môn-đồ và sự loại Giu-đa, kẻ phản-bội, ra khỏi hàng-ngũ của họ.

1. Chức-vụ của linh-yêu

Đoạn 13

a. Rửa chơn cho các môn-đồ

13 : 1 : 20

« 1 Trước ngày lễ Vượt-qua, Đức Chúa Jê-sus biết giờ mình phải lìa thế-gian đang trở về cùng Đức Chúa Cha đến rồi; Ngài đã yêu kẻ thuộc về mình trong thế-gian, thì cứ yêu cho đến cuối-cùng.

² Đương bữa ăn tối (ma-qui đã đề mưu phản Ngai vào lòng Giu-đa Ich-ca-ri-ốt con trai Si-môn). ³ Đức Chúa Jê-sus biết rằng Cha đã giao-phó mọi sự trong tay mình, và mình đã từ Đức Chúa Trời đến, cùng sẽ về với Đức Chúa Trời, ⁴ nên đứng dậy khỏi bàn, cởi áo ra, lấy khăn vắt ngang lưng mình. ⁵ Kéo đó, Ngai đổ nước vào chậu, và rửa chơn cho môn-dồ, lại lấy khăn mình đã vắt và lau chơn cho. ⁶ Vậy, Ngai đến cùng Si-môn Phi-e-rơ, thì người thưa rằng: Chúa ôi, chính Chúa lại rửa chơn cho tôi sao? ⁷ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Hiện nay người chẳng biết sự ta làm; nhưng về sau sẽ biết. ⁸ Phi-e-rơ thưa rằng: Chúa sẽ chẳng rửa chơn tôi bao giờ! Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Nếu ta không rửa cho người, người chẳng có phần chi với ta hết. ⁹ Si-môn Phi-e-rơ thưa rằng: Lạy Chúa, chẳng những rửa chơn mà thôi, lại cũng rửa tay và đầu nữa! ¹⁰ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Ai đã tắm rồi, chỉ cần rửa chơn, thì được sạch cả. Và, các người đã được tinh-sạch, nhưng chưa được tinh-sạch đều. ¹¹ Vì Ngai đã biết ai sẽ phản Ngai; tại thế cho nên Ngai phán rằng: Các người chẳng phải hết thấy đều được tinh-sạch.

¹² Sau khi đã rửa chơn cho môn-dồ, Ngai mặc áo lại; đoạn ngồi vào bàn mà phán rằng: Các người có hiểu đều ta đã làm cho các người chẳng? ¹³ Các người gọi ta bằng Thầy bằng Chúa; các người nói phải, vì ta thật vậy. ¹⁴ Vậy, nếu ta là Chúa là Thầy, mà đã rửa chơn cho các người, thì các người cũng nên rửa chơn lẫn cho nhau. ¹⁵ Vì ta đã làm gương cho các người, để các người cũng làm như ta đã làm cho các người. ¹⁶ Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, đấng-tớ chẳng lớn hơn chủ mình, sứ-giã cũng chẳng lớn hơn kẻ sai mình. ¹⁷ Vì bằng các người biết những sự này, thì có phước, miễn là các người làm theo. ¹⁸ Ta không nói về các người hết thấy, ta biết những kẻ ta đã lựa-chọn; nhưng lời này trong Kinh-thánh phải được ứng-nghiem: Người ăn bánh ta, đổ gót nghịch cùng ta. ¹⁹ Hiện bây giờ, ta nói đều này cùng các người trước việc chưa xảy đến; để khi

việc xảy đến rồi, các người sẽ tin ta là Đấng đó. ²⁰ Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, ai tiếp người mà ta đã sai, tức là tiếp ta ; hễ ai tiếp ta, tức là tiếp Đấng đã sai ta đến.»

Có lẽ trên đường đi đến căn phòng dọn tiệc Vượt-qua, hay trong khi ngồi lại bàn, các môn-đồ có cãi-vã với nhau về vấn-đề ai là kẻ lớn nhất. Chúa Jêsus nhơn dịp ấy nhắc-nhở họ rằng trong vòng những kẻ theo Ngài, trình-độ cao-trọng được đo-lường bằng sự phục-vụ, rồi chính Ngài ban cho họ một bài học cụ-thể để họ ghi-nhớ, Ngài « đứng dậy khời bàn, cởi áo ra, vắt ngang lưng mình. Kế đó, Ngài đổ nước vào chậu và rửa chơn cho môn-đồ, lại lấy khăn mình đã vắt mà lau chơn cho.»

Giăng mở đầu câu chuyện này bằng những câu nhấn mạnh vào điểm khiêm-nhu vô-song, và chỉ ra ý-nghĩa của câu chuyện ấy. Ông cho biết lúc ấy là « trước ngày lễ Vượt-qua.» Lời chú-thích về thời-gian ấy, chứng-tỏ chúng ta đã bắt đầu một phần mười trong thiên ký-thuật. Chúng ta bước đến thời-kỳ đã chỉ-định, chúng ta sắp đọc đến những biến-cố liên-quan đến sự chết của Đấng Christ, những điều làm ứng-nghiệm biểu-hiệu của lễ Vượt-qua và Chiên con của lễ ấy. Chính hành-động rửa chơn cho các môn-đồ là bức tranh của sự tinh-nguyên tự-hạ, trong đó Ngài đã lia-bỏ « thể-tại (existence-form) Đức Chúa Trời », để khoác lấy bộ áo xác-thịt trần-nhơn, giữ địa-vị tôi-tờ, đã hạ mình đến chỗ chết trên thập-tự-giá, để Ngài có thể tẩy sạch tội-lỗi của những kẻ theo Ngài. Giăng lại nói rằng Chúa Jêsus biết « giờ mình phải lia thế-gian dặng trở về cùng Đức Chúa Cha đến rồi », dầu vậy Ngài cũng đã quên mình mà chỉ nghĩ đến nhu-cầu của các môn-đồ Ngài. Hành-động ấy diễn-tả cách hùng-biện cái động-lực của Chúa. Động-lực ấy là tình yêu trọn-vẹn và dư-dật : « Ngài đã yêu kẻ thuộc về mình trong thế-gian, thì cứ yêu cho đến cuối-cùng.» Động-lực ấy lại càng nổi bật ở một ý bao-hàm trong khúc này, ấy là Chúa đã không bỏ rửa chơn cho kẻ phản Ngài, « ma-qui đã để mưu phản Ngài vào lòng Giu-đa Ích-ca-ri-ốt con trai Si-môn. » Sau hết, việc Chúa luôn nghĩ đến quyền phổ-thông của Ngài, nguồn-gốc và vận-mạng thiên-thượng của Ngài, chứng-tỏ sự tự hạ tột-

bực của Ngài : « Biết giờ mình phải lìa thế-gian đặng trở về cùng Đức Chúa Cha đến rồi. » Dầu đã ý-thức đến tuyệt-đỉnh như vậy, Chúa Jê-sus vẫn hạ mình để rửa chơn cho các môn-đồ Ngài.

Công-việc của Chúa thánh-linh bị gián-đoạn vì một câu đối-thoại giữa Chúa và Phi-e-rơ, biểu-lộ ý-nghĩa thiêng-liêng của quang-cảnh ấy. Phi-e-rơ ngần-ngại không muốn để cho Chúa làm một việc phục-dịch hèn-hạ như thế, đến nỗi khi Chúa cho ông biết rằng việc Ngài làm có một mục-đích mà đến sau này ông mới biết được, ông cũng cứ phản-đối : « Chúa sẽ chẳng rửa chơn cho tôi bao giờ », Chúa Jê-sus đáp : « Nếu ta không rửa chơn cho người, người chẳng có phần chi với ta hết », chẳng những chỉ về phần trong bữa ăn lễ Vượt-qua, mà cả phần thân-hữu với Đấng Christ, mà tất cả những gì đem ấy ban cho các môn-đồ. Đến đây, Phi-e-rơ lại vọt quay về một thái-cực khác : « Lay Chúa, chẳng những rửa chơn mà thôi, lại cũng rửa tay và đầu nữa. » Chúa Jê-sus trả lời rằng : « Ai đã tắm rồi chỉ cần rửa chơn thì được sạch cả. Chúa phán điều đó chỉ về sự tẩy sạch tâm-linh mà Ngài sắp-sửa hoàn-thành. Ngài đã rửa chơn cho các môn-đồ để cho thân-thể họ được dễ chịu. Không như trong các bữa ăn khác, ở đây không có người đầy-tớ nào xuất-hiện để làm công-việc thường-lệ cần-thiết ấy. Không có ai trong các môn-đồ, những người đã cãi nhau để biết ai lớn hơn ai đáng hạ mình để làm công-việc hèn-hạ đó. Bởi vậy Chúa Jê-sus đã rửa chơn cho các môn-đồ ; nhưng Ngài đã làm hơn thế : Ngài đã rửa sạch lòng họ. Khi các môn-đồ thấy sự tự hạ vô-đối này, khi Ngài đứng đến bàn chơn của họ, tất cả những ham-muốn, cay-đắng, ác-hiềm, cuồng-nộ của họ đều tiêu-tán. Họ sẵn-sàng lắng nghe những bài giảng kỳ-diệu ra từ môi-miệng Ngài. Ngài biết rằng các môn-đồ yêu Ngài, và Thánh-Linh đã ban cho họ cuộc sống mới, nhưng Ngài cũng nhận biết tâm-trí của họ đượng cần được sửa-đổi. Ngài biết rằng tâm-lòng của một người trong họ đượng đầy sự thù-hằn nguy-hiềm : « Các người đã được tinh-sạch nhưng chưa được tinh-sạch đều. Vì Ngài đã biết ai sẽ phản Ngài. » Sự-điệp này yên-ủi chúng ta vô-cùng nhưng cũng nghiêm-trọng đối với chúng ta biết bao ! Chúa Jê-sus biết chúng ta yêu Ngài, tin-cậy Ngài và Ngài không từ-bỏ chúng ta vì một lỗi-lầm, một

thất-bại thình-linh. Chúng ta đã được tẩy sạch những dấu vết tội-lỗi gian-ác ; nhưng chúng ta cũng rất cần tẩy sạch những điều xấu-xa hằng ngày của chúng ta. Ngài có quyền và sẵn-sàng đề ban cho ta điều đó, chúng ta tin chắc sẽ nhận được điều đó khi chúng ta thấy Đức Chúa Jê-sus cúi xuống để rửa chơn cho các môn-đồ Ngài. Tiếp theo hành-động đó là lời giải-thích. Chúa Jê-sus minh-định rằng các môn-đồ của Ngài phải bắt chước Ngài trong sự phục-vụ thấp-hèn của tình-yêu để đem lại cho kẻ khác những sự thoải-mái của thần-thể mà cả sự tẩy sạch của tâm-linh nữa : « Vì ta đã làm gương cho các người đề các người cũng làm như ta đã làm cho các người » Ngài cho họ biết phước-lạnh của sự phục-vụ ; nhưng Ngài nhắc lại lời tiên-tri rằng một người trong vòng họ, kẻ phản-bội, sẽ không được hưởng phước ấy. Tuy-nhiên, những kẻ khác sẽ được đấng-ân cao-qui là chẳng những làm đại-diện cho Chúa mà thôi mà cũng làm cho Cha Ngài nữa.

b. Loại trừ kẻ phản-bội

Đoạn 13 : 21 - 30

« 21 Khi Đức Chúa Jê-sus đã phán như vậy rồi, thì tâm-thần Ngài bối-rối, bèn tỏ ra rằng : Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, một người trong các người sẽ phản ta. 22 Các môn-đồ ngó nhau, không biết Ngài nói về ai đó. 23 Và, có một môn-đồ dựa vào ngực Đức Chúa Jê-sus, tức là người mà Ngài yêu. 24 Si-môn Phi-e-rơ ra dấu cho người đó rằng : Hãy nói cho chúng ta biết thầy phán về ai. 25 Vậy, người nghiêng mình trên ngực Đức Chúa Jê-sus, hỏi rằng : Lạy Chúa, ấy là ai ? 26 Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Ấy là kẻ mà ta trao cho miếng bánh ta sẽ nhúng đây. Đoạn, Ngài nhúng một miếng, rồi lấy cho Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, con trai của Si-môn. 27 Liền khi Giu-đa đã lấy miếng bánh, thì quỷ Sa-tan vào lòng người. Đức Chúa Jê-sus bèn phán cùng người rằng : Sự người làm hãy làm mau đi. 28 Nhưng các người ngồi đồng bàn đó chẳng ai hiểu vì sao Ngài phán cùng người như vậy. 29 Có kẻ tưởng rằng tại Giu-đa có túi bạc, nên Đức Chúa Jê-sus biếu người : Hãy mua đồ chúng ta

cần-dùng về kỹ lễ; hay là: Hãy bố-thí cho kẻ nghèo.
 30 **Còn Giu-đa, khi lãnh lấy miếng bánh rồi, liền đi ra.**
Khi ấy đã tối.»

Rửa chơn cho các môn-đồ, Chúa Jê-sus đã cất khỏi lòng họ những tinh-khí, sắc-thái có thể khiến họ không thể nhận lời Ngài, còn việc rửa Ngài phải làm là loại những tin-dở bất-trung, một thỉnh-giả ưa gây-gỗ ra khỏi vòng họ, rồi Ngài mới có thể nói cho môn-đồ Ngài tất cả sự-điệp cuối-cùng của Ngài về sự mầu-nhiệm, về tình yêu và sự vui-vẻ.

Ngài nói trắng ra một việc Ngài đã từng đề-cập nhiều lần: « Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, một người trong các người sẽ phản ta, » Các môn-đồ ngạc-nhiên muốn biết ai là kẻ phản-bội. Chúa Jê-sus đã dùng một dấu đề cho Phi-e-rô và Giăng biết rõ kẻ phản-bội đó là Giu-đa. Đồng-thời Chúa phán cùng Giu-đa, bảo hắn hãy mau thực-hành dự-định thối-tha của hắn, nhưng Ngài đã dùng lời các môn-đồ khác không hiểu được: « Sự người làm hãy làm mau đi. » Giăng kể rằng Giu-đa « liền đi ra », và ông thêm rằng « khi ấy đã tối. »

Tâm-tinh của Giu-đa cho ta thấy hình-ảnh đau-thương nhưt của vô-tin trong Phước-âm này. Hắn ta đã có những cơ-hội phi-thường để biết Đấng Christ, nhưng hắn đã kháng-cự Ánh sáng, nuôi dưỡng lòng tham-lam, không hề chịu cảm-động vì tình yêu vô-đối của Đấng đã cúi xuống để rửa chơn cho hắn. Và bây giờ, ngay tại bàn ăn, Chúa Jê-sus cũng hiển cho hắn một dấu-biểu cuối-cùng của tình hạn. Có một cuộc tranh-chấp chung-kết để chiếm linh-hồn này, nhưng Sa-tan đã thắng, và Giu-đa đã bước vào bóng tối hồ-nhục và buồn-thảm đời đời.

Việc rửa chơn cho môn-đồ chứng-tỏ tình yêu thiên-thượng của Ngài thế nào thì ở đây Ngài cũng biểu-lộ tài thần-trí của Ngài thế ấy. Vì cả hai trường-hợp trên đều dọn đường cho những lời khuyên-lệ của Ngài, nên chúng ta được nhắc-nhở rằng Chúa chẳng bao giờ phán cùng những tâm-hồn đương thù-hận kẻ khác, hay thiếu

lòng triu-mến đối với Ngài.

c. Chúa Jêsus báo trước sự ra đi của Ngài

Đoạn 13 : 31-38

«³¹ Khi Giu-đa đã ra rồi, Đức Chúa Jêsus phán rằng: Hiện bây giờ Con người được vinh-hiền, và Đức Chúa Trời được vinh-hiền nơi Con người.³² Đức Chúa Trời cũng sẽ làm cho Con người vinh-hiền nơi chính mình Ngài, và Ngài sẽ kíp làm cho vinh-hiền.³³ Mọi các con trẻ ta, ta còn tạm ở với các người; các người sẽ tìm ta, và như ta đã nói với người Giu-đa rằng: Các người không thể đến nơi ta đi, thì bây giờ ta cũng nói với các người như vậy.³⁴ Ta ban cho các người một điều-răn mới, nghĩa là các người phải yêu nhau; như ta đã yêu các người thế nào, thì các người cũng hãy yêu nhau thế ấy.³⁵ Nếu các người yêu nhau, thì ấy là tại đều đó mà thiên-hạ sẽ nhận biết các người là môn-đồ ta.

³⁶ Si-môn Phi-e-rơ thưa cùng Ngài rằng: Lạy Chúa, Chúa đi đâu? Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Nơi ta đi, bây giờ người chẳng có thể theo ta được; nhưng rồi sau người sẽ theo ta.

³⁷ Phi-e-rơ thưa rằng: Lạy Chúa, sao hiện bây giờ tôi không thể theo Chúa được? Tôi liệu sự sống tôi vì Chúa!³⁸ Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Người liệu sự sống người vì ta sao! Quả thật, quả thật, ta nói cùng người, khi gà chưa gáy, người đã chối ta ba lần!»

Lẽ tự-nhiên Chúa Jêsus bắt đầu bài giảng từ-giã của Ngài bằng lời báo tin sự ra đi của Ngài, câu 31-33, nhưng Ngài cũng thêm một mạng-linh, câu 34-35, và một lời cảnh-cáo, câu 36-38. Tuy nhiên, Chúa báo trước cuộc đi xa này bằng những từ-ngữ rất khó hiểu đối với các môn-đồ. Ngài sẽ được « Vinh-hiền », nghĩa là người sẽ nhận biết Ngài là Đấng Cứu-Thế, là Con của Đức Chúa Trời, bởi sự chết, sự sống lại và thăng-thiên và ơn ban Thánh-Linh của Ngài. Ngài dùng chữ « điều-răn mới »

trong lời Ngài nói với họ như một lời từ-giã. Đó là điều-răn mà Môi-se tóm-tắt trong luật-pháp, nhưng đã được Chúa Jêsus làm « mới » lại bằng cách ban cho nó tiêu-chuẩn mới, một động-lực mới : « Các người hãy yêu nhau, như ta đã yêu các người. » Ngài đã chết vì kẻ khác, việc ấy chứng-tỏ tình yêu Ngài. Tình yêu hy-sinh biểu-lộ trong những kẻ theo Ngài sẽ làm chứng cho thế-gian biết thế nào là tin-đồ thật.

Phi-e-rơ không hiểu ý Chúa Jêsus nói gì khi Ngài phán « Nơi ta đi, người chẳng có thể theo ta được. » Ông đã hiểu mạng-lệnh về tình yêu. Ông tưởng Chúa Jêsus sắp-sửa đi một chuyến hành-trình gian-nguy trên đất. Bởi vậy, ông nói rằng tình yêu của ông đối với Ngài lớn đến nỗi ông sẵn lòng theo Ngài, chịu bỏ mạng vì cơ Thầy. Chúa Jêsus cảnh-cáo long-trọng rằng, Phi-e-rơ sẽ chối Ngài ba lần trước rạng-đông. Dầu vậy, Ngài quả đã tiên-đoán là sau đó Phi-e-rơ sẽ theo Ngài. Các môn-đồ Ngài thật yếu-đuối biết bao, họ cần những lời hứa trong những đoạn tiếp theo biết bao ! Khi Thánh-Linh giáng xuống trong quyền-năng lễ Ngũ-tuần, Phi-e-rơ thật đã đi theo Thầy mình, theo cho đến thập-tự-giá. Cũng bởi quyền-năng của Thánh-Linh ấy mà chúng ta chứng-tỏ tình yêu của những người môn-đồ chơn-chánh và có thể bước theo dấu chơn của Chúa mà không hề chối Ngài.

2. Những lời phản-khích

Đoạn 14-16

a. Chúa Jêsus an-ủi môn-đồ của Ngài

Đoạn 14

Sau khi Chúa báo cho môn-đồ biết Ngài sắp từ-giã họ, bây giờ Chúa Jêsus phán cho họ những lời phản-khích và khuyên-lơn. Trong những đoạn 14, 15, 16 có xen lẫn những phần đàm-thoại và lời thuyết-giảng. Mỗi đoạn đều liên-quan đến ba chơn-lý tối-yếu trong Phước-âm này, đó là : làm chứng cho thần-tính của Đấng Christ, đặc-tính và sự tiến-triển của đức-tin trong Đấng Christ ; những kinh-nghiệm và đức-tính

của cuộc sống xuất-phát từ đức-tin. Cũng nên đề ý rằng mỗi đoạn này nhấn mạnh một chơn-ly theo thứ-tự trên. Về Phẩm-vị của Đấng Christ, không có phép lạ nào đã ghi có thể làm chứng cho thần-tính của Ngài như những lời chép trong đoạn này. Chúa Jêsus xưng mình là một với Đức Chúa Trời xứng-dáng để được tin-cậy, như chính Đức Chúa Trời là Đấng duy-nhứt mặc-khải Đức Chúa Trời, là một sự hiện-diện trường-cửu, dich-thân và không sao phân-rẽ được khỏi Thần-linh của Đức Chúa Trời. Những lời tuyên-bố này là một phần trong kết-cấu của truyện-ký, nhưng lại ngẫu-nhiên phù-hợp với mục-dịch trực-tiếp của nó là ghi lại những lời an-ủi Chúa đã phán cùng các môn-đồ Ngài. Những lời ấy chứa-đựng trong một cuộc đối-thoại, phần lớn tư-tưởng tập-trung vào lời hứa của Chúa Jêsus nói rằng Ngài sẽ ở cùng các môn-đồ bằng một hiện-diện thực-hữu nhưng thiêng-liêng.

Cuộc tái-ngộ sắp đến

Câu. 1-3

« 1 Lòng các người chớ hề bối-rối; hãy tin Đức Chúa Trời, cũng hãy tin ta nữa. 2 Trong nhà Cha ta có nhiều chỗ ở; bằng chẳng vậy, ta đã nói cho các người rồi. Ta đi sắm-sẵn cho các người một chỗ. 3 Khi ta đã đi, và đã sắm-sẵn cho các người một chỗ rồi, ta sẽ trở lại đem các người đi với ta, hầu cho ta ở đâu thì các người cũng ở đó. »

Đây là lời khuyên-lệ tự-nhiên hơn hết, cuộc biệt-ly sắp đến, nhưng rồi cuộc tái-ngộ sẽ đến ngay đề rồi kéo dài mãi mãi : « Lòng các người chớ hề bối-rối », nhưng ắt phải có một điều gì đáng sợ. Chúa Jêsus vừa báo trước rằng một trong những kẻ theo Ngài sẽ phản Ngài, Phi-e-rơ sẽ chối Ngài, và đau-dớn hơn hết là Ngài sẽ đi đến một nơi không ai có thể đi theo được. Dầu vậy, họ hãy cứ tin nơi sự nhơn-tử của Đức Chúa Trời và nơi mục-dịch yêu-thương của Ngài : « Hãy tin Đức Chúa Trời, cũng hãy tin ta nữa. » Đây là một phương thuốc chữa những tâm-hồn bối-rối.

« Trong nhà Cha ta có nhiều chỗ ở », nơi ấy có chỗ

cho mọi người, nơi ấy chờ đón mọi người, ấy là chỗ Chúa Jêsus sắp đi đến. Nếu thật không có sự tái-ngộ, không có cuộc đoàn-tụ nơi nhà trên trời, thì Ngài đã chẳng nói cho họ về hạnh-phước của mỗi trong-giao đời đời : « bằng chẳng vậy ta đã nói cho các người rồi. »

« Ta đi để sắm-sẵn cho các người một chỗ. » Bởi sự chết, sự thăng-thiên, và được vinh-hiền, Ngài mở một con đường về nhà Cha và về chốn phước-hạnh cao-quí của Ngài. « Khi ta đã đi và đã sắm-sẵn cho các người một chỗ rồi, ta sẽ trở lại đem các người đi với ta, hầu cho ta ở đâu thì các người cũng ở đó. » Sự hiện đến cách thiêng-liêng của Ngài (nội-dung của đoạn này cũng như hai đoạn sau) sẽ đem lại mối trong-giao thân-mặt trực-tiếp với Chúa Jêsus sẽ thành-tựu hoàn-toàn trong cuộc tái-làm vinh-quang của Ngài và trong cuộc tái-ngộ vô-tận trong nhà Cha.

Đường đến cùng Cha

Câu 4 - 11

« 4 Các người biết ta đi đâu, và biết đường đi nữa.

5 Thô-ma thưa rằng : Lạy Chúa, chúng tôi chẳng biết Chúa đi đâu ; làm sao biết đường được ? 6 Vậy Đức Chúa Jêsus đáp rằng : Ta là đường đi, lẽ thật, và sự sống ; chẳng bởi ta thì không ai được đến cùng Cha. 7 Vì bằng các người biết ta, thì cũng biết Cha ta ; và từ bây giờ các người biết và đã thấy Ngài.

8 Phi-líp thưa rằng ; Lạy Chúa, xin chỉ Cha cho chúng tôi, thì đủ rồi. 9 Đức Chúa Jêsus đáp rằng ; Hỡi Phi-líp, ta ở cùng các người đã lâu thay, mà người chưa biết ta ! Ai đã thấy ta, tức là đã thấy Cha. Sao người lại nói rằng : Xin chỉ Cha cho chúng tôi ? 10 Người há không tin rằng ta ở trong Cha và Cha ở trong ta, hay sao ? Những lời ta nói với các người, chẳng phải ta tự nói ; ấy là Cha ở trong ta, chính Ngài làm trọn việc riêng của Ngài. 11 Khi ta nói rằng ta ở trong Cha và Cha ở trong ta ; thì hãy tin ta ; bằng chẳng, hãy tin bởi công-việc ta. »

« Các người biết ta đi đâu, và biết đường đi nữa. »

Ngài đã bảo họ rằng Ngài sắp về cùng Cha, bằng con đường chết và sống lại, nhưng họ vẫn còn phân-vấn suy-nghĩ. Họ không thể hiểu tại sao Ngài phải chết; họ không tin rằng Ngài sẽ chết. Sự hoang-mang của họ đã được Thô-ma phát-biêu : « Lạy Chúa, chúng tôi chẳng biết Chúa đi đâu, làm sao biết đường được ? » Câu hỏi ấy hiển cho Chúa Jê-sus một cơ-hội để giải-thích ý-nghĩa thiêng-liêng sâu-nhiệm của lời Ngài. Dường như Chúa có ý nói rằng : « Đối với ta, con đường đến cùng Cha là con đường sự chết, nhưng đối với các người cũng như mọi người, ta là đường đi, bởi vì ta là chơn-lý và sự sống. Ngoài ta không ai có thể đến cùng Cha. Nếu các người đã biết ta, tức là đã biết Cha ta, mà đã biết Cha ta tức là đã thấy Ngài.» Phi-líp xin cho được thấy Cha trực-tiếp. Trong câu trả lời của Ngài, Chúa Jê-sus tỏ vẻ thất-vọng vì các môn-đồ không thấy Ngài là Đấng mặc-khải Đức Chúa Trời. Ngài phán rằng, cả lời và việc của Ngài đều chứng-nhận Ngài đồng-nhứt với Cha Ngài.

Công-tác tiếp-tục

Câu 12 - 14

« ¹² Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, kẻ nào tin ta, cũng sẽ làm việc ta làm ; lại cũng làm việc lớn hơn nữa, vì ta đi về cùng Cha. ¹³ Các người hơn danh ta mà cầu-xin đều chỉ mặc dầu, ta sẽ làm cho, để Cha được sáng danh nơi Con. ¹⁴ Nếu các người hơn danh ta xin đều chi, ta sẽ làm cho. »

Một lý-do an-ủi nữa nằm trong lời của Ngài hứa rằng sự ra đi của Ngài sẽ không chấm-dứt công-việc mà Ngài đã bắt đầu. Những kẻ tin Ngài sẽ làm chứng những việc lớn hơn cả những phép lạ của Ngài. — Không phải là những công-việc kỳ-diệu hơn theo con mắt phán-đoán của người đời, nhưng có tính-cách cao-cả hơn và phạm-vi rộng-rãi hơn. Điều đó có thể thực-hiện được là nhờ Ngài đi về cùng Cha, và như Ngài giải nghĩa tiếp theo, Ngài sẽ phái Thánh-Linh đến hoạt-động trong và qua những kẻ theo Ngài. Công-việc này sẽ được thực-hiện để phúc-dáp lời cầu-nguyện dâng lên trong danh Ngài.

Chúa Jêsus nói trong câu cuối-cùng này là, tất cả những điều đã được mặc-khải về Ngài đều đưa đến chỗ nhìn-nhận rằng Ngài là một với Đức Chúa Cha, vì Ngài là Con Đức Chúa Trời. Những lời Chúa hứa sẽ nhậm lời cầu-nguyện đều không có giới-hạn. Chỉ trừ vài trường-hợp Kinh-Thánh nói rõ những điều-kiện để được nhậm lời cầu-nguyện là phải có đức-tin, phải vâng-phục, tùy thuộc ý-chỉ của Đức Chúa Trời; cả mấy điều-kiện ấy bao-hàm trong câu : « Nhơn danh ta. »

Đấng Yên-ủi hiện đến

Câu 15 - 27

« 15 Nếu các người yêu-mến ta, thì giữ-gìn các điều-răn ta. 16 Ta lại sẽ nài-xin Cha, Ngài sẽ ban cho các người một Đấng Yên-ủi khác, để ở với các người đời đời, 17 tức là Thần lễ thật, mà thế-gian không thể nhận-lãnh được, vì chẳng thấy và chẳng biết Ngài; nhưng các người biết Ngài, vì Ngài vẫn ở với các người và sẽ ở trong các người. 18 Ta không để cho các người mồ-côi đâu, ta sẽ đến cùng các người. 19 Còn ít lâu, thế-gian chẳng thấy ta nữa, nhưng các người sẽ thấy ta; vì ta sống thì các người cũng sẽ sống. 20 Nội ngày đó, các người sẽ nhận biết rằng ta ở trong Cha ta; các người ở trong ta, và ta ở trong các người. 21 Ai có các điều-răn của ta và vâng-giữ lấy, ấy là kẻ yêu-mến ta; người nào yêu-mến ta sẽ được Cha ta yêu lại, ta cũng sẽ yêu người, và tỏ cho người biết ta.

22 Giu-đe, chớ không phải là Iêh-ca-ri-ốt, thưa Ngài rằng; Lạy Chúa, vì sao Chúa sẽ tỏ mình cho chúng tôi, mà không tỏ mình cho thế-gian? 23 Đức Chúa Jêsus đáp rằng; Nếu ai yêu-mến ta, thì vâng-giữ lời ta, Cha ta sẽ thương - yêu người, chúng ta đều đến cùng người và ở trong người. 24 Còn kẻ nào chẳng yêu-mến ta, thì không vâng-giữ lời ta; và lời các người nghe đó, chẳng phải bởi ta, nhưng bởi Cha là Đấng đã sai ta đến.

25 Ta đã nói những điều đó với các người đang khi ta còn ở cùng các người. 26 Nhưng Đấng Yên-ủi, tức là Đức Thánh-Linh mà Cha sẽ nhơn danh ta sai

xuống, Đăng Kỳ sẽ dạy-dỗ các người mọi sự, nhắc lại cho các người nhớ mọi điều ta đã phán cùng các người. 27 Ta để sự bình-an lại cho các người, ta ban sự bình-an ta cho các người; ta cho các người sự bình-an chẳng phải như thế-gian cho. Lòng các người chớ bối-rối và đừng sợ-hãi.»

Lý-do an-ủi tối-cao, và là sứ-diệp chính-yếu của sách này, nằm trong lời hứa : « Ta sẽ nài-xin Cha, Ngài sẽ ban cho các người một Đăng Yên-ủi khác, để ở với các người đời đời. Chữ « Đăng Yên-ủi » hay là « Đăng Cầu-thay », hoặc « Đăng Biện-hộ », như người ta thỉnh-thoảng dịch có nghĩa là « kẻ được gọi đến bên cạnh kẻ khác » để giúp-đỡ bảo-hộ, giải-phóng. Đăng Yên-ủi đã hứa đó là Đức Thánh-Linh. Công-tác thiên-hình vạn-trạng của Ngài liên-quan đến các tín-đồ, được tóm-tắt trong một chữ : « Khác. » Như vậy nghĩa là Chúa Jê-sus đã là một « Đăng Yên-ủi » cho các môn-đồ, bây giờ sự hiện-diện của thân-thể Ngài không còn nữa, thì Thánh-Linh Ngài sẽ làm cho các môn-đồ những việc Ngài đã làm cho họ. Thánh-Linh sẽ hướng-dẫn họ, thêm sức cho họ và thánh-hóa họ. Lời hứa về sự ban Thánh-Linh ấy không phải ngụ-ý rằng Thánh-Linh chưa đến ở trên đất. Thánh-Linh đã từng ở trong thế-gian, đã thi-hành công-tác Ngài giữa dân Đức Chúa Trời ; nhưng sau khi Chúa thăng-thiên, Thánh-Linh lại tỏ mình ra trong quyền-năng mới. Thánh-Linh sẽ có một sống-ay là chọn-ly về Cứu-Chúa bị đóng đinh và sống lại. Công-việc xuất-phát từ đây cũng giống như một lần « đến » mới-mẻ, một « ơn ban » mới-mẻ. Điều-kiện để Thánh-Linh hiện-hiện là phải vâng-phục yêu-thương Đăng Christ. Câu 15, 21. Sự hiện-diện của Thánh-Linh sẽ là liên-tục : « Ngài ở với các người đời đời. » Ở đây Chúa Jê-sus không có đối-chiếu công-tác của Thánh-Linh thời xưa với thời nay, nhưng đối-chiếu sự ở lại của Thánh-Linh và sự ra đi của Ngài trong sự chết và sự sống lại. Đăng Yên-ủi lại được gọi là « Thần lễ-thật. » Thế-gian vì thiếu thiện-cảm với Đăng Christ sẽ không thể nào biết hoặc nhận được Đức Thánh-Linh. Nhưng Thánh-Linh này là Đăng đã ngự đầy-dẫy trong Thầy, cũng sẽ ngự trên các môn-đồ Ngài. Câu 17.

Chính Đấng Christ sẽ trở lại thế-gian trong Thánh-Linh Ấy. Vì Ngài đến nên sẽ sống cuộc đời rộng lớn hơn và hiểu-biết đầy-đủ hơn về Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con. Câu 18-20.

Có người hỏi Chúa tại sao Đấng Mê-si chân-chánh lại chỉ tỏ mình cho môn-đồ mà không tỏ mình cho thế-gian, thì Chúa trả lời rằng sự tỏ mình Ngài nói đây là sự tỏ mình thuộc-linh, điều-kiện của nó là phải vâng-phục Đấng Christ, và kết-quả là sẽ ngự-trị thực-hữu trong những người tin Cha và Con. Câu 22, 23. Chúa Jê-sus lại quả-quyết với các môn-đồ Ngài rằng Đấng Yên-úi (ở đây Chúa đã nói rõ là « Đức Thánh-Linh ») sẽ dạy họ mọi sự và giúp họ nhớ lại những lời Thầy. Câu 25, 26. Về những lời hứa ấy, Chúa Jê-sus để lại cho môn-đồ Ngài một gia-tài lấy từ kho-tàng kinh-nghiệm sống của Ngài. « Ta để lại sự bình-an cho các người ; ta ban sự bình-an ta cho các người... Lòng các người chớ bối-rối và đừng sợ-hãi. »

Cuộc chia-ly cần-thiết

Câu 28-31

«²⁸ Các người từng nghe ta nói rằng : Ta đi, và ta trở lại cùng các người. Nếu các người yêu-mến ta, thì sẽ vui-mừng về điều ta đi đến cùng Cha, bởi vì Cha tôn-trọng hơn ta. ²⁹ Hiện nay ta đã nói những điều đó với các người trước khi xảy đến, để khi những điều đó xảy đến thì các người tin. ³⁰ Ta sẽ chẳng nói chỉ với các người nữa, vì vua-chúa thế-gian này hầu đến ; người chẳng có chi hết nơi ta. ³¹ Nhưng thế-gian phải biết rằng ta yêu-mến Cha, và làm theo điều Cha đã phán dặn. Hãy đứng dậy, chúng ta phải đi khỏi đây...»

Chúa Jê-sus thêm một lời an-úi. Dầu đã có lời hứa về sự trở lại cách thuộc-linh của Ngài, các môn-đồ vẫn phải chịu sự đau-khổ khi thấy Ngài từ-giã họ bằng con đường sự chết. Họ sẽ không còn sự hiện-diện của thân-thể Ngài nữa. Bởi vậy Ngài cho họ biết rằng sự ra đi của Ngài là điều-kiện cần-thiết cho sự trở lại thuộc-linh của Ngài, rằng chính sự dự-ngón của Ngài về sự chết sẽ

củng cố đức-tin họ sau này, dầu bày giờ họ sắp chia-ly, Sa-tan sắp tấn-công Ngài, nhưng không phải để nó được sự chiến-thắng lâu-bền đâu, mà là để giúp chứng-tỏ cho thế-gian thấy lòng vàng-phục yêu-thương của Con đối với ý-chỉ của Cha Ngài đó thôi. Trong những câu cuối-cùng này, Chúa Jêsus có nói : « Cha lớn hơn ta ». Người ta giải-thích rằng câu này không nói về thần-tính của Ngài ; nhưng có một người thường nào, nếu không mất trí hay phạm-thương, mà dám dùng những lời đó sánh mình với Đức Chúa Trời chăng? Trong mối tương-giao huyền-nhiệm giữa Con với Cha, Con thật ở dưới quyền của Cha, có thể chỉ là trong những ngày còn ở trong xác-thịt, hay cũng có thể là trong mối từ-hệ vĩnh-cửu của Ngài với Cha. Dầu sao câu này cũng như những câu khác trong đoạn chủ-yếu này đều làm chứng về thần-tính có ý-thức của một Thần-Nhân, là Jêsus-Christ. Chúa chúng ta.

b. Chúa Jêsus là cây nho thật

15 : 1-17

« 1 Ta là gốc nho thật, Cha ta là người trồng nho. 2 Hễ nhánh nào trong ta mà không kết quả thì Ngài chặt hết ; và Ngài tỉa-sửa những nhánh nào kết quả, để được sai trái hơn. 3 Các người đã được trong-sạch, vì lời ta đã bảo cho. 4 Hãy cứ ở trong ta, thì ta sẽ ở trong các người. Như nhánh nho, nếu không dính vào gốc nho, thì không tự mình kết quả được, cũng một lẽ ấy, nếu các người chẳng cứ ở trong ta, thì cũng không kết quả được. 5 Ta là gốc nho, các người là nhánh. Ai cứ ở trong ta và ta trong họ thì sinh ra lắm trái ; vì ngoài ta, các người chẳng làm chi được. 6 Nếu ai chẳng cứ ở trong ta thì phải ném ra ngoài, cũng như nhánh nho ; nhánh khô đi, người ta lượm lấy, quăng vào lửa, thì nó cháy. 7 Ví bằng các người cứ ở trong ta, và những lời ta ở trong các người, hãy cầu-xin mọi điều mình muốn, thì sẽ được đều đó. 8 Nay, Cha ta sẽ được sáng danh là thế nào ; ấy là các người được kết nhiều quả, thì sẽ làm môn-đồ của ta vậy. 9 Như

Cha đã yêu-thương ta thế nào, ta cũng yêu-thương các người thế ấy; hãy cứ ở trong sự yêu-thương của ta. ¹⁰ Nếu các người vâng-giữ các điều-răn của ta, thì sẽ ở trong sự yêu-thương ta, cũng như chính ta đã vâng-giữ các điều-răn của Cha ta, và cứ ở trong sự yêu-thương Ngài. ¹¹ Ta nói cùng các người những điều đó, hầu cho sự vui-mừng của ta ở trong các người, và sự vui-mừng các người được trọn-ven.

¹² Điều-răn của ta đây này; Các người hãy yêu nhau, cũng như ta đã yêu các người. ¹³ Chẳng có sự yêu-thương nào lớn hơn là vì bạn-hữu mà phó sự sống mình. ¹⁴ Vì thử các người làm theo điều ta dạy, thì các người là bạn-hữu ta. ¹⁵ Ta chẳng gọi các người là thầy-tớ nữa, vì thầy-tớ chẳng biết điều chủ mình làm; nhưng ta đã gọi các người là bạn-hữu ta, vì ta từng tỏ cho các người biết mọi điều ta đã nghe nơi Cha ta. ¹⁶ Ấy chẳng phải các người đã chọn ta, bèn là ta đã chọn và lập các người, để các người đi và kết quả, hầu cho trái các người thường đậu luôn; lại cũng cho mọi điều các người sẽ nhưn danh ta cầu xin Cha, thì Ngài ban cho các người. ¹⁷ Ta truyền cho các người những điều-răn đó, đặng các người yêu-mến lẫn nhau vậy.»

Đề yên-úi các môn-đồ Ngài trước khi ra đi, Ngài quả-quyết với họ rằng dầu Ngài thật sẽ đi khỏi họ, song Ngài vẫn cứ hiện-diện thường-trực với họ bởi Thần-Linh của Ngài, và Ngài sẽ nhờ họ để tiếp-tục công-việc Ngài. Chúa mình-giải chơn-lý ấy trong hình-hóng về cây nho và nhánh. Các môn-đồ phải ở trong mối liên-hiệp sinh-động với Chúa vô-hình của họ, để nhờ họ, Ngài sẽ biểu-lộ sự sống của Ngài và hoàn-thành mục-đích của Ngài, cũng như nhánh nho có sự liên-hệ với gốc nho, và gốc ấy chỉ sanh trái của nó trên các nhánh của nó. Như đoạn trước đã làm chứng rằng Đấng Christ là Đấng thiên-thượng sẽ ở với những kẻ theo Ngài mãi mãi, đoạn này nhấn mạnh rằng đức-tin nơi Ngài là điều-kiện tuyệt-đối để nhận sự sống do Ngài ban. Ở đây mô-tả đức-tin gắn liền với Đấng Christ cũng như sự liên-kết bất-khả phân-ly giữa một cành nho sống với cây nho.

Do đó sẽ sinh ra những quả ngon ngọt thuộc-linh, ấy là những thiên-đức trong Đấng Christ, những linh-hồn được cứu-rỗi.

Trước hết Chúa bày-lò sự bất-bình của Cha Ngài đối với những tin-dồ không có đức-tin: « Nhánh nào trong ta mà không kết-quả thì Ngài chặt hết », rồi Ngài nói về phương-cách tăng-cường sự sống thiêng-liêng cho những tin-dồ thật: « Và Ngài tĩa-sửa những nhánh nào kết-quả dở được sai trái hơn. » Cả hai hình-ảnh đó đều nói về cách tĩa cây: nhánh khô bị cắt bỏ, cả đến những nhánh, chồi có trái cũng phải bứt ngắt đi để cho chùm nho được sai trái hơn. Cũng vậy, Đức Chúa Trời đã dùng những thiên-hựu của Ngài để thi-hành những kỷ-luật đối với Co-đốc-đô. Những khuyên-hướng, hành-động, dực-vọng thiên-nhiên của chúng ta còn phải được kiểm-tỏa, hầu cho những mỹ-đức của Chúa sẽ thể-hiện trong ta và công-việc của Ngài sẽ được thực-hiện qua ta. Tuy-nhiên, dụng-cụ trong việc tĩa-sửa này không phải là thiên-hựu mà là những giáo-huấn và ý-chỉ của Đấng Christ. « Các người đã được trong-sạch vì lời ta đã bảo cho. » Các môn-đồ, những kẻ đã nhận lời ấy, đã trong-sạch trên nguyên-tắc và về phương-diện khả-năng; nhưng về kinh-nghiệm mỗi người theo Chúa phải sử-dụng con dao tĩa ấy cho chính đời sống mình, nếu muốn được sai trái trong tâm-tính và công-tác phục-vụ.

Tuy-nhiên, điều-kiện tối-yếu để được sai trái là cứ ở trong Đấng Christ. Như gốc cho tiếp-nhận nhựa từ thân gốc nho thế nào thì người tin-dồ cũng phải tiếp lấy sức mạnh, sự khôn-ngoan, thánh-khiết, và quyền-năng từ nơi Cứu-Chúa hiện-diện và thiên-thượng của họ thế ấy. « Hãy cứ ở trong ta thì ta sẽ ở trong các người. Như nhánh nho, nếu không dính vào gốc nho, thì không tự mình kết quả được, cũng một lẽ ấy, nếu các người chẳng cứ ở trong ta thì không kết-quả được. » Như vậy biểu-hiệu về đức-tin đến Đấng Christ không tách khỏi « Lời » như đã nói trên. Hình-bóng và lời đã thay-đổi nhưng về tinh-túy, điều-kiện để ở trong Đấng Christ vẫn là phải vâng-phục lời Ngài.

Trước khi đi sâu vào điều-kiện để được kết-quả, Chúa Jêsus lại biểu-lộ lời bất-bình của Ngài đối với những nhánh cây không có sự sống, những nhánh đã bị « ném ra ngoài », « khô đi », và « cháy. » Không nên đây ý này đến chỗ phải nêu lên vấn-đề hư - mất của những linh-hồn đã từng liên-hiệp với Đấng Christ. Ở đây, ta chú-trọng đến sự phục-vụ hơn là sự cứu-rỗi. Tuy-nhiên, những lời ấy không phải là không hàm-chứa một ý-nghĩa nghiêm-trọng về một điều cần-thiết tuyệt-đối ấy là phải luôn luôn thật sự liên-hiệp với Đấng Christ.

Sự liên-hiệp ấy, nếu là do sự đầu-phục ý-chỉ của Đấng Christ, chắc-chắn sẽ đem lại kết-quả: « Vì bằng các ngươi cứ ở trong ta và những lời ta trong họ, hãy cầu-xin mọi điều mình muốn thì sẽ được. » Ở đây một yếu-tố mới được đem vào ấy là sự cầu-nguyện, nhưng đây là một tương-giao sinh-động. Kẻ nào đã từng suy-nghiệm lời Ngài, kẻ nào đã được Thần-Linh Ngài ngự-trị hướng-dẫn, sẽ tiến đến chỗ cầu-nguyện cho công-việc Ngài được thành-công trong đời sống mình và trong thế-gian. Vì nguồn-gốc của sự cầu-nguyện là thể nên quyền-năng của nó thật là vô-hạn. Phải có kết-quả là sự sai trái, Đức Chúa Trời sẽ được tôn-vinh và kẻ tin chừng-tỏ mình là môn-đồ thật. Câu 8.

Đến đây Chúa Jêsus vẫn nài - khuyên các tín-đồ cứ ở trong Ngài, nhưng hình-ảnh hơi đổi khác một chút. Ngài nói rằng họ phải ở trong sự yêu-thương Ngài. Như vậy một lần nữa Ngài nhấn mạnh yếu-tố vàng-phục, một đặc-điểm của đức-tin. Nhờ vàng-phục ta mới có thể biết, nhận, và ở trong tình yêu của Đấng Christ: « Nếu các ngươi vàng-giữ các điều-răn của ta, thì sẽ ở trong sự yêu-thương ta. » Nhờ đó chắc-chắn cây sẽ có quả, tình yêu này cũng như ánh mặt trời làm cho quả chín. Ở đây Chúa Jêsus nhấn mạnh đặc-biệt vào kết-quả « vui-mừng » « ta nói cùng các ngươi những điều đó... hầu cho sự vui-mừng các ngươi được trọn- vẹn. » Câu 11.

Biết bao lần ta đã bị cám-dỗ mà tin rằng tội-lỗi sẽ đem lại hạnh-phúc! Sự vui-mừng là bông hoa của công-nghĩa, đó là quả luôn luôn và duy-nhứt của sự vàng-phục Đấng

Christ, do cảm biết tình yêu của Ngài.

Sau hết Chúa Jêsus tập-trung mọi điều-răn của Ngài trong một luật tình yêu : « Điều-răn của ta đây này, các người hãy yêu nhau, cũng như ta đã yêu các người. » Câu 12. Ngài bày-tỏ tình yêu ấy bởi sự hy-sinh chính mình Ngài là việc sẽ hoàn-tất ngày hôm sau trên thập-tự-giá, bởi tình ban thiên-thượng khiến Ngài thổ-lộ mọi kế-hoạch và mục-đích ân-diên cho các môn-đồ mình, và bởi công-tác mà Ngài đã gọi họ làm, công-tác này gồm việc bày-tỏ những đức-tình chơn-thật và cứu-rỗi những linh-hồn bất-diệt là việc sẽ được hoàn-tất bằng việc cầu-nguyện trong danh thánh của Ngài. Có lẽ có đôi người trong vòng những kẻ theo Chúa tự hỏi tại sao mình không kết-quả. Những người ấy cần lời phán này của Chúa : « Ta truyền cho các người điều-răn đó đặng các người yêu-mến lẫn nhau. »

c. Sự thù-ghét của thế-gian và công-việc của Thánh-Linh

Đoạn 15 : 18 — 16 : 15

Sau những lời khuyến-giục từ-ái trong ví-dụ về « cây nho thật », Chúa Jêsus phán cùng các môn-đồ một lời cảnh-cáo và khích-lệ. Mặc-dẫu các môn-đồ đã mang những quả tốt-đẹp của tâm-tình Đấng Christ để rao-truyền sự sống đời đời, thế-gian vẫn tìm cách giết họ. Trong cơn bắt-bớ, nguy-biến, họ sẽ được Đức Thánh-Linh phù-trợ. Đức Thánh-Linh sẽ chiến-thắng tinh-thần thế-tục và mặc-khải chân-lý đầy-đủ hơn cho các môn-đồ. Đó là nội-động của đoàn này. Những tư-tưởng của nó tập-trung vào những chân-lý vĩ-dại của Phước-âm này. Nó làm chứng cho Phạm-vị của Đấng Christ trong những lời Ngài chứng-tỏ mình bình-đẳng với Đức Chúa Cha và Đức Thánh-Linh ; nó nói về sự phát-triển của đức-tin và chứa-đựng một lời quở-trách long-trong đối với sự vô-tin ; nhưng nó đặc-biệt nói về cuộc sống làm chứng cho Đấng Christ của những tín-đồ Ngài. Các môn-đồ vừa được khuyến-giục cứ ở trong Đấng Christ để sinh trái, ở đây họ lại được khích-lệ vì Ngài bảo-đảm rằng, mặc dẫu bị thế-gian thù-ghét, họ vẫn cứ sản-xuất nhiều quả nhờ làm chứng cho Chúa với quyền-năng Đức Thánh-Linh ngự trong họ.

(1) Sự thù-ghét của thế-gian

Đoạn 15 : 18 - 16 : 6

« 18 Vì bằng người đời ghét các người, thì hãy biết rằng họ đã ghét ta trước các người. 19 Nếu các người thuộc về thế-gian, thì người đời sẽ yêu kẻ thuộc về mình; nhưng vì các người không thuộc về thế-gian và ta đã lựa-chọn các người giữa thế-gian, bởi cơ đó người đời ghét các người, 20 Hãy nhớ lời ta đã nói cùng các người: Đầy-tớ chẳng lớn hơn chủ mình. Nếu họ đã bắt-bớ ta, ắt cũng bắt-bớ các người; bằng họ đã giữ lời ta, ắt cũng giữ lời các người. 21 Nhưng vì danh ta họ sẽ lấy mọi điều đó dãi các người, bởi họ không biết Đấng đã sai ta đến. 22 Nếu ta không đến và không phán-dạy họ, thì họ chẳng có tội-lỗi gì; song bây giờ họ không có thể chữa-chối được tội-lỗi mình. 23 Kẻ nào ghét ta cũng ghét Cha ta nữa. 24 Vì thử ta không làm giữa họ những việc mà chưa có người khác làm, thì họ vô-tội, nhưng bây giờ họ đã thấy các việc ấy, và lại ghét ta cùng Cha ta. 25 Dường ấy, để cho ứng-nghịem lời đã chép trong luật-pháp họ rằng: Họ ghét ta vô-cớ 26 Khi nào Đấng Yên-úi sẽ đến, là Đấng ta sẽ bởi Cha sai xuống, tức là Thần lễ thật ra từ Cha, ấy chính Ngài sẽ làm chứng về ta. 27 Còn các người cũng sẽ làm chứng về ta, vì các người đã ở cùng ta từ lúc ban đầu vậy.

1 Ta bảo các người những điều đó, để cho các người khỏi vấp-phạm, 2 Họ sẽ đuổi các người ra khỏi nhà hội; và lại, giờ đến, khi ai giết các người, tưởng rằng thế là hầu việc Đức Chúa Trời. 3 Họ sẽ làm đều đó, vì không biết Cha, cũng không biết ta nữa. 4 Nhưng ta đã bảo những điều đó cho các người, để khi giờ sẽ đến, các người nhớ lại rằng ta đã nói những điều đó rồi. Từ lúc ban đầu ta chưa nói cho các người, vì ta dương ở cùng các người. 5 Hiện nay ta về cùng Đấng đã sai ta đến, và trong các người chẳng một ai hỏi ta rằng: Thầy đi đâu? 6 Nhưng vì ta đã nói những điều đó cho các người, thì lòng các người chứa-chan sự phiền-não.»

Sự thù - ghét của thế - gian tương - phản với lòng yêu-thương của các tín-đồ mà Chúa Jê-sus vừa nói. Trong một đoàn-thê Cơ-đốc-giáo, và bất-cứ nơi nào Đấng Christ được yêu-mến, thì những kẻ theo Ngài cũng sẽ không bị ghen-ghét; nhưng ta không thể trông-đợi gì nơi những kẻ khước-từ Đấng Christ và Lời Ngài, ngoài ra sự thù-nghịch, bắt-bớ, giết-chóc. Tội-tờ cũng sẽ bị ghét như Chủ và chỉ vì có Chủ.

Người ta ghen-ghét họ vì người ta không biết Đức Chúa Trời, vì người ta quan-niệm sai-lục bản-tính và ý-muốn của Ngài : « Và lại, giờ đến, khi ai ghét các người, tưởng rằng thế là hầu việc Đức Chúa Trời », lại cũng vì người ta cố ý, ương-ngạnh, không chịu biết Ngài, và vì cứ người ta ghét Ngài khi thấy Ngài được minh-khải trong Đấng Christ. Bằng-chứng rõ-ràng của lời phán và công-việc của Đấng Christ chỉ càng nghiêm-trọng hóa tội-lỗi của họ : Nếu ta không đến và không phán-dạy họ thì họ không có tội-lỗi gì; song bây giờ họ không có thể chữa-chối được tội-lỗi mình. Kẻ nào ghét ta cũng ghét Cha ta nữa. Vì thử ta không làm giữa họ những việc mà chưa có người khác làm, thì họ vô-tội, nhưng bây giờ họ đã thấy các việc ấy và lại ghét ta cùng Cha ta. » Không có phần nào trong sách Giảng mô-tả rõ-ràng hơn phần này về tính-cách tội-lỗi của vô-tin, nguy-cơ cho sự chối-bỏ Đấng Christ, vì nếu chối lời Ngài và không chịu làm môn-đồ Ngài tức là ghét Đức Chúa Trời và tự định tội cho linh-hồn mình.

(2) Công-tác của Đức Thánh-Linh

Đoạn 16 : 7-15

« 7 Dầu vậy, ta nói thật cùng các người : Ta đi là ích-lợi cho các người ; vì nếu ta không đi, Đấng Yên-ủi sẽ không đến cùng các người đâu ; song nếu ta đi, thì ta sẽ sai Ngài đến. 8 Khi Ngài đến thì sẽ khiến thế-gian tự-cáo về tội-lỗi, về sự công-bình và về sự phán-xét. 9 Về tội-lỗi, vì họ không tin ta ; 10 về sự công-bình, vì ta đi đến cùng Cha, và các người chẳng thấy ta nữa ;

¹¹ về sự phán-xét, vì vua-chúa thế-gian này đã bị đoán-xét.

¹² Ta còn có nhiều chuyện nói với các người nữa ; nhưng bây giờ những điều đó cao quá sức các người ¹³ Lúc nào Thần lễ thật sẽ đến, thì Ngài dẫn các người vào mọi lễ thật ; vì Ngài không nói tự mình, nhưng nói mọi điều mình đã nghe, và tỏ-bày cho các người những sự sẽ đến. ¹⁴ Ấy chính Ngài sẽ làm sáng danh ta, vì Ngài sẽ lấy điều thuộc về ta mà rao-báo cho các người. ¹⁵ Mọi sự Cha có, đều là của ta ; nên ta nói rằng Ngài sẽ lấy điều thuộc về ta mà rao-báo cho các người vậy. »

Công-tác của Đức Thánh-Linh được đề-cập nhiều lần trong Phưóc-âm này, nhưng ta thấy trong mấy đoạn nói về Đấng Yên-ủi trước đây, nhưng không có phần nào trong thiên kỹ-thuật, có thể là trong cả Kinh-thánh, nói rõ về công-tác của Ngài bằng khúc sách này.

Chúa Jêsus đã phán cùng các môn-đồ rằng Ngài sắp đi về cùng Cha, Ngài muốn họ hỏi Ngài nhiều hơn về cuộc ra đi này : « Trong các người chẳng một ai hỏi ta rằng : Thầy đi đâu ? » Phi-e-rơ có hỏi, nhưng ông lại nghĩ một cách khác, về một hành-trình gian-nguy trên đất ; nhưng các môn-đồ khác chỉ nghĩ đến nỗi buồn của cuộc biệt-ly sắp tới. Bây giờ Chúa lại hứa chắc với họ rằng ; mất sự hiện-diện của thân-thể Ngài, họ lại được bù-đắp bằng sự hiện đến của Thánh-Linh. Ngài không có ý nói rằng lúc ấy chưa có Đức Thánh-Linh, hay là Đức Thánh-Linh chưa từng ở trên thế-gian, nhưng ấy là sau khi Chúa Jêsus chết, sống lại và thăng-thiên, Thánh-Linh sẽ khai-mạc một công-tác kỳ-diệu, độc-đáo đến nỗi có thể gọi bằng một hình-ảnh ý-nghĩa là Ngài « đến » hay « được Cha sai đến. » Yếu-tính của công-tác này là giúp cho môn-đồ biết đầy-đủ về Phầm-vị và công-tác của Chúa Jêsus : « Ngài sẽ làm sáng danh ta », và dùng các môn-đồ để giúp thế-gian biết Chúa Jêsus : Ngài sẽ làm chứng về ta ; và các người sẽ làm chứng. » Chúa Jêsus trước hết nhấn mạnh công-tác Thánh-Linh nhờ các môn-đồ làm trong thế-gian, đoạn 16 : 8-11, trước khi Ngài đề-cập đến công-tác của Thánh-Linh trong lòng các môn-

đồ. Câu 12-15.

Trong Thế-gian

Câu 7-11

Ở đây Chúa không nhắc đến các môn-đồ nữa ; nhưng tất cả tư-tưởng đều tập-trung vào sứ-mạng của Đấng Yên-ủi. Tuy vậy, họ vẫn là dụng-cụ cho Ngài làm việc, họ sẽ làm chứng bởi quyền-năng Ngài, họ sẽ là ống loa phát thanh lời Ngài. Thật ra, những câu này chỉ nói về kết-quả của sự làm chứng cho Đấng Christ do các môn-đồ làm dưới quyền-năng của Thánh-Linh. Ngài sẽ chứng-minh, sẽ thuyết-phục, hay « khiến tự-cáo » bằng cách trưng bằng-chứng ra : « Ngài... sẽ khiến thế-gian tự cáo về tội-lỗi, về sự công-bình và về sự phán-xét. »

(a) « Về tội-lỗi, vì họ không tin ta », câu này không có nghĩa rằng vô-tin là một tội-lỗi, dĩ-nhiên là điều đó đúng, nhưng ý của câu này là Đức Thánh-Linh sẽ kết án thế-gian tội-lỗi vì lý-do vởi bằng-chứng là họ chối-bỏ Đấng Christ. Đây không tin Đấng Christ là một tội-lỗi ; nhưng chân-lý ở đây là sự chối-bỏ Đấng Christ chứng-tỏ một người là tội-nhơn. Đấng Christ là thánh-thiên, thuần-khiết, nếu khước-từ Ngài thì sự kết-án mình là chống-đối sự thánh-thiện, thuần-khiết và yêu-thương. Đấng Christ trở thành một Viên Đá thí-nghiệm tâm-tinh khi Ngài được rao-giảng ra.

(b) « Về sự công-bình, vì ta đã đến cùng Cha ; và các người chẳng thấy ta nữa », nghĩa là sự sống lại và thăng-thiên của Ngài chứng-tỏ Ngài là người công-bình và tất cả lời tuyên-bố về thần-tinh Ngài đều là chơn-thật. Sự sống lại và sự thăng-thiên của Chúa Jê-sus vẫn là bằng-cớ để Đức Thánh-Linh thuyết-phục loài người rằng Jê-sus là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời.

(c) « Về sự phán-xét, vì vua chúa thế-gian này đã bị đoán-xét. » Sự phán-xét cá-biệt nói ở đây là sự phán-xét Ma-quỉ. Nó tập-trung mọi lực-lượng tại thập-tự-giá, để rồi tại đây nó đã ném mùi thất-bại vĩnh-viễn. Số-phận của nó đã định-đoạt và án của nó đã kêu ròi. Mỗi lần

Đấng Christ được truyền-giảng với quyền-năng của Thánh-linh là một lần Sa-tan bị thua nữa, và mỗi linh-hồn được cứu sẽ là một chứng-cớ mới về cuộc « phán-xét » nó.

Như vậy, ở đây chúng ta thấy có tội-lỗi của thế gian, sự công-bình của Chúa Jêsus, sự phán-xét Sa-tan tất cả những điều ấy đều được Đức Thánh-Linh chứng-minh với những bằng-cớ như sự chối-bỏ Chúa Jêsus, sự sống lại của Ngài, và sự khải-hoàn của Ngài trên cây thập-tự. Những sự-kiện ấy nếu được các nhơn-chứng trình-bày trong quyền-năng Thánh-Linh, chắc sẽ thuyết-phục được thế-gian. Lời hứa ấy được ứng-nghiệm cách kỳ-diệu trong ngày lễ Ngũ-tuần, khi Phi-e-rơ « được đầy-dẫy Đức Thánh-Linh » trình-bày những chứng-cớ ấy, ba ngàn người đã được thuyết-phục và được cứu. Ngày nay cũng vậy, Đức Thánh-Linh chỉ hoàn-thành được công-tác cứu-rỗi lớn, khi nào các nhơn-chứng trung-thành làm chứng về một Đấng Christ thiên-thượng đã bị đóng đinh, sống lại và thăng-thiên.

Trong lòng các tin-dõ.

Câu 12 - 15

Điều này đã có đề-cập đến rồi. Nó được tóm-tắt trong lời nhơn-từ này của Đấng Christ, « Ta có nhiều chuyện nói với các ngươi nữa, nhưng bây giờ những điều đó cao quá sức các ngươi. » Trước khi Chúa Jêsus chết và sống lại vẫn còn gặp nhiều thực-sự thặng-đầy mà các môn-đồ không thể nào hiểu nổi : « Lúc nào Thần lễ-thật sẽ đến thì Ngài dẫn các ngươi vào mọi lẽ-thật ; vì Ngài không nói tự mình, nhưng nói mọi điều mình đã nghe, và tỏ-bày cho các ngươi những sự sẽ đến. Ấy chính Ngài sẽ làm sáng danh ta, vì Ngài sẽ lấy điều thuộc về ta mà rao-báo cho các ngươi. Mọi sự Cha có đều là của ta. » Như vậy nhiệm-vụ của Đấng Yên-ủi là mặc-khải cho các tin-dõ biết sự phong-phú trong Christ-Jêsus cùng những thực-sự về Phẩm-vị và công-tác thiên-thượng của Ngài và làm cho ý-nghĩa của những thực-sự ấy trở nên sáng tỏ, linh-động. Ở đây không nói về ảnh-hưởng thánh-hóa của Ngài trong cuộc sống và tâm-tinh, nhưng ta chỉ quan-tâm đến công-

việc làm chứng cho Đấng Christ, và ta cần nhớ rằng muốn chuẩn-bị để phục-vụ như vậy ta cần được Thánh-Linh của chơn-lý soi sáng và hướng-dẫn.

d. Lời giải-tú khích-lệ

Đoạn 16 : 16-33

16 Còn ít lâu các người sẽ chẳng thấy ta ; rồi ít lâu nữa các người lại thấy ta, vì ta đi về cùng Cha. 17 Bây giờ, một vài môn-dồ nói với nhau rằng : Ngài dạy : Còn ít lâu các người sẽ chẳng thấy ta ; rồi ít lâu nữa các người lại thấy ta ; và rằng : Vì ta về cùng Cha ; thế là làm sao ? 18 Vậy, môn-dồ nói rằng, Ngài nói : ít lâu, là nghĩa gì ? Chúng ta không hiểu Ngài nói về việc chi.

19 Đức Chúa Jêsus hiểu ý môn-dồ muốn hỏi, bèn phán rằng : Ta vừa nói : Còn ít lâu các người sẽ chẳng thấy ta ; rồi ít lâu nữa các người lại thấy ta ; các người đương hỏi nhau về nghĩa câu ấy đó chi. 20 Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, các người sẽ khóc-lóc, than-vân, còn người đời sẽ mừng-rỡ ; các người sẽ ở trong sự lo-buồn, nhưng sự lo buồn các người sẽ đổi làm vui-vẻ. 21 Người đời-bà, lúc sanh-đẻ thì đau-dớn, vì giờ mình đến rồi ; song khi đứa con đã lọt lòng, người không còn nhớ sự khốn-khổ nữa, mừng rằng mình đã sanh ra một người trong thế-gian. 22 Kháe nào như các người hiện ở trong cơn đau-dớn, nhưng ta sẽ lại thấy các người, thì lòng các người vui-mừng, và chẳng ai cướp lấy sự vui-mừng các người được. 23 Trong ngày đó, các người không còn hỏi ta về điều chi nữa. Quả thật, quả thật, ta nói cùng các người, điều chi các người sẽ cầu-xin nơi Cha, thì Ngài sẽ nhơn-danh ta mà ban cho các người. 24 Đến bây giờ, các người chưa từng nhơn danh ta mà cầu-xin điều chi hết. Hãy cầu-xin đi, các người sẽ được, hầu cho sự vui-mừng các người được trọn-vẹn.

25 Ta đã dùng ví-dụ mà nói cho các người mọi điều đó. Giờ đến, là khi ta chẳng còn dùng ví-dụ mà nói cùng các người nữa, nhưng khi ấy ta sẽ nói rõ-

ràng về Cha cho các người. ²⁶ Trong ngày đó, các người sẽ nhưn danh ta mà cầu-xin, ta chẳng nói rằng ta vì các người sẽ cầu-xin Cha đâu; ²⁷ vì chính Cha yêu-thương các người, nhưn các người đã yêu-mến ta, và tin rằng ta từ nơi Cha mà đến. ²⁸ Ta ra từ Cha mà đến thế-gian; nay ta lia-bỏ thế-gian mà về cùng Cha.

²⁹ Các môn-đồ thưa rằng: Bây giờ thầy phán rõ-ràng, và không phán bằng lời ví-dụ. ³⁰ Bây giờ chúng tôi biết thầy thông-biết mọi điều, không cần phải có ai hỏi thầy; bởi đó nên chúng tôi tin thầy ra từ Đức Chúa Trời. ³¹ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Bây giờ các người tin chẳng? ³² Nay, giờ đến, đã đến rồi, là khi các người sẽ tản-lạc, ai đi đường nấy, và để ta lại một mình; nhưng ta không ở một mình, vì Cha ở cùng ta. ³³ Ta đã bảo các người những điều đó, hầu cho các người có lòng bình-yên trong ta. Các người sẽ có sự hoạn-nạn trong thế-gian, nhưng hãy cứ vững lòng, ta đã thắng thế-gian rồi!»

Bây giờ đã đến lúc phải nói ra những lời cuối-cùng. Giờ chia tay sắp đến. Chúa Jê-sus sẽ đi vào nơi phân-bộ và chết-chóc. Lễ tự-nhiên Ngài quay lại đề-tài về sự ra đi của Ngài, nhưng sứ-điệp au-úi cũng vẫn là nội-dung của sứ-điệp mà Ngài đã truyền-giảng. Ngài sắp đi xa, nhưng để khuyến-khích môn-đồ, Ngài quả-quyết với họ rằng Ngài cứ ở với họ bằng một hiện-diện vô-hình thường-trực. Khi Đức Thánh-Linh đến trong quyền-năng lễ Ngũ-tuần, các môn-đồ sẽ được hưởng mối tương-giao với Đấng Christ đầy-đủ hơn cả những ngày Ngài còn ở trên đất.

Thật ra, ở đây chúng ta vẫn còn liên-hệ với công-tác của Đức Thánh-Linh như những câu trước. Mỗi-giờ của Ngài, ơn-phước do Ngài đem lại là khởi-thủy và kết-cục của lời Chúa giảng-dạy trên « phòng cao. »

Như vậy, khi kết-luận bài giảng từ-giã Chúa Jê-sus dạy rằng: (1) Sự xuất-hiện thuộc-linh của Ngài qua mỗi-giờ của Đức Thánh-Linh sẽ đến tiếp sau khi Ngài chết: « Còn ít lâu các người sẽ chẳng thấy ta. » Ngày mai Ngài sẽ

chết. « Rồi ít lâu nữa các người lại thấy ta », không phải chỉ trong sự phục-sinh, mà còn trong một khái-tượng thuộc-linh rộng lớn hơn vào ngày Ngũ-tuần, và về sau nữa.

(2) Khi các môn-đồ thắc-mắc không hiểu lời hứa bí-ẩn bảo rằng Chúa ra đi để có thể hiện-diện với họ cách thực-tế hơn, thì Chúa lại xác-nhận với họ rằng, sự buồn-đau ly-cách tạm-thời do sự chết của Ngài gây nên sẽ được quên hết trong niềm vui của cuộc tái-ngộ thiêng-liêng vô-tận. « Các người hiện ở trong cơn đau-đớn, nhưng ta sẽ lại thấy các người, thì lòng các người vui-mừng và chẳng ai cướp lấy sự vui-mừng khỏi các người được. »

(3) Ảnh-hưởng của Đức Thánh-Linh sẽ giúp các môn-đồ hiểu biết thêm, như đã nói qua trong mấy câu 12-15. Họ không cần phải hỏi Chúa như bây giờ « trong ngày đó, các người không còn hỏi ta điều chi nữa. »

(4) Tuy-nhiên, họ sẽ cầu-nguyện với Cha trong danh Con : « Đến bây giờ, các người chưa từng nhen danh ta mà cầu-xin điều chi hết: Hãy cầu-xin đi, các người sẽ được, hầu cho sự vui-mừng các người được trọn- vẹn. » « Nhen danh ta » có nghĩa là vì có tất cả những gì về Ngài đã được mặc-khải ; sau ngày Ngũ-tuần Ngài đã được chứng-minh rõ-ràng Ngài là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời, là Cứu-Chúa thiên-thượng, vô-hình, đã sống lại và được tôn-vinh. Lời cầu-nguyện nhen danh Ngài chắc-chắn sẽ có kết-quả.

(5) Cuối-cùng Chúa Jê-sus đã dẹp hết lời nói bóng-bầy mà nói trắng ra về cuộc đời tiên-tại thiên-thượng của Ngài, sự nhập-thể, sự chết và sự sống lại của Ngài : « Ta ra từ Cha mà đến thế-gian, nay ta lìa-bỏ thế-gian mà về cùng Cha. » Cuối-cùng, các môn-đồ có vẻ hiểu, họ xác-nhận đức-tin của mình : « Bởi đó nên chúng tôi tin thầy ra từ Đức Chúa Trời. »

(6) Chúa Jê-sus đáp rằng đức-tin của họ sẽ bị thử-thách đau-đớn, và chưa thể chiến-thắng ngay từ đầu : « Nay, giờ đến, và đã đến rồi, là khi các người sẽ tản-lạc,

ai đi đường nấy, và để ta ở lại một mình. »

(7) Tuy-nhiên, vì đã được liên-hiệp với bởi đức-tin mạnh-mẽ và bởi quyền-năng Thánh-Linh, nên chẳng bao lâu họ sẽ bình-an và được cùng thầy chiến-thắng sự chống-đối và thù-ngịch của thế-gian.

Phần kết-thúc này hoàn-toàn phù-hợp với tôn-chỉ liên-tục của Giảng. Cũng như đoạn mười bốn trình-bày chứng-cớ về Phàm-vị Đấng Christ, đoạn mười lăm nhấn mạnh điều cần-thiết của một đức-tin sinh-động, nhờ đó kẻ tin có thể ở trong Ngài; cũng vậy đoạn này nói rộng hơn về cuộc sống phát-xuất từ đức-tin, một cuộc sống nhờ có Thánh-Linh của Chúa ngự vào mà có thể khiến cho sự hiện-diện của Ngài trở nên thực-hữu, gia-tăng kiến-thức về chơn-lý và tin - cậy trong sự cầu-nguyện, kích-thích chỉ can-trường, và đem lại niềm an-lạc trường-cửu.

3. Lời Cầu-nguyện Thay của Chúa Jêsus

Đoạn 17 : 1-26

« Không có một thanh-âm nào đã từng phát ra trên trời hoặc dưới đất đáng được tán-dương hơn, thánh-khiết hơn, kết - quả hơn, cao - cả hơn lời cầu-nguyện do chính Con Đức Chúa Trời dâng lên. » Đó là lời của Melancthon; và cũng là lời bình-phẩm của các thế-kỷ Cơ-đốc-giáo. Đoạn này làm nên « một mảnh quý-báu hơn hết của quá-khứ. » Theo các nhà bình-luận, ở đây chúng ta bước vào nơi chí-thánh của Tân-ước, vì ở đây chúng ta được một mặc-khải sâu-nhiệm nhứt về chính tấm lòng của Cứu-Chúa.

Đây mới thật là « Lời cầu-nguyện của Chúa. » Chúng ta thường dùng danh-từ ấy để chỉ công-thức cầu-nguyện mà Chúa dạy các môn-dò, tức là bài cầu-nguyện mở đầu với những chữ « Lạy Cha chúng con ở trên trời. » Nhưng nói cho sát nghĩa, thì đây mới là lời cầu - nguyện của Ngài, Ngài không thể dùng điều cầu-xin Ngài đã dạy cho các môn-dò Ngài, trong đó có lời cầu-xin tha tội; mà cũng chẳng có một môn-dò nào có thể cầu-nguyện được những

lời như lời này. Nếu chúng ta muốn có một biện-chứng vững chắc để chứng-minh thần-tinh của Đấng Christ, thì chỉ trong một đoạn này ta cũng đã có đủ. Thái-độ tự-tin tốt-bực của Đấng nói lời tuyên-bố của Ngài về quyền cai-quản hoàn-vũ, lời nói về sự thực-hữu từ trước của Ngài trong mối liên-hiệp sống với Đức Chúa Trời đời đời, khiến cho ta chỉ có thể giải-thích rằng hoặc là Ngài điên-khùng, phạm-thương hay Ngài là Đức Chúa Trời. Mặt khác, nếu ta không lưu-tâm tới lời chứng về thân-vị Đấng Christ, mà muốn tìm một giải-đáp cho vấn-đề mà Giảng hàng lưu-tâm, tức là cuộc sống xuất-phát từ đức-tin trong Đấng Christ, thì ở đây chúng ta có mấy điều khần-cầu do Con Đức Chúa Trời dâng lên vì những kẻ tin, khi họ đến cùng Ngài. Những điều ấy là gì, nếu không là những lời tiên-tri về ơn-phước và những lời hứa về đức-tin?

Chúa Jêsus cầu-xin được tôn-vinh

Câu 1-5

« ¹ Đức Chúa Jêsus phán như vậy, đoạn, ngược mắt lên trời mà rằng: Thưa Cha, giờ đã đến; xin làm vinh-hiến Con, hầu cho Con cũng làm vinh-hiến Cha, ² và nhưn quyền-phép Cha đã ban cho Con cai-trị loài xác-thịt, Con được ban sự sống đời đời cho những kẻ mà Cha đã giao-phó cho Con. ³ Và, sự sống đời đời là nhìn biết Cha, tức là Đức Chúa Trời có một và thật, cùng Jêsus-Christ, là Đấng Cha đã sai đến. ⁴ Con đã tôn-vinh Cha trên đất, làm xong công-việc Cha giao cho làm. ⁵ Cha ơi! bây giờ xin lấy sự vinh-hiến Con vốn có nơi Cha trước khi chưa có thể-gian mà làm vinh-hiến Con nơi chính mình Cha. »

Chúa Jêsus cầu-nguyện trước hết là cho chính mình, nhưng điều cầu-xin ấy rất xa với tinh-thần ích-kỷ. Ngài cầu - nguyện cho mình được tôn - vinh để Ngài có thể tôn-vinh Cha và do đó, ban « sự sống đời đời » cho những kẻ theo Ngài. « Thưa Cha, giờ đã đến, xin làm vinh-hiến Con, hầu cho Con cũng làm vinh-hiến Cha, và nhưn

quyền-phép Cha đã ban cho Con cai-trị loài xác-thịt, Con được ban sự sống đời đời cho những kẻ mà Cha đã giao-phò cho Con. »

« Giờ » chỉ về thời-gian Ngài chết và sống lại. Ngài đã cầu-nguyện lời này trong đêm thống-khổ chỉ cách mấy giờ trước cơn khổ-nạn của Ngài. Khi xin được tôn-vinh, Chúa Jê-sus có ý nói về thập-hình Ngài sẽ chịu, sự khải-hoan trên mộ-địa, sự thăng-thiên, trên hết là sự ban Đức Thánh-Linh xuống. « Tôn-vinh » một người nào làm cho người ấy được người ta biết tiếng. Chúa Jê-sus muốn được người ta biết chân-tính của mình, là Con Đức Chúa Trời, là Đấng Mê-si, là Cứu-Chúa của thế-gian. Tất cả những điều ấy sẽ được hiện-lộ trong « giờ » sắp đến, như là vào ngày lễ Ngũ-tuần và trong những gì biểu-hiện trong ơn ban của Đức Thánh - Linh. Ơn-tử ấy là một phúc-đáp của lời cầu-nguyện này. Vì Con được « vinh - hiển » nên Cha cũng sẽ được vinh-hiễn. Chưa bao giờ Đức Chúa Trời mặc-khải đầy-đủ về sự công-bình, yêu-thương, thánh-thiện và ơn-điền Ngài như trong giờ mà ta đương theo dõi đây.

Rồi nhờ sự mặc-khải ấy, những kẻ theo Ngài sẽ được sự sống ; vì « sự sống đời đời là nhìn biết Cha, tức là Đức Chúa Trời có một và thật, cùng Jê-sus-Christ là Đấng Cha đã sai đến. » « Biết » theo Phước-âm này, không phải chỉ là hành-vi của tâm-trí, vì theo nghĩa đó thì ma-qui cũng biết Đức Chúa Trời ; nhưng nó chỉ về tình yêu, sự vâng-phục, dấn-tận, một đáp-ứng trọn-thể thực-tại. Như vậy, khi biết được Đức Chúa Trời như đã mặc-khải trong Con Ngài, thì có sự sống đời đời. Do đó sự sống này không phải chỉ ở trong tương-lai, nhưng cũng là một kinh-nghiệm hiện-tại. Nó chỉ về sự trường-tồn, nhưng cũng chỉ về ơn-phước thiên-quốc. Sở-dĩ Ngài cầu-xin điều này là vì Ngài đã hoàn-tất nhiệm-vụ trên đất : « Con đã làm xong công-việc Cha giao cho làm. » Sự hy-sinh tối-cao đối với Ngài dường như đã làm xong. Công-việc Ngài đã hoàn-tất, bởi đó Ngài có thể cầu-nguyện : « Bây giờ xin lấy sự vinh-hiễn Con vốn có nơi Cha trước khi chưa có thế-gian. »

Trong chúng ta, số người đứng trước bóng tử-thần

mà cảm-biết cuộc sống mình đã đầy-dủ, sống-tác của mình đã hoàn-tất, thật là biết bao ! Đường như có hàng bao nhiêu là khởi-công, bao nhiêu là thất-bại, bao nhiêu là cố-gắng vô-ích. Nhưng một khi đã làm theo ý-muốn của Đức Chúa Trời, thì đường biểu-diện của cuộc sống không nhứt-thiết phải là một đường gãy. Có khi ta thấy nhiều điều có vẻ kém-cỏi : chỉ có ba năm chức-vụ, chỉ chữa lành mấy người bệnh, chỉ giảng được mấy bài giảng, chỉ thu- nạp được mười một môn-dõ, không viết được quyển sách nào, không thành-lập được tổ-chức nào, thế mà công-việc có thể là đã hoàn-tất, ta không cần phải kéo dài thêm nữa, chỉ còn có thập-tự, rồi đến vinh-hiền.

Chúa Jêsus cầu-nguyện cho các môn-dõ

Câu 6-19

« 6 Con đã tỏ danh Cha ra cho những người Cha giao cho Con từ giữa thế-gian; họ vốn thuộc về Cha, Cha giao họ cho Con, và họ đã giữ lời Cha. 7 Hiện nay họ đã biết rằng mọi sự Cha đã giao cho Con đều là từ Cha mà đến. 8 Vì Con đã truyền cho họ những lời Cha đã truyền cho Con, và họ đã nhận lấy; nhìn biết quả thật rằng Con đến từ nơi Cha, và tin rằng ấy là Cha sai Con đến. 9 Con vì họ mà cầu - nguyện, chẳng phải vì thế - gian mà cầu-nguyện, nhưng vì kẻ Cha đã giao cho Con, bởi chưng họ thuộc về Cha. 10 Phàm mọi điều thuộc về Con tức là thuộc về Cha, mọi điều thuộc về Cha tức là thuộc về Con, và Con nhờ họ được tôn-vinh. 11 Con không ở thế-gian nữa, nhưng họ còn ở thế-gian, và Con về cùng Cha. Lạy Cha thánh, xin gìn-giữ họ trong danh Cha, là danh Cha đã ban cho Con, để họ cũng hiệp làm một như chúng ta vậy. 12 Đang khi Con còn ở với họ, Con gìn-giữ họ trong danh Cha, là danh Cha đã ban cho Con. Con đã gìn-giữ họ, trừ đũa con của sự hư-mất ra, thì trong đám họ không một người nào bị thất-lạc, hầu cho lời Kinh-thánh được ứng-nghiệm. 13 Nhưng bây giờ Con về cùng Cha, và đương khi còn ở thế-gian, Con nói những điều đó, hầu cho trong lòng họ được đầy-dẫy sự vui-mừng của Con. 14 Con đã truyền lời Cha

cho họ, và thế-gian ghen-ghét họ, vì họ không thuộc về thế-gian, cũng như Con không thuộc về thế-gian vậy. ¹⁵ Con chẳng cầu Cha cất họ khỏi thế-gian, nhưng xin Cha gìn-giữ họ cho khỏi điều ác. ¹⁶ Họ không thuộc về thế-gian, cũng như Con không thuộc về thế-gian. ¹⁷ Xin Cha lấy lễ thật khiến họ nên thánh; lời Cha tức là lễ thật. ¹⁸ Như Cha đã sai Con trong thế-gian, thì Con cũng sai họ trong thế-gian. ¹⁹ Con vì họ tự-nam nên thánh, hầu cho họ cũng nhờ lễ thật mà được lên thánh vậy. »

Kể đó, Chúa cầu-nguyện cho các môn-đồ liên-lạc trực-tiếp với Ngài, là số « mười hai người » đã từng ở với Ngài. Nhưng những lời diễn-tả đầu-tiên có một ý-nghĩa và sứ-điệp cho mọi kẻ tự nhận mình là môn-đồ Ngài: « Những người Cha giao cho Con » « họ đã giữ lời Cha » « những lời Cha truyền cho Con, họ đã nhận lấy », « họ tin rằng ấy là Cha sai Con đến. »

Chúa Jêsus cầu-nguyện cho những người ấy: « Con vì họ mà cầu-nguyện, chẳng phải vì thế-gian mà cầu-nguyện. » Ngài không có ý nói rằng Ngài không hề cầu-nguyện cho thế-gian, hoặc không muốn chúng ta cầu-nguyện thế. Nhưng nhờ cơ-hội tối-cao này, Ngài muốn xin cho những kẻ theo Ngài mấy điều.

Ngài cầu-xin hai điều. Thứ nhất Ngài cầu-nguyện cho họ thoát khỏi sự gian-ác. Trong thời-kỳ hành-chức tại-thế, Chúa Jêsus giữ-gìn các môn-đồ Ngài, nhưng bây giờ Ngài sắp lìa họ. Thế-gian sẽ ghét họ. Bởi vậy Ngài trao họ cho sự săn-sóc của Cha. Ngài không cầu-nguyện cho họ được cất khỏi thế-gian cũng như Ngài sắp từ-giã thế-gian. Ngài không xin cho họ thoát khỏi buồn-rầu, đau-dồn và cảm-đổ, nhưng khỏi bị-quan, thất-vọng, tội-lỗi. « Con chẳng cầu Cha cất họ khỏi thế-gian, nhưng xin Cha gìn-giữ họ khỏi điều ác. »

Họ được bảo-vệ hữu-hiệu là nhờ trung-gian của Thánh-Linh Ngài, mà cũng nhờ khí-cụ của chơn-lý về Cha Ngài nữa. « Đang khi Con còn ở với họ, Con gìn-giữ họ trong danh Cha », nghĩa là trong những điều

biết được về Đức Chúa Trời, trong những điều Chúa Jêsus mặc-khải về Cha Ngài, chính nhờ những điều đó mà họ được gìn-giữ sự sống khi Ngài đi rồi. «Lạy Cha thánh, xin gìn-giữ họ trước danh Cha, là danh Cha đã ban cho Con.»

Thứ hai, Chúa Jêsus cầu-nguyện cho các môn-đệ được thánh-hóa. Ở đây không nói đặc-biệt về sự thanh-khiết, hay vấn-đề phân-ly khỏi tội-lỗi. Đó là nội-dung của lời cầu thứ nhất. Đúng hơn, đây là lời cầu-xin cho được biệt riêng ra để phục-vụ, đặc-biệt là để làm chứng cho chơn-ly. Thật ra đó là một lời cầu-nguyện hiển-dạng những sứ-giã chọn-lọc của Ngài cho sứ-mạng đã ấn-định. «Xin Cha lạy» lẽ thật khiến họ nên thánh, lời Cha tức là lẽ-thật.» Những điều mà Đấng Christ đã mặc-khải về Cha, «chơn-ly mà Ngài đã giải-bày, chẳng những là dụng-cụ để dang hiển họ, mà cũng là địa-hạt phục-vụ của họ nữa. Do đó, Chúa Jêsus thêm rằng: «Như Cha đã sai Con trong thế-gian, thì Con cũng sai họ trong thế-gian», nghĩa là để làm sứ-giã cho Ngài, để chứng-thực cho «chơn-ly.»

Chúa Jêsus cầu-nguyện cho Hội-thánh Ngài

Câu 20 - 26

«²⁰ Ấy chẳng những vì họ mà Con cầu-xin thôi đâu, nhưng cũng vì kẻ sẽ nghe lời họ mà tin đến Con nữa. ²¹ Để cho ai nấy hiệp làm một, như Cha ở trong Con, và Con ở trong Cha; lại để cho họ cũng ở trong chúng ta, dạng thế-gian tin rằng chính Cha đã sai Con đến. ²² Con đã ban cho họ sự vinh-hiền mà Cha đã ban cho Con, để hiệp làm một cũng như chúng ta vẫn là một; ²³ Con ở trong họ và Cha ở trong Con, để cho họ toàn-vẹn hiệp làm một, và cho thế-gian biết chính Cha đã sai Con đến, và Cha đã yêu-thương họ cũng như Cha đã yêu-thương Con. ²⁴ Cha ơi, Con muốn Con ở đâu thì những kẻ Cha đã giao cho Con cũng ở đó với Con, để họ ngắm xem sự vinh-hiền của Con, là vinh-hiền Cha đã ban cho Con, vì Cha đã yêu Con trước khi sáng-thế. ²⁵ Hỡi Cha công-bình, thế-gian chẳng từng nhận biết Cha;

song Con đã nhận biết Cha, và những kẻ này nhận rằng chính Cha đã sai Con đến. ²⁶ Con đã tỏ danh Cha ra cho họ, Con lại sẽ tỏ ra nữa, để cho tình yêu-thương của Cha dùng yêu - thương Con ở trong họ, và chính mình Con cũng ở trong họ nữa. »

Sau khi đã cầu-nguyện cho chính mình và các môn-đồ, bây giờ Chúa Jêsus cầu-nguyện cho tất cả những kẻ tin Ngài « để cho ai nấy hiệp làm một », để cuối-cùng họ được ở với Ngài trong vinh-hiền thiên-đường. Điều cầu-xin thứ nhất, là cho những kẻ tin Ngài được hiệp-nhất. Điều này rất khác xa, và muốn phần kỳ-diệu hơn sự « thống-nhất giáo-hội », « liên-hiệp tổ-chức », hay là một « Co-đốc-giáo thống-nhất », mà người ta thường cho là Chúa có ý nói đến. Lời cầu-xin ấy nói về sự hiệp-nhất thuộc-linh, sự hiệp-nhất này chắc có hiệu-lộ ra cách hữu-hình, nhưng bản-chất của nó vẫn là một liên-hiệp với Đấng Christ, và liên-hiệp với Đức Chúa Trời qua Ngài. Chúa Jêsus cầu-nguyện « để cho họ cũng ở trong chúng ta. » Lời cầu-nguyện được phúc-đáp lần đầu-tiên vào ngày lễ Ngũ-tuần, khi các tín-đồ nhờ Đức Thánh-Linh « được làm báp-têm để thành một thân-thể. » Phao-lô không còn cầu-nguyện cho sự « thống-nhất giáo-hội », nhưng quả-quyết rằng sự thống-nhất ấy đã có rồi. Đến bây giờ vẫn chỉ « có một thân-thể » gồm những kẻ hiệp-nhất với Đấng Christ cũng như chỉ có « một Thánh-Linh... một hy-vọng... một Chúa, một đức-tin, một lễ báp-têm, một Đức Chúa Trời và Cha của mọi người. »

Tuy-nhiên, còn một điều của lời cầu-xin này cần phải được ứng-nghiệm, và chúng ta phải hoạt-động, cầu-nguyện cho điều ấy. Sự hiệp-nhất thiêng-liêng ấy phải được thể-hiện, thể-hiện một cách rõ-ràng để làm một biến-chứng hùng-hồn cho sự-mạng thiên-thượng của Đấng Christ « đấng thế-gian tin rằng chính Cha đã sai Con đến. » Điều đó được thành-hình cách nào, không một ai trong thời-đại tri-thức kém-cỏi này đủ khôn-ngoaan để phỏng-đoán. Có rất ít hy-vọng, có lẽ là một ước-vọng viên-vông, có thể thống-nhất tổ-chức, đồng-nhất sự thờ-phượng, hợp-nhất tin-diệu, lại càng không thể được nếu phải cưỡng-bách, hoặc phải hy-sinh niềm xác-tin của mình. Tuy

nhiên, mỗi tín-dồ có thể làm được nhiều điều: trước hết nhìn-nhận và hành-động trong mỗi liên-hiệp thực-hữu và linh-động, kể mình là chi-thể trong một thân-thể duy-nhất của Đấng Christ, dầu ta ở trong « Hội-thánh » hay « đoàn-thể » nào cũng vậy. Thứ hai, nên nhớ rằng sự liên-hiệp của Cơ-đốc đồ phải đi sau sự hiểu biết Đấng Christ và chọn-lý mà Ngài mặc - khải. Thứ ba, biểu-lộ tinh-yêu, sự chịu-đựng, dịu-dàng, nhu-mỉ, kiên-nhẫn là trái của Thánh-Linh, nhìn theo sự dẫn-dắt của Thánh-Linh hướng chúng ta đến chỗ thực-hiện một cuộc hợp-nhất mà thế-giới hư-mất đương chờ-đợi.

Chắc-chắn sẽ có lúc hoàn-thành được cuộc hợp-nhất ấy, « khi nào Đấng Christ, sự sống của chúng ta hiện ra, anh em cũng sẽ hiện ra với Ngài trong vinh-hiễn. » Lời cầu-xin cho « vinh-hiễn » tương-lai của Hội-thánh là tột-điểm của lời cầu-nguyện của Chúa Jêsus: « Cha ơi, Con muốn Con ở đâu thì những kẻ Cha đã giao cho Con cũng ở đó với Con, để họ ngắm xem sự vinh-hiễn của Con, là vinh-hiễn Cha đã ban cho Con. » Dĩ-nhiên nay các tín-dồ cũng đã được vinh-hiễn rồi: « Con đã ban cho họ sự vinh-hiễn mà Cha đã ban cho Con » vinh-hiễn được làm Con Đức Chúa Trời, được hưởng sự sống đời đời, nhưng còn một phước lớn hơn vẫn để dành cho họ, ấy là được thấy một Đấng Christ, được dự-phần trong vinh-hiễn không tàn-phai mà Cha đã ban cho Con bởi tinh-yêu Ngài. Chúa Jêsus kêu-cầu vinh-hiễn đó để thêm đức-tin cho những kẻ theo Ngài, để tiếp-tục mặc-khải cho họ, để hiện-diện ~~thượng-tuyệt~~ với họ. Đây là câu cuối-cùng: « Con ở trong họ. » Đó là bảo-chứng và là điều-kiện để phúc-đáp cho lời cầu-thay trong đoạn này. Đấng Christ bởi Thánh-Linh Ngài ngự-trị trong kẻ tin là quyền-năng và môi-giới nhờ đó những kẻ tin Ngài sẽ được giữ-gìn khỏi tội-lỗi, được thánh-hóa để phục-vụ, được ban cho sự sống hiệp-nhất, và sẵn-sàng để được vinh-hiễn.

B. CHỪNG-CỜ TỐI-CAO

Đoạn 18 - 20

1. *Phản-bội và xét-xử.*

Đoạn 18 : 1-19 : 6

Khi ôn lại những cảnh cuối-cùng trong đời sống của Chúa, chúng ta thấy có một chứng-cờ nổi bật để làm chứng cho Phàm-vị thiên-thượng của Ngài, ấy là Ngài thắng được sự sợ-hãi, sự đau-đớn, và sự chết. Sự sống lại của Ngài cũng cho ta một hình-ảnh và lời hứa về cuộc sống rộng lớn hơn dành cho những kẻ theo Ngài. Nhưng chủ-đích của Giảng là kể lại câu chuyện đề trình-bày kết-cục của đức-tin và vô-tin.

Đức-tin biểu-lộ trong niềm vui tin-cậy của các môn-đồ và nhưt là lòng tin-tưởng của Thô-ma; vô-tin biểu-hiện trong sự giận-cường của người Do-thái, sự giận-cường ấy đã đẩy họ đến chỗ giết Chúa Jê-sus.

Tuy-nhiên, lòng vô-tin độc-ác ấy cũng có cả trong vòng gần-gũi của các môn-đồ, tại đây nó càng liện ra rõ-rệt hơn vì đối-chiếu với lòng từ-ái của Chúa Jê-sus, lại cũng có những cơ-hội để cho đức-tin phát-triển.

a. Bị phản và bị bắt

Đoạn 18 : 1 - 11

« 1 Sau khi phán những điều ấy, Đức Chúa Jê-sus đi với môn-đồ mình sang bên kia khe Xết-rôn; tại đó có một cái vườn. Ngài bèn vào, môn-đồ cũng vậy. Và, Giu-đa là kẻ phản Ngài, cũng biết chỗ này, vì Đức Chúa Jê-sus thường cùng môn-đồ nhóm-họp tại đó. 3 Vậy, Giu-đa lãnh một cơ-binh cùng những kẻ bội các thầy tế-lễ cả và người Pha-ri-si sai đến, cầm đèn-đuốc khi-giới vào nơi đó. 4 Đức Chúa Jê-sus biết mọi điều sẽ xảy đến cho mình, bèn bước tới mà hỏi rằng: Các người tìm ai? 5 Chúng trả lời rằng:

Tim Jêsus người Na-xa-rét. Đức Chúa Jêsus phán rằng: Chính ta đây! Giu-đa là kẻ phản Ngài cũng đứng đó với họ. « Vừa khi Đức Chúa Jêsus phán: Chính ta đây, chúng bèn thối-lui và té xuống đất. 7 Ngài lại hỏi một lần nữa: Các người tìm ai? Chúng trả lời rằng: Tim Jêsus người Na-xa-rét 8 Đức Chúa Jêsus lại phán: Ta đã nói với các người rằng chính ta đây; vậy nếu các người tìm bắt ta, thì hãy để cho những kẻ này đi. 9 Ấy để được ứng-nghịem lời Ngài đã phán: Con chẳng làm mất một người nào trong những kẻ mà Cha đã giao cho Con. 10 Bấy giờ, Si-môn Phi-e-rơ có một thanh gươm, bèn rút ra, đánh đảy-tớ của thầy cả thượng-phẩm, chém đứt tai bên hữu. Đảy-tớ đó tên là Man-chu. 11 Nhưng Đức Chúa Jêsus phán cùng Phi-e-rơ rằng: Hãy nạp gươm người vào vỏ; ta há chẳng uống chén mà Cha đã ban cho ta uống sao? »

Khi Giu-đa đi vào vườn Ghết-sê-ma-nê, nơi Chúa lui vào cầu-nguyện với các môn-đồ Ngài, thì hẳn không phải là một ác-quỉ đã mất hết nhơn-tính, cũng chẳng phải là một tên cuồng-tin ngây-dại xuẩn-động. Cả hai lối giải-thích cực-đoan sai-lầm trên đều do những học-giả hiện-dại chủ-trương. Thật ra sự tấu-triển của hắn hoàn-toàn thông-thường và tự-nhiên, chính điều này là một lời cảnh-cáo long-trọng cho những tín-đồ hieu-danh vô-thực. Giu-đa chỉ là một trường-hợp điển-hình của một người ấp-ủ một tội-lỗi giấu-kín và phục-tùng dục-vọng gian-ác, dầu đã được cảnh-cáo và được ánh sáng chiếu rọi, cứ thế cho đến cuối-cùng hắn sẽ ghét ánh sáng và bước vào địa-vị thù-nghịch của Đấng Christ. Giu-đa là một gương về sự đắc-thắng của tánh ích-kỷ. Không một tín-đồ nào của Đấng Christ lại không thể có tư-tưởng phản-trúc, mà không cần đề-cao cảnh-giác để khỏi có những hành-động phản-bội, làm phương-hại cho sự nghiệp của Cứu-Chúa.

Trái ngược với cảnh lên-lút của Giu-đa, là hình-ảnh Chúa Jêsus trong vẻ uy-nghiêm thiên-thượng và tình-yêu chung-thủy của Ngài. Ngài tình-nguyện nộp mình cho kẻ thù, mặc dầu đã biết rõ mục-đích sát-nhơn của họ. Ngài

làm vậy vì muốn bảo-toàn cho kẻ theo Ngài. Bọn linh thầy Ngài xuất-hiện thì vô-cùng kinh-ngạc té xuống đất. Họ còn đương ngần-ngại chưa bắt Ngài, thì Chúa Jêsus lại xưng mình một lần nữa và yêu-cầu họ để cho các môn-đồ được tự-do. Ngài e-ngại rằng nếu họ cùng chung số-phận với Ngài, dầu chỉ một phần thôi, đức-tin của họ cũng có thể sòn-ngã. Chúa chúng ta không bao giờ để cho chúng ta bị cảm-đổ quá ác-liệt hoặc quá sức chịu-đựng của chúng ta. Phi-e-rơ trong lúc bất-hoảng muốn bảo-vệ Đấng Christ đã chêm một nhát gươm vào dây-tơ của thầy tể-lễ cả; ông làm vậy là gần như phá đổ mục-đích của Chúa và làm sai-lạc chính-ngĩa của Ngài.

Chúa Jêsus quở-trách người bằng một lời rất ý-nghĩa, chứng-tố tinh-cách tự-nguyện của sự chết chuộc tội của Ngài. « Hãy nọp gươm người vào vỏ; ta há chẳng uống chén mà Cha đã ban cho ta uống sao? » « Chén » này là gì? Không phải chỉ là sự chết về thể-xác như có đời người quả-quyết, nhưng là cái chết của kẻ mang tội-lỗi. Có người cho rằng trong con thống-khổ trước khi bị bắt này, Chúa Jêsus sợ Ngài phải chết trong vườn mà không thể đến Thập-tự được. Không có gì sai sự thật hơn điều này; Chúa Jêsus khiếp-sợ cái « chén », không phải là cái chết của thân-thể, mà là cái chết thay-thế chỗ của tội-nhơn. Ngài thật có ngại-ngùng khi phải « trở nên tội-lỗi » vì chúng ta, Ngài đã cầu-xin cho được thoát khỏi cái kinh-nghiệm huyền-nhiệm ấy, nhưng chỉ trong giờ phút ngắn-ngủi thôi. Sự chiến-thắng vẫn thuộc về Ngài, ở đây Ngài đã bước tới để giúp tên phản-bội và kẻ sát-nhơn với một vẻ bình-tĩnh uy-nghiêm thiên-thượng.

b. Xét-xử

Đoạn 18 : 12 - 19 : 16

Trước người Do-thái

18 : 12 - 27

«¹² Bấy giờ, cả cơ binh, người quân - cơ và những kẻ sai của dân Giu-đa bắt Đức Chúa Jêsus trở lại. ¹³ Trước hết chúng giải Ngài đến An-ne; vì người này là ông gia Cai-phe làm thầy cả thượng-phẩm đương-niên. ¹⁴ Và, Cai-phe là người đã bàn với dân Giu-đa rằng: Thà một người chết vì dân

thìlech hơn.

¹⁵ Si-môn Phi-e-rơ với một môn-đồ khác theo sau Đức Chúa Jê-sus. Môn-đồ đó có quen với thầy cả thượng-phẩm, nên vào với Đức Chúa Jê-sus trong sân thầy cả thượng-phẩm. ¹⁶ Song Phi-e-rơ đứng ngoài, gần bên cửa. Môn-đồ kia, tức là người quen với thầy cả thượng-phẩm, đi ra nói cùng người dòn-bà canh cửa, rồi đem Phi-e-rơ vào. ¹⁷ Bảy giờ, con đòi đó, tức là người canh cửa, nói cùng Phi-e-rơ rằng : Còn người, cũng là môn-đồ của người đó, phải chăng ? Người trả lời rằng : Ta chẳng phải. ¹⁸ Các đầy-tớ và kẻ sai vì trời lạnh, nhóm một đồng lửa, rồi đứng gần một bên mà sưởi. Phi-e-rơ đứng với họ, và cũng sưởi.

¹⁹ Vậy, thầy cả thượng-phẩm gạn-hỏi Đức Chúa Jê-sus về môn-đồ Ngài và đạo-giáo Ngài. ²⁰ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Ta từng nói rõ-ràng cùng thiên-hạ ; ta thường dạy-đỗ trong nhà hội và đền-thờ, là nơi hết thầy dân Giu-đa nhóm lại, chớ ta chẳng từng nói kín-giấu điều gì. ²¹ Cớ sao người gạn-hỏi ta ? Hãy hỏi những kẻ đã nghe ta nói đều chỉ với họ ; những kẻ đó biết đều ta đã nói. ²² Ngài dương phán như vậy, có một người trong những kẻ sai có mặt tại đó, cho Ngài một vả, mà rằng : Người dám đối-đáp cùng thầy cả thượng-phẩm dường ấy sao ? ²³ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Vì thử ta nói quấy, hãy chỉ chỗ quấy cho ta xem ; nhược bằng ta nói phải, làm sao người đánh ta ? ²⁴ An-ne bèn sai giải Đức Chúa Jê-sus vẫn bị trói đến Cai-phê là thầy cả thượng-phẩm.

²⁵ Và lại, Si-môn Phi-e-rơ đương đứng sưởi đặng kia, thì có kẻ hỏi người rằng : Còn người, người cũng là môn-đồ người phải không ? Người chối đi mà trả lời rằng : Ta không phải. ²⁶ Một người đầy-tớ của thầy cả thượng-phẩm, bà-con với người mà Phi-e-rơ chém đứt tai, nói rằng : Ta há chẳng từng thấy người ở trong vườn với người sao ? ²⁷ Phi-e-rơ lại chối một lần nữa : tức thì gà gáy. »

Giăng nhiều lần quả-quyết rằng sự vô-tin phát-sinh từ tội-lỗi, từ tinh-thần cố-chấp và lòng yêu-thích tội-ác. Sự-kiện này lại càng được chứng-minh rõ-ràng hơn khi Chúa Jê-sus bị đem đến cho kẻ thù xét-xử, và chính họ đã lên án họ. Nơi đây thật ra những nhà cầm quyền Do-thái bị xét-xử, và cũng nơi đây họ đã tự lên án cho chính họ vậy.

Có lẽ Giăng không kể lại cuộc họp phiên tòa giáo-phạm tối-cao có tả trong các Phưóc-âm khác. Ông chỉ kể lại cuộc xét-xử sơ-bộ tại nhà của thầy tế-lễ cả, nhưng câu chuyện này cũng đã chứng-tỏ tinh-thần của các thẩm-phán và không-khí của phiên-tòa họp sau này để tuyên-án xử-tử Chúa Jê-sus. Lòng thù-ghét, giả-dối, xảo-trá, độc-ác, điên-cuồng đều đã lộ ra ở đây. Đó là những đặc-tính của những kẻ công-khai thù-nghịch Đấng Christ. « Thầy cả thượng-phẩm gạn-hỏi Đức Chúa Jê-sus về môn-đồ Ngài và đạo-giáo Ngài. » Không phải ông muốn tìm hiểu, mà chỉ muốn làm cho Chúa rối-tri hầu có thể chụp lấy những lời sơ-y của Ngài để cáo Ngài trước công-hội mà kết tội Ngài.

Chúa Jê-sus trả lời rằng Ngài vẫn dạy-dỗ công-khai trước mặt mọi người, những kẻ chứng-kiến có thể chứng-thực cho lời Ngài nói. Trong câu trả lời của Chúa Jê-sus có hàm-y quở-trách thầy tế-lễ cả, nên « một người trong những kẻ sai có mặt tại đó, cho Ngài một vả mà rằng : Người dám đối-dáp cùng thầy cả thượng-phẩm đương ấy sao ? Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Vì thử ta nói quấy, hãy chỉ chỗ quấy cho ta xem, nhược bằng ta nói phải, làm sao người đánh ta ? » Họ có thể hành-hung Chúa Jê-sus nhưng không thể nào viện-dẫn được bằng-cớ để chứng-tỏ Chúa Jê-sus đã dạy-dỗ sai-lạc. Đây chính là điều lúng-túng của họ ; họ muốn lên án tử-hình Chúa Jê-sus, nhưng không thể tìm ra bằng-chứng về tội-lỗi hay sai-làm nào của Ngài. Điều ấy vẫn luôn luôn là điều khó nghĩ cho các kẻ thù-nghịch Chúa. Loài người ghét Ngài, chối-bỏ Ngài, nhưng họ không thể nào phủ-nhận sự vô-tội của Ngài, và chối-bỏ Ngài là họ đã tự kết án chính mình, cũng như các thù-nghịch trước xưa.

Trong lúc xét-xử có một việc xảy ra trong dinh

thầy tế-lễ, rất có ý-nghĩa đối những kẻ theo Ngài, và là một bằng-chứng nữa về bản-tính của Chúa Jê-sus. Phi-e-rơ ba lần chối không biết Chúa. Ông đã chứng-tỏ tài tiên-kiến của Chúa, Ngài đã dự-ngôn việc ấy trước đó có mấy giờ, đồng-thời minh-chứng sự yếu-đuối của xác-thịt, nguy-cơ của tinh-thần tự-tin. Người môn-đồ đã từng thề bằng lòng chết vì Chúa Jê-sus, từng hùng-hồ rút gươm bảo-vệ Ngài, bây giờ ngồi bên ánh lửa mờ-lạt, trước vài tên đầy-lớ, đã đổ mặt và nói lấp-bấp mà tuyên-bố là mình không thuộc trong số các môn-đồ Ngài. Ta nên đề ý rằng ở đây không phải đức-tin của ông đã tiêu-ma, mà là lòng can-đảm của ông. Ông đã đi ra khóc-lóc cay-đắng. Ông yêu Chúa, ông không phải là một Giu-đa, rồi đây ông sẽ được phục-hồi, và sẽ được ủy-thác công-tác phục-vụ Chúa mình.

Trước Phi-lát.

Đoạn 18 : 28-19 : 16

Tòa án Do-thái đã kết án tử-hình Chúa Jê-sus, nhưng họ không có quyền thi-hành việc xử-tử. Người La-mã đã lấy mất quyền xử án đại-hình của các thuộc quốc. Bởi vậy, cần phải đem Chúa Jê-sus đến trước viên Tổng-đốc La-mã để ông ta chuẩn-y án-nghị của người Do-thái. Tại tòa án dân sự này, cũng như trước tòa án giáo-hội, chính những nguyên-cáo mới thật sự bị xét-xử, chứ không phải Chúa Jê-sus ; không phải là kẻ tù phạm bị kết án, mà là viên thẩm-phán.

Viên thẩm-phán ở đây là Bôn-xơ-Phi-lát, một nhơn-vật nổi bật trong Phước-âm vì tư-cách đê-tiện, nhu-nhược, đáng khinh. Tuy-nhiên, cũng như Giu-đa, ông ta không phải là một ác-qui, tánh-hạnh khác xa chúng ta quá đến nỗi không thể cho ta một gương cảnh-cáo nào. Ngày nay chúng ta cũng có thể làm y như đều Phi-lát đã làm. Ông ta chỉ là một gương của kẻ thiếu cương-ngự, không có can-đảm đề-xác-quyết, cố-gắng thỏa-hiệp với điều sai-làm không vâng theo tiếng gọi của lương-tâm vì sợ thiệt-hại cho bản-thân.

Tuy-nhiên, không phải Giảng chú-trọng đến tâm-

tin và số-phận của Phi-lát mà điều ông đặc-biệt quan-tâm là làm chứng rằng Chúa Jê-sus là « Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời, » và cho ta thấy rằng, trước mặt Phi-lát, lòng vô-tin của người Do-thái đã lên đến tột-độ. Bằng-chứng và thái-độ vô-tin ấy xuất-hiện nổi bật hơn hết trong giai-đoạn thứ nhì và giai-đoạn của bốn giai-đoạn xét-xử trong tòa án dân-sự; nhưng trong suốt câu chuyện thần-tính của Chúa Jê-sus và sự qui-quyết đê-tiện của bọn thù-ngịch lúc nào cũng thấy rõ.

«²⁸ Kể đó, chúng diệu Đức Chúa Jê-sus từ nhà Cai-phe đến trường-án; bẩy giờ dương sớm mai. Nhưng chính mình chúng không vào nơi trường-án, cho khỏi bị ô-uế, và cho được ăn lễ Vượt-qua. ²⁹ Vậy, Phi-lát bước ra, đi đến cùng chúng mà hỏi rằng: Các người kiện người này về khoản gì? ³⁰ Thưa rằng: Ví chẳng phải là tay gian-ác, chúng tôi không nộp cho quan. ³¹ Phi-lát bèn truyền cho chúng rằng: Các người hãy tự bắt lấy người, và xử theo luật mình. Người Giu-đa thưa rằng: Chúng tôi chẳng có phép giết ai cả. ³² Ấy là cho được ứng-nghiệm lời Đức Chúa Jê-sus đã phán, đê chỉ về mình phải chết cách nào.»

(1) Trước hết, người Do-thái yêu-cầu Phi-lát xác-nhận bản án tử-hình mà không phải xúc-tiến một cuộc xét-xử nào, viên Tổng-đốc La-mã không chịu. Thoạt trông, ông thật cao-thượng tương-phản với các quan-quyền Do-thái đương nào! Cũng thật buồn cười cho óc đạo-dức giả của họ: họ không chịu vào sân dinh của một hoàng-thân Ngoại-bang vì sợ ô-uế theo nghi-lễ, nhưng lòng họ lại tối đen với tư-tưởng sát-nhơn, và họ lại yêu-cầu Phi-lát kết án một người vô-tội! Chúng ta cũng vậy, lắm khi ta « lợc con ruồi nhỏ, lợc mắt con lạc-đà! » Họ không chịu đến cùng Phi-lát nên ông phải ra gặp họ, và suốt cuộc xét-xử, khung-cảnh thay đổi luôn, vì Phi-lát phải nói chuyện với Chúa Jê-sus trong án trường trước, rồi ra ngoài đê nói với người Do-thái.

Khởi đầu Phi-lát hỏi họ cáo Chúa Jê-sus về tội gì.
Câu 29. Họ đáp lại cách lờ-mãng rằng nếu Ngài không

phạm thì họ đã chẳng đem Ngài đến cho ông kết tội. Câu 30. Phi-lát trả lời khôn-khéo : « Các ngươi hãy tự bắt lấy người, và xử theo luật mình. » Ý ông bảo : « Nếu các ngươi đã giải-quyết nội-vụ, nếu các ngươi là thẩm-phán, và trường-hợp này không cần phải dùng dân-luật để xét-xử, thì hãy bắt phạt người phạm-pháp theo quyền-hạn và hình-luật của các ngươi, và xử phạt người trong những điều-kiện mà các ngươi được phép. » Trong trường-hợp đó, họ có thể xử vài án phạt nhẹ, nhưng không được phép xử-tử. Người Do-thái đành xuống nước, nhìn nhận rằng vì họ muốn xử-tử nên họ phải đệ nội-vụ lên cho tòa án dân-sự. Câu 31. Giảng đã chú-thích một khía-cạnh ý nghĩa của việc này. Nếu Phi-lát không áp-dụng luật La-mã, thì Chúa Jê-sus đã bị ném đá rồi. Trước kia Chúa Jê-sus đã dự-ngôn rằng Ngài sẽ chết theo lối xử-tử của người La-mã, việc xảy ra cho ta thấy tài tiên-tri thiên-thượng của Ngài.

« ³³ Phi-lát bèn vào trường-án, truyền đem Đức Chúa Jê-sus đến, mà hỏi rằng : Chính người là Vua dân Giu-da, phải chăng ? ³⁴ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Người nói đều đó tự ý mình, hay là có người đã nói đều đó với người về ta ? ³⁵ Phi-lát trả lời rằng : Nào có phải ta là người Giu-da đâu ? Dân người cùng mấy thầy tế-lễ cả đã nộp người cho ta ; vậy người đã làm đều gì ? ³⁶ Đức Chúa Jê-sus đáp lại rằng : Nước của ta chẳng phải thuộc về thế-gian này. Vì bầy nước ta thuộc về thế-gian này, thì tôi-tố của ta sẽ đánh trận, đặng ta khỏi phải nộp cho dân Giu-da ; nhưng hiện nay nước ta chẳng thuộc về hạ-giới. ³⁷ Phi-lát bèn nói rằng : Thế thì người là vua sao ? Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Thật như lời, ta là vua. Nay, vì sao ta đã sanh và vì sao ta đã giáng-thế ; ấy là để làm chứng cho lẽ thật. Hễ ai thuộc về lẽ thật thì nghe lấy tiếng ta. ³⁸ Phi-lát hỏi rằng : Lẽ thật là cái gì ?

Khi người đã nói vậy, rồi lại đi ra đền cùng dân Giu-da, mà rằng : Ta chẳng thấy người có tội-lỗi gì cả. ³⁹ Nhưng các người có lệ thường, hễ đến ngày lễ Vượt-qua, thì ta tha cho các người một tên tù, vậy các người

có muốn ta tha Vua dân Giu-da cho chăng ? ⁴⁰ Chúng bèn kêu lên nữa rằng : Đừng tha nó, nhưng tha Ba-ra-ba ! Vả, Ba-ra-ba là một kẻ trộm-cướp. »

¹ Bấy giờ, Phi-lát bắt Đức Chúa Jê-sus và sai đánh đòn Ngài. ² Bọn lính đương một cái mào triều bằng gai, đội trên đầu Ngài, và mặc cho Ngài một cái áo điều. ³ Đoạn, họ đến gần, nói với Ngài rằng : Lạy Vua dân Giu-da ! Họ lại cho Ngài mấy cái vấ,

⁴ Phi-lát lại ra một lần nữa, mà nói với chúng rằng : Đây này, ta dẫn người ra ngoài, để các người biết rằng ta không tìm thấy người có tội-lỗi chi. ⁵ Vầy, Đức Chúa Jê-sus đi ra, đầu đội mào-triều gai-mình mặc áo điều ; và Phi-lát nói cùng chúng rằng : Kia, xem người này ! ⁶ Nhưng khi các thầy tế-lễ cả và các kẻ sai thấy Ngài, thì kêu lên rằng : Hãy đóng đinh hẳn trên cây thập-tự, hãy đóng đinh hẳn trên cây thập-tự ! Phi-lát nói cùng chúng rằng : Chính mình các người hãy bắt mà đóng đinh người ; bởi vì về phần ta không thấy người có tội-lỗi chi hết. »

(2) Khi cuộc xét-xử mới vào giai-đoạn hai, người Do-thái trình cáo-trạng của họ : Họ tố-cáo Chúa Jê-sus về một tội chính-trị : Ngài tự xưng là vua. Phi-lát bắt đầu thăm-vấn tội-trạng ấy. « Chính người là vua dân Giu-da phải chăng ? » Lời đáp của Chúa Jê-sus là một trong những lời chứng hùng-hồn như trong Phược-âm này minh-chứng rằng « Chúa Jê-sus là Đấng Christ. » Hẳn là Phi-lát chờ-đợi một câu trả lời phủ-nhận. Nhưng vấn-đề không đơn-giản như ông tưởng. Trên một phương-diện, Chúa Jê-sus quả là Vua, là Đấng Mê-si thật, là Vua dân Y-sơ-ra-ên, như Ngài đã từng tuyên-bố, như Na-tha-na-ên xưng-nhận khi đến làm môn-đồ Ngài ; trên phương-diện khác Ngài không phải là vua, không phải là kẻ thoán-đoạt chính-quyền, không phải là thủ-lãnh loạn-quân. Bởi vậy Ngài đã hỏi Phi-lát rằng câu hỏi của ông hỏi theo nghĩa La-mã hay Do-thái. Câu 34. Ông ta tức mình đáp : « Ta có phải là người Do-thái không ? » Ông ta không cần

để ý lời kêu-cầu của người Do-thái và những chuyện khức-mắc của tôn-giáo. Ông là một chánh-án La-mã ông yêu-cầu Chúa Jêsus hãy nói rõ Ngài đã phạm tội gì. Câu 35. Chúa quay trở lại trả lời cho câu hỏi đầu rằng nếu ông ta nghĩ Ngài là một lãnh-tụ chính-trị mưu cướp chính-quyền bằng võ-lực, thì ông ta làm, nhưng nếu Phi-lát nghĩ về một ảnh-hưởng và thẩm-quyền trên cuộc sống và lòng người, thì Chúa Jêsus là một Vua. Khi-giới của Ngài không phải là gươm-giáo mà là chơn-lý, kẻ nào yêu chơn-lý sẽ chịu phục-túng. Phi-lát đáp lại với một vẻ hoài-nghi lạnh-lùng : « Chơn-lý là gì ? » ông ta thấy rằng Chúa Jêsus là một kẻ cuồng-tin hay là một vị tiên-tri, Ngài không phạm trọng tội, bởi vậy ông quyết-định tha Ngài. Tuy-nhiên, ông muốn được sự ưng-thuận của người Do-thái nên ông cố-gắng điều-định với họ. Nếu hành-động theo công-lý thì ông đã tha bổng Ngài tức-khắc, nhưng vì tư-lợi ông đề-nghị hai biện-pháp, cả hai đều thất-bại và đã dẫn tới bi-kịch cuối-cùng. Trước hết ông đề-nghị dân chúng ban đặc-ân tha Chúa Jêsus vì Ngài là Vua họ mới hoan-nghinh vào thành mấy ngày trước, vì ông biết rằng chống-ngịch Chúa Jêsus là do những quan quyền Do-thái chủ mưu vì ganh -ghét. Tuy nhiên, Phi-lát đã thất-vọng; những quan cai-trị ấy đã xúi-giục dân-chúng đòi thả một tên cướp tên là Ba-ra-ba và đòi xử-tử Chúa Jêsus. Câu 38-40. Thứ hai, Phi-lát giao Chúa Jêsus cho người ta đem đi đánh đòn. Đó là một lối hành-hạ rất độc-ác vô nhân-đạo do người La-mã phát-mình. Người ta thường dùng hình-phạt này trước khi xử-tử. Phi-lát mong làm vậy sẽ thỏa dịu cơn phẫn-nộ của bọn cầm quyền và khiến cho dân-chúng thương hại. Sau khi đánh đòn, bọn lính lại thêm một lối nhạo cười độc-ác nữa : họ lấy gai đội lên đầu « Vua », mặc áo triều cho Ngài và tỏ lòng tôn-kính Vua bằng cách vả má Ngài. Phi-lát lại đi ra mà bảo họ rằng : « Đây này, ta dẫn người ra ngoài, để các người biết rằng ta không tìm thấy người có tội-lỗi chi. Vậy, Đức Chúa Jêsus đi ra, đầu đội mào triều gai, mình mặc áo điều ; và Phi-lát nói cùng chúng rằng : Kia, xem người này. » Nhưng kể ấy không thành. Bầy thú đã ném được mùi máu rồi, bây giờ chúng lại cang găm rống lên : « Đóng đinh hẳn trên cây thập-tự

đóng đinh hẳn trên cây thập-tự ! » Đoạn 19 : 1-6.

Phi-lát rất tức-giận vì họ đòi ông phải kết án một người ông đã tuyên-bố là vô-tội. Ông kêu lên : « Chính mình các người hãy bắt mà đóng đinh người, bởi vì về phần ta không thấy người có tội-lỗi chi hết. » Thật là một câu nói cao-thượng. Nhưng viên quan La-mã đâu có biết rằng người Do-thái qui-quyết đã giăng quanh ông một màn lưới.

« 7 Dân Giu-da lại nói rằng : Chúng tôi có luật, chiếu luật đó hẳn phải chết ; vì hẳn tự xưng là Con Đức Chúa Trời, 8 Khi Phi-lát đã nghe lời đó, lại càng thêm sợ-hãi nữa.

9 Người lại trở vào nơi trường-án mà nói với Đức Chúa Jê-sus rằng : Người từ đâu ? Nhưng Đức Chúa Jê-sus không đáp gì hết. 10 Phi-lát hỏi Ngài rằng : Người chẳng nói chi với ta hết sao ? Người há chẳng biết rằng ta có quyền buông-tha người và quyền đóng đinh người sao ?

11 Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Nếu chẳng phải từ trên cao đã ban cho người, thì người không có quyền gì trên ta ; vậy nên, kẻ nộp ta cho người là có tội trọng hơn nữa. »

(3) Nếu Đức Chúa Jê-sus là vô tội đối với cáo-trạng ấy thì Ngài vẫn còn một tội nữa, họ lập tức khép Ngài vào tội tôn-giáo, theo luật của họ thì tội ấy đáng chết.

« Dân Do-thái lại nói rằng : Chúng tôi có luật, chiếu luật đó hẳn phải chết ; vì hẳn tự xưng là Con Đức Chúa Trời. » Người Do-thái nói đúng, Chúa Jê-sus thật có xưng mình là Con Đức Chúa Trời, nếu Ngài không phải là Con Đức Chúa Trời thì Ngài đáng bị xử-tử vì tội phạm-thượng. Ở đây lời chứng của Giảng vô-cùng sáng tỏ. Chúa Jê-sus đã tuyên-bố là Ngài đến từ Trời vì đó Ngài đã bị bắt, bị kết án và bị đóng đinh. Không có lúc nào Ngài chối cáo-trạng ấy. Hoặc Ngài là một tên bịp-bợm hay là Đấng đến từ Đức Chúa Trời, không có chỗ trung-dụng.

Lời tố-cáo ấy đã gây một hiệu-lực bất-ngờ trên Phi-lát : Ông ta khiếp-sợ vô-cùng. Ngày nay có ai có thể vứt bỏ những lời tuyên-bố của Đấng Christ cách êm-thuận mà không cán-rút ? Phi-lát quay lại hỏi có phải Chúa đến từ trời không. Dầu ý tưởng ông ta đốt-nát và mê-muội đến đâu, ông vẫn còn đủ sáng-suốt để chợt nghĩ rằng con người vô tội chịu hình-phạt đây có thể là Đấng thiên-thượng.

Chúa Jê-sus không trả lời. Tại sao ? Ngài không bao giờ đối-đáp với một kẻ đã từng đi ngược công-ly, bất-tuân lương-tâm, điều-đinh với tội-lỗi. Đây không phải là lúc để hỏi lai-lịch của Chúa Jê-sus mà là lúc để tuyên-bố Ngài vô-tội và phóng-thích Ngài. Phi-lát tức-giận khi thấy Chúa Jê-sus yên-lặng. Ông xác-nhận quyền-hành của mình : « Người chẳng nói chi với ta hết sao ? Người há chẳng biết rằng ta có quyền buông-tha người và có quyền đóng đinh người sao ? »

Chúa Jê-sus đáp lại bằng một quyền-uy chân-thật hơn : « Nếu chẳng phải từ trên cao đã ban cho người, thì người không có quyền gì trên ta. » Lời cảnh-cáo này thật là long-trọng : Quyền của người là do Đức Chúa Trời phú cho, coi chừng đừng lạm-dụng nó. Chúa Jê-sus thêm rằng : « Vậy nên, kẻ nộp ta cho người là có tội trọng hơn nữa », vì Phi-lát đang dùng một viên-chức được Đức Chúa Trời ủy-nhiệm theo luật-pháp để làm một dụng-cụ cho thực-hiện ý-định sát-nhơn của ông ta. Thật là một lời cảnh-cáo hệ-trọng trong Cai-phe và hệ-lũ đồng-mưu với ông ta !

« ¹² Từ lúc đó, Phi-lát kiếm cách để tha Ngài ; nhưng dân Giu - da kêu lên rằng : Vì bằng quan tha người này, thì quan không phải là trung-thần của Sê-sa ; vì hề ai tự-xưng là Vua, ấy là xướng lên nghịch cùng Sê-sa vậy ! ¹³ Phi-lát nghe lời đó, bèn dẫn Đức Chúa Jê-sus ra ngoài, rồi ngồi trên tòa-án, tại nơi gọi là Ba-vê, mà tiếng Hê-bơ-rơ gọi là Ga-ba-tha. ¹⁴ Và, bấy giờ là ngày sám-sửa về lễ Vượt-qua, độ chừng giờ thứ sáu. Phi-lát nói cùng dân Giu-da rằng : Vua các người kia kia ! ¹⁵ Những người đó bèn kêu lên rằng : Hay trừ hân

đi, trừ hấn đi ! Đóng đinh hấn trên cây thập-tự đi ! Phi-lát nói với chúng rằng : Ta sẽ đóng đinh Vua các người lên thập-tự-giá hay sao ? Các thầy tế-lễ cả thưa rằng : Chúng tôi không có vua khác, chỉ Sé-sa mà thôi. ¹⁰ Người bèn giao Ngài cho chúng đóng đinh trên thập-tự-giá. »

(4) Phi-lát rất xúc-dộng. Bây giờ ông chỉ muốn tha Chúa Jê-sus ; nhưng những kẻ cai-trị đã dùng đến một phương-kế cuối-cùng, rất thâm-độc. Họ cho Phi-lát thấy một hăm-dọa trực-tiếp : « Vì bằng quan tha người này thì quan chẳng phải là trung-thần của Sé-sa » tha bằng một người tự xưng mình là Vua, nếu có kẻ báo-cáo về La-mã là Phi-lát đã làm như vậy thì sự việc sẽ ra sao ? Bọn thù-nghịch đã đánh ngay vào nhược-điểm của Phi-lát, ông dẫu hàng ngay tức-khắc ; ông đã trả bằng giá bất-công và tội ác để giữ phần ái-kỷ và tư-lợi, linh-hồn ông đã mất. Ông lên ngôi trên ghế chánh-án. Ông quay ra khỏi người Do-thái với một giọng chế-giễu : « Ta sẽ đóng đinh Vua các người lên Thập-tự-giá hay sao ? » « Các thầy tế-lễ cả thưa rằng : Chúng tôi không có vua khác, chỉ Sé-sa mà thôi. » Thế là họ đã xưng-nhận là chư-hầu của La-mã, họ đã chối-bỏ những hy-vọng về Đấng Mê-si, họ đã từ-khước những quyền-lợi của quốc-gia, và đã bội đạo Đức Chúa Trời. Họ đã thành-công trong việc sát-hại Chúa Jê-sus, nhưng thành-công ấy chính là một thất-bại và sự suy-tàn của dân-tộc. Trong đồ-biểu ghi sự vô-tin của người Do-thái, đường biểu-diễn đã lên đến cực-đại ở đây.

2. Thập-hình

Đoạn 19 : 17-42

Trước khi khảo-sát những trang-nghiêm về con khờ-nạn của Chúa, ta nên nhớ rằng ý-nghĩa của sự chết của Chúa Jê-sus đã được Phước-âm này đề-cập đến rồi. Giảng-báp-tít đã làm chứng rằng Chúa Jê-sus là « Chiên Con của Đức Chúa Trời, là Đấng cất tội-lỗi của thế-gian đi. » Muốn cất-bỏ tội-lỗi thì phải có sự chết của con sinh. Chúa Jê-sus đã nói về sự chết của Ngài trên cây gỗ rằng : « Như Môi-se treo con rắn lên nơi đồng vắng thế nào, thì Con Người cũng sẽ bị treo lên thế ấy... hầu cho hề ai tin

Ngài sẽ không bị hư-mất, nhưng được sự sống đời đời.» Đối với kẻ tin thì sự chết của Ngài sẽ chặn đứng quyền-hành của tội-ác. Chúa Jê-sus lại dạy rằng Ngài là : «Người Chấn Chiên hiền-lành», Ngài sẽ bỏ mạng mình vì bầy chiên, để cho họ được sự sống dư-dật. Vào ngày cuối-cùng của chức-vụ công-khai của Ngài, Ngài quả-quyết rằng sức thu-hút của thập-tự Ngài sẽ kéo mọi người đến cùng Ngài. Sự chết của Chúa Jê-sus như vậy không phải chỉ là cái chết của một kẻ tuân-đạo tình-nguyên hi-sinh để biện-minh cho chơn-lý của giáo-huấn mình. Đó là một cái chết đền tội, tẩy bỏ sự phạm-pháp và quyền-năng của tội-lỗi, kéo người về cùng Đấng Christ, và đức-tin trong Ngài sẽ làm cho cuộc sống khoáng-đạt hơn.

Quay về phần kỹ-thuật con Khổ-nạn của Chúa, chúng ta thấy Giảng đã ghi thêm được nhiều chi-tiết quan-trọng và hoàn-tất câu chuyện đã kể trong các Phức-âm khác. Nhưng điều quan-trọng hơn là ta thấy câu chuyện của ông đã được kết-cấu rất khéo-léo để phục-vụ cho các tôn-chỉ tối-thượng của ông, là làm chứng về Phàm-vị của Chúa Jê-sus, chứng-tỏ sự tiến-triển của đức-tin nơi Ngài. Chuyện phục-sinh chứng-minh Ngài là Con Đức Chúa Trời thế nào thì câu chuyện thập-hình cũng chứng-tỏ Ngài là Đấng Christ, Đấng Mê-si của lời tiên-tri thế ấy.

«17 Đức Chúa Jê-sus vác thập-tự-giá mình, đi đến ngoài thành, tại nơi gọi là cái Sọ, tiếng Hê-bơ-rơ gọi là Gô-gô-tha. 18 Ấy đó là chỗ họ đóng đinh Ngài, lại có hai người khác với Ngài, mỗi bên một người, còn Đức Chúa Jê-sus ở chính giữa.»

Câu 17, 18. Khi kể đến giai-đoạn chính của cuộc xử thập-hình, Giảng không tỏ vẻ cho ta thấy những chi-tiết đau lòng của bức tranh bi-thảm này. Ông chỉ kể rằng Chúa Jê-sus phải mang thập-tự Ngài, hiệu-hiệu của nhục-nhã và đau-khổ, rằng họ «đóng đinh Ngài» và để cho Ngài hoàn-toàn đồng-hóa với bọn phạm-phạm, họ đóng đinh thêm hai người khác với Ngài «mỗi bên một người, còn Đức Chúa Jê-sus ở chính giữa.» Không cần phải nói ai cũng biết rằng lối xử-tử này hồ-nhục và tàn-bạo hơn hết trong những lối tử-hình do loài người sáng-chức ra.

Ta chỉ cần nhớ rằng, để đem cho ta sự cứu-rỗi, Chúa Jêsus phải chịu đau-đớn nhục-nhĩ vô-cùng, thậm-chí phải chết trên thập-tự-giá.

¹⁹ Phi-lát cũng sai làm một tấm bảng, rồi treo lên trên thập - tự - giá. Trên bảng đó, có đề chữ rằng : JÊSUS NGƯỜI NA-XA-RÉT, LÀ VUA DÂN GIU-ĐA. ²⁰ Vì nơi Đức Chúa Jêsus bị đóng đinh ở gần thành, và chữ đề trên bảng đó viết bằng chữ Hê-bơ-rơ, chữ La-tinh và chữ Gờ-réc, nên có nhiều người Giu-đa đọc đến. ²¹ Các thầy tế-lễ cả của dân Giu-đa bèn nói với Phi-lát rằng : Xin đừng viết : Vua dân Giu-đa, nhưng viết rằng, người nói : Ta là Vua dân Giu-đa. ²² Phi-lát trả lời rằng : Lời ta đã viết, thì ta đã viết rồi. »

Câu 19-22. Thường thường người ta có treo một tấm bảng trên đầu cây thập-tự kê tội-ác của người bị tử-hình. Phi-lát muốn làm cho bỏ ghét bọn cầm quyền đã bẫy ông và hạ ông, đã viết lên bảng đó danh-hiệu « Jêsus người Na-xa-rét, là Vua dân Do-thái. » Ông làm vậy với ý châm-biếm sâu-sắc. Ý ông ta muốn nói rằng vị vua, nhà giải-phóng duy-nhứt mà người Do-thái bị trị có thể đem khoe, là một kẻ đau-đớn tuyệt-vọng, đương lãnh cái chết của một tên bất-lương, Tuy-nhiên, cũng như Cal-phe, Phi-lát đã xác-nhận một điều ngoài ý-định của ông. Điều mà ông đã ghi là một thực-sự mà Giăng muốn thiết-lập trong Phước-âm này. Ấy là Chúa Jêsus là « Đấng Christ » nghĩa là Vua dân Do-thái. Đây cũng là một lời tiên-tri : Cứu-Chúa duy-nhứt của dân Do-thái, hy-vọng duy-nhứt của họ từ trước đến sau vẫn chỉ là một Jêsus bị đóng đinh này. Chỉ khi nào dân Y-sơ-ra-ên tiếp-nhận Ngài làm Vua, họ mới được cứu.

« ²³ Quân lính đã đóng đinh Đức Chúa Jêsus trên Thập-tự-giá rồi, bèn lấy áo xống của Ngài chia làm bốn phần, mỗi tên lính chiếm một phần. Họ cũng lấy áo dài của Ngài, nhưng áo dài đó không có đường may, nguyên một tấm vải dệt ra, từ trên chí dưới. ²⁴ Vậy, họ nói với nhau rằng : Đừng xé áo này ra, song chúng ta hãy bắt thăm, ai trúng nấy được. Ấy để cho

được ứng-nghiệm lời Kinh-thánh này :

Chúng đã chia nhau áo-xống của ta,

Lại bắt thăm lấy áo dài ta.

Đó là việc quân lính làm.»

Câu 23, 24. Trong hai nhóm người đứng gần Thập-tự-giá bấy giờ, Giảng đã nhắc đến « quân lính » trước nhất. Bọn này « đã đóng đinh Chúa Jê-sus trên Thập-tự-giá rồi, bèn lấy áo-xống Ngài chia làm bốn phần, mỗi tên lính chiếm một phần » rồi bắt thăm để lấy chiếc áo không có đường may của Ngài. Theo luật thi những áo-xống này thuộc về kẻ thi-hành án lệnh. Câu chuyện này không phải chỉ cho ta một biểu-hiệu về lòng vô-tin chai-lì của những kẻ xem thường sự chết của Chúa Jê-sus, bản-tính chuyên trục lợi ti-liện ngay trước Thập-tự-giá, mà đúng hơn là một chứng-cớ nữa về « Chúa Jê-sus là Đấng Christ. » Cả những tên lính hung-ác này cũng là những dụng-cụ vô-y-thức để làm ứng-nghiệm lời thi-thiên từ lâu đã được xem là nói về Đấng Mê-si : « Chúng đã chia áo xống của ta, lại bắt thăm lấy áo dài ta. »

«²⁵ Tại một bên thập-tự-giá của Đức Chúa Jê-sus, Có mẹ Ngài đứng đó, với chị mẹ Ngài là Mu-ri, vợ Co-lê-ô-ba, và Ma-ri Ma-đo-len nữa. ²⁶ Đức Chúa Jê-sus thấy mẹ mình, và một môn-dồ Ngài yêu đứng gần người, thì nói cùng mẹ rằng : Hỡi dòn-bà kia, đó là con của người ! ²⁷ Đoạn, Ngài lại phán cùng người môn-dồ rằng : Đó là mẹ người ! Bắt đầu từ bấy giờ, môn-dồ ấy rước người về nhà mình. »

Câu 25-27. Nhóm thứ hai là bốn người đàn-bà, tương-phần rõ-rệt với bốn tên lính : mẹ Chúa Jê-sus, chị của mẹ Ngài là Ma-ri vợ Co-lê-ô-ba và Ma-ri Ma-đo-len. Một việc đã xảy ra liên-quan đến người đầu-tiên thể-hiện được vẻ đẹp của nhơn-tính dịu-dàng, ưu-ái của Chúa. Ngài đã quên mọi đau-khổ đương-chịu mà lo-lắng cho những kẻ Ngài yêu : « Đức Chúa Jê-sus thấy mẹ mình và một môn-dồ Ngài yêu đứng gần người, thì nói cùng mẹ rằng : Hỡi dòn-bà kia, đó là con của người ! Đoạn, Ngài lại

phán cùng người môn-đồ rằng : Đó là mẹ ngươi ! Bắt đầu từ bấy giờ, môn-đồ ấy rước người về nhà mình. » Bằng những lời cảm-kính, Giảng ghi lại tấm gương hiếu-thảo, trong việc Chúa Jê-sus đem cho mẹ Ngài một người con và đem cho bạn Ngài một người mẹ.

« 28 Sau đó, Đức Chúa Jê-sus biết mọi việc đã được trọn rồi, hầu cho lời Kinh-thánh được ứng-nghiệm, thì phán rằng : Ta khát. 29 Tại đó, có một cái bình đựng đầy giấm. Vậy, họ lấy một miếng bông-dá thấm đầy giấm, huộc vào cây nguru-tất đưa kề miệng Ngài. 30 Khi Đức Chúa Jê-sus chịu lấy giấm ấy rồi, bèn phán rằng : Mọi việc đã được trọn ; rồi Ngài gục đầu mà trút linh-hồn. »

Câu 28-30. Giảng mô-tả sự qua đời của Chúa Jê-sus bằng một câu hàm-xúc, văn dịch không thể nào lột hết ý-nghĩa của nó được : « Ngài... trút linh-hồn. » Câu này bao-hàm mọi hành-động tình-nguyên và tự-do. Không ai lấy được sự sống của Ngài, Ngài có quyền bỏ đi và có quyền lấy lại. Bởi vậy khi biết mọi việc đã thành-tựu, Ngài giải-tỏ tâm-linh của Ngài với một vẻ uy-nghiêm vương-giá, và hoàn-toàn ý-thức được quyền-năng của mình. Giảng còn ghi lại hai câu nói ý-nghĩa của Chúa nói trước khi Ngài chết. Câu thứ nhất là tiếng kêu của Đấng chịu khổ : « Ta khát », Nói phát-biểu một đòi-hỏi của thể-xác, nhưng ý-nghĩa của nó còn cao-xa hơn thế ; nó làm ứng-nghiệm lời tiên-tri dự-ngôn về sự đau-khổ của Đấng Mê-si, lời ấy hiệp với lời tiên-tri kia thành một bằng-cớ chứng-minh rằng Chúa Jê-sus là Đấng Christ.

Câu thứ hai là : « Mọi việc đã được trọn. » Câu ấy ám-chỉ Chúa nhận-biết rằng chức-vụ ở trần-gian của mình đã chấm-dứt, công-cuộc cứu-chuộc đã hoàn-tất. Đối với những kẻ đương mang gánh nặng tội-lỗi thì không phải làm gì nữa, chỉ cần tiếp-nhận Ngài là Chiên Con của Đức Chúa Trời ; đối với những kẻ ngã gục dưới quyền-năng của tội-lỗi, nếu họ nhìn lên Đấng Christ đang bị treo trên thập-tự với niềm tin-cậy, thì họ sẽ được sự sống đời đời. Đó là vấn-đề đức-tin trong Con thiên-thượng của Đức Chúa Trời.

« 31 Vì bấy giờ là ngày sám-sửa về ngày Sa-bát, mà Sa-bát này là rất trọng-thể, nên dân Giu-đa nại rằng những thầy còn treo lại trên thập-tự-giá trong ngày Sa-bát chẳng, bèn xin Phi-lát cho đánh gãy ống chơn những người đó và cắt xuống. 32 Vậy, quân-lính lại, đánh gãy chơn người thứ nhứt, rồi đến người kia, tức là kẻ cùng bị đóng đinh với Ngài. 33 Khi quân-lính đến nơi Đức Chúa Jê-sus, thấy Ngài đã chết rồi, thì không đánh gãy ống chơn Ngài; 34 nhưng có một tên lính lấy giáo đâm ngang sườn Ngài, tức thì máu và nước chảy ra. 35 Kẻ đã thấy thì làm chứng về việc đó. (lời chứng của người là thật, và người vẫn biết mình nói thật vậy), hầu cho các người cũng tin. 36 Vì đều đó xảy ra, cho được ứng-nghiệm lời Kinh-thánh này: Chẳng một cái xương nào của Ngài sẽ bị gãy. 37 Lại có lời Kinh-thánh này nữa: Chúng sẽ ngó thấy người mà mình đã đâm.»

Trong khi thi-thê Chúa Jê-sus vẫn còn bị treo trên thập-tự, một việc xảy ra làm ứng-nghiệm hai lời tiên-tri một lúc. Việc này được Giảng xem là một bằng-chứng chứng-minh rằng Chúa Jê-sus là Đấng Christ. Theo luật Do-thái những thi-thê của các tử-tù phải cắt đi trước khi mặt trời lặn. Bọn thù-nghịch của Chúa Jê-sus lại càng muốn thi-hành luật ấy sớm vì hôm sau sẽ là một ngày thánh. Muốn cho các tử-phạm mau chết họ đi xin phép Phi-lát đánh gãy chơn của những người này nhưng « khi quân-lính đến nơi Đức Chúa Jê-sus, thấy Ngài đã chết rồi, thì không đánh gãy ống chơn Ngài, nhưng có một tên lính lấy giáo đâm ngang sườn Ngài, tức thì máu và nước chảy ra.» Ta khó định được tinh-chất và ý-nghĩa của máu và nước ở đây. Trong thư Giảng I, ông xem đó là những biểu-tượng của sự cứu-chuộc và là những bằng-chứng của cuộc hóa-thân thiên-thượng, nhưng tư-tưởng ở đây tập-trung vào lời tiên-tri đã được ứng-nghiệm chứng-minh rằng Chúa Jê-sus là Đấng Christ. Lời tiên-tri ấy nói về con chiên lễ Vượt-qua: « Chẳng một cái xương nào của Ngài sẽ bị gãy»; lời này ứng-nghiệm đúng với lễ dâng « Chiên Con của Đức Chúa Trời », Xa-cha-ri nói về sự hiện đến của Đấng Mê-si bằng những

lời này: «Chúng sẽ ngó thấy người mà mình đã đâm.» Như vậy câu ấy đã ứng-nghiệm về phương-diện đâm, ta đã có một bằng-cớ chứng-minh rằng Chúa Jê-sus là Đấng Christ. Nhưng lời tiên-tri ấy sẽ được ứng-nghiệm đầy-đủ hơn trong tương-lai; ngày mà dân Y-sơ-ra-ên trong cơn sầu-thảm, kinh-hãi, hối-hận sẽ «thấy người mà mình đã đâm», khi Ngài tái-hiện trong uy-nghiêm của thiên-đường, lúc ấy họ sẽ hối-cải tin-cậy và bắt đầu một thời-kỳ vinh-quang thực-sự.

«³⁸ Sau đó, Giô-sép người A-ri-ma-thê, làm môn-đồ Đức Chúa Jê-sus một cách kín-giấu, vì sợ dân Giu-đa, xin phép Phi-lát cho lấy xác Đức Chúa Jê-sus; thì Phi-lát cho phép. Vậy, người đến và lấy xác Ngài.³⁹ Ni-cô-dem, là người khi trước đã đến cùng Đức Chúa Jê-sus trong ban đêm, bấy giờ cũng đến, đem theo độ một trăm cân một-được hòa với lu-hội.⁴⁰ Vậy, hai người lấy xác Đức Chúa Jê-sus dùng vải gai và thuốc thơm gói lại, theo như tục khâm-liệm của dân Giu-đa.⁴¹ Và, tại nơi Ngài bị đóng đinh, có một cái vườn, trong vườn đó có một cái huyết mới, chưa chôn ai.⁴² Ấy là nơi hai người chôn Đức Chúa Jê-sus, vì bấy giờ là ngày sắm-sửa của dân Giu-đa, và mộ ấy ở gần.»

Câu 38-42. Cuộc an-táng Chúa Jê-sus là một cảnh u-buồn và cảm-động. Hai người đã thiếu can-đảm đề-xưng-nhận đức-tin, không ủng-hộ nâng-đỡ Chúa Jê-sus trong khi Ngài còn sống, bây giờ đến kính viếng Ngài sau khi Ngài qua đời. Cả hai đều là quan cai-trị, những người có thể-lực, địa-vị, đó là Giô-sép ở A-ri-ma-thê, và Ni-cô-dem. Giô-sép đem xác của Chúa Jê-sus đặt vào mộ mới của mình, còn Ni-cô-dem tâm-liệm thi-thê Ngài bằng một lọ hương-liệu dôi-dào. Đó có thể là những hành-động can-đảm và yêu-thương, nhưng họ đến quá trễ; không phải quá trễ đến nỗi không thể làm ứng-nghiệm lời tiên-tri hoặc không thể phục-vụ cho chính-nghĩa Đấng Christ, nhưng đã quá trễ, không còn gì có thể làm thỏa-mãn tâm-hồn họ. Tâm-hồn của những kẻ than-khóc cho sự hèn-nhút của mình và hối-hận vì nhớ lại bao nhiêu điều đã có thể

làm trước kia. Đức-tin của họ cũng như ánh hoàng-hôn chiếu ra trong một ngày u-âm của vô-tin, sát-nhơn, hung-bạo. Nhưng khi lìa khỏi bóng tối ấy, ta nên nhớ rằng Chúa Jê-sus không khuyên chúng ta làm tin-dờ lên-lút; Ngài đã mang thập-tự đau-đớn vì chúng ta, nên Ngài mong-mỏi chúng ta can-đảm tình-nguyện công-khai vác thập-tự theo Ngài.

3. Phục-sinh

Đoạn 20 : 1-31

Đêm đã đến rồi, ánh rạng-đông huy-hoàng đã bùng lên, Chúa Jê-sus đã sống lại từ kẻ chết ! Chính với cái thân xác mà Giô-sép đã đặt vào máng cỏ, bây giờ còn mang dấu grom đâm đinh đóng, Chúa Jê-sus đã hiện ra cho các môn-đồ. Cũng như sự vô-tin đã tiến đến cực-đại tại thập-tự-giá, đức-tin đã đạt đến tột-độ nơi mộ trống, và nơi Cứu-Chúa Phục-sinh.

Khi ta ôn lại bốn quang-cảnh do Giảng vẽ, ta nên để ý đến trước nhất là tính-chất của bằng-cớ chứng-thực sự phục-sinh mà Giảng trình-bày trong mỗi khung-cảnh, thứ hai, tính-cách của đức-tin phát-sinh từ bằng-cớ ấy, và thứ ba, lời tiên-trí về cuộc sống do đức-tin ban-phát.

« ¹ Ngày thứ nhứt trong tuần-lễ, lúc rạng-đông, trời còn mờ-mờ, Ma-ri Ma-đơ-len tới mộ, thấy hòn đá lấp cửa mộ đã dời đi. ² Vậy, người chạy tìm Si-môn Phi-e-rơ và môn-đồ khác, là người Đức Chúa Jê-sus yêu, mà nói rằng : Người ta đã dời Chúa khỏi mộ, chẳng hay để Ngài tại đâu.

³ Phi-e-rơ với môn-đồ khác bèn bước ra, đi đến mộ. ⁴ Cả hai đều chạy, nhưng môn-đồ kia chạy mau hơn Phi-e-rơ, và đến mộ trước. ⁵ Người cúi xuống, thấy vải bỏ dưới đất, nhưng không vào. ⁶ Si-môn Phi-e-rơ theo đến, vào trong mộ, thấy vải bỏ dưới đất, ⁷ và cái khăn liệm trùm đầu Đức Chúa Jê-sus chẳng ở cùng một chỗ với vải, nhưng cuốn lại để riêng ra một nơi khác. ⁸ Bấy giờ, môn-đồ kia đã đến mộ trước, cũng bước vào, thì thấy và tin.

9 Vì chúng hai người chưa hiểu lời Kinh thánh rằng Đức Chúa Jê-sus phải từ kẻ chết sống lại. 10 Đoạn, hai môn-đồ trở về nhà mình. »

Câu 1-10. Trong cảnh đầu-tiên ta thấy Phi-e-rô và Giảng tại mộ Chúa Jê-sus vào lúc hừng sáng ngày Chúa phục-sinh. Họ không biết Chúa đã sống lại, họ không ngờ Chúa đã sống lại. Họ đến đó vì nghe Ma-ri Ma-đơ-len về báo rằng : « Người ta đã dời Chúa khỏi mộ, chẳng hay để Ngài tại đâu. » Họ chạy đến mộ nhưng chỉ thấy mộ trống. Lúc bấy giờ Phi-e-rô đã hoang-mang lo-buồn, nhưng khi ông thấy mộ trống, vội liệm xác Chúa Jê-sus không bị nhàu, và khăn quấn đầu của Ngài cẩn-thận « cuốn lại để riêng ra một nơi khác », thì Giảng tin. Ông kết-luận rằng chỉ có một cách để cất nghĩa về sự trước mắt ông : Chúa Jê-sus đã sống lại từ kẻ chết. Không có cách nào khác để giải-thích về mộ trống, nhưng từ đó đến nay, người ta vẫn tìm nhiều cách để giải-thích : « Môn-đồ Ngài đã đến vào ban đêm để lấy trộm Ngài đi » ; « Chúa Jê-sus không chết hẳn, Ngài chỉ bị ngất trên thập-tự, sau đó Ngài sống lại rồi thoát ra khỏi mộ » ; « các môn-đồ không hề thấy Ngài, họ chỉ tưởng-tượng là Ngài đã sống lại » ; « các môn-đồ đã cố ý lừa-dối. » Người ta đã thử đưa ra nhiều cách giải-đáp cho vấn-đề này : ăn-cắp, ngất-xiu, ảo-tượng, lừa-gạt, nhưng đối với những tâm-trí biết suy-xét, thì chỉ có một lời giải-đáp duy-nhất : sự phục-sinh.

Nhưng lúc ấy Giảng đã tin gì ? Tin rằng Chúa đã sống lại chăng ? Dĩ-nhiên là có, nhưng hơn thế nữa, ông tin rằng Ngài đã sống lại, do đó Ngài là Con Đức Chúa Trời. Niềm xác-tin ấy là khởi-thủy của Phước-âm này, đối với sứ-đô Giảng, nó là nguồn của cuộc sống yêu-thương sùng-mộ. Theo ý của tác-giả, đó cũng là kết-luận duy-nhất rút ra từ thực-sự phục-sinh : Chúa Jê-sus là Đấng đến từ trời, đáng cho ta yêu-mến và phục-vụ.

« 11 Song Ma-ri đứng bên ngoài, gần mộ, mà khóc. Người vừa khóc, vừa cúi xuống dòm trong mộ, 12 thấy hai vị thiên-sứ mặc áo trắng, một vị ngồi đằng đầu, một vị ngồi đằng chơn, chỗ xác Đức Chúa

Jésus đã nằm. ¹³ Hai thiên-sứ hỏi : Hỡi đờn-bà kia, sao người khóc ? Người thưa rằng : Vì người ta đã dời Chúa tôi đi, không biết để Ngài ở đâu. ¹⁴ Vừa nói xong, người xây lại thấy Đức Chúa Jésus tại đó ; nhưng chẳng biết ấy là Đức Chúa Jésus. ¹⁵ Đức Chúa Jésus hỏi người rằng : Hỡi đờn-bà kia, sao người khóc ? Người tìm ai ? Người ngờ rằng đó là kẻ làm vườn, bèn nói rằng : Hỡi chúa, vì thật người là kẻ đã đem Ngài đi, xin nói cho ta biết người để Ngài đâu, thì ta sẽ đến mà lấy. ¹⁶ Đức Chúa Jésus phán rằng : Hỡi Ma-ri ! Ma-ri bèn xây lại, lấy tiếng Hê-bơ-rơ mà thưa rằng : Ra-bu-ni (nghĩa là thầy) ! ¹⁷ Đức Chúa Jésus phán rằng : Chớ rời đến ta ; vì ta chưa lên cùng Cha ! Nhưng hãy đi đến cùng anh em ta, nói rằng ta lên cùng Cha ta và Cha các người, cùng Đức Chúa Trời ta và Đức Chúa Trời các người. ¹⁸ Ma-ri Ma-đơ-len đi rao-báo cho môn-đồ rằng mình đã thấy Chúa, và Ngài đã phán cùng mình những điều đó. »

Câu 11-18. Ma-ri Ma-đơ-len là người đầu-tiên được thấy Chúa phục-sinh hiện ra. Bà đi đến mộ đặt khóc và đặt kinh-viếng xác Ngài. Bà ngạc-nhiên vì thấy các thiên-sứ, rồi bà tin Chúa đã phục-sinh sau khi nghe chỉ một tiếng phán. Bà thấy Chúa Jésus nhưng không nhận ra Ngài cho đến khi nghe chính miệng Người gọi tên mình : « Ma-ri ! Ma-ri bèn xây lại, lấy tiếng Hê-bơ-rơ mà thưa Ma-ri ! rằng : Ra-bu-ni, nghĩa là Thầy. » Có lẽ điều cần hơn hết cho kẻ đứng bên mộ địa chôn vùi những hy-vọng là được thấy Đấng Christ sống lại. Rồi khi tiếng của Đấng Christ phán vào nội-tâm cũng phát-sanh một đức-tin chơn-thật như khi Giảng suy-luận từ thực-sự một trống.

Sứ-diệp cho Ma-ri là sứ-diệp gì ? Nội-dung của đức-tin bà là gì ? Tin rằng Chúa Jésus là một Đấng thiên-thượng, có một liên-hệ độc-nhứt với Đức Chúa Cha vì Ngài là Con Đức Chúa Trời. Chúa Jésus bảo bà hãy đi báo cho các môn-đồ biết rằng Ngài sắp thăng-thiên không phải lên cùng Cha chúng ta, mà là « cùng Cha ta và Cha các người, cùng Đức Chúa Trời ta và Đức Chúa Trời các người. »

Cuộc sống phát-sinh từ đờ-tin nơi Ngài và bắt nguồn từ sự thăng-thiên của Ngài sẽ ra thế nào ? Những kẻ theo Ngài sẽ được sống mỗi thân-hữu với Ngài, mật-thiết và thực-tế hơn bao giờ hết, một mối thân-hữu do ơn ban của Đức Thánh-Linh đem lại. Bởi vậy Ngài đã dùng một danh-từ mà trước kia Ngài chưa hề dùng để gọi các môn-đồ Ngài : « Anh em ta ». Điều ấy cũng cất nghĩa lời phán của Chúa Jê-sus : « Chờ rờ đến ta, vì ta chưa lên cùng Cha ». Chưa đến lúc công-bố mối thân-hữu đã bị sự chết đã làm gián-đoạn, hoặc mối giao-cảm mà sự thăng-thiên sẽ đem lại, dầu chỉ để tỏ lòng yêu-kính Ngài hay chỉ bằng một cái dụng tượng-trung. Lúc ấy thì « chưa », nhưng bây giờ Ngài đã đến ngự-trị thường-trực trong lòng những kẻ tin Ngài, và chúng ta đã có một mối thân-hữu chơn-thật hơn hết « với Cha, và với Con Ngài là Jê-sus-Christ. »

« 19 Buổi chiều nọ ngày đó, là ngày thứ nhứt trong tuần-lễ, những cửa nơi các môn-đồ ở đều đương đóng lại, vì sợ dân Glu-đa, Đức Chúa Jê-sus đến đứng chính giữa các môn-đồ mà phán rằng : Bình-an cho các người ! 20 Nói đoạn, Ngài giơ tay vào sườn mình cho môn-đồ xem. Các môn-đồ vừa thấy Chúa thì đầy sự mừng-rỡ. 21 Ngài lại phán cùng môn-đồ rằng : Bình-an cho các người ! Cha đã sai ta thế nào, ta cũng sai các người thế ấy. 22 Khi Ngài phán điều ấy rồi, thì ba giờ tuần-mười-đầu Ngài phán rằng : Hãy nhận-lành Đức Thánh-Linh. 23 Kẻ nào mà các người tha tội cho, thì tội sẽ được tha ; còn kẻ nào các người cầm tội lại, thì sẽ bị cầm cho kẻ đó. »

Câu 19-23. Buổi chiều cùng ngày Chúa Jê-sus hiện ra cùng các môn-đồ lúc họ đương ăn mình trong một phòng cao vì sợ người Do-thái. Họ tin-nhận sự sống lại, không phải vì đã nghe một nhơn-chứng đáng tin-nhiệm nào thuật lại, nhưng vì đã thấy được bằng-chứng hiển-nhiên : « Đức Chúa Jê-sus đã đến chính giữa các môn-đồ... đoạn, Ngài giơ tay và sườn mình cho môn-đồ xem. » Lúc ấy, những bằng-chứng ấy cần-thiết, nhưng bây giờ thì không. Tuy-nhiên, ta vẫn có thể có những bằng-chứng khác. Ta cần

biết phục-hạnh của những kẻ « chẳng từng thấy, mà đã tin. » Bây giờ họ đã tin nơi Đấng không còn nghi-ngờ gì nữa là có tinh-cách thiên-thượng, Đấng có thể ban bình-an cho linh-hồn họ. Đấng có thể ban-phát Thánh-Linh của Đức Chúa Trời, Đấng ấy quả là Con Đức Chúa Trời. Họ sắp bước vào cuộc đời làm tin-dở Ngài. Về bản-chất, cuộc đời ấy là một thiên-chức vĩ-đại, giống với thiên-chức của Con Đức Chúa Trời. Thiên-chức của Ngài chưa chấm-dứt và cũng chẳng bao giờ chấm-dứt : « Cha đã sai ta thế nào, ta cũng sai các người thế ấy. » Các môn-dồ sẽ phải tiếp-tục thi-hành công-tác của Thầy họ : « Ngài hà hơi trên môn-dồ mình, mà rằng : Hãy nhận-lãnh Đức Thánh-Linh. » Ôn-tử này giúp họ hiểu-biết chơn-lý đầy-đủ hơn và sẽ được hoàn-tất trong ôn-tử lớn hơn vào lễ Ngũ-tuần. Đức Thánh-Linh qua môi-giới của những kẻ làm chứng cho Đấng Christ sẽ đem sự tha tội cho những kẻ tin và sự định tội cho những người vô-tin. Như vậy Đấng Christ phục-sinh sẽ tiếp-tục công-tác cứu-rỗi của Ngài qua những sứ-giả trần-gian và bởi quyền-năng của Thánh-Linh Ngài.

« 24 Và, lúc Đức Chúa Jêsus đến, thì Tô-ma, tức Đidim, là một người trong mười hai sứ-dồ, không có ở đó với các môn-dồ. 25 Các môn-dồ khác nói với người rằng : Chúng ta đã thấy Chúa. Nhưng người trả lời rằng : Nếu ta không thấy dấu hình trong bàn tay Ngài, nếu ta không đặt ngón tay vào chỗ dấu đinh, và nếu ta không đặt bàn tay nơi sườn Ngài, thì ta không tin. 26 Cách tám ngày, các môn-dồ lại nhóm nhau trong nhà, có Tô-ma ở với. Khi cửa đương đóng, Đức Chúa Jêsus đến, đứng chính giữa môn-dồ mà phán rằng : Bình-an cho các người ! 27 Đoạn, Ngài phán cùng Tô-ma rằng : Hãy đặt ngón tay người vào đây, và xem bàn tay ta ; cũng hãy giơ bàn tay người ra và đặt vào sườn ta, chớ cứng lòng, song hãy tin ! 28 Tô-ma thưa rằng : Lạy Chúa tôi và Đức Chúa Trời tôi ! »

Câu 24-28. Một tuần sau, Chúa hiện ra cho các môn-dồ lần thứ hai. Mục-dịch Ngài hiện ra lần này là thuyết-

phục Tô-ma cho ông tin lại sự sống lại của Ngài là thật. Người ta thường gọi ông sứ-đồ này : « người hoài-nghi. » Nói cho đúng, ông không có hoài-nghi hơn những môn-đồ khác lúc họ chưa thấy Chúa phục-sinh. Khi họ kể cho ông nghe, thì ông đòi phải có một bằng-chứng thực-tế như họ đã thấy ông mới chịu tin. Tuy-nhiên, chắc ông đã cần phải công-nhận lời chứng của họ. Lỗi của ông, lỗi này phát-xuất từ bản-chất của hoài-nghi, ấy là đòi-hỏi phải có chứng-cớ xác-thực thích-hợp, mà không chịu tin vào một lý-luận nào. Cho rằng ông là « kẻ hoài-nghi chơn-thật » là một điều đúng, (1) Vì thái-độ của ông đối với bằng-chứng, ông đến hợp với các môn-đồ tại nơi ông có thể nghe lại lời chứng mà ông cho là không đúng. (2) Ông không sợ những hậu-quả của đức-tin, ông yêu Thầy và bằng lòng chết vì Thầy. Khi một người chịu đối-diện với bằng-chứng và Thật lòng yêu Đấng Christ, thì người ấy sẽ nhận được ánh sáng.

Niềm xác-tin đã đến với Tô-ma khi Chúa hiện ra và ban cho ông cái bằng-chứng ông mong-muốn. Rồi Tô-ma tin, mà không hề yêu-sách bằng-chứng mà ông đã đòi-hỏi. Lòng từ-ái, thương-xót, sự hiểu-biết của Chúa đã thuyết-phục ông tin rằng những sự sống lại của Ngài mà cả thần-tinh Ngài nữa. Ông kêu lên với niềm ngạc-nhiên sùng-kính : « Lạy Chúa tôi và Đức Chúa Trời tôi ! » Lời xưng-nhận ấy là tuyệt-điểm của lòng tin và cũng là tuyệt-điểm của Phước-âm này. Giảng liền thêm rằng chủ-đích của ông khi viết sách này là đem độc-giả đến một đức-tin như thế trong Đấng Christ. Nếu một người bần-tính hoài-nghi như Tô-ma mà còn phải tin rằng Chúa Jê-sus đã sống lại từ kẻ chết, thì chúng ta không có lý-do gì để nghi-ngờ nữa. Nếu Chúa Jê-sus đã sống lại, thì ta cũng phải kết-luận như Tô-ma rằng Ngài đến từ trời. Nếu Chúa Jê-sus đề cho Tô-ma thờ - phượng Ngài như Đức Chúa Trời, thì chúng ta cũng hãy phục dưới chơn Ngài với niềm sùng-kính và yêu-mến dâng cho Chúa thiên-thượng. Bởi sự sống lại, Ngài đã được chứng-minh là « chính Đức Chúa Trời từ chính Đức Chúa Trời. »

KẾT-LUẬN

«²⁹ Đức Chúa Jêsus phán : Vì người đã thấy ta, nên người tin. Phước cho những kẻ chẳng từng thấy mà đã tin vậy !

³⁰ Đức Chúa Jêsus đã làm trước mặt môn-dở Ngài nhiều phép lạ khác nữa, mà không chép trong sách này. ³¹ Nhưng các việc này đã chép, để cho các người tin rằng Đức Chúa Jêsus là Đấng Christ, tức là Con Đức Chúa Trời, và để khi các người tin, thì nhờ danh Ngài mà được sự sống. »

Trong mấy lời tiên-tri, Giảng kể lại cả phương-pháp lẫn chủ-đích của ông khi viết Phước-âm này. Ông không chú-ý soạn về đời sống của Chúa Jêsus. Mục-phiêu của ông là lựa-chọn một ít dữ-kiện trong vô-số dữ-kiện khác để thuyết-phục độc-giả rằng : « Chúa Jêsus là Đấng Christ Con Đức Chúa Trời. » Với từ-ngữ « Đấng Christ » ông chỉ-định chức-vụ của Đấng Mê-si, là Đấng làm ứng-nghiệm lời tiên-tri về Đấng Cứu-chuộc và Cứu-Chúa của thế-gian. Với từ-ngữ « Con Đức Chúa Trời » ông chỉ về Phẩm-vị thiên-thượng của Chúa. Chứng-cớ ông đưa ra là chứng-cớ của các « dấu lạ », không phải chỉ các dấu lạ trong đoạn này thôi mà tất cả các phép lạ trong cả thiên ký-thuật của ông. Trong tất cả các « dấu lạ » ấy, sự phục-sinh của Chúa Jêsus là dấu lạ tối-cao. Khi Thô-ma nhìn-nhận thực-sự ấy thì ông tin ngay và xưng-nhận đức-tin của mình. Mục-đích của tác-giả làm cho đức-tin như thế phát-sinh trong kẻ khác. Tuy-nhiên, không phải ông chỉ viết cho những kẻ chưa tin, mà là cho những kẻ đã có đức-tin trong Đấng Christ. Ông kể cho ta một truyện-tích để cho ta thấy đức-tin có thể tăng-trưởng và tiến-triển ra sao, và ông ám-chỉ rằng đức-tin chúng ta có thể phát-triển như vậy nếu chúng ta học-tập cần-thận những « dấu lạ » do Chúa chúng ta làm ra. Sau hết, để khích-lệ độc-giả, ông tuyên-bố rằng mục-phiêu của ông rất thực-tế chứ không viên-vông, thuộc về tâm-linh chứ không phải tri-thức ; ông muốn họ tin hầu cho được sự sống. Ông quả-quyết với họ rằng tin-ngưỡng ảnh-hưởng đến tâm-tánh, lòng tin sẽ đem lại kinh-nghiệm, đức-tin sẽ quyết-định

phẩm-hạnh. Giảng viết Phước-âm này để cho ta biết Đấng Christ, tin-cậy Ngài, dâng phò mình cho Ngài, do đó ta sẽ có một cuộc sống tràn đầy sự bình-an, vui-mừng, tốt-đẹp, kết-quả là hy-vọng, và cả sự sống đời đời phát-xuất từ sự hiểu-biết Đức Chúa Trời chân-thật đã được mặc-khải trong Chúa Jêsus-Christ, Con Ngài.

IV. KẾT TRUYỆN — HIỆN-DIỆN VÀ DẤU LA TIÊU-BIỂU

Đoạn 21.

Quang-cảnh Đấng Christ phục-sinh gặp các môn-đồ bên cạnh hồ, ở đây được xem là phần phụ-lục của Phước-âm. Tuy-nhiên, nó có một liên-quan sinh-động với những chơn-lý lớn trong quyển sách này và rất phù-hợp với nội-dung của nó. Trước khi qua đoạn này, phần biện-luận của tác-giả đã kết-thúc ; nhưng nhờ đoạn này mà sứ-điệp của ông được củng-cố và phát-huy, và tác-phẩm của ông được trọn-vẹn về phương-diện nghệ-thuật.

Ở đây có một «dấu-hiệu» tượng-trung và một lời tiên-tri cá-biệt chứng thực cho thần-tinh của Đấng Christ ; theo đây thì tinh-túy của đức-tin là sự vâng-phục yêu-thương ; ở đây cuộc sống được diễn-giải bằng những từ-ngữ phục-vụ.

Theo lời Chúa dặn, các môn-đồ quay về Ga-li-lê, Chúa hứa sẽ gặp họ tại đây. Trong lúc họ đợi Chúa hiện ra, thì bảy người trong họ quay về nghề cũ của họ là đánh cá. Sau một đêm mệt-nhọc vô-ích, sáng sớm hôm sau họ thấy Chúa Jêsus đứng trên bờ, nhưng họ không nhận ra Ngài. Theo lời Ngài bảo, họ lại thả lưới xuống và lạ-lùng thay họ được một mẻ cá rất lớn. Lập tức Giăng nhận sự hiện-diện và hành-động của Chúa Thiên-thượng. Phi-e-rơ vội-vàng nhảy xuống nước lội vào bờ để gặp Chúa ngay, còn những người khác đi theo thuyền mà vào, và khi « môn-đồ đã lên bờ, thấy tại đó có lửa than, ở trên đê cá và có bánh... không một môn-đồ nào dám hỏi rằng, Ngài là ai ? vì biết quả-ràng ấy là Chúa. » Bởi sự xuất-hiện bất-ngờ ấy, cũng như những lần hiện-hiện khác sau khi Ngài phục-sinh, Chúa Jêsus giúp cho môn-đồ đỡ tin điều Ngài đã phán cho họ về sự hiện-diện liên-tục của Đức Thánh-Linh với họ trong thời-gian sắp đến. Sứ-

điệp đầu-tiên của đoạn này do đó, là sự-điệp về sự hiện-diện trực-tiếp của Đấng Christ với tất cả các môn-đồ Ngài. Đôi khi, sau những giờ dài dần-dặc cô-đơn khó-nhọc, hay trong đêm trường tối-tầm mệt-mỏi, ta nhớ lại lời hứa của Cứu-Chúa, nhận biết sự hiện-diện của Ngài và tìm được sự bình-an, vui-mừng và hy-vọng, khi ta đón ánh rạng-dòng của một ngày sáng-lạng. Tuy-nhiên, sự-điệp chính-yếu của khung-cảnh kết-thúc Phục-âm này là sự phục-vụ Đấng Christ.

1 Rồi đó, Đức Chúa Jê-sus lại hiện ra cùng môn-đồ Ngài nơi gần biển Ti-bê-ri-át. Việc Ngài hiện ra như vậy; 2 Si-môn Phi-e-rơ, Thô-ma gọi là Đi-dim, Na-tha-na-ên nguyên ở thành Ca-na, trong xứ Ga-li-lê, các con trai của Xê-bê-đê và hai người môn-đồ khác nữa nhóm lại cùng nhau. 3 Si-môn Phi-e-rơ nói rằng: Tôi đi đánh cá. Các người kia trả lời rằng: Chúng tôi đi với anh. Các người ấy ra đi xuống thuyền, nhưng trong đêm đó, chẳng được chi hết.

4 Đến sáng, Đức Chúa Jê-sus đứng trên bờ, nhưng môn-đồ không biết đó là Đức Chúa Jê-sus. 5 Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hỡi các con, không có chi ăn hết sao? Thưa rằng: Không. 6 Ngài phán rằng: Hãy thả lưới bên hữu thuyền, thì các người sẽ được. Vậy, các người ấy thả lưới xuống, được nhiều cá đến nỗi không thể kéo lên nữa. 7 Môn-đồ mà Đức Chúa Jê-sus yêu mến nói với Phi-e-rơ rằng: Ấy là Chúa! Khi Si-môn Phi-e-rơ đã nghe rằng ấy là Chúa, bèn lấy áo dài quấn mình (vì đương ở trần) và nhảy xuống nước. 8 Các môn-đồ khác đem thuyền trở lại, kéo tay lưới đầy cá, vì cách bờ chỉ chừng hai trăm cu-đê mà thôi.

9 Lúc môn-đồ đã lên bờ, thấy tại đó có lửa than, ở trên đờ cá, và có bánh. 10 Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hãy đem cá các người mới đánh được đó lại đây. 11 Si-môn Phi-e-rơ xuống thuyền, kéo tay lưới đầy một trăm năm mươi ba con cá lớn lên bờ; và, dầu nhiều cá dường ấy, lưới vẫn không

dứt. ¹² Đức Chúa Jêsus phán rằng : Hãy lại mà ăn. Nhưng không một người môn-đồ nào dám hỏi rằng : Người là ai ? Vì biết quả rằng ấy là Chúa. ¹³ Đức Chúa Jêsus lại gần, lấy bánh cho môn-đồ, và cho luôn cá nữa. ¹⁴ Ấy là lần thứ ba mà Đức Chúa Jêsus hiện ra cùng môn-đồ Ngài, sau khi Ngài từ kẻ chết sống lại. »

Câu 1-14. « Dấu lạ » về cuộc đánh cá lạ-lùng này không thể lầm-lẫn với phép lạ Chúa làm lúc Ngài bắt đầu chức-vụ. Tuy-nhiên, phép lạ này có thể nhờ phép lạ trước làm sáng-tỏ ý-nghĩa. Lần trước Chúa Jêsus nói rõ chơn-lý mà Ngài muốn mình giải : « Hãy theo ta, ta sẽ khiến người trở nên tay đánh lưới người. » Bởi vậy lần này Chúa không cần giải nghĩa để cho các môn-đồ hiểu rằng Ngài kêu-gọi họ để giao cho nhiệm-vụ « cứu sống người. » Đó sẽ là tinh-chất của công-cuộc phục-vụ của họ. Mỗi một Cơ-đốc-đồ đều phải chú-tâm tới công-tác chinh-phục hồn người về cùng Đấng Christ. Cơ-hội và tài-năng có thể khác nhau : nhưng chỉ có một đặc-ân và nhiệm-vụ cho mọi người làm kẻ đánh lưới người.

Lại nữa, « dấu lạ » cho ta thấy Chúa lúc nào cũng sẵn-sàng hướng-dẫn chúng ta, và chúng ta phải phụ-thuộc vào sự hướng-dẫn ấy nếu muốn chức-vụ của mình thành-công. Những người này đã mệt-nhọc suốt đêm mà không được gì cả, nhưng Chúa Jêsus « phán rằng : Hãy thả lưới bên hữu thuyền thì các người sẽ được. Vậy, các người ấy thả lưới xuống, được nhiều cá đến nỗi không thể kéo lên nữa ». Biết bao lần chúng ta cần một lời hướng-dẫn của Thầy chúng ta !

« Dấu lạ » ấy còn chứng-tỏ rằng chúng ta có thể phụ-thuộc vào quyền-năng của Chúa trong khi làm việc cho Ngài. Không những ta có thể cất nghĩa phép lạ ấy trên bình-diện là Chúa Jêsus biết chỗ tốt nhất để đánh lưới, nhưng đúng hơn ta có thể giải-thích rằng mọi sự đều phục-tùng Chúa kể cả « cá trong biển và mọi vật đi qua các lối của biển », như tác-giả Thi-Thiên đã nói. Trong khi phục-vụ Chúa, chúng ta

đã được khích-lệ vì tin rằng Ngài nắm mọi quyền « trên trời và dưới đất. »

Rồi câu chuyện cũng cho chúng ta thấy sự tiếp-trợ Chúa ban cho các tôi-tờ Ngài, chẳng những chúng ta có thể nhờ-cậy quyền-phép của Ngài để làm việc mà còn có thể nhận được ơn-diễn cần-thiết cho thân-thể và linh-hồn ta. Khi các môn-đồ đến bờ, họ thấy có sẵn cá nướng và bánh để cho họ ăn sáng, sự dự-bị này làm tăng ý-nghĩa của mẻ lưới đời-dào kia. Mẻ lưới ấy có đến « một trăm năm mươi ba » con cá lớn ; như vậy họ được Chúa dự-bị cho tương-lai cũng như hiện-tại. Là tôi-tờ của Đấng Christ, chúng ta sẽ nhận được « sự đầy-dẫy của Ngài », « và ơn càng thêm ơn. »

« 15 Khi ăn rồi, Đức Chúa Jê-sus phán cùng Si-môn Phi-e-rơ rằng : Hỡi Si-môn, con Giô-na, người yêu ta hơn những kẻ này chăng ? Phi-e-rơ thưa rằng : Lạy Chúa, phải, Chúa biết rằng tôi yêu Chúa. Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Hãy chớ những chiến con ta. 16 Ngài lại phán lần thứ hai cùng người rằng : Hỡi Si-môn, con Giô-na, người yêu ta chăng ? Phi-e-rơ thưa rằng : Lạy Chúa, phải, Chúa biết rằng tôi yêu Chúa. Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Hãy chớ chiến ta. 17 Ngài phán cùng người lần thứ ba rằng : Hỡi Si-môn, con Giô-na, người yêu ta chăng ? Phi-e-rơ buồn-rầu vì Ngài phán cùng mình đến ba lần : Người yêu ta chăng ? Người bèn thưa rằng : Lạy Chúa, Chúa biết hết mọi việc ; Chúa biết rằng tôi yêu Chúa ! Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Hãy chớ chiến ta. 18 Quả thật, quả thật, ta nói cùng người, khi người còn trẻ, người tự mình thất lưng lấy, muốn đi đâu thì đi ; nhưng khi người già, sẽ giơ bàn tay ra, người khác thất lưng cho và dẫn người đi đến nơi mình không muốn. 19 Ngài nói đều đó để chỉ về Phi-e-rơ sẽ chết cách nào đặng sáng danh Đức Chúa Trời. Và sau khi đã phán như vậy, Ngài lại rằng : Hãy theo ta. »

20 Phi-e-rơ xây lại, thấy môn-đồ mà Đức Chúa Jê-sus yêu đến sau mình, tức là người đương bữa

ăn tối, nghiêng mình trên ngực Đức Chúa Jê-sus mà hỏi rằng : Lạy Chúa, ai là kẻ phản Chúa ? ²¹ Khi thấy người đó, Phi-e-rơ hỏi Đức Chúa Jê-sus rằng : Lạy Chúa, còn người này, về sau sẽ ra thế nào ? ²² Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Nếu ta muốn người cứ ở cho tới khi ta đến, thì can-hệ gì với người ? Còn người, hãy theo ta. ²³ Vậy, có tiếng đồn ra trong vòng các anh em rằng người môn-đồ đó sẽ không chết. Nhưng Đức Chúa Jê-sus vốn chẳng phải nói rằng : Người đó sẽ không chết ; song nói rằng : Nếu ta muốn người cứ ở cho tới khi ta đến, thì can-hệ gì với người ? đó thôi. »

Câu 15-23 Trong cuộc đối-thoại giữa Chúa Jê-sus và Phi-e-rơ, có một huấn-thị đầy-đủ hơn về tính-chất của sự phục-vụ. Ở đây, sự-đề được Chúa ủy-nhiệm ba điều ; « Hãy cho những chiên con ta ăn » ; « Hãy săn-sóc chiên ta » ; « Hãy cho chiên ta ăn. » Chẳng những phải « cứu người » bằng cách quăng lưới Tin-Lành, đem người về cùng Đấng Christ nhưng cũng cần phải hướng-dẫn kẻ tin trong con đường chọn-lý, chặn giữ bằng sự săn-sóc ân-cần, và cho họ ăn Lời Đức Chúa Trời. Có một số Cơ-đốc-đồ được ủy-thác nhiệm-vụ này nặng hơn những kẻ khác ; nhưng không ai là không có phần trong chức-vụ ơn-phước này.

Một sứ-điệp đặc-biệt hơn liên-quan đến việc ủy-nhiệm Phi-e-rơ, nhưng cũng cho mọi tín-đồ khác nữa. Nó cho hình-thức phục-vụ không quan-trọng bằng điều-kiện và động-lực phục-vụ. Đó là tình yêu tuyệt-đối với Đấng Christ. Phi-e-rơ đã chối Chúa mình, và đã bỏ địa-vị sứ-đồ của mình. Sau khi Chúa Jê-sus phục-sinh, Ngài gặp một mình Phi-e-rơ, và chắc đã ban ơn tha-thứ cho người môn-đồ ăn-năn. Nhưng bây giờ Ngài sắp công-khai phục-chức cho ông, và trước khi ấy Ngài muốn nghe Phi-e-rơ nói rõ lòng yêu-thương sùng-mộ của mình đối với Ngài. Chúa hỏi ba lần, Phi-e-rơ trả lời ba lần, mỗi lần đều tiếp theo một mạng-lệnh phục-vụ. Chắc Chúa Jê-sus muốn nhắc cho Phi-e-rơ nhớ lại ba lần ông chối Ngài, và lần ông khoe-khoang về tình yêu tốt bực của ông đối với Chúa trước

đó. « Hỡi Si-môn, con Giô-na, người yêu ta hơn những kẻ này chẳng ? » Chúa hỏi câu đó để nhắc lại lời hứa của Phi-e-rơ tự-phụ rằng ông sẽ theo Chúa đến cùng dầu cho tất cả những sự-đồ khác bỏ rơi Ngài.

Trong câu trả lời, Phi-e-rơ xác-nhận tình yêu của mình, nhưng nhớ lại sự sấp ngã của mình, Phi-e-rơ không dám dùng một chữ mạnh-mẽ như Chúa : « Lạy Chúa, phải, Chúa biết rằng tôi yêu Chúa. » Ông không xưng là mình có lòng ái-mộ trọn- vẹn đầy-đủ, ông cảm thấy hành-động chối Chúa đã hạ giá-trị tình yêu ấy, nhưng khi nhìn sâu vào đáy lòng, ông không thể nào chối được rằng ông đã có một lòng ngưỡng-mộ cao-cả, một tình thương chơn-thật đối với Chúa mình. Chúa Jê-sus phán cùng ông rằng : « Hãy cho những chiên con ta ăn . »

Bây giờ Chúa Jê-sus đổi câu hỏi của Ngài lại. Ngài tránh lời quở-trách sự khoe-khoang của Phi-e-rơ : « Người yêu ta chẳng ? » Cũng như lần trước, Phi-e-rơ dùng chữ « yêu » của ông nhún-nhường hơn chữ Chúa dùng, và một lần nữa ông làm chứng rằng Chúa biết hết tâm-can của mình, lúc ông xác-nhận tình yêu mình đối với Chúa : « Lạy Chúa, phải, Chúa biết rằng tôi yêu Chúa. » Chúa bèn phán : « Hãy săn-sóc chiên ta. »

Chúa Jê-sus lại đổi cách hỏi của Ngài, lần này Ngài dùng chữ « yêu » mà Phi-e-rơ đã dùng, và hình như có ý hỏi rằng Phi-e-rơ có thật yêu Ngài dầu là với một niềm sùng-mộ bất-toàn như thế chẳng. Phi-e-rơ buồn vô cùng không những chỉ vì Ngài hỏi đến ba lần, mà cũng vì Ngài đã thay-đổi cách hỏi nữa. Ông không thể nào chối nhận-thức của mình, dầu rằng ông đã có lần chối Chúa ; ông biết rằng ông yêu Chúa, và không thể nào làm gì hơn là xác-nhận tình yêu ấy, và lần này ông lại xác-quyết sự hiểu-biết sâu-kin của Đấng Christ, ông nhấn mạnh điều ấy trong câu : « Lạy Chúa, Chúa biết hết mọi việc, Chúa biết rằng tôi yêu Chúa ! » Phải, Chúa biết, chính vì đó Ngài lặp lại lần thứ ba mạng-lệnh của Ngài : « Hãy cho chiên ta ăn. » Chúng ta cũng vậy, có thể chúng ta đã chối Chúa bằng lời nói hay hành-động ; nhưng nếu chúng ta thật lòng ăn-năn, nếu trong thâm-tâm ta còn có tình yêu chơn-thật đối với Đấng Christ, thì chúng ta không

cần lưỡng-lự, với một tấm lòng nhờ-cậy, khiêm-nhường, chúng ta hãy bước vào công-cuộc phục-vụ mới-mẻ cho chính-ngĩa Ngài.

Trong trường-hợp Phi-e-ơ cũng như trong đời sống của mọi đầy-tớ Đấng Christ, có rất nhiều cơ-hội để diễn-tả tình yêu muôn phần mạnh-mẽ hơn là lời nói suông, dầu là những lời nói đã được chọn-lọc kỹ-lưỡng. Đau-khổ thường đi đôi với phục-vụ và trách-nhiệm của tình yêu. Phi-e-ơ sẽ phải chứng-minh lòng cảm-mộ của mình đối với Đấng Christ bằng cái chết của một kẻ tuận-đạo. Một cách dụ-dàng, Chúa Jê-sus báo cho Phi-e-ơ biết điều đó, rồi Ngài bảo ông hãy theo Ngài. Khi nhìn về phía sau mình Phi-e-ơ chợt thấy người bạn thân là Giăng thì liền xin Ngài cho biết tương-lai của Giăng ra sao. Chúa Jê-sus đáp « nếu ta muốn người cứ ở cho tới khi ta đến, thì có can-hệ gì với người? Còn người, hãy theo ta. » Dĩ-nhiên Chúa Jê-sus không đó ý nói rằng ta không nên để ý đến số-phận của kẻ khác, nhưng Ngài muốn chúng ta tránh tất cả những thềm muốn, bất-mãn do sự so-sánh gây nên. Và Ngài muốn chúng ta quan-tâm đến lòng trung-thành của ta đối với Ngài hơn. Ở đây Ngài cũng cho ta một bài học đặc-biệt về khoảng thời-gian phục-vụ. Đối với người này chỉ có một thời-kỳ ngắn-ngủ, phải chịu cái chết vô-cùng đau-đớn, sự yên-nghỉ của thiên-đàng mau đến; đối với kẻ kia thì có những năm dài làm chứng và chờ-đợi Chúa trở lại. « Vậy có tiếng đồn ra trong vòng các anh em rằng người môn-đồ đó sẽ không chết. Nhưng Đức Chúa Jê-sus vốn chẳng phải nói rằng: Người đó sẽ không chết; song nói rằng: Nếu ta muốn người cứ ở cho tới khi ta đến, thì can-hệ gì với người? » Như vậy sự hiện đến của Đấng Christ không phải chỉ về sự chết mà chỉ về sự trở lại của Ngài trong vinh-hiền, khi mọi kẻ chết sẽ sống lại và mọi kẻ tin đương sống sẽ biến-hóa và cùng nhau « được cất lên gặp Chúa nơi không-trung » để họ được « ở với Chúa » mãi mãi. Đó là hy-vọng phước-hạnh của mọi thế-hệ Cơ-đốc-đồ. Điều ấy chắc khuyến-khích chúng ta trung-thành phục-vụ để có thể cầu-nguyện rằng : « Lay Chúa Jê-sus,

xin hãy đến. »

« 24 Ấy chính là môn-đồ đó làm chứng về những việc này và đã chép lấy ; chúng ta biết lời chứng của người là thật. 25 Lại còn nhiều việc nữa mà Đức Chúa Jêsus đã làm ; vì bằng người ta cứ từng việc mà chép hết, thì ta tưởng rằng cả thế-gian không thể chứa hết các sách người ta chép vậy. »

Câu 24, 25. Hai câu ngắn-ngủi này chấm-dứt phần kết-truyện. Câu trên xác-nhận rằng Giảng là một môn-chứng chơn-thật, đáng tin-nhiệm của những thực-sự vừa kể trong Phước-âm. Người ta càng đọc quyển sách giá-trị này bao nhiêu thì càng công-nhận lời chứng của nó quả-quyết bấy nhiêu. Tác-giả không phải chỉ là kẻ mục-kích sự việc, một người có nhãn-quan thuộc-linh sâu-nhiệm, nhưng còn là người nhận được sự giúp-đỡ đặc-biệt của Đức Thánh-Linh là Đấng đã hứa sẽ dắt-dẫn môn-đồ của Đấng Christ vào mọi chơn-lý.

Câu sau, bằng một lối nói khoa-đại phóng-túng, quả-quyết rằng « còn nhiều việc nữa mà Chúa Jêsus đã làm ; vì bằng người ta cứ từng việc mà chép hết, thì ta tưởng rằng cả thế-gian không thể chứa hết các sách người ta chép vậy. » Ý-nghĩa hiển-nhiên là như vậy : không có sách-vở nào, dầu chơn-thật đến đâu, có thể súc-tích hết vinh-quang vô-tận thể-hiện trong Con Đức Chúa Trời. Phước-âm Giảng cho thấy một phần nào của vinh-quang ấy, nhưng cũng quá đầy-dủ, rực-rỡ, hấp-dẫn, đến nỗi chúng ta muốn kéo dài ánh sáng ấy. Chúng ta mong-mỏi được trông thấy tận-trường, được gặp mặt Ngài và sẽ giống như Ngài », khi ta « thấy Ngài như vốn có » thật. »